

UNODC

Văn phòng chống Ma túy và Tội phạm Liên Hợp Quốc

Bộ công cụ Phân tích Tội phạm rừng và các loài
hoang dã

BẢN SỬA

HIỆP HỘI QUỐC TẾ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Ấn phẩm này được thực hiện nhờ tài trợ của Ủy ban Châu Âu

VĂN PHÒNG CHỐNG MA TÚY VÀ TỘI PHẠM LIÊN HỢP QUỐC
VIENNA

Bộ công cụ Phân tích Tội phạm rừng
và các loài hoang dã

BẢN SỬA

LIÊN HỢP QUỐC
New York, 2013

© United Nations, Tháng 2 năm 2013. Giữ bản quyền toàn bộ.

Việc thiết kế và trình bày tài liệu trong ấn phẩm này không bao hàm việc biểu hiện của bất kỳ quan điểm nào của Ban thư ký của Liên Hiệp Quốc liên quan đến tình trạng pháp lý của bất kỳ quốc gia, lãnh thổ, thành phố hoặc khu vực hay chính quyền nào, hoặc liên quan đến phân định biên giới hoặc ranh giới của nó.

Ấn phẩm này vẫn chưa được chỉnh sửa chính thức.

Bản xuất bản: tiếng Anh, Bộ phận Xuất bản và Thư viện, Văn phòng Liên Hợp Quốc tại Vienna.

Lời cảm ơn

Bộ công cụ Phân tích Tội phạm rừng và các loài hoang dã được thực hiện bởi Văn phòng chống Ma túy và Tội phạm Liên Hợp Quốc (UNODC) với sự hỗ trợ của Ban thư ký Công ước về Buôn bán Quốc tế các loài động vật và thực vật hoang dã bị đe dọa tuyệt chủng (CITES), Tổ chức Cảnh sát Tội phạm Quốc tế (INTERPOL), Ngân hàng Thế giới và Tổ chức Hải quan Quốc tế (WCO).

Cả năm tổ chức đã phối hợp thành lập Hiệp hội Quốc tế về trấn áp Tội phạm loài hoang dã (ICCWC). Hỗ trợ kỹ thuật và nội dung được thực hiện bởi ông John M. Sellar, Trưởng bộ phận Hỗ trợ Thực thi của Ban thư ký CITES; William B. Magrath, Kinh tế trưởng Tài nguyên thiên nhiên để Phát triển Nông thôn và tài nguyên thiên nhiên ở khu vực Nam Á (những đóng góp này được thực hiện với sự hỗ trợ của một dự án của Ngân hàng Thế giới do Cơ quan Phát triển Quốc tế Australia tài trợ về những mối liên kết giữa tham nhũng và ngành lâm nghiệp); Theodore S. Greenberg, tư vấn về vấn đề rửa tiền, Ngân hàng Thế giới; David Higgins, Quản lý Chương trình Môi trường, INTERPOL; Hui Fu, Quản lý Chương trình Môi trường, Tổ chức Hải quan Quốc tế; Jorge Rios, Trưởng bộ phận Sinh kế bền vững và Miwa Kato, Cán bộ Chương trình của Chi nhánh Giám sát và Chương trình Lồng ghép, UNODC. *Bộ công cụ* được biên tập bởi Dienne Miller, với sự hỗ trợ của CITES và sự đóng góp hào phóng của Ủy ban Châu Âu. Hỗ trợ lượng giá được thực hiện bởi Sarah Koch, Mila Dadrass và Benedikt Hofmann, UNODC. Việc xây dựng *Bộ công cụ* này sẽ không thể thực hiện được nếu không có sự tham gia của rất nhiều chuyên gia của UNODC và chuyên gia độc lập có tên dưới đây. Những cống hiến của họ cho dự án này được chứng minh trong sự đóng góp ý kiến hào phóng và những góp ý và phản hồi chu đáo của họ. Hiệp hội Quốc tế về trấn áp Tội phạm loài hoang dã xin bày tỏ lòng biết ơn của mình đối với họ.

INTERPOL

Justin Gosling

WCO

Daniel Moell

UNODC

Giovanni Broussard

Demostenes Chryssikos

Celso Coracini

Conor Crean

Đinh Thị Thúy Vân

Ajit Joy

Karen Kramer

Ian Munro

Mark Shaw

Justice Tettey

Candice Welsch

Mục lục

Từ viết tắt 11

Giới thiệu về Bộ công cụ 12

Tóm tắt 14

1. Bối cảnh..... 15

 1.1 Hiệp hội quốc tế bảo vệ loài hoang dã 17

2. Mục đích, khái niệm và các mục tiêu 17

 2.1 Mục đích 17

 2.2 Khái niệm..... 18

 2.3 Mục tiêu cụ thể..... 19

 2.4 Đối tượng phục vụ 20

3. Cấu trúc và nội dung của Bộ công cụ..... 21

4. Phương pháp luận..... 22

5. Sử dụng Bộ công cụ 22

Phần 1. Luật pháp

Phần 1. 25

Luật pháp..... 25

Luật pháp..... 26

Luật pháp..... 26

1. Luật pháp quốc tế 26

 1.1 Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã, nguy cấp..... 28

 1.2 Công ước của Liên Hợp Quốc chống lại tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia..... 31

 1.3 Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng..... 32

 1.4 Các công ước quốc tế khác 34

 1.5 Các thỏa thuận song phương..... 36

2. Pháp luật trong nước..... 38

 2.1 Luật về loài hoang dã và lâm nghiệp 39

 2.2 Bảo vệ loài 42

2.3 Luật Hình sự.....	46
3. Vi phạm về rừng và các loài hoang dã	50
3.1 Chặt và khai thác gỗ bất hợp pháp	53
3.2 Săn bắt trái phép (săn bắt).....	57
3.3 Chế biến bất hợp pháp các nguyên liệu động và thực vật.....	59
3.4 Buôn lậu, thương mại, bán hàng và cung cấp	59
3.5 Các vi phạm về xuất nhập khẩu	60
3.6 Thu mua, sở hữu và tiêu thụ.....	62
3.7 Phạt	63
4. Hành vi phạm tội liên quan	64
4.1 Gian lận giấy tờ và các vấn đề liên quan.....	65
4.2 Rửa tiền	66
4.3 Tội khác liên quan đến tham nhũng	71
4.4 Trốn thuế và không nộp thuế và lệ phí khác	75
4.5 Tổ chức phạm tội hình sự.....	75
5. Sáng kiến chuyên ngành và khu vực	77
5.1 Thực thi luật pháp và quản trị lâm nghiệp	77
5.2 Hệ thống thực thi pháp luật về loài hoang dã.....	80
5.3 Hệ thống và các chương trình chứng nhận, tiêu chuẩn riêng và tự nguyện	81

Phần 2. Thực thi

1. Các cơ quan thực thi.....	85
1.1 Thẩm quyền thực thi.....	86
1.2. Giám sát của cộng đồng	90
1.2 Đối tác	90
2. Nguồn nhân lực	92
2.1 Nhân sự.....	92
2.2. Tuyển dụng.....	94
2.3 Đào tạo	94
3. Thông tin tình báo	97
3.1 Thu thập và trao đổi thông tin tình báo	97
3.2 Các kỹ thuật bí mật.....	100
3.3 Người cung cấp tin	103
3.4 Các trạm tuần tra và kiểm soát	103

3.5 Chủ động điều tra	104
4. Quyền hạn thực thi	105
4.1 Nguồn gốc của quyền hạn thực thi	105
4.2 Các kiểu quyền hạn điều tra	106
4.3 Thực hiện quyền lực, kiểm tra và cân bằng.....	107
4.4 Thiết bị làm việc.....	107
5. Thủ tục và kỹ thuật điều tra.....	109
5.1 Báo cáo vi phạm.....	109
5.2 Thu thập thông tin và bằng chứng.....	110
5.3 Các công việc liên quan đến hiện trường vụ xâm hại rừng và các loài hoang dã.....	111
5.4 Xác định nghi phạm.....	111
5.5 Phỏng vấn	112
5.6 Bảo vệ nạn nhân và nhân chứng.....	113
5.7 Điều tra hiện trường vụ án và pháp y	114
5.8 Điều tra tài chính	115
6. Kiểm soát biên giới và Hải quan	117
7. Hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực phòng chống tội phạm	120
7.1 Khung pháp lý	121
7.2 INTERPOL.....	122
7.3 Hoạt động, thủ tục và quản lý.....	123
7.4. Hợp tác thực thi và chia sẻ thông tin	124
8. Hỗ trợ và viện trợ kỹ thuật	126
8.1 Hỗ trợ quốc tế và khu vực	126
8.2 Các nhà tài trợ song phương và đa phương.....	127
8.3 Phối hợp các nhà tài trợ.....	127
9. Trách nhiệm và tính liêm khiết.....	128

Phần ba. Tư pháp và Truy tố

1. Tư pháp.....	131
1.1. Cấu trúc và tổ chức của hệ thống tư pháp	132
1.2. Nguồn lực Tư pháp	134
1.3. Quản lý thông tin	136
1.4. Tính trách nhiệm giải trình và liêm khiết của tư pháp	137

2. Viện kiểm sát.....	138
2.1. Cơ sở pháp lý, tổ chức và phân quyền của viện kiểm sát	138
2.2. Hoạt động và khối lượng công việc của cơ quan kiểm sát.....	140
2.3. Nguồn lực cho cơ quan kiểm sát.....	141
2.4. Trách nhiệm giải trình và tính liêm khiết.....	143
3. Hợp tác quốc tế về các vấn đề hình sự	144
3.1. Dẫn độ.....	144
3.2. Tương trợ tư pháp	146
3.3 Tịch thu tài sản	148
3.4 Chuyển giao thủ tục tố tụng.....	149
3.5 Chuyển giao tội phạm bị kết án	150
4 Kết án và trừng phạt	150
4.1 Nguyên tắc kết án	151
4.2 Trừng phạt	152
5 Bồi thường, đền bù và phục hồi thiệt hại	153

Chương bốn. Động cơ và Phòng ngừa

1. Phân tích bối cảnh	157
1.1 Các bên liên quan trong chuỗi cung ứng động vật hoang dã và sản phẩm lâm nghiệp .	157
1.2 Sử dụng động vật hoang dã và tài nguyên rừng	162
2 Quản lý động vật hoang dã và lâm nghiệp	168
2.1 Động vật hoang dã và hệ thống quản lý lâm nghiệp.....	168
2.2 Kế hoạch quản lý động vật hoang dã và rừng.....	170
3 Nâng cao năng lực xã hội	175
3.1 Xoá đói giảm nghèo.....	176
3.2 Phương pháp tiếp cận có sự tham gia.....	176
4 Buôn bán và thị trường hợp pháp	177
5 Nâng cao nhận thức	178
6 Kết luận	178

Chương năm. Dữ liệu và Phân tích Dữ liệu

1. Thu thập số liệu	182
---------------------------	-----

1.1	Thống kê tội phạm.....	183
1.3	Báo cáo CITES	186
1.3	Nguồn phân tích và giám sát	187
1.4	Dữ liệu kinh tế.....	187
1.5	Quản lý công nghệ và thông tin.....	188
2.	Cơ sở dữ liệu	189
2.1	Cơ sở dữ liệu bắt giữ của Mạng lưới hải quan	189
2.2	Buôn bán trong trao đổi thông tin về động vật hoang dã.....	190
2.3	Cảnh báo CITES.....	190
3.	Các chỉ số hoạt động	191
5.	Nghiên cứu phân tích.....	193
4.1	Nghiên cứu độc lập và học thuật	194
4.2	Các khảo sát chẩn đoán	194
4.3	Phổ biến.....	195
	Phụ lục: Danh sách công cụ.....	196
	Danh mục tài liệu.....	Error! Bookmark not defined.

Từ viết tắt

ASEAN	Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á
CEN	Mạng lưới thực thi hải quan
CITES	Công ước về Thương mại quốc tế các loài động vật và thực vật hoang dã bị đe dọa
ETIS	Hệ thống Thông tin Buôn bán Voi
EU-TWIX	Công đoàn Châu Âu trao đổi Thông tin Các loài hoang dã
FAO	Tổ chức Nông Lương của Liên hợp quốc
FATF	Nhóm hành động tài chính chống rửa tiền
FIU	Đơn vị Tình báo Tài chính
FLEG	Tăng cường thực thi lâm luật lâm nghiệp và quản trị rừng
FLEGT	Tăng cường thực thi lâm luật lâm nghiệp, quản trị rừng và buôn bán gỗ
ICCWC	Hiệp hội Quốc tế Phòng chống tội phạm các loài hoang dã
ICT	Công nghệ Thông tin và Truyền thông
INTERPOL	Tổ chức Cảnh sát Tội phạm Quốc tế
ITTO	Tổ chức Gỗ Nhiệt đới Quốc tế
IUCN	Hội Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế
MIKE	Giám sát Giết hại Voi trái phép
MOU	Bản Ghi nhớ
NGO	Tổ chức phi chính phủ
PEP	người tiếp xúc với chính trị
PROFOR	Chương trình Rừng
UNODC	Văn phòng Ma túy và tội phạm Liên Hợp quốc
VPA	Hiệp định Đối tác tự nguyện
WCO	Tổ chức Hải quan Thế giới
WWF	Quỹ Bảo tồn loài hoang dã Thế giới

Giới thiệu về *Bộ công cụ*

Phiên bản hiện tại của *Bộ công cụ Phân tích vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã* phân tích một nỗ lực ban đầu nhằm đưa ra một nhìn nhận tổng quan toàn diện về các vấn đề chính liên quan đến hành vi phạm tội về môi trường và để phân tích những phản hồi về luật hình sự và phòng chống tội phạm rừng và các loài hoang dã tại một quốc gia cụ thể. Đã có nhiều nỗ lực trong việc đưa ra một khuôn khổ mà qua đó có thể phân tích các biện pháp phòng ngừa và phản ứng và được coi là cơ sở cho quốc gia đó có ứng phó hiệu quả đối với tội phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã.

Bộ công cụ được thiết kế chủ yếu nhằm hỗ trợ các quan chức chính phủ trong vai trò quản lý lâm nghiệp và loài hoang dã, cán bộ hải quan và các cơ quan hành pháp có liên quan khác. *Bộ công cụ* sẽ giúp họ thực hiện phân tích toàn diện về các phương tiện và biện pháp khả thi nhằm bảo vệ rừng và các loài hoang dã và giám sát việc sử dụng và từ đó nhằm phân tích nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật. Từ đó, *Bộ công cụ* cũng có thể dùng làm tài liệu đào tạo cho các nhà thực thi pháp luật. Bên cạnh đó, các bên tham gia khác ở cấp quốc gia và quốc tế cùng với các tổ chức thuộc xã hội dân sự có thể thấy *Bộ công cụ* này là có ích đối với các nhiệm vụ công việc hàng ngày của họ. *Bộ công cụ* có thể sử dụng một cách hiệu quả nhằm xác định (a) một phạm vi rộng lớn về các Vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã, kể cả khai thác gỗ trái phép và buôn bán trái phép gỗ súc và sự thiếu tuân thủ Công ước về thương mại quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) và, (b) tính hiệu quả của Công ước của Liên hợp quốc chống lại tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và Công ước của Liên hợp quốc về chống Tham nhũng.

Bộ công cụ Phân tích vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã được xây dựng thành 5 phần:

Phần một Pháp luật

Phần một phân tích luật pháp liên quan đến các Vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã và các hoạt động bất hợp pháp khác.
Phần này bao gồm tổng quan về luật pháp quốc tế, việc thực hiện CITES và các sáng kiến vùng, cũng như những các Vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã trong nước và các tội ác có liên quan như tham nhũng và rửa tiền.

Phần hai Thực thi

Phần hai phân tích các biện pháp thực thi pháp luật liên quan đến Vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã. Phần này có các công cụ phân tích liên quan đến các cơ quan thực thi, cán bộ, tình báo, điều tra, kiểm soát biên giới và Hải quan, hợp tác quốc tế, hỗ trợ và viện trợ kỹ thuật, bảo vệ nhân chứng và nạn nhân và trách nhiệm giải trình và tính toàn vẹn của cơ quan thực thi pháp luật.

Phần ba Tư pháp và truy tố

Phần ba phân tích năng lực tư pháp và truy tố nhằm đối phó với tội phạm rừng và các loài hoang dã. Phần này bao gồm một phân tích về nhiệm vụ, cơ cấu và quy trình truy tố và các bộ phận tư pháp, vấn đề tuyên án, hợp tác tư pháp quốc tế và bồi thường nạn nhân.

Phần bốn Kiểm soát và phòng chống

Phần bốn phân tích các nhân tố động cơ gây ra hành vi Vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã và hiệu quả của các can thiệp phòng ngừa. Nó bao gồm các động cơ của các bên liên quan, mục đích sử dụng khác nhau đối với loài hoang dã và các lâm sản và các hệ thống quản lý tài nguyên thiên nhiên và các cơ chế phòng ngừa khác.

Phần năm Dữ liệu và phân tích

Phần năm xem xét tính sẵn có, thu thập, phân tích và kiểm tra dữ liệu và các thông tin khác liên quan đến tội phạm rừng và các loài hoang dã. Phần này bao gồm một phân tích về số liệu thống kê tội phạm đã có cũng như các dữ liệu, cơ chế khác nhằm chia sẻ thông tin, các biện pháp thực hiện và năng lực nghiên cứu phân tích của một quốc gia cụ thể.

Về tổng thể, *Bộ công cụ* đưa ra một cái nhìn tổng quan về số lượng lớn và tính đa dạng các công cụ có sẵn nhằm phòng ngừa và chống lại các Vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã. Từng phần một trong *Bộ công cụ* đưa ra một hướng dẫn thực tế và chi tiết về các vấn đề chính cần được xem xét cùng với tham chiếu tới các công ước, tiêu chuẩn và quy chuẩn quốc tế có liên quan cũng như những các hướng dẫn và tài liệu có liên quan. Chúng tôi đã cố gắng hết sức để toàn diện hóa từng phần nhằm cung cấp cho người sử dụng *Bộ công cụ* các tiêu chí nhằm phân tích toàn diện các nguyên nhân gốc rễ của tội phạm, các cơ chế phòng ngừa và phản ứng của hệ thống luật pháp về tội phạm. Tuy nhiên, *Bộ công cụ* không thay thế yêu cầu một cách tiếp cận cụ thể cho từng trường hợp nhằm đánh giá tình hình tại các quốc gia cụ thể và không nhằm mục tiêu bao gồm tất cả các khía cạnh trong hệ thống luật pháp của từng quốc gia.

Bộ công cụ này là phiên bản đầu tiên của một bộ tài liệu “sống”, vẫn tiếp tục được nâng cao và phát triển trong quá trình sử dụng, xây dựng dựa trên các phản hồi nhận được, các bài học kinh nghiệm, các thực hành tốt nhất đã quan sát được và các nghiên cứu trường hợp được thực hiện trong lĩnh vực phòng ngừa và trấn áp tội phạm rừng và các loài hoang dã. Theo ý nghĩa này, *Bộ công cụ* được coi là một dự thảo đầu tiên nhằm trình bày một bộ các công cụ và nguồn lực, từ đó người sử dụng có thể lựa chọn và sử dụng.

Để các ứng dụng thực tế của *Bộ công cụ* có hiệu quả nhất, chúng tôi khuyến nghị là chính phủ cần thực hiện một phân tích với sự tham gia của các bên liên quan, bao gồm các cơ quan chính phủ, xã hội dân sự và các nhóm cộng đồng địa phương. Người sử dụng *Bộ công cụ* được mời lựa chọn các công cụ có liên quan cho phân tích lĩnh vực cần quan tâm. Để hỗ trợ phân tích hiệu quả cũng như hoạt động tiếp theo một cách bền vững, chúng tôi khuyến nghị cần đưa các kết quả của phân tích dưới dạng một báo cáo. Có thể gửi báo cáo đó tới thủ trưởng của các cơ quan tại quốc gia có liên quan và các cơ quan lập pháp của chính phủ là những người chịu trách nhiệm thực hiện thay đổi hệ thống luật pháp hiện có, cơ cấu tổ chức, nguồn lực con người và hậu cần, chính sách của các cơ quan và chính phủ và vv. Ngoài ra cần phải chứng minh được tính hữu ích đối với các tổ chức (liên chính phủ và phi chính phủ)- ví dụ Hiệp hội Quốc tế Phòng chống tội phạm các loài hoang dã (ICWC)—có thể hỗ trợ xây dựng năng lực. Báo cáo đó có thể sử dụng nhiều lần khi trao đổi với cộng đồng các nhà tài trợ khi thiết kế dự án hoặc chương trình nhằm xúc tiến sự thay đổi ở cấp độ quốc gia.

Các nhà đồng tài trợ của *Bộ công cụ* này có ý định xác minh tính tiện ích của nó bằng nhiều kiểm tra thử nghiệm với các chính phủ đối tác, tiếp theo đó là tinh chỉnh các đề xuất cách tiếp nhận và điều chỉnh lại thông tin. Ý định biến *Bộ công cụ* này trở thành một tài liệu “sống” và thường xuyên cập nhật dựa trên các trường hợp thực tế, các tài liệu và nghiên cứu mới và phản hồi từ người sử dụng nhằm bảo đảm tiếp tục phản ánh các công cụ toàn diện và kinh nghiệm có liên quan trong lĩnh vực này.

Tóm tắt

Vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã¹ là một hiện tượng phức tạp với nhiều lớp và chiều cạnh. Vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã thường là kết quả của một loạt tương tác của các yếu tố văn hóa, kinh tế, xã hội và môi trường và có thể liên quan đến một loạt các bên. Do đó, để phản ứng một cách hiệu quả, Vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã cần được xem xét thông qua cách tiếp cận có sự phối hợp và đa ngành. Sự phức tạp này là một thách thức đối với các chính phủ và các tổ chức quốc tế nhằm xác định các điểm mạnh và điểm yếu và các khoảng trống trong các hệ thống lập pháp, hành chính, thực thi, tư pháp và phòng chống hiện hành.

Ngoài ra, cần xác định khác biệt cơ bản giữa vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã và các hình thức tội phạm khác. Hầu hết vi phạm về tài sản như cướp, trộm cắp, hỏa hoạn và cố ý phá hoại được tội phạm hóa vì chúng gây tổn hại về người hoặc tài sản do con người tạo ra bằng cách tạo ra sự không chắc chắn, giảm bớt sự tự tin và làm tổn hại đến thương mại và tăng trưởng kinh tế. Tất cả những lý do đó đều có thể áp dụng nhằm áp dụng cho tội phạm của các hành vi tương tự đối với tài nguyên thiên nhiên. Tuy nhiên có một chiều cạnh nữa đối với việc đấu tranh chống lại tội phạm rừng và các loài hoang dã; luật bảo vệ rừng và các loài hoang dã cũng nhằm bảo đảm tính bền vững của các hệ thống tài nguyên thiên nhiên. Điều này đặt ra một động lực khác đối với việc thực thi pháp luật về rừng và các loài hoang dã, điều này sẽ dẫn tới các phân tích về sử dụng và người sử dụng các nguồn tài nguyên các loài hoang dã có xem xét đến tính bền vững và phát huy sự tuân thủ đối với các chính sách quản lý tài nguyên tốt khác.

Bộ công cụ Phân tích vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã này nhằm được sử dụng làm điểm khởi đầu cho các chính phủ, các cơ quan thực hiện quốc tế, học viên và học giả hiểu rõ hơn về sự phức tạp của vấn đề và nhằm sử dụng như một khuôn khổ nhằm xây dựng chiến lược phòng ngừa và phản ứng.

Bộ công cụ có một danh mục các biện pháp giúp phân tích tính chất và mức độ Vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã và ngăn chặn và đấu tranh với các vi phạm đó. Nó cũng nhằm đóng góp những hiểu biết về một vài nhân tố là động cơ gây ra các Vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã nhằm lồng ghép thông tin và kinh nghiệm thu nhận được từ phân tích đó vào các chiến lược quốc gia, vùng và quốc tế. *Bộ công cụ* này được xây dựng dựa trên (a) các bài học kinh nghiệm rút ra từ các nỗ lực quốc gia và quốc tế nhằm ngăn chặn buôn bán trái phép động vật và thực vật hoang dã, các sản phẩm phái sinh và nguyên liệu thực vật, (b) phân tích học thuật và kiểm tra các trường hợp và (c) tham vấn với các bên liên quan và chuyên gia có liên quan.

Các nguyên nhân, cấu phần và hậu quả của các Vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã có sự khác nhau ở từng quốc gia, khu vực và xã hội trên thế giới. Không có một biện pháp nào “phù hợp với tất cả” trong vấn đề này. Trong việc xây dựng biện pháp đối phó hiệu quả, điều quan trọng là các mô thức tại địa phương về Vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã và các mối quan tâm của cộng đồng địa phương được công nhận và lồng ghép vào chính sách và hệ thống luật pháp *Bộ công cụ Phân tích vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã* này nhằm cung cấp một loạt các phương án, để có thể có nhiều sự kết hợp, sẽ giúp từng quốc gia lắp ráp được một chiến lược lồng ghép giúp mang lại tính hiệu quả lớn nhất có thể giúp đáp ứng yêu cầu đặc thù của từng quốc gia.

Các biện pháp được giới thiệu trong *Bộ công cụ* này đã được xếp nhóm thành năm phần chính: pháp luật, thực thi, tư pháp và truy tố, động cơ và phòng chống và dữ liệu và phân tích. Các công cụ được tổ chức theo chủ đề nhằm bảo đảm sử dụng dễ dàng và hỗ trợ người dùng hiểu rõ các vấn đề chính đang mà hệ thống được phân tích đang phải đối mặt. *Bộ công cụ* này, dưới hình thức hiện

¹ Đối với *Bộ công cụ Phân tích Vi phạm về rừng và động vật hoang dã* này, thuật ngữ “vi phạm” bao gồm tất cả các hoạt động có thể chịu án phạt hình sự hoặc hành chính.

có, sẽ được kiểm tra thử với ba chính phủ và sẽ được sửa đổi nhằm bảo đảm nó trở thành công cụ thực tế và có tính ứng dụng cao. Sẽ bổ sung thêm tài liệu nếu trong tương lai xác định có nhu cầu cần thêm.

1. Bối cảnh

Trong *Bộ công cụ* này, “rừng và các loài hoang dã” dùng để chỉ tất cả các loài động vật và thực vật, bao gồm thú, chim và cá cũng như cây gỗ và lâm sản ngoài gỗ. “Tội phạm rừng và các loài hoang dã” đề cập đến việc khai thác, kinh doanh (cung cấp, bán hoặc vận chuyển, nhập khẩu, xuất khẩu, chế biến, tàng trữ, thu thập và tiêu thụ động vật và thực vật hoang dã, bao gồm gỗ và các lâm sản khác, đi ngược lại với luật quốc gia hay quốc tế.² Vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã tăng lên đáng kể do tình trạng tàn phá tài nguyên rừng và các loài hoang dã và góp phần làm mất rừng, sa mạc hóa và các hình thức suy thoái môi trường khác. Chúng cũng có tác động tới tính đa dạng sinh học bởi vì chúng làm giảm hoặc thậm chí triệt hạ các loài, phá hủy nhiều sinh cảnh thiên nhiên độc đáo và làm mất nhiều nguồn tài nguyên tái tạo được mang tính quý hiếm ở nhiều quốc gia.³

Vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã đe dọa sự tồn tại của nhiều loài động thực vật. Một loài mà càng trở nên bị đe dọa sự tồn tại thì giá trị thương mại của các mẫu còn lại càng lớn hơn – từ đó làm tăng động lực cho các hoạt động bất hợp pháp hơn nữa. Thực tế là một số hoạt động buôn bán động vật và thực vật hoang dã được quy định trong khi một số hoạt động buôn bán khác lại bị cấm, điều đó tạo cơ hội cho sự phá vỡ luật pháp và quy định có liên quan thông qua các văn bản giả mạo. Đặc biệt là đội ngũ cán bộ không được đào tạo đầy đủ có thể gặp khó khăn trong việc phân biệt các loài có thể được buôn bán và các loài không được buôn bán.⁴

Mất thu nhập từ việc buôn bán bất hợp pháp các loại thực vật, nguyên liệu thực vật, loài hoang dã và các sản phẩm phải sinh từ động vật đã làm xói mòn doanh thu của các chính phủ và làm suy yếu khả năng của họ trong việc thực hiện các chương trình phát triển và củng cố các quy định của pháp luật. Trong trường hợp có liên quan đến tội phạm có tổ chức, bạo lực, tham nhũng lớn hoặc xung đột vũ trang, Vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã có thể gây bất ổn cho các chính phủ và đe dọa an ninh khu vực.⁵

Mặc dù có nhiều ý kiến cho rằng vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã là một trong nhiều hình thức tội phạm có tổ chức mang lại nhiều lợi nhuận, chỉ sau ma túy và vũ khí và đạn dược bất hợp pháp⁶ điều này vẫn là khó khăn, nếu không phải là không thể, để ước tính quy mô thực sự của vấn đề. Động vật và thực vật hoang dã là các mẫu vật rất không đồng nhất được khai thác, buôn bán và tiêu thụ cho rất nhiều các mục đích khác nhau. Ví dụ, loài hoang dã và lâm sản được dùng làm thực phẩm, nguyên liệu, xây dựng, nội thất, thuốc, là hàng sưu tập và trong việc sản xuất các mặt hàng khác. Các sản phẩm loài hoang dã và lâm sản thứ sinh không được sản xuất theo một tiêu chuẩn thống nhất và do đó có biến động lớn về giá. Hơn nữa, mất các loài động vật và thực vật hoang dã và thiệt hại do hành vi Vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã gây ra cho môi trường vượt quá giá trị tiền tệ. Sự không đồng nhất này làm cho việc định giá thương mại bất hợp pháp các loại động vật thực vật hoang dã rất khó khăn.⁷

² Cf. John E. Cooper, Margaret E. Cooper và Paul Budgen, “Điều tra hiện trường tội phạm động vật hoang dã: Kỹ thuật, công cụ và công nghệ”, *Nghiên cứu các loài nguy cấp* (2009), Tr. 1. Với nhiều tài liệu tham khảo thêm.

³ Cf. Jacqueline L. Schneider, “Giảm mức độ buôn lậu động vật hoang dã nguy cấp”, *Tạp chí Tư pháp hình sự thời đại*, Tập 24, Số 3 (2008), trang 274-289

⁴ Hội đồng Kinh tế Xã hội, Liên hợp quốc, “buôn bán bất hợp pháp các loài động vật và thực vật được bảo vệ và tiếp cận bất hợp pháp tới các nguồn tài nguyên gen”, báo cáo của Tổng thư ký, ngày 4 tháng 3 năm 2003 (E/CN.15/2003/8), đoạn 26.

⁵ Mara E. Zimmermann, “Thị trường chợ đen các loài hoang dã”, *Tạp chí Luật liên quốc gia*, tập 36, Số 5 (2003), tr 1657-1661

⁶ Xem, ví dụ, Mara E. Zimmermann, “Thị trường chợ đen các loài hoang dã”, tr. 1657-1659.

⁷ Cf. Steven Broad, Teresa Mulliken và Dilys Roe, “Bản chất và mức độ thương mại hợp pháp và bất hợp pháp về động vật hoang dã”, trong *Buôn bán động vật hoang dã: Quy định về Bảo tồn*, Sara Oldfield, ed. (London: Earthscan, 2003), tr 3-11; Brendan Moyle, “Chợ

Đối với hầu hết các quốc gia, đấu tranh chống tội phạm rừng và các loài hoang dã không phải là một ưu tiên hiện nay và thường xuyên bị bỏ qua và chưa được hiểu rõ mặc dù quy mô và hậu quả tiềm tàng và thực tế của chúng rất lớn. Các chính sách và luật pháp về loài hoang dã và lâm nghiệp và việc thực thi chúng vẫn chưa, hoặc không phải luôn luôn theo kịp với mức độ thay đổi và mô hình buôn bán động vật và thực vật hoang dã. Khuôn khổ pháp lý kém phát triển, thực thi luật pháp yếu kém và các thực thi pháp luật và truy tố và xét xử yếu kém cũng những thiếu hiểu biết về các nhân tố khác nhau gây ra Vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã, đã dẫn đến các nguồn tài nguyên động vật và thực vật hoang dã quý trở nên bị đe dọa bởi các hoạt động như khai thác gỗ bất hợp pháp, buôn bán trái phép các sản phẩm gỗ, săn bắn và buôn bán các bộ phận động vật, các dẫn xuất và nguyên liệu thực vật. Nhu cầu cao đối với gỗ, loài hoang dã, các bộ phận động vật và nguyên liệu thực vật trên thế giới đã tạo ra hoạt động khai thác gỗ bất hợp pháp, khai thác và săn bắn quy mô lớn. Buôn bán trái phép động vật và thực vật được bảo vệ mang lại cơ hội tăng lợi nhuận đáng kể vì nó cung cấp hàng hóa rẻ hơn đáng kể so với các vật liệu được khai thác một cách hợp pháp. Việc kinh doanh bất hợp pháp này cũng được coi là một trở ngại trong việc phát triển các ngành công nghiệp hợp pháp lâu dài. Khoảng trống trong chế độ kiểm soát trong nước và quốc tế trong việc xác định hàng hóa bất hợp pháp và hàng hóa thứ cấp, cùng với các tuyến đường buôn bán phức tạp đã dẫn đến khả năng không thể ngăn chặn hoạt động buôn bán này. Một bình luận viên đã nói:

Luật pháp bảo vệ loài hoang dã vẫn còn là một ưu tiên thấp ở hầu hết các nơi trên thế giới và không tồn tại trong phần còn lại của thế giới. Việc thực thi một vài điều ước quốc tế nhằm ngăn chặn thương mại trong Enforcement of the few international treaties aimed at preventing trade in this macabre biological bazaar ranges from delinquent to derelict. Trên thực tế, các cán bộ hải quan ở nhiều quốc gia không kiểm tra. In fact, Hải quan officials in many nations are not inspecting for biological contraband hay chưa được đào tạo trong việc phát hiện ra nó. Tương tự như thế, các thanh tra loài hoang dã và các cơ quan cấp phép tại các quốc gia thành viên thường không được đào tạo những điều cần thiết để thực thi nhiệm vụ của họ... Tỷ lệ bị bắt là vô cùng thấp và khả năng bị kết tội là hầu như không tồn tại.⁸

Ở nhiều quốc gia, các hệ thống hiện có đang quản lý các lĩnh vực loài hoang dã và lâm nghiệp cũng đã làm hoạt động tham nhũng phát triển mạnh và mang lại lợi nhuận đáng kể cho các quan chức tham nhũng trong ngành lâm nghiệp và loài hoang dã, cũng như các chính trị gia và doanh nhân dưới các hình thức hối lộ và hoa hồng. Điều này, đến lượt nó, đã mang lại tự do cho các công ty khai thác và săn bắn tham gia vào các hoạt động bất hợp pháp mà không phải lo ngại bị truy tố. Vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã cũng làm giàu cho các nhóm tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và các mạng lưới tội phạm khác có tham gia tìm nguồn cung ứng hàng hóa qua biên giới và cung cấp hàng hóa bất hợp pháp.

Mặc dù một số chính phủ quốc gia sản xuất và tiêu thụ, các tổ chức quốc tế và tổ chức phi chính phủ đã đưa ra sáng kiến nhằm thu hút sự chú ý quốc tế tới vấn đề Vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã, mức độ kết quả của các cam kết chính trị và năng lực thực hiện nhằm giải quyết từng bước vấn đề vẫn chưa tương xứng với quy mô của chính vấn đề đó.

Tuy nhiên, trong những năm 2000, ngày càng có nhiều quốc gia (ví dụ Australia, các quốc gia thành viên của Liên minh Châu Âu và Mỹ) đưa ra các điều luật nhằm cấm nhập khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ khai thác bất hợp pháp. Điều này cũng dẫn tới các hiệp định song phương với các quốc gia xuất khẩu nhằm thực thi pháp luật. Khi các biện pháp thực thi pháp luật về rừng và các loài hoang dã được thực hiện hoặc củng cố, tác động trực tiếp của các biện pháp này tới đời sống của các cộng đồng tại khu vực nông thôn thường không phải là trọng tâm được xem xét. Hơn nữa, luật pháp liên quan đến rừng và các loài hoang dã thường có xu hướng hạn chế quyền và đời sống của những người sống dựa vào nguồn tài nguyên thiên nhiên họ đang sống.⁹ Bằng cách không xem xét vấn đề

đen bán các sản phẩm từ hổ ở Trung Quốc,” *Tội phạm toàn cầu*, tập 10, Số 1 và 2 (tháng 3 năm 2009), tr 124-125; Jacqueline L. Schneider, “Giám buôn bán bất hợp pháp các động vật rừng”, tr. 274-282; Mara E. Zimmermann, “Thị trường chợ đen các sản phẩm động vật hoang dã” tr 1657-1669.

⁸ Jonathan TR Kazmar, “Buôn bán động vật và thực vật hoang dã bất hợp pháp quốc tế: diệt chủng sinh học?”, *Trường Đại học California Tạp chí Luật và Chính sách Quốc tế* (Mùa đông 2000) tr 105-109.

⁹ Marcus Colchester và những người khác, *Công lý trong Rừng: Sinh kế nông thôn và thực thi Luật Lâm nghiệp* (Bogor, Indonesia: Trung tâm Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế, 2006).

này và chỉ chú ý tới thực thi pháp luật, các cộng đồng này có thể bị tổn hại. Mỗi liên hệ giữa vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã và các vấn đề vượt ra ngoài lĩnh vực loài hoang dã và lâm nghiệp, ví dụ như phát triển nông thôn và nhận thức của cộng đồng thường bị bỏ quên.

Điều làm phức tạp thêm tình hình là thực tế là cộng đồng quốc tế thiếu hiểu biết chung và một định nghĩa được công nhận rộng rãi về vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã. Cho tới nay, vẫn chưa có một chiến lược được tất cả các quốc gia công nhận nhằm ngăn chặn và trấn áp vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã. Mặc dù đã có nhiều tài liệu thư tịch, hiện nay vẫn chưa có đủ chuyên môn sẵn có trong lĩnh vực này và các nghiên cứu dựa trên phân tích thực nghiệm một cách hệ thống vẫn còn rất thiếu.

1.1 Hiệp hội quốc tế bảo vệ loài hoang dã

Trong tháng 11 năm 2009 có một vài tổ chức và cơ quan quốc tế có nhiệm vụ xây dựng năng lực thực thi pháp luật và xét xử hình sự - về vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã—quyết định cùng nhau thành lập một Hiệp hội quốc tế bảo vệ các loài hoang dã. Có các đại diện của ban thư ký CITES, Tổ chức Cảnh sát Tội phạm Quốc tế (INTERPOL), Văn phòng chống Ma túy và Tội phạm Liên Hợp Quốc (UNODC), Ngân hàng Thế giới và Tổ chức Hải quan thế giới (WCO) đã tổ chức cuộc họp lần đầu tiên ở Vienna nhằm thiết kế một chiến lược nhằm phòng và chống buôn bán trái phép động vật và thực vật hoang dã. Trước đây một số tổ chức này đã làm việc với nhau về chủ đề này, đây vẫn là dịp đầu tiên dành cho năm tổ chức đã cộng tác với nhau về vấn đề này, hay dưới bất kỳ hình thức nào khác về phòng chống tội phạm. Họ đã quyết định thành lập ICCWC nhằm cùng nhau tiến tới một bước phối hợp

Hiệp hội quốc tế chính thức ra mắt trong tháng 11 năm 2010 trong Diễn đàn Hồ Quốc tế tổ chức tại St. Petersburg, Liên bang Nga do Thủ tướng Vladimir Putin chủ tọa, tại sự kiện các chữ ký cuối cùng được đưa vào một bức thư thống nhất hiểu biết giữa năm tổ chức này.

Tại cuộc họp đầu tiên, ICCWC đã yêu cầu UNODC đi đầu trong việc xây dựng một *Bộ công cụ* phân tích liên quan đến các hệ thống thực thi pháp luật về lâm nghiệp và loài hoang dã hiện tại.

2. Mục đích, khái niệm và các mục tiêu

2.1 Mục đích

Mục đích của *Bộ công cụ* này là nhằm đưa ra một hướng dẫn toàn diện trong phân tích các biện pháp thực thi luật hình sự, phòng ngừa và quản lý tội phạm rừng và các loài hoang dã và các vi phạm khác tại một quốc gia cụ thể. Một mục đích bổ sung của *Bộ công cụ* này là nhằm xác định các bên tham gia khác nhau trong chuỗi vi phạm rừng và các loài hoang dã và nhằm cung cấp kiến thức về các nhân tố chi phối hoạt động của họ nhằm bắt đầu tìm hiểu về những yêu cầu cần thiết nhằm ngăn ngừa tình trạng vi phạm loài hoang dã gia tăng ở quy mô toàn cầu. Với mục đích này, *Bộ công cụ* bao gồm nhiều câu phần đều rất quan trọng nhằm giảm bớt tội phạm rừng và các loài hoang dã ở cấp độ quốc gia và quốc tế. “Bước lớn tiếp theo”, lưu ý INTERPOL:

phải kết nối với các bộ phận tách các cơ quan hành pháp khỏi công luận, các nhà hoạt động, các học giả và các nhà hoạch định chính sách. Nếu chúng ta, cộng đồng quốc tế, cam kết bảo

tồn môi trường, đa dạng sinh học của thế giới và tài nguyên thiên nhiên, tất cả năm cơ quan này đều phải làm việc cùng nhau trong sự phối hợp hài hòa.¹⁰

Bộ công cụ Phân tích vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã tạo điều kiện chia sẻ kiến thức và thông tin với các nhà hoạch định chính sách, các cơ quan thực thi pháp luật, thẩm phán, công tố viên, các nhà nghiên cứu, nhà quản lý và thành viên của xã hội dân sự đang làm việc ở các cấp độ khác nhau đối với cùng một mục tiêu.

Bộ công cụ này cung cấp một loạt các công cụ và nguồn lực để người dùng có thể lựa chọn và sử dụng.

2.2 Khái niệm

Đấu tranh chống tội phạm, kể cả tham nhũng, trong các lĩnh vực hình thành nên “xương sống” của nền kinh tế nhiều quốc gia là rất quan trọng cho tương lai chính trị, xã hội và kinh tế của một quốc gia. Đây là một quá trình phức tạp đòi hỏi phải có sự cam kết của tất cả các cấp, các ngành của chính phủ và xã hội dân sự. Phòng ngừa, ngăn chặn và phát hiện vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã. Phòng ngừa, ngăn chặn và phát hiện vi phạm rừng và các loài hoang dã cần xác định rõ ràng, thời gian và sự nhất quán, cũng như hiểu biết toàn diện về các nguyên nhân tiềm tàng và động cơ điều khiển hành vi tội phạm đó. Xây dựng tính liên chính và uy tín trong các lĩnh vực mà đôi khi có một lịch sử lâu dài của các hoạt động bất hợp pháp là một quá trình chậm chạp và liên tục. Thành công không phải có được trong thời gian ngắn. Tuy nhiên, thay đổi là có thể tạo ra và có những ví dụ tích cực cho thấy lý do chúng ta có thể lạc quan.

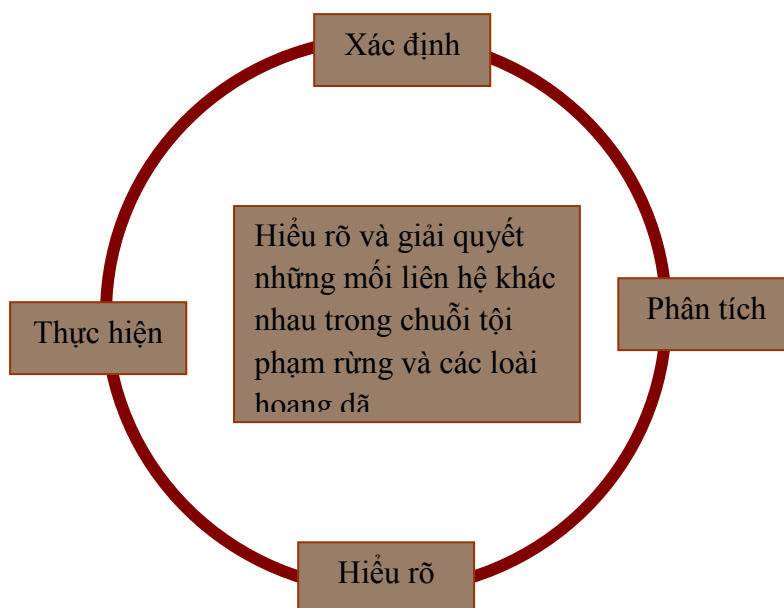
Bộ công cụ này đã cố gắng để cung cấp một bộ các hướng dẫn đánh giá toàn diện, trong đó, từng hướng dẫn hoặc các hướng dẫn với nhau-có thể giúp giảm bớt buôn bán trái phép động vật và thực vật hoang dã.

Khái niệm về *Bộ công cụ* này có bốn yếu tố chính, nó giúp người sử dụng theo các cách như sau:

- (1) Xác định mô hình hiện tại về sự vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã, kể cả các tác nhân và người tham gia;
- (2) Phân tích pháp luật hình sự, bao gồm hệ thống luật, thực thi, truy tố và tư pháp hiện hành;
- (3) Tìm hiểu về các liên kết khác nhau và những người tham gia trong chuỗi vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã; và
- (4) Thực hiện các biện pháp để giải quyết và ngăn chặn vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã từ cấu thành hành vi phạm tội bằng cách đưa ra các chính sách ưu đãi khác nhau.

¹⁰ INTERPOL, *Chương trình Tội phạm Môi trường: Kế hoạch Chiến lược 2009-2010* (Lyon, Pháp, 2009), tr 6.

Hình I. Bốn phần chính trong *Bộ công cụ Phân tích vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã*



Xây dựng trên các Bộ công cụ đánh giá khác của UNODC, đặc biệt là *Bộ Công cụ đánh giá Luật hình sự* (một công cụ phân tích với một phạm vi rộng lớn hơn),¹¹ *Bộ công cụ Phân tích vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã* được xây dựng dưới hình thức bản trích yếu dùng để hỗ trợ và lập theo yêu cầu của các quốc gia như một hỗ trợ ban đầu nhằm tiếp cận các vấn đề vi phạm về rừng và các loài hoang dã hiện tại. Dù bao gồm rất nhiều khía cạnh quốc tế đối với vấn đề vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã (và do đó không giới hạn kinh nghiệm trong phạm vi khu vực), *Bộ công cụ* này được thiết lập để thích ứng với các tình huống cụ thể trong từng quốc gia.

2.3 Mục tiêu cụ thể

Bộ công cụ được thiết kế để giúp người dùng:

- Phân tích năng lực của các cơ quan trong lĩnh vực loài hoang dã và thực thi lâm luật quốc gia và của tư pháp trong việc điều tra, truy tố và xét xử các trường hợp vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã;
- Xem xét năng lực của các viện và cơ chế nghiên cứu loài hoang dã và quản lý lâm nghiệp quốc gia;
- Phân tích các quy trình thủ tục, năng lực và mức độ minh bạch trong thực thi pháp luật về loài hoang dã và luật lâm nghiệp về phát hiện, ngăn chặn và thu thập và phân tích dữ liệu;
- Phân tích hiệu quả của các cơ chế và đề xuất hiện có để nâng cao năng lực tổng thể của một chính phủ hay một nhóm các chính phủ trong khu vực trong việc chống lại vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã;

¹¹ UNODC, *Bộ công cụ Đánh giá Luật Hình sự* (New York, Liên Hợp Quốc, 2006).

- Xác định các bên khác nhau trong chuỗi vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã, cũng như các yếu tố khác gây ra vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã;
- Tác định bất kỳ khoảng trống trong các biện pháp phản ứng hiện nay đối với vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã; và
- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành và phát triển các biện pháp đáp ứng đầy đủ các nhu cầu và bổ sung những thiếu sót đã xác định.

Bộ công cụ này không được thiết kế như là một tài liệu thay thế cho năng lực chuyên môn, kinh nghiệm hoặc phán xét trong đánh giá về tội phạm rừng và các loài hoang dã và những động thái phản ứng. Nó không quy định hoặc ủng hộ mô hình hoặc mẫu luật cho các hệ thống hành chính và thực thi và không bình luận về chất lượng hoặc hiệu quả của các chiến lược và hệ thống trong nước và quốc tế hiện có.

Thay vào đó, *Bộ công cụ* có thể đóng vai trò như một danh sách các tiêu chí và hướng dẫn có hiệu quả cho các chuyên gia nhằm mang lại hiểu biết về các vấn đề chính trong lĩnh vực mới nổi này. Các biện pháp được đề xuất trong *Bộ công cụ* là nhằm giúp để phân tích hệ thống luật hình sự và các cơ chế khác để ngăn chặn và giải quyết vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã. Các bộ công cụ chi tiết cần đóng vai trò khơi gợi suy nghĩ và đưa ra cái nhìn sâu sắc vào bên trong những nguyên nhân và hậu quả có liên quan về vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã.

Khi các điều khoản giao việc để thực hiện một phân tích có thể yêu cầu thực hiện phân tích các khía cạnh cụ thể của hệ thống lâm nghiệp và các loài hoang dã, ví dụ như việc ra chính sách hoặc tư pháp, một phân tích toàn diện sẽ luôn phải có một phân tích về khuôn khổ pháp luật và quản trị của một quốc gia để những người ra quyết định có thể hiểu được bối cảnh của một hệ thống đang tồn tại và vận hành cũng như các cơ hội, thách thức và giới hạn mà khuôn khổ hiện tại đang có. Điều quan trọng ở đây là cần có sự hiểu biết đầy đủ về các truyền thống pháp lý khác nhau, cũng như các khái niệm luật pháp cơ bản và các chỉ thị chính sách cấp quốc gia. Do đó, *Bộ công cụ* này có thể đóng vai trò cơ sở để xây dựng một khung tham chiếu cho các phân tích ban đầu và có thể đóng vai trò như một danh sách tiêu chí mà dựa vào đó các phát hiện và phương pháp đề xuất có thể được xác nhận.

2.4 Đối tượng phục vụ

Bộ công cụ Phân tích vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã được thiết kế nhằm giúp các cán bộ chính phủ quản trị lâm nghiệp và các loài hoang dã, các cơ quan hải quan và thực thi pháp luật, các cơ quan của Liên Hợp Quốc cũng như xã hội dân sự, công nghiệp và các cá nhân, nhằm (a) tiến hành một phân tích toàn diện về hệ thống trong nước, (b) xác định các lĩnh vực hỗ trợ kỹ thuật, (c) hỗ trợ trong việc thiết kế các biện pháp can thiệp có tích hợp tiêu chuẩn quốc tế và các quy chuẩn về phòng ngừa, ngăn chặn và phát hiện vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã và (d) hỗ trợ đào tạo về những vấn đề này.

Bộ công cụ này có đủ tính linh hoạt để tạo điều kiện cho việc thực hiện các phân tích cả ở những nơi hiện đang có cơ sở hạ tầng cứng trong đấu tranh chống lại vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã và ở những nơi có ít các tổ chức phức tạp hơn. Cụ thể là, *Bộ công cụ* này sẽ phục vụ cho các giới và các nhóm mục tiêu sau đây:

- Các chính phủ, bằng cách cung cấp cho họ kiến thức chuẩn về các phản ứng cần có đối với vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã và những điểm mạnh, điểm yếu và yêu cầu của những phản ứng này;
- Các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ và các tổ chức xã hội dân sự khác, bằng cách hỗ trợ phân tích mức độ phản ứng của các quốc gia, đáp ứng với các tiêu chuẩn thực hành tốt nhất và các nghĩa vụ quốc tế hiện có;

- Các cơ quan thực thi pháp luật chuyên ngành, cơ quan công tố và các thành viên của ngành tư pháp, bằng cách hỗ trợ họ trong việc rà soát các hoạt động của mình;
- Chính phủ và các tổ chức quốc tế, bằng cách cho phép thực thi pháp luật xuyên biên giới và hợp tác tư pháp;
- Các cơ quan trong nước và quốc tế và các viện nghiên cứu, bằng cách hỗ trợ họ trong việc xây dựng các phân tích so sánh và chuyên sâu về phản ứng của các nước; và
- Các quốc gia và các cơ quan tài trợ, bằng cách tài trợ và nâng cao mức tại trợ có mục đích chống lại tội phạm rừng và các loài hoang dã.

3. Cấu trúc và nội dung của *Bộ công cụ*

Bộ công cụ Phân tích vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã được tổ chức thành năm phần: (a) luật pháp; (b) thực thi; (c) tư pháp và truy tố; (d) tác nhân và phòng chống; và (e) dữ liệu và phân tích. Mỗi phần đại diện cho một trong những ngành liên quan đến luật pháp về tội phạm và phòng chống vi phạm vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã. Năm phần trên cũng phản ánh và tập hợp nhiều cơ quan chính phủ, các tổ chức xã hội dân sự, các cá nhân và các bên liên quan khác.

Các hệ thống luật pháp hình sự và các cơ chế có liên quan khác liên quan đến rừng và các loài hoang dã—kể cả khi có rối loạn về chức năng—đều phụ thuộc và tương tác lẫn nhau. Theo đó, năm phần của *Bộ công cụ* này không thể sử dụng một cách riêng lẻ. Nhiều phần có sự trùng lặp và một số công cụ và các yếu tố xuất hiện ở nhiều phần. Trong mỗi phần của *Bộ công cụ* này là các công cụ và danh sách tiêu chí tham khảo được thiết kế để thực hiện phân tích toàn diện các khía cạnh của hệ thống lâm nghiệp và loài hoang dã. Ở nơi có thể và có liên quan, các công cụ có thể tham chiếu lẫn nhau giữa các điểm đang áp dụng ở các phần khác.

Một phân tích toàn diện của bất kỳ bộ luật nào đều sẽ liên quan đến việc sử dụng *Bộ công cụ* này một cách toàn diện. Tuy nhiên, từng phần và từng bộ công cụ đều được trình bày độc lập giúp thực hiện các phân tích nhỏ hơn và độc lập hơn về từng ngành cụ thể và do đó phục vụ cho nhiều loại phân tích, khung ngân sách và thời gian khác nhau. Tất cả các phần đều trình bày theo cùng một mẫu và hỗ trợ bằng trực quan và biểu tượng để tạo thuận lợi cho việc sử dụng *Bộ công cụ*. Từng phần đều được mã hóa bằng màu sắc.

Hình II. Năm phần của *Bộ công cụ phân tích vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã*



Mỗi phần đều đưa ra một hướng dẫn thực tế và chi tiết các vấn đề chính cần được xem xét, có tham khảo với các công ước quốc tế, các tiêu chuẩn và định mức, cũng như các tài liệu, văn bản và hướng dẫn có liên quan (nếu có). Mức độ chi tiết trong từng phần giúp người sử dụng có được một hiểu biết về chiều sâu và tính phức tạp của một phân tích thấu đáo về hệ thống pháp luật hình sự cần phải đưa vào, liên quan đến lĩnh vực loài hoang dã và lâm nghiệp.

Nhìn chung, *Bộ công cụ* này mang lại một cái nhìn tổng quan ban đầu về các công cụ với số lượng và tính đa dạng lớn hiện có nhằm ngăn ngừa và chống lại vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã. Ở từng phần, *Bộ công cụ* hướng dẫn về từng khía cạnh cụ thể của vấn đề vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã và các biện pháp pháp lý hình sự tương ứng.

4. Phương pháp luận

Việc xây dựng, xem xét và duy trì *Bộ công cụ Phân tích vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã* được thực hiện dựa trên thử nghiệm thí điểm của *Bộ công cụ* với một số chính phủ đối tác cũng như các nghiên cứu đang tiến hành về các hệ thống luật pháp hình sự có liên quan tới cuộc chiến chống lại vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã. Lĩnh vực cốt lõi của nghiên cứu bao gồm:

- Phân tích các cơ chế, động lực và lỗ hổng trong hoạt động của các thiết chế của các chính phủ được giao nhiệm vụ đấu tranh chống vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã;
- Tính sẵn có và chất lượng của các khuôn khổ pháp lý nhằm chống lại vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã;
- Hiệu quả của việc thực thi nội bộ, tiêu chuẩn kiểm soát biên giới quốc gia và hợp tác xuyên biên giới; và
- Hợp tác liên cơ quan, các trở ngại và khoảng cách cản trở các hành động hiệu quả và làm thế nào để đối phó với chúng.

Bộ công cụ này được thực hiện nhờ sử dụng nguồn tài liệu hoàn toàn mở. Nó dựa trên một rà soát toàn diện các học bổng học thuật hiện có, việc phân tích các tài liệu pháp luật, ấn phẩm chính thức từ nguồn tin chính phủ và các tổ chức quốc tế, kiểm tra chặt chẽ các trường hợp pháp luật được báo cáo và tham khảo ý kiến nhiều chuyên gia.

Các công cụ có trong ấn phẩm này không phải là ở trạng thái tĩnh. Chúng tồn tại trong các môi trường năng động bởi các mô thức và mức độ vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã—và những nỗ lực để chống lại chúng—thay đổi liên tục, thường là với thông báo rất gấp, hoặc không có bất kỳ thông báo nào. *Bộ công cụ* này phản ánh các thông tin tốt và toàn diện nhất tại thời điểm viết bài cũng như mọi nỗ lực sẽ bỏ ra nhằm cập nhật *Bộ công cụ* này trong tương lai và nhằm giữ cho thông tin có liên quan được cập nhật ở mức tối đa có thể.

Phiên bản hiện tại của *Bộ công cụ* này được hoàn thành cùng với các thông tin trình bày tại thời điểm hiện tại của tháng 11 năm 2012.

5. Sử dụng *Bộ công cụ*

Mỗi phần của *Bộ công cụ* đều được cấu trúc để có thể tham khảo độc lập với các phần khác.

Người dùng *Bộ công cụ* này là những người quan tâm tới một khía cạnh cụ thể, có thể chỉ tham khảo cho những phần và công cụ mà họ có quan tâm. Bởi vì năm phần không độc lập với nhau, các công cụ có thể tham khảo chéo với các điểm có liên quan ở các phần khác.

Tài liệu sử dụng một tập hợp đơn giản các biểu tượng, màu sắc và các tính năng đồ họa để tạo thuận lợi cho việc sử dụng *Bộ công cụ* này.

I	LUẬT PHÁP
II	THỰC THI
III	TƯ PHÁP VÀ TRUY TỐ
IV	TÁC NHÂN VÀ PHÒNG NGỪA
V	DỮ LIỆU VÀ PHÂN TÍCH

Trong mỗi phần, các công cụ cá nhân được nhóm lại xung quanh chủ đề chính. Việc thiết kế, cấu trúc và cách bố trí của mỗi công cụ theo một mô hình đơn giản mà cung cấp thông tin cơ bản về ý nghĩa và bối cảnh của mỗi công cụ. Tiếp theo đó là một lời giải thích về công cụ đó và ứng dụng của nó. Ở từng phần thích hợp, các tài liệu tham khảo được bổ sung để có thể đóng vai trò như các điểm đầu vào để đọc và phân tích thêm.

Mỗi tiểu mục của *Bộ công cụ* này có chứa một hoặc nhiều “công cụ” tóm tắt các điểm phân tích có liên quan, thường là dưới hình thức một hoặc nhiều câu hỏi. Sau đây là ví dụ về một công cụ:

Công cụ I.1. CITES

- Quốc gia này có phải là một bên tham gia CITES không?
- CITES được thực hiện theo bộ luật hoặc hệ thống luật pháp nào của quốc gia? Có luật hoặc pháp quy tương tự liên quan chủ yếu đến các loài hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng, hay có nhiều công cụ pháp lý?

Các công cụ không phải là danh sách các tiêu chí với câu hỏi chỉ đơn giản chỉ đánh dấu chọn. Không phải tất cả các hệ thống lâm nghiệp và loài hoang dã ở mọi nước đều tiếp cận cùng một vấn đề theo cùng một cách thức. Việc đánh giá các khác biệt này cũng quan trọng như thừa nhận tính tương đồng khi nói đến sự phát triển của quan điểm sâu sắc về những điểm thực hiện tốt nhất trong các bối cảnh cụ thể. Không phải tất cả các công cụ đề xuất ở đây đều thích hợp, hoặc đều lý tưởng cho mọi tình huống. Chúng chỉ ở đó để đáp ứng nhanh các yêu cầu mang tính hệ thống và nhằm hướng dẫn người sử dụng qua các lĩnh vực chính cần được phân tích.

Các nguồn lực trong *Bộ công cụ* này không bao gồm bất cứ một tập hợp hoàn chỉnh của các biện pháp phản ứng thành công, sáng tạo và nâng cao đối với vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã. *Bộ công cụ* này thể hiện một loạt các nguồn lực hiện có nhằm hỗ trợ những người tham gia trong đấu tranh chống lại tội phạm rừng và các loài hoang dã.

Hy vọng rằng những hướng dẫn được nêu ở đây và các nguồn lực được đề xuất trong *Bộ công cụ phân tích vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã* có thể truyền cảm hứng và hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách, người thực thi pháp luật, thẩm phán, công tố viên, quản trị viên và các

thành viên của xã hội dân sự thực hiện vai trò của họ trong các nỗ lực toàn cầu về đấu tranh chống lại nạn buôn bán trái phép động vật và thực vật hoang dã.

Phần 1.

Luật pháp

Luật pháp.....	26
1. Luật pháp quốc tế	26
1.1 Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã, nguy cấp.....	28
1.2 Công ước của Liên Hợp Quốc chống lại tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.....	31
1.3 Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng.....	32
1.4 Các công ước quốc tế khác	34
1.5 Các thỏa thuận song phương.....	36
2. Pháp luật trong nước.....	38
2.1 Luật về loài hoang dã và lâm nghiệp	39
2.2 Bảo vệ loài	42
2.3 Luật Hình sự.....	46
3. Vi phạm về rừng và các loài hoang dã	50
3.1 Chặt và khai thác gỗ bất hợp pháp	53
3.2 Săn bắt trái phép (săn bắt).....	57
3.3 Chế biến bất hợp pháp các nguyên liệu động và thực vật.....	59
3.4 Buôn lậu, thương mại, bán hàng và cung cấp	59
3.5 Các vi phạm về xuất nhập khẩu	60
3.6 Thu mua, sở hữu và tiêu thụ.....	62
3.7 Phạt	63
4. Hành vi phạm tội liên quan	64
4.1 Gian lận giấy tờ và các vấn đề liên quan.....	65
4.2 Rửa tiền.....	66
4.3 Tội khác liên quan đến tham nhũng	71
4.4 Trốn thuế và không nộp thuế và lệ phí khác	75
4.5 Tổ chức phạm tội hình sự.....	75
5. Sáng kiến chuyên ngành và khu vực	77
5.1 Thực thi luật pháp và quản trị lâm nghiệp	77
5.2 Hệ thống thực thi pháp luật về loài hoang dã.....	80
5.3 Hệ thống và các chương trình chứng nhận, tiêu chuẩn riêng và tự nguyện	81

Luật pháp

Tội phạm về rừng và các loài hoang dã và các tội khác có cùng bản chất như vậy có sự thay đổi từ nước này sang nước. Trong phạm vi một quốc gia, các vi phạm về luật pháp và quy định về rừng và loài hoang dã có thể làm tăng trách nhiệm hành chính, dân sự hoặc hình sự, một số bang có xu hướng xử phạt hình sự nhiều hơn, trong khi những bang khác có xu hướng sử dụng các chế tài dân sự hoặc hành chính.

Trong vòng 40 năm qua, đã có nhiều điều ước, hiệp định, tuyên bố và tổ chức mới nổi lên và có sự tham gia của nhiều quốc gia nhằm bảo vệ môi trường, các nguồn tài nguyên thiên nhiên, sinh cảnh và động vật và thực vật hoang dã. Trong khi không có sáng kiến nào trong số đó nhằm đặc biệt ngăn chặn và trấn áp vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã, nhiều điều ước quốc tế và luật pháp quốc gia đưa ra các khuôn khổ nhằm quy định, kiểm soát và giới hạn buôn bán động và thực vật hoang dã quốc tế một cách trực tiếp hoặc gián tiếp và hình sự hóa các hoạt động bất hợp pháp trong vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã ngành lâm nghiệp *Nghị định thư*

Công ước về Thương mại quốc tế các loài động vật và thực vật hoang dã bị đe dọa (CITES) là một công cụ quốc tế chính nhằm kiểm soát và quy định thương mại quốc tế đối với các loài được bảo vệ và nhằm trấn áp bất cứ giao dịch bất hợp pháp nào về động vật và thực vật hoang dã. Công ước này đã nhanh chóng mở rộng thành viên của mình và cho tới nay, có 175 bên tham gia, vẫn là công cụ quan trọng duy nhất trong lĩnh vực này. Ngoài ra, các vi phạm và các khuôn khổ hợp tác quốc tế được thiết lập trong Công ước Liên Hợp Quốc về chống Tội phạm Có tổ chức xuyên Quốc gia và Công ước Liên Hợp Quốc chống Tham nhũng cho phép hình sự hóa, điều tra và truy tố các vấn đề liên quan tới vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã có liên hệ với tội phạm có tổ chức hay tham nhũng. Phần một, mục 1, của *Bộ công cụ* này xác định và tìm hiểu các khuôn khổ pháp lý quốc tế có liên quan.

Có sự khác biệt lớn trong và giữa hệ thống luật pháp về các loài hoang dã, lâm nghiệp, hình sự và các luật quốc gia khác. Nhiều nước không, hoặc chưa, hình sự hóa một cách toàn diện nhiều hoạt động liên quan đến thương mại động vật và thực vật hoang dã bất hợp pháp. Trong một số lĩnh vực pháp lý, luật hình sự không nắm bắt đầy đủ về vấn đề cố ý thực hiện tội phạm hoặc tham gia vào các hành vi phạm tội. Ngoài ra, nó có thể không bao gồm các quy định đặc biệt đối với tham nhũng và rửa tiền trong ngành lâm nghiệp và các loài hoang dã. Do đó, việc cải cách các hệ thống pháp luật và quy định trở thành một điều kiện tiên quyết cho cuộc chiến chống tội phạm về rừng và các loài hoang dã. Điều này có thể bao gồm việc đưa ra các định nghĩa rõ ràng về các hoạt động bất hợp pháp, kể cả tham nhũng hoặc phân bổ không đúng cách về nhượng bộ, thiết lập các biện pháp ngăn chặn, trừng phạt đáng kể và nêu rõ các quyền hạn hành pháp và kiểm soát phù hợp tại từng giai đoạn của chuỗi hàng hóa.¹² Phần một, các mục 2 đến 4, của *Bộ công cụ* này xác định các vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã và các quy định trong nước có liên quan.

Ngoài các khuôn khổ trong nước trong nước và quốc tế, đã có một số sáng kiến khu vực và theo chủ đề cụ thể nhằm ngăn chặn vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã được đưa ra. Chúng được xem xét và trình bày ở Phần I, mục 5.

1. Luật pháp quốc tế

Luật pháp quốc tế hiện nay, trong mối liên quan đến các hoạt động bất hợp pháp trong ngành lâm nghiệp và các loài hoang dã, bao gồm phần lớn là các thỏa thuận được thiết kế nhằm bảo vệ môi trường và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên. Các hiệp định có thể liên quan tới:

¹² Cf. Duncan Brack, Kevin Gray và Gavin Hayman, “Kiểm soát thương mại quốc tế về khai thác gỗ và các sản phẩm từ gỗ bất hợp pháp”, nghiên cứu được lập cho Bộ Phát triển Quốc Tế Vương quốc Anh (London, Viện Quan hệ Quốc tế Hoàng gia, 2002), tr 14.

- Bảo vệ các loài, bao gồm các biện pháp nhằm ngăn chặn buôn bán trái phép các loài, là điều quan trọng nhằm ngăn chặn sự tuyệt chủng của các loài động vật và thực vật cụ thể và để ngăn chặn việc khai thác chúng một cách không cần thiết. Tuy nhiên, các biện pháp bảo vệ các loài không thể ngăn chặn sự tàn phá của môi trường tự nhiên và toàn bộ hệ sinh thái.¹³
- Các cơ chế bảo vệ vườn quốc gia, các hệ sinh thái hoặc các khu vực địa lý chủ yếu liên quan với việc bảo tồn của một khu vực được chỉ định đặc biệt về các giá trị sinh thái học, sinh học hoặc tự nhiên. Các khu vực này có thể được đặt dưới sự bảo vệ quốc tế vì tính chất hiếm hoặc độc đáo của chúng hoặc loài động vật hay thực vật hoang dã của chúng.

Bảo vệ đa dạng sinh học liên quan đến việc bảo vệ và bảo tồn môi trường sống. Mục đích của nó là để bảo vệ các hệ sinh thái nhất định hoặc các khu vực tự nhiên và tất cả các loài trong đó. Việc bảo tồn đa dạng sinh học thường liên quan đến việc bảo vệ các vùng đất được chỉ định, được gọi là các khu bảo tồn hoặc dự trữ, khỏi bất kỳ sự xâm lấn nào. Bảo vệ sinh cảnh, ngược lại, đề cập đến việc bảo vệ quyền sử dụng đất của con người, bao gồm cả phát triển bền vững, cơ hội thu nhập-sản xuất và duy trì sinh cảnh đó.¹⁴

Một đặc điểm quan trọng của tất cả các khía cạnh của luật môi trường quốc tế là khái niệm mới có về phát triển bền vững, khái niệm này ngày càng được công nhận trong nhiều điều ước quốc tế và thỏa thuận khu vực. Phát triển bền vững có thể được định nghĩa là "lồng ghép vấn đề môi trường vào quá trình quy hoạch phát triển để phát triển kinh tế dài hạn được đảm bảo trong khi chất lượng cuộc sống của các thế hệ hiện tại và tương lai được bảo tồn và cải thiện."¹⁵ Khái niệm phát triển bền vững công nhận sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế và tìm cách dung hòa các mục tiêu này, vốn mang tính đối kháng và xung đột; nó một mặt tìm cách cân bằng giữa yêu cầu bảo tồn và bảo vệ và kinh tế và nhu cầu phát triển trên mặt khác.¹⁶

Các mục sau đây xác định những điều ước quốc tế kết nối trực tiếp hay gián tiếp với vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã và các vi phạm có liên quan khác. Tuy nhiên cần lưu ý là luật pháp quốc tế vẫn còn rời rạc và không thống nhất trong phạm vi các biện pháp cụ thể nhằm ngăn chặn và đàn áp vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã. Tới nay, không có hiệp ước cụ thể liên quan hoàn toàn tới các lĩnh vực và khía cạnh của vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã, ví dụ như khai thác gỗ, săn bắn, buôn bán động vật và thực vật hoang dã bất hợp pháp, việc sở hữu và tiêu thụ sản phẩm động vật và thực vật bất hợp pháp và các vi phạm có liên quan ví dụ như rửa tiền. Do không có một hiệp ước như vậy, việc truy tố nhiều hành vi bị cản trở do họ có thể không bị coi là tội phạm hình sự.

1.1 Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã, nguy cấp¹⁷

Công ước CITES là công cụ quốc tế chủ yếu để kiểm soát và điều chỉnh thương mại quốc tế đối với các loài được bảo vệ và để đảm bảo rằng thương mại quốc tế trong mẫu vật động thực vật hoang dã không đe dọa sự sống còn của chúng.

Nói một cách ngắn gọn, mục đích của Công ước CITES là nhằm bảo vệ các loài động vật và thực vật hoang dã nguy cấp (bao gồm cả các sản phẩm từ chúng) bằng cách tạo ra một hệ thống kiểm soát bất kỳ hoạt động thương mại và giao dịch nào đối với các loài này.

¹³ Ben Boer, Ross Ramsay và Donald Rothwell, *Luật Môi trường quốc tế khu vực Châu Á Thái Bình Dương* (London, Luật Quốc tế Kluwer, 1998), tr 100.

¹⁴ Ibid., tr 101.

¹⁵ Roda Mushkat, "Luật Môi trường quốc tế khu vực Châu Á Thái Bình Dương: sự phát triển gần đây", *Tạp chí Luật Quốc tế*, Tây California, số 20 (1989), tr 21-29. Tham khảo Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển.

¹⁶ Để biết thêm thông tin, xem phần bốn về tác nhân và phòng ngừa.

¹⁷ Liên Hợp quốc, *Các Hiệp ước*, Tập 993, Số 14537. Công ước CITES được ký kết tại Washington, DC vào ngày 03 Tháng 3 năm 1973 và có hiệu lực ngày 1 tháng 7 năm 1975.

Công ước có ba phụ lục riêng biệt cho các loài và đưa ra các cơ chế kiểm soát và báo cáo áp dụng đối với chúng:

- Phụ lục I bao gồm những loài bị đe dọa tuyệt chủng và do đó kinh doanh thương mại là không thích hợp hay không bền vững. Bất kỳ hoạt động thương mại nào được liệt kê trong các loài thuộc Phụ lục I đòi hỏi phải xin cấp giấy phép từ trước của cả hai nước nhập khẩu và nước xuất khẩu. Ngoài ra còn yêu cầu Giấy chứng nhận khi tái xuất các loài này.
- Phụ lục II bao gồm những loài không nhất thiết có nguy cơ tuyệt chủng, nhưng có thể trở thành tuyệt chủng nếu hoạt động thương mại của chúng không được quy định chặt chẽ, cũng như những loài mà thương mại phải quy định chặt chẽ để cho phép kiểm soát hiệu quả. Yêu cầu có giấy phép xuất khẩu đối với bất kỳ hoạt động thương mại nào đối với loài liệt kê ở Phụ lục II loài và phải được xuất trình cho Cơ quan Hải quan của nước nhập khẩu.
- Phụ lục III bao gồm những loài do từng bên chọn làm đối tượng quy định và đòi hỏi phải có sự hợp tác của các bên khác trong việc kiểm soát thương mại. Buôn bán các loài thuộc Phụ lục III đòi hỏi Cơ quan quản lý của nước xuất khẩu cấp giấy phép xuất khẩu, nếu là nhà nước đó đưa các loài có liên quan vào Phụ lục III, hoặc giấy chứng nhận xuất xứ, nếu đó là một quốc gia khác.

Công ước CITES là văn kiện quốc tế quan trọng nhất đối phó với buôn bán trái phép động vật và thực vật hoang dã vì nó là hiệp ước chỉ đòi hỏi các Bên phải xử phạt một số khía cạnh của thương mại bất hợp pháp đối với các loài được bảo vệ. Nó cũng cho phép các nước tịch thu động vật và thực vật hoang dã có nguồn gốc bất hợp pháp. Trên thực tế, Công ước CITES là điều ước quốc tế duy nhất đưa ra các hành vi vi phạm cụ thể liên quan đến hoạt động bất hợp pháp trong các lĩnh vực loài hoang dã và lâm nghiệp.

Nhiều bên tham gia Công ước CITES đã không ban hành luật cụ thể để thực hiện Công ước. thay vào đó, họ dựa vào pháp luật về rừng và các loài hoang dã nói chung, hoặc trong một số trường hợp họ sử dụng luật hải quan hoặc luật thương mại nước ngoài để kiểm soát buôn bán các loài được liệt kê trong CITES. Đôi khi, những luật này không hoàn toàn phù hợp hoặc không được thực hiện theo yêu cầu của Công ước CITES, đặc biệt là trong trường hợp họ đã được ban hành từ lâu trước khi Công ước CITES đi vào thực tế.¹⁸ Trong đó có lưu ý là:

Nếu luật pháp quốc gia phải là cơ sở thực hiện của hệ thống cấp phép [CITES], sẽ rất khó khăn trong ngăn chặn các nhóm tội phạm tham gia vào việc buôn bán bất hợp pháp các loài loài hoang dã và để trừng phạt những kẻ phạm tội. Việc quốc gia thiếu hệ thống luật thực hiện Công ước CITES đã làm giảm đáng kể hiệu quả của hiệp ước của các thành viên cụ thể và trên toàn thế giới.¹⁹

Như vậy, CITES chỉ có hiệu lực trong phạm vi các điều cụ thể mà các bên tham gia ban hành (và thực thi). Thường là qua một bộ luật về loài nguy cấp hoặc luật có tên tương tự như vậy.²⁰

Công ước CITES được thực hiện rộng rãi, nhưng không phải lúc nào cũng được thực hiện đầy đủ. Công ước này đã có một số thành công trong việc ngăn chặn sự tuyệt chủng của các loài đặc biệt quý hiếm, đặc biệt là trong các trường hợp chấm dứt hoàn toàn hoạt động thương mại. Do đó, Công ước CITES có thể chứng minh giá trị trong giảm bớt các vi phạm rừng và loài hoang dã cụ thể trong trường hợp bảo vệ một loài đang bị đe dọa cụ thể, nhưng nó không thể mở rộng thành một thỏa thuận để ngăn chặn và kiểm soát mọi khía cạnh của thương mại bất hợp pháp đối với động vật và thực vật hoang dã.²¹

Lưu ý là khi được liệt kê như là một loài ở một trong các Phụ lục của CITES có thể có một mặt ảnh hưởng tiêu cực ở chỗ nó "có thể thúc đẩy, trái ngược với mục đích nhằm kiểm chế, buôn bán trái

¹⁸ Cyrille de Klemm, "Hướng dẫn luật pháp thực hiện CITES", Tạp chí Chính sách và Luật pháp Môi trường IUCN, Số 26 (Gland, Thụy Sĩ và Cambridge, Vương quốc Anh, Hội đồng Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên, 1993), tr 5.

¹⁹ Mara E. Zimmermann, "Thị trường các loài hoang dã chợ đen", tr 1657-1665 (đã bỏ sung phần nhấn mạnh).

²⁰ Xem thêm ở mục 2.4.

²¹ Duncan Brack, Kevin Gray và Gavin Hayman, "Kiểm soát thương mại quốc tế", tr 36.

phép các loài bởi vô tình đã quảng cáo cho tính hiếm có của chúng.”²² Lời chỉ trích như vậy nhấn mạnh thực tế rằng việc gia nhập và thực hiện Công ước CITES phải được đi kèm với các cơ chế kiểm soát và hành động thực thi rõ ràng và nghiêm ngặt.

Công cụ I.1. CITES

- Quốc gia này có phải là một bên tham gia CITES không?
- CITES được thực hiện theo bộ luật hoặc hệ thống luật pháp nào của quốc gia? Có luật hoặc pháp quy tương tự liên quan chủ yếu đến các loài hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng, hay có nhiều công cụ pháp lý?
- Những bộ luật đó có giúp chính phủ điều phối các hoạt động thương mại, sở hữu và vận chuyển các loài động và thực vật trong nước và quốc tế không?

Việc thực hiện nghĩa vụ Công ước CITES ở nội bộ quốc gia được phân tích rõ hơn trong phần một, mục 2.3, của *Bộ công cụ*. Mục 3.5 xem xét hành vi phạm tội hình sự liên quan đến việc bảo vệ các loài bị đe dọa.

Điều kiện giới hạn trong CITES

Các hoạt động trong phạm vi Công ước CITES có thể giới hạn với loài động thực vật cụ thể nếu một nhà nước ký một điều kiện hạn chế đối với bất kỳ loài thuộc ba phụ lục trong đó hoặc bất kỳ phần nào hoặc các phần phụ cụ thể nào được nêu ra đối với một loài có trong Phụ lục III (theo điều XXIII, khoản 2 của Công ước). Điều này có thể được thực hiện khi trở thành bên tham gia Công ước hoặc khi sửa đổi các phụ lục liên quan đến thương mại trong các loài hoặc một phần hoặc phần phát sinh có liên quan. Cơ chế hạn chế trong Công ước CITES cho phép các nước hành động như là bên không liên quan đến loài cụ thể đó (điều XV, khoản 3 và điều XVI, khoản 2).²³

Điều kiện giới hạn trong Công ước CITES được nhiều bên coi là làm suy yếu các mục đích của Công ước bởi chúng mở cửa cho các nước lựa chọn không tham gia vào việc bảo vệ một số loài, do đó cho phép khai thác thương mại các loài có nguy cơ bị tuyệt chủng.²⁴ Mặt khác, các điều khoản giới hạn là cách thức tăng cường hỗ trợ chung của Công ước và khuyến khích các quốc gia thành viên khác có thể không gia nhập Công ước CITES. Hơn nữa, các điều kiện giới hạn này thừa nhận rằng các quốc gia có thể có lợi ích thương mại hợp pháp đối với một số loài và tìm cách bảo vệ lợi ích cho nền kinh tế của họ.²⁵

Công cụ I.2 Điều kiện giới hạn trong CITES

- Quốc gia này đã ký kết điều kiện giới hạn liên quan đến các loài được nêu cụ thể trong CITES chưa?

²² Erika Alacs và Arthur Georges, “Động vật hoang dã qua biên giới của chúng ta: xem xét về thương mại bất hợp pháp ở Australia”, *Tạp chí khoa học Pháp y Australia*, Tập 40, Số 2 (Tháng 12 năm 2008), tr 147-154.

²³ Gwyneth G. Stewart, “Vấn đề thực thi pháp luật trong công ước về các loài nguy cấp: giới hạn liên quan đến các điều khoản giới hạn này”, *Tạp chí Luật Quốc tế Cornell*, Tập 14, Số 3 (1981), tr 429-435.

²⁴ Patricia W. Birnie và Alan E. Boyle, *Luật Quốc tế và Môi trường*, Số 2 bản sửa. (New York, Oxford University Press, 2002), tr 629-630; Ben Boer, Ross Ramsay và Donald Rothwell, *Luật Môi trường quốc tế khu vực Châu Á Thái Bình Dương*, tr 106.

²⁵ Gwyneth G. Stewart, “Vấn đề thực thi pháp luật trong công ước các loài nguy cấp”, tr 429-436.

- Có hoạt động thương mại nào đối với các loài này không? Nếu có, hoạt động thương mại này có liên quan tới các nhóm tội phạm không?

1.2 Công ước của Liên Hợp Quốc chống lại tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia

Các báo cáo của Liên Hợp Quốc gần đây cho thấy các tổ chức tội phạm đã đa dạng hóa hoạt động sang các thị trường bất hợp pháp đối với động vật và thực vật hoang dã, lý do là bị thu hút bởi lợi nhuận cao và rủi ro thấp.²⁶ Các hình thức vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã nghiêm trọng và có tổ chức, ví dụ như buôn bán các sản phẩm hổ,²⁷ ngà voi, chim quý, trứng cá v.v, có thể nằm trong phạm vi của Công ước Liên Hợp Quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.²⁸ Từ khi thành lập, Công ước đã trở thành một công cụ quan trọng và gần như phổ biến trên toàn cầu trong việc ngăn ngừa và chống tội phạm có tổ chức, bao gồm buôn bán trái phép động vật, thực vật hoang dã và các bộ phận và dẫn xuất của chúng.

Công ước chống Tội phạm Có tổ chức xuyên Quốc gia— còn được gọi là Công ước Palermo - là công cụ chính trong cuộc chiến chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia. Nó thể hiện sự công nhận bởi Quốc gia thành viên về mức độ nghiêm trọng của các vấn đề gây ra bởi tội phạm có tổ chức, cũng như yêu cầu cần phải tăng cường hợp tác quốc tế chặt chẽ. Công ước khuyến khích các Bên chấp thuận các biện pháp chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, bao gồm cả việc cấu thành tội phạm hình sự trong nước, cũng như các khuôn khổ cho việc dẫn độ, tương trợ tư pháp và hợp tác thực thi pháp luật. Công ước cũng tìm cách nâng cao tiêu chuẩn hóa và điều phối biện pháp lập pháp, hành chính và thực thi quốc gia liên quan đến tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và để đảm bảo nỗ lực toàn cầu hữu hiệu và hiệu quả hơn để phòng ngừa và ngăn chặn tình trạng này.²⁹

Công ước này áp dụng cho một loạt hành vi phạm tội cụ thể, được nêu cụ thể trong các quy định sau đây: tham gia trong một nhóm tội phạm có tổ chức (Điều 5); rửa tiền (Điều 6); tham nhũng (Điều 8); và cản trở công lý (Điều 23). Ngoài ra, Công ước này áp dụng cho hành vi phạm tội dưới ba Nghị định thư bổ sung Công ước,³⁰ cũng như đối với tất cả các “tội phạm nghiêm trọng” có tính chất tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia. Theo điều 2, khoản (b), “tội phạm nghiêm trọng” có nghĩa là một hành vi, tạo thành một hành vi phạm tội bị phạt tước quyền tự do tối đa là ít nhất bốn năm tù hoặc một hình phạt nặng hơn.”³¹ “Nghiêm trọng” liên quan đến hình phạt dự kiến đối với một tội phạm theo pháp luật trong nước và do đó “tội phạm nghiêm trọng” cũng có thể liên quan tới các vi phạm về rừng và loài hoang dã, có thể bị trừng phạt bởi một bản án tù bốn năm hoặc nhiều hơn.

Do cả hai yếu tố: phạm tội và những ảnh hưởng của hành vi vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã thường là xuyên quốc gia về mặt bản chất và có sự tham gia thường xuyên của các nhóm tội phạm có tổ chức trong các hoạt động này, có thể viện dẫn Công ước chống Tội phạm Có tổ chức xuyên Quốc gia áp dụng cho các hành động phản ứng đối với vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã xuyên biên giới.³² Thật vậy, Hội đồng chung của Liên hợp quốc xác nhận rằng Công ước này:

²⁶ Liên Hợp quốc, Hội đồng Kinh tế và Xã hội, “Buôn bán bất hợp pháp các loài được bảo vệ”, khoản 28.

²⁷ Xem thêm Brendan Moyle, “Thị trường chợ đen các sản phẩm hổ ở Trung quốc”, tr 124-141.

²⁸ Liên Hợp quốc, Các Công ước, tập 2225, Số 39574. Được thông qua vào ngày 15 tháng 11 năm 2000; có hiệu lực vào ngày 29 Tháng 9 năm 2003.

²⁹ Xem thêm David McClean, *Tội phạm có tổ chức Xuyên quốc gia: Một bình luận về Công ước Liên Hiệp Quốc và các Nghị định thư* (Oxford, Oxford University Press, 2007), tr 1-31; và Andreas Schloenhardt, *Palermo ở khu vực Thái Bình Dương: Tội phạm có tổ chức trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương* (Leiden, Boston, Martinus Nijhoff, 2010), tr 33-39.

³⁰ Công ước này được bổ sung bởi ba Nghị định thư: Nghị định thư về ngăn ngừa, trấn áp và trừng trị tội buôn bán người, đặc biệt là Phụ nữ và trẻ em, Nghị định thư chống buôn lậu người di cư bằng đường bộ, biển và trên không và Nghị định thư chống Sản xuất và buôn bán Vũ khí, các bộ phận và các thành phần của chúng và đạn dược bất hợp pháp

³¹ Xem thêm Andreas Schloenhardt, *Palermo ở khu vực Thái Bình Dương*, tr 41-43.

³² Với điều kiện là hành vi phạm tội như vậy được xem xét trong hệ thống luật pháp của các quốc gia thành viên của Công ước.

tạo thành một công cụ hiệu quả và khuôn khổ pháp lý cần thiết cho việc hợp tác quốc tế chống các hoạt động tội phạm như buôn bán bất hợp pháp các loài động vật và thực vật hoang dã được bảo vệ, nhằm thúc đẩy các nguyên tắc của Công ước Quốc tế về Buôn bán các loài động thực vật hoang dã nguy cấp (CITES).³³

Công cụ I.3 Công ước chống Tội phạm Có tổ chức xuyên Quốc gia của Liên Hợp quốc

- Quốc gia đó có phải là nước thành viên của Công ước của Liên Hợp Quốc chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia?
- Trong đó (các) bộ luật quốc gia nào đã thực thi theo Công ước này?

Việc thực hiện các quy định của Công ước được thảo luận thêm trong phần một, phần 4.5, dưới đây. Công ước chống Tội phạm Có tổ chức xuyên Quốc gia cũng cung cấp một cơ chế hợp tác quốc tế có hiệu quả đặc biệt trong các vấn đề hình sự bằng cách cung cấp một cơ sở pháp lý rộng rãi và linh hoạt cho việc hợp tác về dẫn độ, tương trợ tư pháp và hợp tác quốc tế giữa các Nhà nước tham gia liên quan đến tất cả các hình thức tội phạm nghiêm trọng. Những công cụ này được tìm hiểu thêm trong phần hai, mục 5 của *Bộ công cụ*.

1.3 Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng

Trong phạm vi các hình thức khác nhau của vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã liên quan đến hành vi tham nhũng, Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng³⁴ có thể là một cơ sở pháp lý quan trọng để chống lại chúng. Công ước này, là công cụ ràng buộc pháp lý toàn cầu đầu tiên chống tham nhũng, được xây dựng dựa trên tiền lệ của Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và kết hợp một số lượng đáng kể các quy định tương tự. Tính đến tháng năm 2011, Công ước Liên Hợp Quốc về chống Tham nhũng đã có 152 quốc gia làm thành viên.

Công ước này nhằm:

“thúc đẩy và tăng cường các biện pháp phòng, chống tham nhũng hiệu quả hơn; để thúc đẩy, tạo điều kiện và hỗ trợ hợp tác quốc tế và hỗ trợ kỹ thuật trong việc phòng ngừa và chống tham nhũng, bao gồm phục hồi tài sản; thúc đẩy tính liêm chính, trách nhiệm giải trình và quản lý tốt vấn đề công cộng và tài sản công cộng.”³⁵

Công ước đặt ra một loạt các biện pháp chống tham nhũng dự phòng và các biện pháp liên quan đến hình sự hóa và thực thi pháp luật, hợp tác quốc tế, thu hồi tài sản, hỗ trợ kỹ thuật và trao đổi thông tin.

Công cụ I.4 Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng

- Quốc gia này có phải là một bên tham gia Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng

³³ Nghị quyết của Hội đồng chung Liên Hợp quốc số 55/25 ngày 15 tháng 11 năm 2000. Xem thêm Mara E. Zimmermann, “Thị trường chợ đen các loài hoang dã”, tr 1657-1685.

³⁴ Liên Hợp quốc, *Các Hiệp ước*, Tập 2349, Số 42146. Được thông qua vào ngày 31 Tháng Mười năm 2003 và có hiệu lực vào ngày 14 Tháng 12 năm 2005.

³⁵ Công ước về Chống Tham nhũng của Liên Hợp quốc, chương I, phần 1.

?

- Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng được thực hiện theo bộ luật hoặc hệ thống luật pháp nào của quốc gia?

Việc thực hiện các quy định của Công ước trong nội bộ quốc gia được thảo luận thêm trong mục 4.3 ở dưới đây.

Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng cũng là một cơ chế đặc biệt hiệu quả trong hợp tác quốc tế trong các vấn đề hình sự bằng cách cung cấp một cơ sở pháp lý cho sự hợp tác về dẫn độ, tương trợ tư pháp và hợp tác quốc tế giữa các quốc gia thành viên. Những công cụ này được phân tích thêm trong phần hai, các mục 7 và 8.

Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng là một tập hợp toàn diện các biện pháp nhằm thiết lập tính liêm chính, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình giúp ngăn chặn nạn tham nhũng trong các cơ quan tham gia vào cuộc chiến chống lại vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã, ví dụ như các cơ quan thực thi pháp luật, Hải quan, các ban ngành lâm nghiệp và các loài hoang dã, ngoài ra còn có các công tố viên và ngành tòa án. Những điều này và các biện pháp khác được thảo luận trong phần hai, mục 9 và phần ba, các mục 1.4 và 2.4.

1.4 Các công ước quốc tế khác

Ngoài các hệ thống được thiết lập bởi Công ước CITES, Công ước Liên Hợp Quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng, một số công ước khác thiết lập các nguyên tắc và cơ chế có thể được sử dụng để ngăn chặn vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã.

Công ước về Đa dạng sinh học

Công ước về Đa dạng sinh học³⁶ tập trung chủ yếu vào bảo vệ sinh cảnh sống bằng cách nỗ lực cân bằng nhu cầu phát triển kinh tế với bảo vệ đa dạng sinh học, đặc biệt thông qua việc đề cử khu vực dự trữ ở các nước đang phát triển. Trọng tâm chính của Công ước là phát triển bền vững và sử dụng tài nguyên thiên nhiên (Điều 1), bao gồm động thực vật hoang dã, công nhận "sự tương tác giữa các sinh cảnh và dân số."³⁷

Liên quan đến động thực vật hoang dã, Công ước này nhằm bảo vệ hệ sinh thái, bao gồm các khu rừng. Đối với mục đích này, Công ước yêu cầu các quốc gia thành viên, thực hiện các bước hạn chế các hoạt động đe dọa tới sự tuyệt chủng của các loài hay xuống cấp của các hệ sinh thái trong phạm vi lãnh thổ của họ. Cụ thể là, Công ước kêu gọi các quốc gia thành viên tiến hành các bước tích cực nhằm phục hồi và tái sinh các hệ sinh thái bị suy thoái, nhằm thiết lập và thực thi pháp luật và quy định để bảo vệ các loài bị đe dọa, nhằm thiết lập các khu vực bảo vệ đặc biệt và tiến hành đánh giá tác động môi trường của các dự án phát triển (Các điều 8 và 9).³⁸

Công ước về Đa dạng sinh học đã thường xuyên bị chỉ trích vì chỉ đạt được các kết quả thực tế rất hạn chế.³⁹ Thứ nhất, các cơ chế bảo vệ đứng thứ hai sau "phát triển kinh tế và xã hội và xóa đói giảm nghèo", được công nhận là "các ưu tiên hàng đầu và quan trọng của các nước đang phát triển". Công ước cũng đảm bảo rằng các quốc gia thành viên duy trì chủ quyền đầy đủ "để khai thác nguồn lực của họ [theo] các chính sách môi trường của riêng họ" (Điều 3). Do đó, các ý kiến phê bình cho rằng bảo vệ đa dạng sinh học "sẽ tiếp tục bị giới hạn bởi các ưu tiên phát triển khác

³⁶ Liên Hợp Quốc, *Các Công ước*, tập 1760, Số 30619. Được thông qua vào ngày 5 tháng 6 năm 1992 và có hiệu lực vào ngày 29 tháng 12 năm 1993.

³⁷ Ben Boer, Ross Ramsay và Donald Rothwell, *Luật Môi trường quốc tế khu vực Châu Á Thái Bình Dương*, tr 111.

³⁸ Cf. Debra J. Callister, "Hoạt động bất hợp pháp và tham nhũng trong ngành lâm nghiệp: sự hiểu biết hiện tại và tác động đối với Ngân hàng Thế giới", văn kiện nền cho Chiến lược Lâm nghiệp 2002 (Washington, DC, tháng 5 năm 1999), tr 26.

³⁹ Ben Boer, Ross Ramsay và Donald Rothwell, *Luật Môi trường quốc tế khu vực Châu Á Thái Bình Dương*, tr 111-112.

trong phạm vi từng quốc gia”.⁴⁰ Thứ hai là, không giống như Công ước CITES, Công ước về Đa dạng sinh học không bảo vệ các loài cụ thể và không giống như Công ước về Bảo vệ Văn hóa và Di sản Thiên nhiên của Thế giới, nó không bảo vệ các địa điểm hoặc lĩnh vực cụ thể nào. Trong khi Công ước Đa dạng sinh học ủng hộ việc bảo vệ môi trường sống tự nhiên, nó không nêu cụ thể các biện pháp để đạt được mục đích này.

Một điểm mạnh của Công ước này được cho là có hỗ trợ tài chính cho các quốc gia đang phát triển dưới hình thức các chương trình bảo tồn đa dạng sinh học. Hơn nữa, một số chuyên gia đã lưu ý rằng:

Về nguyên tắc, Công ước về Đa dạng sinh học có thể làm nền móng cho một bộ các thương thảo đa phương nhằm xây dựng một Nghị định thư cụ thể về khai thác gỗ bất hợp pháp... Tuy nhiên, cần nói một cách công bằng là hầu hết các ngành công nghiệp lâm nghiệp vẫn còn chưa rõ ràng về Công ước về Đa dạng sinh học, thường được xem như là một công cụ của các nhà hoạt động môi trường.⁴¹

Công cụ I.5 Công ước về Đa dạng sinh học

- Quốc gia này có phải là một bên tham gia Công ước về đa dạng sinh học không?
- Quốc gia đó có luật riêng về phát triển bền vững và sử dụng tài nguyên thiên nhiên nhằm cân bằng bảo vệ môi trường với phát triển kinh tế không?
- Làm thế nào để các luật này bảo đảm thực thi các điều khoản của nó? Chúng ta thành lập tội liên quan đến rừng và các loài hoang dã không?

Công ước về bảo vệ Di sản văn hóa và di sản thiên nhiên Thế giới

Mục đích của Công ước về bảo vệ Di sản văn hóa và di sản thiên nhiên Thế giới⁴² cũng được gọi là Công ước Di sản Thế giới, nhằm bảo vệ các địa điểm văn hóa và thiên nhiên được chỉ định khỏi sự hủy diệt, lấn chiếm và khai thác. Công ước này nhằm “thiết lập một hệ thống hiệu quả nhiều biện pháp bảo vệ các di sản văn hóa và tự nhiên có giá trị toàn cầu nổi bật trên cơ sở lâu dài và phù hợp với các phương pháp khoa học hiện đại”.⁴³ Mỗi quan tâm chính được nêu ra trong Công ước là bảo vệ di sản tự nhiên (và văn hóa) của thế giới có “giá trị toàn cầu nổi bật”.⁴⁴ Hướng dẫn về thực thi Công ước xác định chi tiết các tiêu chí cần phải được đáp ứng để đưa di sản thiên nhiên trở thành một trong những “giá trị toàn cầu nổi bật”. Các bên có thể xác định “thành phần cấu thành của di sản văn hóa và thiên nhiên” và trình đề xuất của mình lên Ủy ban Di sản thế giới.⁴⁵ Ủy ban sẽ thu thập thông tin về các biện pháp quản trị và lập pháp về bảo vệ các tài sản nhất định trên lãnh thổ của Quốc gia thành viên. Nó cũng duy trì và cập nhật Danh sách di sản thế giới đang có nguy cơ đối với di sản thiên nhiên cần có nhiều hoạt động lớn nhằm bảo tồn (Điều 11, khoản 4). Việc có tên trong danh sách này được giới hạn chỉ ở các di sản đang phải đối mặt với “nguy hiểm nghiêm trọng và cụ thể ví dụ như có nguy cơ biến mất”.⁴⁶

⁴⁰ Raymond Michalowski và Kevin Bitten, “Tội phạm môi trường xuyên quốc gia”, trong *Sổ tay về Tội phạm xuyên quốc gia và Luật pháp*, Philip Reichel, sửa đổi (Thousand Oaks, California, Sage Publications, 2005), tr 139-155.

⁴¹ Duncan Brack, Kevin Gray và Gavin Hayman, “Kiểm soát Thương mại quốc tế”, *Nghị định thư 36*

⁴² Liên Hợp Quốc, Các Công ước, *tập* 1037, Số 15511. đã được thông qua ngày 16 Tháng 11 năm 1972 và có hiệu lực vào ngày 17 tháng 12 năm 1975.

⁴³ Công ước về bảo vệ Di sản văn hóa và di sản thiên nhiên Thế giới, Lời mở đầu.

⁴⁴ Điều 2 của Công ước về bảo vệ Di sản văn hóa và di sản thiên nhiên Thế giới quy định rằng thuật ngữ “di sản thiên nhiên” bao gồm “đặc điểm tự nhiên bao gồm các thành tạo vật lý và sinh học của các nhóm của các thành tạo đó có giá trị toàn cầu nổi bật từ quan điểm thẩm mỹ hoặc khoa học; hình thành địa chất hoặc địa văn học và khu vực khoanh định chính xác cấu thành sinh cảnh sống của các loài động vật và thực vật bị đe dọa trên quan điểm khoa học hoặc bảo tồn; các khu vực tự nhiên hay mô phỏng chính xác khu vực tự nhiên với giá trị toàn cầu nổi bật từ quan điểm khoa học, bảo tồn hay vẻ đẹp tự nhiên”

⁴⁵ Công ước về bảo vệ Di sản văn hóa và di sản thiên nhiên Thế giới, điều 8 và điều 11, khoản 11

⁴⁶ Công ước về bảo vệ Di sản văn hóa và di sản thiên nhiên Thế giới, điều 11, khoản 4.

Không giống như Công ước CITES, Công ước về bảo vệ di sản văn hóa và di sản thiên nhiên thế giới không bảo vệ các loài thực vật hay động vật cụ thể nào. Quan trọng hơn là nó không yêu cầu các bước bảo vệ và bảo tồn bắt buộc. Công ước này đưa ra một loạt các hướng dẫn nhằm khuyến khích các bên tham gia bảo vệ di sản văn hóa và tự nhiên của họ. Điều 5 đưa ra một loạt các bước mà các nước có thể thực hiện để đạt được sự bảo vệ, bảo tồn và sự có mặt của di sản thiên nhiên và văn hóa.

Công ước này cũng tạo ra Quỹ Di sản Thế giới,⁴⁷ trong đó các Bên đóng góp tự nguyện và từ đó họ có thể tìm kiếm tài chính và các hỗ trợ khác để bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên của mình.

Công cụ I.6 Công ước về bảo vệ Di sản văn hóa và di sản

- Quốc gia này có phải là một bên tham gia Công ước về bảo vệ Di sản văn hóa và di sản thiên nhiên Thế giới không?
- Có khu vực thiên nhiên nào trong quốc gia đó được liệt kê trong Công ước này trong danh sách di sản thế giới với “giá trị toàn cầu nổi bật” không?
- Quốc gia này có các điều luật về bảo vệ khu di sản thiên nhiên không? Các điều luật đó có thành lập tội phạm hình sự về kinh doanh di sản thiên nhiên bất hợp pháp không?

1.5 Các thỏa thuận song phương

Nhiều quốc gia hoặc cơ quan chịu trách nhiệm của họ đã thực hiện rất nhiều các thỏa thuận song phương —ví dụ như thỏa thuận tương trợ tư pháp hoặc quản trị và các Biên bản Ghi nhớ (MOU)— cho vấn đề thực thi pháp luật nói chung, trong đó có thể áp dụng để chống lại vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã xuyên quốc gia. Đồng thời, một số nước đã tham gia hiệp định song phương cụ thể để ngăn chặn buôn bán trái phép loài hoang dã và lâm sản. Các thỏa thuận này có thể được thiết lập giữa các quốc gia sản xuất và quốc gia tiêu dùng, thống nhất hành động để ngăn chặn và trấn áp hoạt động buôn bán trái phép động vật và thực vật hoang dã có ảnh hưởng đến họ. Khả năng có thỏa thuận tự nguyện như vậy đã được xác nhận qua Tuyên bố Bộ trưởng tại Hội nghị Bộ trưởng Đông Á về Quản trị và Thực thi Luật Lâm nghiệp, tổ chức tại Bali, Indonesia, trong năm 2001.⁴⁸

Văn bản mang tính hiệp định song phương đầu tiên là một Biên bản ghi nhớ giữa Indonesia và Vương quốc Anh và Bắc Ireland trong năm 2002, cam kết phối hợp giữa hai nước nhằm giảm thiểu và cuối cùng đi đến loại bỏ việc khai thác gỗ bất hợp pháp và thương mại quốc tế trong khai thác trái phép gỗ và sản phẩm gỗ. Từ đó Indonesia đã tham gia thêm vào các thỏa thuận tương tự với Trung Quốc, Nhật Bản, Na Uy và Cộng hòa Triều Tiên.⁴⁹

Tháng 7 năm 2010, nghị viện Châu Âu đã thông qua Quy chế Gỗ Liên minh Châu Âu (trước đây là Quy định Soát xét Toàn diện). Quy định này không chỉ đòi hỏi các thương nhân kinh doanh gỗ thực hiện “soát xét toàn diện” khi bán gỗ vào thị trường Liên minh Châu Âu nhưng cũng cấm việc bán gỗ khai thác bất hợp pháp trong Liên minh Châu Âu. Dự kiến quy định này sẽ được áp dụng trong tất cả các nước thành viên Liên minh Châu Âu vào đầu năm 2013.

Gỗ từ các nước đối tác FLEGT sẽ được coi là đã đáp ứng các yêu cầu của Quy chế Gỗ Liên minh Châu Âu nếu Hiệp định Đối tác tự nguyện (VPA) FLEGT với các nước này thiết lập quy trình kiểm soát và cấp phép để đảm bảo rằng chỉ bán các sản phẩm gỗ có nguồn gốc khai thác hợp pháp trên Thị trường Liên minh Châu Âu.

⁴⁷ Công ước về bảo vệ Di sản văn hóa và di sản thiên nhiên Thế giới, phần 15.

⁴⁸ See part one, mục 5.1.

⁴⁹ Tổ chức Nông lương của Liên Hợp Quốc và Tổ chức Gỗ nhiệt đới, *Điện hình tốt trong nâng cao tuân thủ luật pháp trong ngành lâm nghiệp*, Tài liệu lâm nghiệp FAO, Số 145 (Rome, FAO, 2005), *Nghị định thư* 69.

Một yếu tố chung cho tất cả các VPA là các quốc gia sản xuất thiết lập hệ thống kiểm soát đáng tin cậy để xác minh gỗ được sản xuất phù hợp với luật pháp quốc gia. Điều này mang ý nghĩa là:

- Một cam kết áp dụng luật lâm nghiệp một cách phù hợp, dễ hiểu và dễ thực thi và thúc đẩy quản lý rừng bền vững;
- Xây dựng các hệ thống kỹ thuật và quản lý hành chính để giám sát hoạt động khai thác và xác định và theo dõi gỗ từ các điểm khai thác và các điểm nhập khẩu đến điểm xuất khẩu;
- Một cam kết cải thiện tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản trị rừng;
- Xây dựng hệ thống kiểm tra và xem xét theo dõi và cấp giấy phép hệ thống, bao gồm thực hiện của một hệ thống giám sát độc lập; và
- Thiết lập quy trình thủ tục để cấp giấy phép xuất khẩu gỗ khai thác hợp pháp.

Tính đến tháng 7 năm 2011, Liên minh Châu Âu đã hoàn tất VPA với sáu quốc gia và đang đàm phán thỏa thuận với một số nước khác. Liên minh Châu Âu và Trung Quốc đã có một Biên bản Ghi nhớ để làm việc về các vấn đề FLEGT nhằm chuẩn bị hiệu lực của Quy chế Gỗ Liên minh châu Âu trong năm 2013.⁵⁰

Một số quốc gia tiêu dùng khác có các luật tương tự hoặc đang trong quá trình xây dựng luật về chống buôn bán gỗ khai thác trái phép. Mỹ là nước đầu tiên thực hiện các biện pháp này bằng cách sửa đổi Đạo luật Lacey trong năm 2008 để quy định tính bất hợp pháp trong nhập khẩu, kinh doanh, vận chuyển khai thác trái phép gỗ và sản phẩm gỗ. Australia đang trong quá trình xây dựng của pháp luật chống buôn bán gỗ khai thác trái phép, Thụy Sĩ đang áp dụng một tờ khai nhập khẩu. Ngày càng có nhiều quốc gia xây dựng chính sách mua sắm công với mục đích tránh sử dụng gỗ khai thác trái phép trong các dự án công.

Công cụ I.7 Các hiệp định song phương

- Quốc gia này có ký kết hiệp định song phương với các quốc gia khác liên hệ trực tiếp hoặc gián tiếp tới tội phạm rừng và các loài hoang dã hoặc thương mại bất hợp pháp về động thực vật hoang dã?
- Quốc gia này có tham gia thương thảo VPA, các hiệp định thương mại tự do hoặc các hiệp định song phương khác nhằm ngăn chặn thương mại gỗ bất hợp pháp không?
- Cơ chế nào được đưa vào hiệp định đó? Nó có đưa các tội phạm hình sự, các biện pháp cho Hải quan và hợp tác thực thi luật, trao đổi thông tin và vv? Hiệp định này được thực thi như thế nào?

Thường thì các thỏa thuận song phương giữa từng quốc gia bị chi phối bởi thương mại bất hợp pháp là tương đối dễ đàm phán và thường được hỗ trợ bởi tính sẵn sàng chính trị cần thiết cho các quốc gia để thực hiện công việc.

Tuy nhiên, cần lưu ý là thỏa thuận song phương có thể tránh các sản phẩm vận chuyển thông qua nước thứ ba, nước láng giềng của nước xuất xứ hoặc nước điểm đến.⁵¹

⁵⁰ Ủy ban Châu Âu, "Thực thi Luật Lâm nghiệp, Quản trị và Thương mại: Hiệp định Đối tác Tự nguyện", Tập tóm tắt FLEGT, Số 6 (2007). Có tại http://ec.europa.eu/development/icenter/repository/B2_Flegt_Br6_2007_en.pdf; Viện Lâm nghiệp Châu Âu, Nhóm FLEGT, *Thực thi Luật Lâm nghiệp, Quản trị và Thương mại: Cách tiếp cận của Liên minh Châu Âu*, Giới thiệu tóm tắt chính sách, số 2 (Helsinki: Viện Lâm nghiệp Châu Âu, 2008). Có tại www.efi.int/files/attachments/publications/efi_policy_brief_2_eng_net.pdf; Viện Lâm nghiệp Châu Âu, cơ quan FLEGT EU, *một Hiệp định Đối tác Tự nguyện là gì? Cách tiếp cận của Liên minh Châu Âu*, Giới thiệu tóm tắt chính sách EFI, số 3 (2009). Có tại www.efi.int/files/attachments/publications/efi_policy_brief_3_eng_net.pdf, www.euflegt.efi.int/portal/home/vpa_countries/.

⁵¹ Duncan Brack, Kevin Gray và Gavin Hayman, "Kiểm soát Thương mại Quốc tế", *Nghị định thư 32*.

Ví dụ, trong hai thập kỷ qua, Mỹ và các đối tác thương mại cũng đưa vào các hiệp định thương mại tự do song phương của họ một yêu cầu về hạn chế khai thác gỗ bất hợp pháp và kinh doanh sản phẩm loài hoang dã bất hợp pháp khác. Quy định như vậy tạo thuận lợi cho thương mại hợp pháp loài hoang dã và gỗ và thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, tuy vậy họ cũng bị chỉ trích vì tạo ra nhiều lỗ hổng do thủ tục bị đơn giản hóa và kiểm soát biên giới bị giảm bớt. Các Hiệp định hành chính song phương ký kết giữa các quốc gia giúp tăng cường hỗ trợ lẫn nhau và trao đổi thông tin trong các lĩnh vực khác nhau ví dụ thi hành luật có liên quan gián tiếp đến rừng và các loài hoang dã.

2. Pháp luật trong nước

Việc thiếu chuẩn mực pháp lý quốc tế toàn diện đối phó với vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã có nghĩa là luật pháp trong nước chủ yếu chịu trách nhiệm xác định tính chất, phạm vi và hậu quả của vi phạm về rừng và động vật hoang dã. Ngược lại, nếu không có luật quy định các vi phạm luật lâm nghiệp về rừng và động vật ở quy mô quốc gia, kể cả tội phạm hình sự, sẽ rất khó để chống lại vi phạm về rừng và động vật hoang dã ở quy mô quốc tế.⁵²

Ở nhiều quốc gia, việc cải cách hệ thống pháp luật và quy định là điều kiện tiên quyết để giải quyết vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã. Một trong nhiều thách thức trong việc phát triển và tăng cường các hệ thống này là thực tế là vi phạm về rừng và động vật hoang dã liên quan đến một phạm vi đa dạng của các ban, ngành được điều chỉnh bởi một loạt các văn bản pháp lý. Các mục và các công cụ sau đây được thiết kế để xác định các đạo luật có liên quan liên quan đến loài hoang dã, rừng, bảo vệ các loài và luật hình sự.

Ở một số quốc gia, luật pháp liên quan đến vi phạm về rừng và các loài hoang dã được xây dựng rất sơ sài hoặc yếu kém bởi các khoảng trống lớn. Ở một số quốc gia khác thì có thể mở rộng các khuôn khổ pháp lý để các cơ quan chính phủ, bao gồm cơ quan thực thi pháp luật, không có các nguồn lực để giám sát việc tuân thủ đầy đủ.

Khi phân tích về loài hoang dã, rừng và luật hình sự, bao gồm hành vi phạm tội và xây dựng các khuyến nghị cải cách luật pháp, điều quan trọng là tránh trùng lặp không cần thiết, sự chồng chéo và thói quen liên: “Sự đơn giản và tính hiệu quả của các quy định thường đi liền với nhau.”⁵³

Chính phủ càng có ít và càng đơn giản hóa các quy tắc thì càng làm giảm sự giải thích viện dẫn tùy tiện và sự phạm tội ... Các điều luật quá phức tạp và khó hiểu cần có thủ tục phức tạp và tốn kém và định hướng lại đột ngột về tổ chức hay hành vi xã hội, có nguy cơ trở nên không thể thi hành, không phù hợp và mở cửa cho các hành vi tham nhũng và bất hợp pháp khác.⁵⁴

Hơn nữa, có pháp luật chính xác vẫn là chưa đủ; tính bạch cũng rất quan trọng. Trong đó có cả việc phổ biến rộng rãi pháp luật và đảm bảo rằng ngôn ngữ được diễn đạt một cách dễ hiểu đối với công chúng.⁵⁵

Ngân hàng Thế giới lưu ý rằng, mặc dù không có mô tả nào phù hợp với tất cả các trường hợp đối với Luật các loài hoang dã và luật lâm nghiệp, các nhà lập pháp có thể thiết kế luật theo cách chống lại các hoạt động bất hợp pháp và tham nhũng bằng cách làm như sau:⁵⁶

Tránh đặt ra điều luật quá tham vọng: Đừng viết luật vượt quá năng lực quốc gia, không chi tiết hơn mức cần thiết nhằm đạt được các chính sách dự định nếu không, sẽ không được xã hội chấp nhận.

⁵² Mara E. Zimmerman, “Thị trường các loài hoang dã chợ đen”, *Nghị định thư* 1657-1675.

⁵³ Esa Puustjärvi, *Đề xuất về loại hình khai thác gỗ bất hợp pháp* (Helsinki, Savcor Indufor Oy, 2008), *Nghị định thư* 30.

⁵⁴ Arnoldo Contreras-Hermosilla “Tuân thủ luật pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp: tổng quan”, Tài liệu làm việc của Viện Ngân hàng Thế giới (Washington, DC, Ngân hàng Thế giới, 2002), *Nghị định thư* 15-16.

⁵⁵ Ngân hàng Thế giới, “Tăng cường thực thi pháp luật và quản trị lâm nghiệp: giải quyết một trở ngại có hệ thống để phát triển bền vững”, Báo cáo Số 36.638-GLB (Washington, DC, 2006), *Nghị định thư* 6.

⁵⁶ Ibid.

Tránh các yêu cầu không cần thiết về cấp giấy phép hoặc cho phép: Những điều này sẽ chất thêm gánh nặng trên cả hai nguồn lực Chính phủ và khu vực tư nhân và cung cấp cơ hội cho tham nhũng. Hãy chắc chắn rằng các yêu cầu về giấy phép và kiểm soát phục vụ một mục đích chính đáng.

Thúc đẩy tính minh bạch và trách nhiệm giải trình: Những điều này phục vụ cả hai mục đích ngăn chặn hành vi xấu và phát hiện hành vi xấu dễ dàng hơn. Trường hợp pháp luật trao quyền quyết định cho các cán bộ thực thi, đây sẽ là các tiêu chuẩn nhằm thực hiện các quyết định đó.

Tăng cường mối quan tâm của địa phương và tổ chức phi chính phủ trong quản lý rừng: Luật pháp có thể làm điều này bằng cách công nhận các quyền hiện có hoặc bằng cách tạo ra cơ hội mới cho người dân địa phương được hưởng lợi từ quản lý rừng. Nếu không có sự hỗ trợ của địa phương, thực thi pháp luật ở các khu vực có rừng là rất khó khăn.

Thông qua các quy định pháp luật nhờ một quá trình có sự tham gia rộng rãi: Điều này mang lại một cảm giác sở hữu pháp luật giữa các bên liên quan và một sự tôn trọng kết quả của nó.⁵⁷

Tăng hiệu quả của các cơ chế thực thi pháp luật trong luật pháp: Thiết lập các chế tài phạt thích hợp, quyền hạn thực thi và quy trình hiệu quả.

Tuy nhiên, Pháp luật trong nước, không tồn tại trong môi trường chân không mà thường chịu ảnh hưởng từ chính sách của chính phủ. Xây dựng các chính sách về động vật hoang dã và lâm nghiệp là một động thái chuẩn bị cần thiết để phát triển và duy trì hệ thống pháp luật đầy đủ. Các lựa chọn nhằm xây dựng chính sách về động vật hoang dã và lâm nghiệp tất nhiên là đặc quyền của từng quốc gia. *Bộ công cụ* này không nhằm mục đích đánh giá hay góp ý về các chính sách về động vật hoang dã và lâm nghiệp của từng quốc gia. Cần lưu ý là các lựa chọn chính sách phải được thực hiện một cách cẩn thận có tham vấn với các bên liên quan và phải phản ánh đầy đủ và chính xác trong hệ thống pháp luật. Phần bốn phân tích cụ thể hơn về các bên tham gia cần được xem xét. Một bộ luật về các loài hoang dã và lâm nghiệp rõ ràng sẽ tạo điều kiện cho việc xây dựng các quy trình và thực hiện nhằm bảo đảm là các vấn đề như:

- Sự gắn kết và khả năng dự đoán của pháp luật;
- Tính minh bạch trong quyền và nghĩa vụ pháp lý;
- Tính nhất quán, công bằng và bài bản trong việc áp dụng pháp luật; và
- Hiệu quả trong quản lý và tính dễ dàng thực hiện.⁵⁸

Chính phủ các nước tài trợ và các tổ chức quốc tế có thể hỗ trợ quá trình nâng cao quản trị qua hỗ trợ tài chính và kỹ thuật và trong một số trường hợp, đưa thêm điều kiện vào quá trình giải ngân hỗ trợ phát triển.⁵⁹

2.1 Luật về loài hoang dã và lâm nghiệp

Ở hầu hết các quốc gia, quyền sở hữu, quản lý và các vi phạm liên quan đến các loài hoang dã thường được quy định trong bộ luật lâm nghiệp, luật về các loài hoang dã hoặc các bộ luật tương tự. Trong khi nhiều khía cạnh của luật loài hoang dã và lâm nghiệp trong nước tập trung chủ yếu vào các vấn đề quản lý hành chính, các khuôn khổ trực tiếp và gián tiếp hình thành các mô hình hoạt động tội phạm trong ngành lâm nghiệp và động vật hoang dã. Các nhóm tội phạm nhanh chóng tìm kiếm và áp dụng các kẽ hở của luật pháp trong nước, cố gắng để phá vỡ một số quy tắc và quy trình hoặc xác định các đầu mối tiếp cận tham nhũng và cưỡng chế. Theo đó, luật các loài hoang dã và luật lâm nghiệp trong nước, bao gồm cả quyền sở hữu và quản lý, cần phải là một

⁵⁷ Các khía cạnh trong quản lý rừng và sự tham gia được thảo luận thêm trong phần bốn của *Bộ công cụ*.

⁵⁸ Ban thư ký CITES, *Luật mẫu về Thương mại quốc tế Động vật và thực vật hoang dã* (Geneva, n.d.), *Nghị định thư 5*.

⁵⁹ Duncan Brack, Kevin Gray và Gavin Hayman, “Kiểm soát thương mại quốc tế”, *Nghị định thư 14*.

phần của bất kỳ phân tích nào về luật hình sự nhằm đối phó với vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã. Một phân tích chi tiết hơn về những điểm này được đưa vào phần bốn của *Bộ công cụ* này.

Đối với hầu hết các nội dung, luật loài hoang dã được thiết kế để giải quyết các vấn đề phát sinh từ các khiếu nại liên quan đến xung đột đối với loài hoang dã sống trên hoặc sống nhờ các sinh cảnh sống chung, hoặc các khu đất riêng hoặc dưới nước. Trong lịch sử, khiếu nại về cạnh tranh trong việc săn bắn, bẫy bắt loài hoang dã là một động lực lớn đằng sau sự phát triển của pháp luật về loài hoang dã. Ngoài ra, vấn đề môi trường và các vấn đề xung đột với động vật nuôi trở nên quan trọng. Nói chung, pháp luật trong nước liên quan đến loài hoang dã nên, ở mức tối thiểu, đặt ra các quy tắc đối với các vấn đề sau:

- Quyền sở hữu loài hoang dã, ví dụ như sở hữu Nhà nước, sở hữu tư nhân, quyền của người bản địa hoặc người trong nước;
- Chỉ định cơ quan chính phủ đóng vai trò giám sát và điều tiết ngành loài hoang dã, các thủ tục hành chính và vv;
- Các khu trò chơi và khu vực săn bắn, bao gồm việc xác định các khu vực sinh hoạt, săn bắn thương mại hay săn bắn giải trí bị cấm hoặc cho phép;
- Hệ thống cấp giấy phép cho giải trí và săn bắn thương mại, bao gồm điều kiện để cấp, cấp mới và hủy bỏ giấy phép săn bắn;
- Các quy định vận chuyển và nhập khẩu/xuất khẩu để kiểm soát vận chuyển loài hoang dã, còn sống hay đã chết, các bộ phận động vật và sản phẩm làm từ loài hoang dã trên toàn quốc và qua biên giới quốc tế; và
- Những vi phạm đối với hành vi vi phạm pháp luật loài hoang dã trong nước và các biện pháp thực thi.

Các Công cụ sau đây đặt ra các câu hỏi phân tích được thiết kế nhằm xác định các thành phần cốt lõi và tổ chức pháp luật hoang dã trong nước. Các quy định liên quan đến hành vi phạm tội về các loài hoang dã và việc thực thi pháp luật về các loài hoang dã được xem xét riêng ở phần một, mục 3 và phần hai của *Bộ công cụ* này.

Công cụ I.8 Pháp luật trong nước về loài hoang dã

- Những luật trong nước nào điều chỉnh lĩnh vực loài hoang dã? Những luật đó được ban hành khi nào? Được cập nhật lần cuối khi nào?
- Pháp luật trong nước có điều chỉnh quyền sở hữu và tài sản trên loài hoang dã không?
- Pháp luật trong nước có điều chỉnh việc quản lý, điều hành của lĩnh vực loài hoang dã không? Cơ quan đó trực thuộc cơ quan nào của chính phủ và phải báo cáo cho ai?
- Các hoạt động sinh hoạt, giải trí và săn bắn thương mại có được phép thực hiện theo luật trong nước không? Các yêu cầu đối với săn bắn hợp pháp là gì?
- Pháp luật trong nước có chỉ định khu vực riêng dành cho vui chơi hoặc các khu vực khác trong đó không được phép săn bắn? Họ có chỉ định các khu vực cho phép các hoạt động sinh hoạt, giải trí và săn bắn thương mại?
- Pháp luật trong nước có đặt ra một hệ thống cho nhượng quyền săn bắn? Ai nhượng quyền săn bắn? Làm thế nào để xin phép, gia hạn, đình chỉ và hủy bỏ?
- Pháp luật trong nước có đặt ra quy tắc cho việc vận chuyển, nhập khẩu/xuất khẩu loài hoang dã, bao gồm cả động vật sống, xác động vật, vật trưng bày, các bộ phận động vật và các sản phẩm làm từ loài hoang dã không?

- Luật loài hoang dã trong nước có đặt ra các mức vi phạm cụ thể và các biện pháp thực thi không?
- Luật loài hoang dã trong nước có đặt ra trách nhiệm cụ thể của từng cơ quan hoặc cơ quan và cơ chế phối hợp và hợp tác không?

Luật điều chỉnh ngành lâm nghiệp cần phải ít nhất là đặt ra quy tắc trong các vấn đề sau:

- Quyền sở hữu rừng, ví dụ, sở hữu nhà nước, sở hữu tư nhân, quyền của người bản xứ hoặc người dân trong nước;
- Chỉ định cơ quan chính phủ giám sát và điều tiết ngành lâm nghiệp, thủ tục hành chính và vv;
- Rừng và các khu dự trữ sinh quyển, diện tích lưu vực và các khu vực khai thác gỗ, bao gồm cả việc xác định các khu vực sinh hoạt và/hoặc là khai thác gỗ thương mại bị cấm và khu vực được phép thực hiện các hoạt động này;
- Các hệ thống giấy phép khai thác gỗ, bao gồm cả điều kiện để cấp, đổi mới và hủy bỏ nhượng quyền khai thác gỗ;
- Các hệ thống cấp giấy phép chế biến gỗ, trong đó có các điều kiện để cấp, đổi mới và hủy bỏ giấy phép;
- Quy định vận chuyển và xuất khẩu để kiểm soát sự di chuyển của gỗ (gỗ tròn, gỗ xẻ và các sản phẩm khác) trên khắp đất nước và vượt qua biên giới quốc tế; và
- Những vi phạm đối với hành vi vi phạm luật lâm nghiệp trong nước và các biện pháp thực thi.

Danh sách các công cụ sau đây liệt kê các câu hỏi phân tích cơ bản được thiết kế để xác định các thành phần cốt lõi và tổ chức luật lâm nghiệp trong nước. Các quy định liên quan tới vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã và thực thi luật lâm nghiệp được kiểm tra trong phần một, mục 3 và phần hai của *Bộ công cụ* này.

Công cụ I.9 Luật lâm nghiệp trong nước

- Luật nào trong nước quy định ngành lâm nghiệp? Khi nào thì các luật đó được ban hành? Khi nào chúng được cập nhật lần cuối?
- Pháp luật trong nước nào điều chỉnh quyền sở hữu và quyền tài sản liên quan đến rừng
- Pháp luật trong nước nào điều chỉnh quyền sở hữu và quyền tài sản liên quan đến rừng?
- Những luật trong nước nào điều chỉnh việc quản lý, điều hành lĩnh vực lâm nghiệp? Cơ quan nào có trách nhiệm quản lý rừng? Cơ quan đó trực thuộc Cục, vụ nào của chính phủ và phải báo cáo cho ai?
- Pháp luật trong nước chỉ định các khu vực rừng và dự trữ sinh quyển và các lưu vực (trong đó không được phép khai thác gỗ hoặc lấy cây)? Luật có chỉ định các khu vực cho phép khai thác gỗ tự cung tự cấp hoặc gỗ thương mại không?
- Việc khai thác gỗ tự cung tự cấp hoặc thương mại có được phép không theo luật quốc gia? Yêu cầu hợp pháp để khai thác gỗ và các loại cây khác là gì?
- Pháp luật trong nước có thiết lập một hệ thống nhượng quyền khai thác gỗ không? Ai nhượng quyền khai thác gỗ? Làm thế nào để xin nhượng quyền, gia hạn, đình chỉ và hủy bỏ?

- Pháp luật trong nước có yêu cầu có giấy phép chế biến gỗ (ví dụ, cho các xưởng cưa)? Ai cấp những giấy phép này? Làm thế nào để xin cấp phép, gia hạn, đình chỉ và hủy bỏ?
- Pháp luật trong nước có đặt ra quy tắc cho việc vận chuyển, nhập khẩu/xuất khẩu gỗ, bao gồm gỗ tròn, gỗ xẻ và các loại hình tương tự không?
- Luật lâm nghiệp trong nước có đặt ra các vi phạm cụ thể và các biện pháp thực thi không?
- Luật lâm nghiệp trong nước có đặt ra trách nhiệm cụ thể của từng cơ quan hoặc chính quyền địa phương và các cơ chế phối hợp và hợp tác không?

Ngoài luật lâm nghiệp, một số nước có quy định cụ thể về việc sử dụng các loài thực vật hoang dã. Các quy định pháp lý này thường liên quan đến bảo vệ các loài, sẽ được xem xét trong mục tiếp theo. Tuy nhiên, có thể tưởng tượng rằng những quy chế riêng biệt, ví dụ như các đạo luật về bảo tồn, đạo luật về thực vật hoang dã hoặc các đạo luật tương tự, có điều khoản về quản lý khai thác, lấy, chế biến, thương mại, cung cấp, bán hoặc sở hữu các loài thực vật cụ thể hoặc các loài thực vật hoang dã nói chung. Những luật này cần được tổng hợp thành một phân tích về pháp luật trong nước liên quan tới vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã.

2.2 Bảo vệ loài

Ở hầu hết các nước, pháp luật liên quan đến bảo vệ loài và các quy định về thương mại đối với các loài động vật và thực vật hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng đồng nghĩa với pháp luật trong nước thực hiện CITES.⁶⁰ Với sự tham gia Công ước CITES rộng rãi trên toàn cầu, chỉ có rất ít quốc gia có luật bảo vệ loài không liên quan đến Công ước CITES. Ở một số nước, pháp luật có liên quan đến vấn đề này được gọi là “Luật về các loài có nguy cơ tuyệt chủng”, hoặc tương tự, trong khi các nước khác dựa vào pháp luật loài hoang dã nói chung, đôi khi là luật Hải quan hoặc thương mại nước ngoài để kiểm soát việc buôn bán các mẫu vật của CITES được liệt kê.⁶¹

Để đảm bảo việc bảo vệ các loài nguy cấp trong khuôn khổ Công ước CITES, cần có thêm phân tích chi tiết hơn và thực thi pháp luật ở cấp quốc gia là cần thiết. Trong bối cảnh này, Ban Thư ký của Công ước CITES ghi chú là:

Làm luật và áp dụng pháp luật có hiệu quả và hiệu lực không phải là một nhiệm vụ dễ dàng. Pháp luật hiệu quả không chỉ là một mảnh giấy mà là giải pháp thực tế cho một vấn đề. Pháp luật có tính khả thi thì trong đó có nêu những điểm thực tế có thể đạt được trong bối cảnh cụ thể của một quốc gia và nguồn nhân lực, tài chính của nó...

Các quy định pháp lý thực hiện Công ước CITES của từng Bên đều tương tự nhau dù các Bên có thể có cấu trúc pháp lý, chính sách quốc gia, nền văn hóa, các loài thương mại, hoặc các loại thương mại khác nhau. Tuy nhiên tất cả các bên cần phải có một nền tảng pháp lý vững chắc nhằm điều tiết thương mại loài hoang dã quốc tế. Chỉ có thể thông qua pháp luật đầy đủ, cập nhật và thực thi có hiệu quả thì Công ước CITES mới có thể thực sự có hiệu quả.⁶²

⁶⁰ Xem Công cụ I.1.

⁶¹ Juan C. Vasquez, “Tuân thủ và thực thi các cơ chế của Công ước CITES”, trong *Thương mại động vật hoang dã: Quy chế Bảo tồn*, Sara Oldfield, bản sửa (London, Earthscan Publications, 2003), *Nghị định thư* 63-65.

⁶² Ban thư ký CITES, *Mô hình Luật Thương mại Quốc tế, Nghị định thư 2* (đã bổ sung phần nhấn mạnh).

Tuy nhiên, thực tế hiện nay cho thấy chỉ có khoảng dưới một nước các bên tham gia Công ước CITES có đầy đủ các biện pháp luật pháp, quy định và thể chế trong nước giúp thực hiện hiệu quả CITES.⁶³

Thực hiện Công ước CITES

Ban Thư ký CITES có thể giúp các quốc gia thực hiện Công ước bằng cách cung cấp một loạt các công cụ, chuyên gia, tài liệu và đào tạo. Hơn nữa, Ban Thư ký, thông qua Dự án Luật pháp quốc gia của mình,⁶⁴ đã xây dựng một mẫu mô hình pháp luật về thương mại quốc tế trong động vật và thực vật hoang dã có thể được các quốc gia thành viên sử dụng để xây dựng mới, phân tích pháp luật hiện hành.

Ban thư ký cũng đã ban hành một loạt các tiêu chí kiểm tra pháp lý để xem xét pháp luật quốc gia liên quan tới Công ước CITES. Nó bao gồm 70 khoản mục cần xem xét, dựa trên các nghị quyết của Hội nghị các bên của Công ước CITES và trên “Hướng dẫn pháp luật để thực hiện Công ước CITES”.⁶⁵ Danh sách kiểm tra này bao gồm các khoản mục liên quan đến thiết kế và ứng dụng chung về luật pháp trong nước có liên quan tới Công ước CITES; cơ quan quản lý và khoa học; các yêu cầu về giấy phép; hình thức và hiệu lực của giấy phép và chứng chỉ; việc thu hồi, sửa đổi, đình chỉ giấy phép; trường hợp cấp phép ngoại lệ; kiểm soát biên giới; kiểm soát các lô hàng và giấy phép; thực thi và các hình phạt; việc xử lý các mẫu vật bị tịch thu; việc chấp nhận và từ chối giấy phép nước ngoài; báo cáo; và các vấn đề tài chính.

Các Công cụ sau đây đưa ra những yếu tố trong Công ước có liên quan đặc biệt đến kiểm soát và cấm Vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã. Nó cũng xem xét liệu pháp luật trong nước liên quan đến Công ước CITES có bao gồm tất cả các mẫu của tất cả các loài (động vật và thực vật, còn sống hay đã chết và các bộ phận và dẫn xuất của chúng) được đưa vào trong ba phụ lục của CITES và liệu pháp luật và tiến độ thực hiện của nó được sửa đổi thường xuyên theo yêu cầu.⁶⁶

Công cụ I.10. Thực thi CITES trong nước

- Các bộ luật có đặt ra các vấn đề sau đây không?
Quy tắc chung để điều chỉnh thương mại quốc tế và trong nước đối với các loài nguy cấp;
Vai trò của cơ quan quản lý và khoa học;
Vai trò và quyền hạn của các cơ quan thực thi;
Yêu cầu giấy phép, bao gồm (a) mẫu và hiệu lực của giấy phép và chứng nhận, (b) thu hồi, sửa đổi, đình chỉ giấy phép và (c) trường hợp ngoại lệ đối với các yêu cầu giấy phép;
Cấm và các hành vi vi phạm liên quan đến buôn bán trái phép các loài nguy cấp;
Quyền tịch thu; và
Quyền hạn chung của chính phủ để thực hiện các quy định khi cần thiết.
- Pháp luật trong nước liên quan có được áp dụng cho tất cả các loài động vật và thực vật được liệt kê trong Phụ lục I, II và III Công ước CITES không? Các luật này có được áp dụng cho các loài không có trong Công ước CITES không? Chúng có được liệt kê ở một phụ lục riêng không?

⁶³ Ban thư ký CITES, “Các bộ luật quốc gia thực hiện Công ước”, Hội nghị lần thứ 15 của các Bên tham gia, Doha, Tháng 3 năm 2010. Xem thêm Juan C. Vasquez, “Tuân thủ và thực thi các cơ chế của Công ước CITES”, Nghị định thư 63-65.

⁶⁴ Xem thêm Juan C. Vasquez, “Tuân thủ và thực thi các cơ chế của Công ước CITES”, Nghị định thư 63-65.

⁶⁵ Cyrille de Klemm, “Hướng dẫn pháp lý thực hiện CITES”, Văn bản Pháp luật và Chính sách Môi trường IUCN, Số 26 (Gland, Thụy Sĩ và Cambridge, Vương quốc Anh, Hiệp hội Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế, 1993).

⁶⁶ Ban thư ký CITES, *Mô hình Luật Thương mại Quốc tế, Nghị định thư 3*.

- Các luật sử dụng các định nghĩa về “mẫu” “nhập nội từ biển” và các thuật ngữ khác có liên quan?
- Các luật được cập nhật lần cuối khi nào? Các phụ lục và phụ đính của chúng có được cập nhật không nếu và khi danh sách trong các Phụ lục của CITES thay đổi?

Cơ quan Quản lý và Khoa học của CITES

Mỗi quốc gia ký Công ước CITES phải chỉ định một (hoặc nhiều) cơ quan quản lý để cấp giấy phép hoặc giấy chứng nhận, cũng như Cơ quan khoa học để được tư vấn trong trường hợp nhất định trước khi cấp giấy phép hoặc chứng chỉ. Bất kỳ thương mại quốc tế, bao gồm cả xuất khẩu, tái xuất khẩu, nhập khẩu hoặc nhập nội từ biển, đối với bất kỳ loài động vật hoặc thực vật nào hoặc một phần hoặc dẫn xuất của các loài trong các Phụ lục của Công ước yêu cầu cấp giấy phép hoặc giấy chứng nhận (tùy từng trường hợp) được ban hành bởi Cơ quan Quản lý. Các thủ tục cấp giấy phép, giấy chứng nhận thay đổi tùy theo các Phụ lục liên quan đến Công ước CITES, nguồn gốc của các mẫu vật và các yếu tố khác.

Một phân tích về các Cơ quan thực hiện Công ước CITES trong nước nên xem xét các công cụ pháp lý (luật, quy định, Nghị định) cho phép chỉ định của cơ quan Quản lý và Khoa học về Công ước CITES hoặc chỉ định cụ thể các cơ quan đó. Ví dụ, pháp luật của một số nước có thể không đưa ra điều khoản chỉ định một Cơ quan Khoa học. Phân tích cần đào sâu xem xét liệu các luật pháp rõ ràng và chính xác có trao quyền hạn cần thiết cho các quan quản lý CITES để thực hiện trách nhiệm của mình (ví dụ, quyền cấp giấy phép và giấy chứng nhận) và cung cấp cơ chế phối hợp và thông tin liên lạc giữa các cơ quan quản lý và cơ quan chính phủ khác có quyền hạn liên quan (ví dụ, Cơ quan Khoa học, Công an, Hải quan và các Bộ có liên quan).⁶⁷

Công cụ I.11 Cơ quan quản lý CITES

- Nếu quốc gia đó tham gia Công ước CITES, quốc gia đó đã chỉ định một cơ quan quản lý chưa? Tên của Cơ quan? Có được thành lập theo quy định của luật pháp không?
- Quốc gia đó có chỉ định một Cơ quan khoa học không?
- Nhiệm vụ của cơ quan quản lý là gì? Đó có phải là cơ quan được chỉ định cấp, hủy bỏ và duy trì các giấy phép và chứng chỉ theo yêu cầu của Công ước CITES?
- Có cơ quan quản lý có thẩm quyền để tiến hành điều tra và bắt giữ mẫu vật theo yêu cầu, khi có những nghi ngờ hợp lý về việc xác định chúng trong khi chờ kết quả điều tra khác không?
- Cơ quan quản lý có thể từ chối chấp nhận giấy phép từ nước xuất khẩu khi họ có cơ sở hợp lý để làm như vậy (ví dụ, nếu xuất hiện nhiều bất thường)?
- Cơ quan quản lý nằm ở đâu? Được trang bị và cấp vốn như thế nào? Cơ cấu cán bộ như thế nào?

Tôn chỉ, mục tiêu của cơ quan quản lý quốc gia đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ với các cơ quan thực thi luật pháp trong nước, đặc biệt là Hải quan. Để tạo điều kiện hợp tác, các Tổ chức Hải quan Thế giới và Ban Thư ký CITES đề nghị ký kết một Biên bản ghi nhớ (MOU) cơ quan Hải quan và cơ quan quản lý CITES. Một khuôn khổ như vậy sẽ giúp cơ quan Hải quan có được một nền tảng phù hợp nhằm thu thập thông tin từ Cơ quan Quản lý nào đó để nhằm mục tiêu vào các lô hàng và

⁶⁷ Ban thư ký CITES, *Mô hình Luật Thương mại Quốc tế, Nghị định thư 3*.

khách du lịch có nguy cơ cao. MOU cũng cho phép Hải quan hỗ trợ các cơ quan quản lý bằng cách chỉ ra sự tồn tại của những trường hợp hoặc các lô hàng có nghi ngờ. Thông tin tăng lên về số lượng và tần số được cung cấp bởi Cơ quan quản lý giúp cơ quan Hải quan xác định, phân biệt và nhắm mục tiêu vào các giao dịch có nguy cơ cao một cách hiệu quả hơn, trong khi đó cho phép phần lớn các hoạt động thương mại hợp pháp được vận chuyển dễ dàng.⁶⁸

Công cụ I.12 Hợp tác giữa Cơ quan Quản lý và Cơ quan Hải quan

- Làm thế nào để Cơ quan Quản lý hợp tác với Hải quan? Có một biên bản ghi nhớ (MOU) hoặc thỏa thuận khác được thiết lập để tạo điều kiện hợp tác với nhau? Trong đó nêu những gì?
- Làm thế nào để cơ quan quản lý phối hợp với các cơ quan thực thi pháp luật khác và các cơ quan chính phủ?
- Cơ quan quản lý được uỷ quyền nhằm hỗ trợ các cơ quan thực thi pháp luật khác về việc xác định, xử lý và hủy bỏ mẫu vật bị tịch thu hoặc thu giữ?

⁶⁸ Xem *Hướng dẫn hợp tác giữa Cơ quan Hải quan và Cơ quan quản lý CITES quản lý Thương mại các loài động và thực vật (CITES)*. WCO số tham chiếu Phụ lục IV tới Văn bản 41.827 (chỉ cấp cho thành viên WCO).

Bảo vệ các loài ngoài Công ước CITES

Việc áp dụng và thực thi Công ước CITES quy định nhất thiết phải giới hạn mẫu vật các loài được liệt kê trong Phụ lục của CITES. Ví dụ: hầu hết các loài cây lấy gỗ không được liệt kê trong Công ước CITES và không được bảo vệ bởi bất kỳ thỏa thuận quốc tế nào khác. Điều này, đến lượt nó, có nghĩa là các cơ chế thực thi và bảo vệ theo Công ước CITES không sẵn sàng để đối phó với hoạt động thương mại bất hợp pháp đối với các loài có nguy cơ tuyệt chủng không được liệt kê trong các Phụ lục. Các cơ chế này cũng không được áp dụng đối với bất kỳ quốc gia nào liên quan đến thương mại mà không phải là một Bên của Công ước CITES. Kết quả là, thương mại bởi các bên không phải là thành viên tham gia công ước có thể bị lợi dụng như một cách để tránh né yêu cầu cấp phép và báo cáo.⁶⁹

Do lý do này mà một số nước đã thông qua luật bổ sung để phòng ngừa và ngăn chặn thương mại bất hợp pháp đối với các loài không có trong Công ước CITES và mở rộng các yêu cầu về áp dụng các văn bản, giấy phép và báo cáo cho các Quốc gia không phải là một bên của Công ước CITES. Ban Thư ký CITES cũng đề nghị sử dụng các tiêu chuẩn Công ước trong bất kỳ hoạt động thương mại nào liên quan đến quốc gia không ký kết, sử dụng các “văn kiện tương đương” do cấp có thẩm quyền ban hành,⁷⁰ theo quy định tại điều X của Công ước CITES.⁷¹

Công cụ I.13 Bảo vệ các loài nằm ngoài của Công ước CITES

- Pháp luật trong nước liên quan đến bảo vệ các loài áp dụng cho việc buôn bán các loài nguy cấp với các Quốc gia không phải là một bên của Công ước CITES?
- Pháp luật trong nước có áp dụng đối với các loài không được liệt kê trong Phụ lục của CITES?

2.3 Luật Hình sự

Nhìn chung, luật hình sự nêu rõ những nguyên tắc áp dụng cho tất cả các tội phạm hình sự trong phạm vi thẩm quyền, không phụ thuộc vào bản chất của tội phạm. Điều này bao gồm các yếu tố của tội phạm, các phần mở rộng và hạn chế của trách nhiệm hình sự, các bào chữa, những hạn chế và điều kiện áp dụng đối với trẻ em và pháp nhân (doanh nghiệp), nghĩa vụ chứng minh và áp dụng địa lý và nhiều yếu tố khác. Tùy thuộc vào thẩm quyền, những nguyên tắc chung của trách nhiệm tội phạm - cùng với hành vi phạm tội cụ thể - được quy định cụ thể trong một đạo luật hay một loạt các đạo luật, hoặc thậm chí trong trường hợp án lệ, tùy thuộc vào về hệ thống pháp luật.

Các quy tắc và nguyên tắc chung về trách nhiệm hình sự có tầm quan trọng tương đương với vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã vì chúng xác định phương thức cấu thành trách nhiệm hình sự và giải thích cách tổ chức, phạm vi và hoạt động của tội phạm có liên quan, bao gồm cả những người có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp tới ngành lâm nghiệp và các loài hoang dã. *Bộ công cụ* này không giúp thực hiện một phân tích toàn diện các quy tắc chung của luật hình sự và của tất cả các vi phạm cụ thể tại một bộ luật. Các mục sau đây nêu bật những nguyên tắc chung là có tầm quan trọng đặc biệt tới trách nhiệm hình sự.

Vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã

⁶⁹ Patricia W. Birnie và Alan E. Boyle, *Luật Quốc tế và Môi trường*, Nghị định thư 629.

⁷⁰ Rosalind Reeve, *Luật pháp về Thương mại Quốc tế các Loài bị đe dọa: Công ước CITES và sự Tuân thủ* (London, Viện Quan hệ Quốc tế Hoàng gia, 2002), Nghị định thư 34-35.

⁷¹ Công ước về Thương mại quốc tế các loài động vật và thực vật hoang dã bị đe dọa, điều X.

Cần nhấn mạnh rằng các phân tích của hệ thống luật hình sự phải được thiết kế phù hợp vì mỗi hệ thống pháp luật của từng quốc gia có thể áp dụng các nguyên tắc của luật hình sự theo nhiều cách khác nhau và dưới các chỉ định và định nghĩa khác nhau.

Cấu thành các yếu tố phạm tội (*mens rea*)

Hầu hết các bộ luật dân sự và luật chung đều yêu cầu bằng chứng phạm tội để thành lập tội hình sự. Ở hầu hết các quốc gia, trách nhiệm hình sự được dựa trên giả định về “không kết án nếu thiếu tội trạng”. Trước khi một người bị buộc tội hành vi phạm tội, các công tố phải chứng minh *mens rea*, hoặc các yếu tố tinh thần, của vi phạm đó. Điều này đảm bảo rằng việc truy tố thiết lập “tâm tội” của bị cáo trước conviction. Điều này được dựa trên nguyên tắc mọi người không nên bị kết án về một cái gì đó họ đã không có ý định, không biết, hoặc chưa được biết.

Điểm khó khăn đối với các yếu tố phạm tội, đặc biệt là các yếu tố phạm tội chủ quan như có ý định và có hiểu biết, là phải chứng minh rằng một bị cáo có ý định đạt được một kết quả cụ thể hoặc biết một thực tế cụ thể. Một số bộ luật giúp suy ra một số hiểu biết hoặc mục đích cần thiết hoặc các nhân tố tâm lý chủ quan khác từ các chứng cứ (hoàn cảnh) khác. Điều này là phù hợp với điều 5, khoản 2, của Công ước chống Tội phạm Có tổ chức xuyên Quốc gia của Liên Hợp Quốc, trong đó quy định là các “hiểu biết, mục tiêu, mục đích hoặc thỏa thuận” cần thiết để thiết lập hành vi phạm tội có liên quan theo Công ước “có thể được suy ra từ hoàn cảnh thực tế khách quan.”⁷² Các điều khoản như vậy cũng được quy định tại Điều 28 của Công ước Chống Tham nhũng của Liên Hợp Quốc.

Trong việc xác định phạm vi áp dụng vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã, điều quan trọng là quyết định cho dù chỉ là những hành vi phạm tội là cố ý, được biết trước hoặc thiếu thận trọng cần phải bị trừng phạt hay trách nhiệm đối với một hành vi phạm tội nên áp dụng trong mọi trường hợp, ngay cả khi người có liên quan không có ý hoặc không có nhận thức rằng hành vi của mình là trái pháp luật. Một số hệ thống pháp luật thừa nhận khái niệm “trách nhiệm tuyệt đối”, trong đó một số loại hành vi sẽ bị quy là tội phạm bất kể bị cáo có ý định đạt được kết quả hay không, hoặc ít nhất không cần phải chứng minh các yếu tố chủ quan. Việc thành lập trách nhiệm mà không có bằng chứng về các yếu tố phạm lỗi giúp giảm bớt các công việc của cơ quan điều tra và truy tố và về mặt lý thuyết có thể tạo thành một hàng rào ngăn chặn lớn hơn. Tuy nhiên, ở các nước khác, các khái niệm về trách nhiệm tuyệt đối không được chấp nhận theo luật hình sự. Có thể xem xét một hệ thống các vi phạm hành chính để bổ sung các tội phạm hình sự nhằm giải quyết các hành vi có hại đối với tài nguyên rừng và các loài hoang dã trong đó không thể có bằng chứng về các yếu tố chủ quan.

Công cụ I.14 Bằng chứng về các yếu tố phạm lỗi chủ quan

- Liệu luật hình sự của quốc gia cho phép sử dụng hoàn cảnh thực tế khách quan để chứng minh yếu tố lỗi chủ quan như ý định, hiểu biết và vv không?
- Có được phép suy ra các yếu tố lỗi chủ quan trong vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã từ hoàn cảnh thực tế khách quan?
- Liệu luật hình sự có cho rằng tất cả các hành vi phạm tội đòi hỏi các bằng chứng về các yếu tố phạm tội (ví dụ ý định, hiểu biết hoặc lỗi vô ý)?
- Liệu luật hình sự cho phép trách nhiệm hình sự phát sinh mà không có bằng chứng của một yếu tố phạm lỗi không? Có khái niệm về trách nhiệm tuyệt đối không? Trong những trường hợp nào có thể trách nhiệm mà không có lỗi phát sinh?
- Yêu cầu các yếu tố gì về phạm lỗi cần thiết đối với Vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã? Có thể phải chịu trách nhiệm về vi phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã mà không có bằng chứng không?

⁷² Xem thêm David McClean, *Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia*, Nghị định thư 65-66.

Mở rộng trách nhiệm hình sự

Trong tất cả các khu vực pháp lý, trách nhiệm hình sự không giới hạn trong hành vi phạm tội đã cấu thành mà được mở rộng để quy định những người có nỗ lực, kích động hoặc tham gia vào một tội hình sự. Các phần mở rộng cũng có ý nghĩa rất quan trọng với hành vi phạm tội đối với rừng và các loài hoang dã bởi phần mở rộng cho phép việc truy tố người phạm tội là người có nỗ lực nhưng thất bại, là người hỗ trợ cho người khác phạm tội hoặc những người xúi giục người khác có hành vi phạm tội có liên quan.

Hầu hết các bộ luật công nhận ba tội phạm mới chớm ví dụ: có nỗ lực, có âm mưu và xúi giục theo mô tả ở dưới đây. Điểm chung trong các hành vi phạm tội là chúng được thực hiện mặc dù hành vi vi phạm đã được dự định đã không hoàn thành được và không xảy ra thiệt hại.

- Đã có hình phạt cho những người có ý định phạm tội và người có hành động nhiều hơn là chỉ đơn thuần chuẩn bị cho việc phạm tội, nhưng đã thực hiện không thành công. Trách nhiệm đối với nỗ lực cũng có thể xảy ra nếu việc truy tố không thể chứng minh rằng bị cáo phạm hành vi phạm tội hoàn toàn vì các bằng chứng có liên quan bị thiếu hoặc vì các hành động theo kế hoạch của các bị cáo đã bị hủy bỏ, bị bỏ dở, gián đoạn hoặc đã cam chịu thất bại ngay từ đầu.
- Sự thông đồng—một hành vi phạm tội chủ yếu được biết đến trong luật pháp trong nước – dùng để hình sự hóa một thỏa thuận giữa hai hay nhiều người để có hành vi trái pháp luật mà có ý định thực hiện hành động trái pháp luật đó.
- Các hành vi phạm tội kích động bao gồm các tình huống trong đó một người cố gắng kích động hoặc thuyết phục người khác phạm tội mà người kích động muốn và dự định sẽ lôi kéo người khác.

Đây được coi là một hành vi phạm tội kích động người khác phạm tội, ngay cả khi hành vi phạm tội không được thực hiện và ngay cả khi việc kích động đó không ảnh hưởng đến cá nhân người xúi giục người phạm tội. Trách nhiệm hình sự thứ cấp mở rộng vượt ra ngoài phạm vi người phạm tội chính. Nó đề cập đến phần mở rộng của trách nhiệm hình sự của người phạm tội cùng tham gia hoặc những người đóng góp vào việc thực hiện tội phạm hình sự bởi những người khác. Trách nhiệm thứ cấp áp dụng đối với những người là các bên tham gia hành vi phạm tội chủ yếu nhưng là những người không phải chịu trách nhiệm hình sự như những người phạm tội chính. Lý do của việc mở rộng trách nhiệm tới bên ngoài (những) người phạm tội chủ yếu là một người thúc đẩy hoặc hỗ trợ thực hiện các hành vi phạm tội cũng đáng trách như người thực sự thực hiện hành vi đó. Trách nhiệm thứ cấp có thể áp dụng với việc thực hiện xảy ra trước hoặc trong khi thực hiện hành vi phạm tội chính: được gọi là “trách nhiệm phụ”.

Công cụ I.15 Mở rộng trách nhiệm hình sự

- Các những nỗ lực, âm mưu và xúi giục phạm tội đối với loài hoang dã và tội phạm rừng có được hình sự hóa không? Các yêu cầu thành lập trách nhiệm đối với những hành vi phạm tội mới chớm thực hiện là gì?
- Trách nhiệm đối với vi phạm về rừng và các loài hoang dã có mở rộng tới những người trợ giúp, tiếp tay, tư vấn hoặc tạo điều kiện cho các hành vi phạm tội, cũng như đồng lõa khác? Có những yêu cầu gì nhằm quy trách nhiệm hình sự cho những người tham gia hoặc phụ trợ?

Trách nhiệm của các pháp nhân

Ở nhiều quốc gia, luật hình sự mở rộng trách nhiệm đối với tội phạm hình sự của các pháp nhân như các công ty. Lý do đơn giản về trách nhiệm hình sự của công ty là tổ chức doanh nghiệp ủy quyền cho người có lợi ích từ bất kỳ hành vi phạm tội nào, bao gồm các tội phạm về rừng và loài hoang dã, được cam kết bởi một trong những nhân viên hoặc đại diện của họ phải hình sự hóa giống như với các thể nhân. Không nên sử dụng các cấu trúc công ty - như họ thường dùng - để bảo vệ bất cứ ai khỏi truy tố và trừng phạt hình sự. Các quốc gia khác không chấp nhận trách nhiệm hình sự của các pháp nhân, nhưng họ có thể thành lập trách nhiệm dân sự hoặc hành chính để ngăn ngừa hoặc ngăn chặn các hành vi sai trái phạm phải bằng cách hoặc thông qua các pháp nhân. Ví dụ, Điều 10 của Công ước Liên Hợp Quốc về chống Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia yêu cầu các quốc gia áp dụng các biện pháp để thiết lập trách nhiệm của pháp nhân tham gia tội phạm nghiêm trọng liên quan đến một nhóm tội phạm có tổ chức và về các tội quy định trong Công ước. Khoản 2 có nêu “tùy thuộc vào các nguyên tắc pháp lý của các quốc gia tham gia, trách nhiệm của pháp nhân có thể là hình sự, dân sự hoặc hành chính”.

Công cụ I.16 Trách nhiệm của pháp nhân

- Các pháp nhân có thể phải chịu trách nhiệm hình sự đối với vi phạm về rừng và các loài hoang dã không?
- Liệu việc truy tố công ty có gây định kiến tới đến việc truy tố các cá nhân không?
- Các biện pháp trừng phạt loại gì có thể được áp dụng đối với các công ty?
- Nếu không tồn tại trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân là công ty, có thể áp dụng các biện pháp trừng phạt dân sự hoặc hành chính đối với các công ty không?

3. Vi phạm về rừng và động vật hoang dã

Tội phạm rừng và các loài hoang dã bao gồm vô số các hành vi phạm tội khác nhau và đôi khi trùng lặp từ khai thác gỗ bất hợp pháp và săn bắn, chế biến, xuất khẩu và nhập khẩu, buôn bán, cung cấp, tới tiếp nhận, sở hữu và tiêu thụ động vật và thực vật hoang dã. Nó cũng bao gồm các vi phạm liên quan, ví dụ gian lận tài liệu (bao gồm gian lận đánh dấu và đóng dấu), rửa tiền, trốn thuế và tham nhũng. Tuy nhiên, có một phân loại đơn giản để hiểu bản chất của hoạt động tội phạm có thể có tác động đáng kể đến môi trường. Những hoạt động này liên quan đến sản phẩm bất hợp pháp, các địa điểm bất hợp pháp và các hoạt động hợp pháp. đều có thể xảy ra ở các quốc gia xuất xứ, tại các điểm quá cảnh và ở quốc gia điểm đến.

Nhằm đấu tranh chống tội phạm rừng và các loài hoang dã có hiệu quả, điều quan trọng là xác định và định nghĩa tất cả các loại tội phạm có thể và thi hành hình phạt thích hợp đối với từng mảng hành vi phạm tội. Xác định nhiều hành vi phạm tội cấu thành hoặc đóng góp cho tội phạm rừng và các loài hoang dã đôi khi là định nghĩa về hiện tượng và khớp nối về đặc điểm tội phạm rừng và các loài hoang dã là gì và—cũng quan trọng không kém là—đặc điểm nào là không phải. Tìm hiểu toàn bộ các hoạt động tội phạm liên quan đến tội phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã cũng hỗ trợ xác định các điểm tiếp cận điều tra thực thi pháp luật và các biện pháp can thiệp của chính phủ. Điểm cũng rất quan trọng trong việc ngăn ngừa có hiệu quả vi phạm về rừng và các loài hoang dã là xác định tất cả các liên kết trong chuỗi cung ứng và tìm hiểu các yếu tố động cơ có thể nằm bên ngoài khu vực rừng và các loài hoang dã.

Bảng dưới đây trình bày một cái nhìn tổng quan không đầy đủ về các loại tội phạm hình sự trong nước xuất xứ, tại điểm quá cảnh và ở nước điểm đến, cũng như một danh sách các hành vi phạm tội có liên quan. Mỗi loại lại được tiếp tục khám phá trong các mục từ 3.1 đến 3.6 và mục 4 dưới đây. Cần lưu ý rằng có sự chồng chéo đáng kể giữa các hành vi phạm tội bởi vì các quốc gia thường xuyên đóng nhiều hơn một vai trò, ví dụ họ vừa đồng thời là nguồn của thực vật hoặc động vật và nơi tiếp tục chế biến các sản phẩm từ thực vật và động vật và có thể cũng là nơi tiêu thụ luôn.

Bảng 1. Loài hoang dã, rừng và các vi phạm liên quan tại các điểm xuất xứ, điểm quá cảnh và điểm đến

	Vi phạm loài hoang dã	Vi phạm rừng	Các tội liên quan
Xuất xứ	Săn bắt (săn bắn bất hợp pháp) Sử dụng thiết bị hoặc phương pháp săn bắn bị cấm Bắn hạ con mồi bị hạn chế (con cái làm giống, con non, các loài được bảo vệ) Vi phạm hạn chế săn bắn theo mùa Sở hữu bất hợp pháp Chế biến bất hợp pháp vật liệu động vật Xuất khẩu bất hợp pháp	Chặt và khai thác gỗ bất hợp pháp Sở hữu bất hợp pháp Chế biến bất hợp pháp vật liệu động vật Xuất khẩu bất hợp pháp	Tham nhũng Trốn thuế và không nộp lệ phí Gian lận giấy tờ Rửa tiền
Trung chuyển	Nhập khẩu bất hợp pháp Sở hữu bất hợp pháp Cung cấp và buôn bán bất hợp pháp Chế biến bất hợp pháp Xuất khẩu bất hợp pháp	Nhập khẩu bất hợp pháp Sở hữu bất hợp pháp Cung cấp và buôn bán bất hợp pháp Chế biến bất hợp pháp Xuất khẩu bất hợp pháp	Tham nhũng Trốn thuế và không nộp lệ phí Gian lận giấy tờ Rửa tiền
Đến	Nhập khẩu bất hợp pháp Chế biến bất hợp pháp Sở hữu bất hợp pháp Cung cấp và buôn bán bất hợp pháp Tiêu thụ bất hợp pháp	Nhập khẩu bất hợp pháp Chế biến bất hợp pháp Sở hữu bất hợp pháp Cung cấp và buôn bán bất hợp pháp Tiêu thụ bất hợp pháp	Tham nhũng Trốn thuế và không nộp lệ phí Gian lận giấy tờ Rửa tiền

Một trong những trở ngại chính trong việc điều tra tội phạm rừng và các loài hoang dã là một thực tế đó là ở nhiều quốc gia, tội phạm hình sự liên quan đến các lĩnh vực loài hoang dã và lâm nghiệp không được định nghĩa rõ ràng. Các định nghĩa và phạm vi của tính hợp pháp có thể phụ thuộc vào chính sách của chính phủ và các quy định hành chính và những điểm này rất dễ bị thay đổi bởi các cơ quan chính quyền địa phương hoặc trung ương. Nhiều hoạt động không mong muốn và không bền vững về môi trường trong lĩnh vực loài hoang dã và lâm nghiệp thực tế có thể là hợp pháp theo pháp luật hiện hành nhằm nỗ lực tối đa hóa doanh thu trong ngắn hạn.⁷³ Việc hợp pháp hóa và hình sự hóa một số hoạt động trong lĩnh vực loài hoang dã và lâm nghiệp bị chi phối bởi một phạm vi lớn các yếu tố về chính trị, kinh tế và môi trường, do đó vượt khỏi bất cứ phân tích nào về hệ thống luật hình sự. Phần bốn of the *Bộ công cụ* cung cấp các công cụ để phân tích một số những yếu tố này, cũng như các biện pháp can thiệp phòng ngừa để giải quyết chúng.

Không phải là có sự đồng thuận giữa các quốc gia về phạm vi chính xác và các yếu tố của vi phạm rừng và loài hoang dã. Những gì có thể là bất hợp pháp ở một quốc gia có thể là hoàn toàn hợp pháp tại các quốc gia láng giềng. Trong phân tích các hành vi phạm tội hình sự có liên quan và xây

⁷³ Cf. Duncan Brack, Kevin Gray và Gavin Hayman, “Kiểm sát thương mại quốc tế”, tr 13.

dựng các khuyến nghị cải cách, điều quan trọng là tránh tạo ra sự mất cân bằng đáng kể giữa các quốc gia. Nếu một quốc gia có bộ luật rất mạnh và xác định rõ ràng về rừng và các loài hoang dã, thì từ đó có một phổ lớn các hoạt động về loài hoang dã và lâm nghiệp có thể trở thành bất hợp pháp. Ngược lại, ở một quốc gia lảng giềng với pháp luật yếu hơn, các hoạt động tương tự như vậy lại có thể là tuân thủ pháp luật. Các khái niệm cấp quốc gia thuần về “tính hợp pháp” do đó có khả năng tạo ra sự bất bình đẳng giữa các quốc gia khi áp dụng các biện pháp kiểm soát ở cấp quốc tế.⁷⁴

3.1 Chặt và khai thác gỗ bất hợp pháp

Thuật ngữ “khai thác gỗ bất hợp pháp” được sử dụng rất rộng rãi để mô tả một loạt các hoạt động liên quan đến tình trạng chặt phá cây. Trong khi thuật ngữ này được sử dụng một cách rộng rãi, nó không hề có ý nghĩa kỹ thuật và không được định nghĩa trong luật pháp quốc tế. Tóm lại, khai thác gỗ bất hợp pháp thường dùng để chỉ một hoặc nhiều hoạt động sau:⁷⁵

- Khai thác các loài được bảo vệ hoặc có nguy cơ tuyệt chủng
- Khai thác tại khu vực bảo vệ hoặc bị cấm
- Khai thác gỗ quá mức
- Khai thác gỗ không có giấy phép hoặc giấy phép giả
- Xin giấy phép khai thác gỗ bằng cách bất hợp pháp
- Không thanh toán thuế và các phí liên quan đến rừng khác
- Gây hại cho hệ sinh thái rừng.

Khai thác gỗ của các loài được bảo vệ

Khai thác gỗ bất hợp pháp thường xuyên liên quan đến việc chặt cây thuộc về một loài được bảo vệ. Hầu hết các nước đã bảo vệ loài cây được bảo tồn theo pháp luật trong nước và cấm khai thác loại gỗ này. Do đó tính bất hợp pháp có thể nảy sinh nếu cây bị khai thác là cấm khai thác hoặc không có thẩm quyền hoặc giấy phép khai thác chúng.

Khai thác tại các khu vực được bảo vệ

Hoạt động khai thác gỗ có thể là bất hợp pháp do vị trí đang thực hiện hoạt động đó. Điều này thường là trường hợp nếu việc khai thác được thực hiện tại vị trí địa lý được bảo vệ môi trường ví dụ vườn quốc gia hoặc khu bảo tồn. Hầu hết các nước đều cấm các hoạt động khai thác gỗ ở các khu vực đã được đặt dưới sự bảo vệ để bảo tồn đa dạng sinh học, môi trường sống tự nhiên hoặc di sản, hoặc để bảo vệ đời sống của người dân bản địa và cộng đồng địa phương. Đây là loại hình khai thác gỗ bất hợp pháp cũng bao gồm các tình huống trong đó khai thác gỗ được thực hiện bên

⁷⁴ Ibid., tr 14.

⁷⁵ Andreas Schloenhardt, “Thương mại gỗ và sản phẩm gỗ bất hợp pháp khu vực Châu Á Thái Bình Dương”, Loạt Ấn phẩm về Nghiên cứu và Chính sách công, số 89 (Canberra, Viện Khoa học Hình sự Australia, 2008), tr 47-49; Cf. Alison Watson, “Cách tiếp cận do New Zealand đề xuất hướng tới giải quyết khai thác gỗ bất hợp pháp và các hoạt động thương mại liên quan, Tài liệu trao đổi MAF, số 2006/01 (Wellington, Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp, 2006), tr 17-18; Duncan Brack, “Khai thác gỗ bất hợp pháp và kinh doanh gỗ và sản phẩm gỗ bất hợp pháp”, *Tạp chí Lâm nghiệp Quốc tế*, tập 5, Số 3 (2003), tr 195; Duncan Brack, Kevin Gray và Gavin Hayman, “Kiểm sát thương mại quốc tế”, tr 7.

ngoài ranh giới nhượng quyền hoặc trong các lĩnh vực đặc biệt dễ bị tổn thương, ví dụ như các sườn dốc, bờ sông hoặc các lưu vực. Nó cũng có thể liên quan đến trường hợp trong đó rừng công cộng hoặc rừng được bảo vệ đang bị chiếm đóng bất hợp pháp và chuyển đổi sang đất quy hoạch cho nông nghiệp hoặc chăn thả gia súc.

Khai thác gỗ quá mức

Còn một loại khai thác gỗ bất hợp pháp liên quan đến các hoạt động vượt quá hạn ngạch nhượng quyền được giao. Thường liên quan đến trường hợp trong đó người được nhượng quyền khai thác đã cây gỗ vượt quá giới hạn khai thác gỗ dưới dạng hạn ngạch khai thác. Vấn đề này đặc biệt phổ biến ở các nước có ít, nếu không nói là không có, năng lực tiến hành điều tra rừng, vì vậy không có cách nào có sẵn nhằm xác định khối lượng khai thác quá mức.

Khai thác không có giấy phép hoặc gian lận giấy phép

Nhiều hoạt động khai thác gỗ mang tính bất hợp pháp vì người hoặc công ty thực hiện các hoạt động này không có giấy phép hợp lệ. Đây là trường hợp nếu chưa bao giờ có giấy phép hoặc giấy phép đã hết hạn, hoặc nếu các hoạt động thực hiện nằm ngoài phạm vi của giấy phép khai thác. Các khu vực thường xuyên bị kiểm tra bởi các quan chức chính phủ rất dễ bị ảnh hưởng bởi hoạt động khai thác gỗ trái phép loại này. Một vấn đề khác nữa là có sự trùng lặp giữa các giấy phép. Ở những nơi thường thực hiện nhiều khảo sát sẽ có tình trạng thường xuyên sử dụng giấy phép giả hoặc giấy phép thật bị trùng lặp.⁷⁶

Xin giấy phép khai thác gỗ một cách bất hợp pháp

Có lẽ một trong những hình thức phổ biến nhất của khai thác gỗ bất hợp pháp liên quan đến trường hợp trong đó nhượng quyền khai thác gỗ được xin một cách bất hợp pháp. Điều này có thể xảy ra do sự ép buộc, tham nhũng, xung đột lợi ích hoặc gian lận, hoặc bằng cách cung cấp thông tin sai lệch cho các cơ quan lâm nghiệp. Tình trạng phổ biến hơn là nhượng quyền khai thác gỗ được cấp một cách bất hợp pháp từ các quan chức chính phủ để đổi lấy tiền hối lộ. Các cáo buộc về tham nhũng của quan chức chính phủ đặc biệt là trong ngành lâm nghiệp là rất phổ biến ở nhiều quốc gia và đều ảnh hưởng đến các giai đoạn việc khai thác, chế biến, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu trong kinh doanh gỗ.⁷⁷

Không trả thuế và các phí khác liên quan đến rừng

Ngay cả khi một nhà khai thác đã xin được giấy phép khai thác hợp pháp, việc không nộp thuế, tiền bản quyền hoặc các chi phí khác đã làm các hoạt động này trở thành bất hợp pháp. Thường thì những hành vi vi phạm này đi liền với nhau và nếu người khai thác thu hoạch cây bổ sung, các chi phí khác vẫn chưa được thanh toán. Các khoản nợ có thể trong một số trường hợp trở thành hiện tượng chảy máu tài nguyên và doanh thu công khổng lồ.

Gây tổn hại hệ sinh thái rừng

⁷⁶ Abt Associates, “Khai thác gỗ bất hợp pháp: một phân tích về thị trường buôn bán gỗ bất hợp pháp”, Báo cáo cuối cùng cho Viện Tư pháp, Washington, DC, 2006, tr 46.

⁷⁷ Xem thêm phần một, các mục từ 3.3 đến 3.5 của *Bộ công cụ* này.

Loại hoạt động cuối cùng liên quan đến khai thác gỗ bất hợp pháp là gây thiệt hại cho cây, đặc biệt là bằng cách lột vỏ gỗ theo vòng hoặc đốt. Mục đích của hoạt động này là làm tổn hại đến cây đến mức độ mà có thể khai thác chúng một cách hợp pháp bởi vì hầu hết các nước đều cho phép loại bỏ các cây bị hư hỏng để giảm nguy cơ cháy rừng và các thảm họa khác. Đã có nhiều báo cáo về những người khai thác gỗ lợi dụng kẽ hở pháp luật này bằng cách cố tình gây tổn hại cây rừng để tạo ra yêu cầu cần thiết phải loại bỏ chúng. Khi cây bị loại bỏ khỏi vị trí ban đầu của nó, rất khó, nếu không nói là không thể phân biệt gỗ có nguồn gốc hợp pháp với gỗ bị hư hỏng một cách bất hợp pháp.⁷⁸

⁷⁸ Abt Associates, “Khai thác gỗ bất hợp pháp”, tr 43.

Một số báo cáo, đặc biệt là của các tổ chức phi chính phủ (NGO), sử dụng thuật ngữ “Khai thác gỗ bất hợp pháp” lỏng lẻo hơn để chỉ bất kỳ loại hoạt động rừng không bền vững nào. Thuật ngữ này cũng được sử dụng để mô tả hoạt động khai thác có thể vi phạm các lệ tục (customary rights) theo phong tục của người bản xứ và cộng đồng địa phương. Những hoạt động này được tiếp tục khám phá thêm trong phần bốn của *Bộ công cụ* này.

Nhiều quốc gia hoạt động tương đối hiệu quả trong việc truy tố tội khai thác gỗ bất hợp pháp, đặc biệt là những tội có liên quan chặt chẽ đến lĩnh vực lâm nghiệp. Một vài nước thậm chí bổ sung các tội phạm hình sự đối với việc lấy cây bất hợp pháp hiện hành và các cây khác. Tuy nhiên, việc khai thác cây bất hợp pháp, lấy cây từ các khu vực được bảo vệ hoặc khu vực cấm và vv, đều gây tổn hại đến môi trường và có thể góp phần dẫn tới sự tuyệt chủng của loài, cũng như tiếp thêm nhiên liệu cho các loại tội phạm khác trong chuỗi thương mại.

Công cụ I.17 Chặt và khai thác gỗ bất hợp pháp

- Các hành vi sau đây có bị hình sự hóa theo quy định của pháp luật trong nước không?
Chặt loài cây gỗ được bảo vệ;
Khai thác (cũng như trộm cắp và lấy) các loài thực vật được bảo vệ;
Chặt và khai thác gỗ mà không được ủy quyền hợp lệ (bao gồm việc không có giấy phép, giấy phép quá hạn và giấy phép giả mạo);
Chặt và khai thác gỗ tại các khu vực được bảo vệ (bao gồm cả các khu bảo tồn thiên nhiên và vườn quốc gia);
Chặt và khai thác gỗ tại các khu vực bị cấm (như sườn dốc, bờ sông và lưu vực);
Chặt và khai thác gỗ ngoài ranh giới nhượng quyền;
Chiếm đóng và sử dụng đất lâm nghiệp bất hợp pháp;
Chặt và khai thác gỗ vượt quá hạn ngạch chuyển nhượng quyền;
Chặt cây dưới hoặc quá khổ, cây bị hư hỏng, sử dụng phương pháp du canh và bóc vỏ gỗ theo vòng;
Xin giấy phép nhượng quyền chặt và khai thác gỗ trái phép; và
Báo cáo số liệu ghi thấp xuống và báo cáo sai các hoạt động chặt và khai thác gỗ hoặc hạn ngạch.
- Căn cứ pháp luật để tội phạm hóa các hoạt động này là gì? Đó là những tội phạm hình sự hoặc vi phạm hành chính?
- Những loại hành vi phạm tội nào được đưa vào?
- Có quy trách nhiệm đối với hành vi phạm tội bao gồm cố ý, biết trước hoặc vô ý (không quan tâm đúng mức) tham gia vào các hành vi bị cấm? Cấu thành hành vi phạm tội mà không có bằng chứng về vi phạm này (trách nhiệm tuyệt đối)?
- Liệu các hành vi phạm tội hình sự có bị quy kết nhằm cho các hoạt động chặt và khai thác gỗ khác không (khi kết quả lại có liên quan đến một số hoạt động khác)?
- Các hình phạt đối với tội phạm này là gì?

3.2 Săn bắt trái phép (săn bắt)

Săn bắt trái phép được đề cập đến trong một loạt các hành vi phạm tội bị hình sự hóa do lấy các loài hoang dã trái pháp luật. Ví dụ, săn trộm thường liên quan đến việc săn bắt động vật thuộc về một loài được bảo vệ. Các hoạt động săn bắn cũng có thể là bất hợp pháp vì vị trí thực hiện hoạt động này. Điều này thường là trường hợp hoạt động săn bắn diễn ra trong khu vực địa lý được quy định là bảo vệ môi trường, như vườn quốc gia, khu bảo tồn. Săn bắn cũng có thể là bất hợp pháp nếu nó xảy ra bên ngoài khu vực được chỉ định. Một số quốc gia chỉ định cách thức săn bắt hợp pháp cụ thể đối với các loài cụ thể. Ví dụ quy định đường kính nòng súng tối thiểu trong săn “thú lớn” để giải trí. Trong một số trường hợp, việc sử dụng nỏ, cung và mũi tên, hoặc bẫy cài hoặc bẫy lồng có thể bị cấm. Sử dụng các phương pháp như vậy sẽ bị coi là săn bắn bất hợp pháp và là vi phạm pháp luật quốc gia.

Còn một loại săn bắn trộm liên quan đến các hoạt động vượt quá hạn ngạch được giao. Các hoạt động săn bắn khác là bất hợp pháp vì người hoặc tổ chức thực hiện việc săn bắn không có giấy phép hợp lệ. Đây là trường hợp nếu không có giấy phép săn bắn hoặc đã hết hạn hoặc bị giả mạo. Giấy phép săn bắn cũng có thể bị vô hiệu bởi vì đã được xin bằng cách ép buộc hoặc nhờ tham nhũng.⁷⁹

Công cụ I.18 Săn bắn bất hợp pháp (săn bắn)

- Các hành vi sau đây có bị hình sự hóa theo quy định của pháp luật trong nước không?
 - Giết hoặc bắt các loài động vật được bảo vệ;
 - Giết chết hoặc bắt loài hoang dã mà không cần ủy quyền hợp lệ (bao gồm cả không có giấy phép, hết hạn giấy phép và giấy phép giả mạo);
 - Giết chết hoặc bắt loài hoang dã trong các khu bảo tồn (bao gồm cả khu dành cho vui chơi và vườn quốc gia);
 - Giết chết hoặc bắt loài hoang dã bên ngoài ranh giới được cấp phép;
 - Giết chết hoặc bắt loài hoang dã vượt quá hạn ngạch được cấp phép;
 - Giết chết hoặc bắt động vật non; phá hủy hoặc gây thiệt hại tới tổ, ổ và trứng của chúng và lấy trứng;
 - Săn bắn sai mùa hoặc tại các thời điểm trái phép khác;
 - Xin giấy phép săn bắn bằng cách bất hợp pháp;
 - Sử dụng các thiết bị hoặc phương pháp săn bắn trái phép (bao gồm bẫy và vật liệu nổ);
 - Can thiệp vào việc săn bắn hoặc đặt bẫy của người khác; và
 - Báo cáo với số liệu ghi thấp xuống và báo cáo sai các hoạt động săn bắn hoặc hạn ngạch săn bắn.
- Căn cứ pháp luật để tội phạm hóa các hoạt động này là gì? Đó là những tội phạm hình sự hoặc vi phạm hành chính?
- Những loại hành vi phạm tội nào được đưa vào?
- Có quy trách nhiệm đối với hành vi phạm tội bao gồm cố ý, biết trước hoặc vô ý (không quan tâm đúng mức) tham gia vào các hành vi bị cấm? Cấu thành hành vi phạm tội mà không có bằng chứng về vi phạm này (trách nhiệm tuyệt đối)?
- Liệu các hành vi phạm tội hình sự có bị quy kết nhằm cho các hoạt động chặt và khai thác gỗ khác không (khi kết quả lại có liên quan đến một số hoạt động khác)?

⁷⁹ Cf. Arlene Kwasniak, “Thi hành pháp luật động vật hoang dã”, Văn kiện Dự án Động vật hoang dã Canada, Số 2 (Calgary, Canada, Viện Tài nguyên Luật Canada, 2006), tr 6-7.

- Các hình phạt đối với tội phạm này là gì?

3.3 Chế biến bất hợp pháp các nguyên liệu động và thực vật

Trong chuỗi các hoạt động bất hợp pháp liên quan đến rừng và loài hoang dã và tội phạm, các bước tiếp theo bất hợp pháp hoạt động chặt và khai thác gỗ và săn bắn trộm là chế biến các nguyên liệu động và thực vật (như xay hoặc giết mổ) và sản xuất các sản phẩm từ thực vật và động vật. Việc chế biến loài hoang dã và lâm sản bất hợp pháp là một trong những bước phức tạp nhất trong chuỗi cung ứng bởi vì nó được sử dụng để nguỵ trang nguồn gốc của nguyên liệu sử dụng và các loài có liên quan để sản phẩm cuối cùng sẽ không thể phân biệt được với các sản phẩm liên quan đến vật liệu thu được một cách hợp pháp.

Việc sử dụng thực vật hoặc động vật bất hợp pháp thường giúp giảm chi phí sản xuất và cuối cùng là giảm chi phí của sản phẩm hoàn thành, do đó tạo ra một lợi thế cho người khai thác không tuân thủ pháp luật và các quy định của ngành. Nếu có liên quan tới loài quý hiếm, giai đoạn xử lý thường có liên quan đến việc sản xuất hàng hóa sang trọng được làm từ vật liệu quý hiếm như ngà voi, gỗ gu, gỗ gai hoặc các mặt hàng thực phẩm và thuốc có chứa vật liệu thực vật hoặc động vật. Chế biến và sản xuất bất hợp pháp cũng bao gồm các hoạt động như chế biến không có giấy phép, có giấy phép hoặc chứng nhận giả mạo.⁸⁰

Công cụ I.19 Chế biến bất hợp pháp các nguyên liệu động và thực vật

- Các hoạt động sau đây có bị hình sự hóa theo quy định của pháp luật trong nước?
Chế biến các nguyên liệu động và thực vật được bảo vệ hoặc có được một cách bất hợp pháp;
Chế biến mà không có giấy tờ xác nhận nguồn gốc pháp lý của các vật liệu này;
Sản xuất hàng hóa bị cấm từ động vật và thực vật hoang dã; và
Vận hành cơ sở chế biến gỗ (hoặc các loài cây khác hoặc nguyên liệu động vật) mà không có giấy phép.
- Căn cứ pháp luật để tội phạm hóa các hoạt động này là gì? Đó là những tội phạm hình sự hoặc vi phạm hành chính?
- Những loại hành vi phạm tội nào được đưa vào?
- Có quy trách nhiệm đối với hành vi phạm tội bao gồm cố ý, biết trước hoặc vô ý (không quan tâm đúng mức) tham gia vào các hành vi bị cấm? Cấu thành hành vi phạm tội mà không có bằng chứng về vi phạm này (trách nhiệm tuyệt đối)?
- Các hình phạt đối với tội phạm này là gì?

3.4 Buôn lậu, thương mại, bán hàng và cung cấp

⁸⁰ Duncan Brack, “Khai thác gỗ bất hợp pháp và thương mại bất hợp pháp”, tr 195.

Có rất nhiều loại vi phạm liên quan đến buôn lậu như hoạt động thương mại liên quan đến động vật và thực vật hoang dã và các hoạt động liên quan đến vận chuyển. Ví dụ, pháp luật trong nước có thể hình sự hóa việc bán, cung cấp và chào bán các loài được bảo vệ và loài hoang dã và nguyên liệu động vật bất hợp pháp, hoặc nếu không thì có thể cấm việc buôn bán và vận chuyển vật liệu đó. Những vi phạm liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu và các giao dịch xuyên biên giới khác được trình bày riêng ở phần một, mục 3.5 dưới đây.

Công cụ I.20 Buôn lậu, thương mại, bán hàng và cung cấp

- Các hành vi sau đây có bị hình sự hóa theo quy định của pháp luật trong nước không?
Buôn bán động vật hoặc thực vật hoang dã được khai thác, thu hoạch trái phép hoặc có được Vận chuyển, bán và chào bán bất kỳ mẫu vật của loài được liệt kê trong Công ước CITES được Thương mại và vận chuyển mẫu vật nhập khẩu bất hợp pháp; và
Thương mại bất chấp hạn chế thương mại hoặc các biện pháp kiểm soát của quốc gia.
- Căn cứ pháp luật để tội phạm hóa các hoạt động này là gì? Đó là những tội phạm hình sự hoặc vi phạm hành chính?
- Những loại hành vi phạm tội nào được đưa vào?
- Có quy trách nhiệm đối với hành vi phạm tội bao gồm cố ý, biết trước hoặc vô ý (không quan tâm đúng mức) tham gia vào các hành vi bị cấm? Cấu thành hành vi phạm tội mà không có bằng chứng về vi phạm này (trách nhiệm tuyệt đối)?
- Các hình phạt đối với tội phạm này là gì?

Ngoài các tội phạm hình sự, một số quốc gia áp đặt hạn chế nhiều hơn đối với thương mại loài hoang dã và nguyên liệu động vật nhằm đóng cửa thị trường đối với bất kỳ sản phẩm nào không thể chứng minh nguồn gốc hợp pháp. Các quy định thương mại như vậy không được tìm hiểu sâu hơn trong *Bộ công cụ* này, tuy nhiên chúng có thể được lồng ghép vào các chiến lược lớn nhằm ngăn chặn tội phạm rừng và các loài hoang dã.

3.5 Các vi phạm về xuất nhập khẩu

Hành vi phạm tội xuất khẩu liên quan đến các hoạt động bất hợp pháp xuyên biên giới, như vận chuyển động vật và thực vật hoang dã mà không được ủy quyền, xuất khẩu loài hoang dã và lâm sản có được bằng cách bất hợp pháp, xuất khẩu trái phép các loài được bảo vệ và phân loại hàng xuất khẩu sai, cũng như xuất khẩu với giấy tờ giả mạo, xuất khẩu quá mức và khai thác giá trị và khối lượng, xuất khẩu bí mật, xuất khẩu không có giấy phép và giấy phép có được bằng cách bất hợp pháp.⁸¹

Tương tự như những vi phạm về xuất khẩu, việc nhập khẩu các loài động vật và thực vật vào một quốc gia có thể là bất hợp pháp do vi phạm hải quan và các yêu cầu kiểm soát biên giới khác. Đặc biệt là tính bất hợp pháp có thể phát sinh trong các trường hợp sau đây:

- Việc nhập khẩu liên quan đến loài được bảo vệ;
- Có lệnh cấm nhập khẩu từ một nguồn cụ thể;
- Không khai báo việc nhập khẩu;

⁸¹ Alison Watson, “Đề xuất cách tiếp cận New Zealand”, tr 17-18; Duncan Brack, “Khai thác gỗ bất hợp pháp thương mại bất hợp pháp”, tr 195.

- Không tuân thủ yêu cầu về tài liệu hóa;
- Sử dụng giấy tờ giả hoặc khai báo sai; và
- Nhập khẩu vượt quá hạn ngạch.

Ở hầu hết các nước, luật hải quan hoặc các bộ luật tương tự hình sự hóa hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa bị cấm và thiết lập một hệ thống cấp phép cho thương mại qua biên giới hợp pháp trong trường hợp các mặt hàng vốn bị cấm. Thông thường, những luật này không đưa ra các biện pháp cụ thể cho vấn đề vật liệu động vật và thực vật liệt kê cùng với hàng hóa bị cấm khác. Hơn nữa, một số nước có luật kiểm dịch cấm nhập khẩu một số loài động vật và thực vật hoang dã, thì những luật này thường có liên quan với bệnh dịch và kiểm soát dịch hại và chỉ coi các loài và bảo vệ môi trường khác chỉ như là một tác dụng phụ.

Ngược lại, Công ước CITES đưa ra một số biện pháp cụ thể được thiết kế để thực thi các quy định của Công ước và cấm xuất khẩu và nhập khẩu các loài được liệt kê trong Công ước CITES. Theo Điều VIII, khoản 1, các quốc gia tham gia được yêu cầu có biện pháp thích hợp để thực thi các quy định của Công ước và cấm buôn bán các mẫu vật vi phạm đó. Đặc biệt, các quốc gia phải cấm và đặt ra khung vi phạm đối với nhập khẩu hoặc xuất khẩu mẫu vật vi phạm các quy định của Công ước, kể cả đối với trường hợp không có giấy phép thích hợp và còn thời hạn.⁸² Điều VIII không tự nó tạo ra một tội phạm hình sự và nó không có hướng dẫn về thiết kế tội phạm hình sự theo pháp luật trong nước. Việc cấu thành hành vi phạm tội và việc thực thi các quy định của Công ước CITES sẽ tùy thuộc vào các quốc gia ký kết, các quốc gia thành viên được tự do áp dụng lệnh cấm nghiêm ngặt và yêu cầu hạn chế hơn so với các quy định của Công ước. Việc tội phạm hóa hành vi thương mại bán lẻ các loài có nguồn gốc bất hợp pháp và nỗ lực kinh doanh hoặc sở hữu các loài được bảo vệ không được đưa vào trong Công ước này.⁸³

Công cụ I.21 Các vi phạm trong xuất nhập khẩu

- Các hành vi sau đây có bị hình sự hóa theo quy định của pháp luật trong nước không?
Xuất khẩu và nhập khẩu các loài được bảo vệ (được bảo vệ theo luật quốc gia hoặc bảo vệ trong các Phụ lục của CITES);
Xuất khẩu và nhập khẩu các loài động vật và thực vật không có giấy phép hợp lệ (như không có giấy phép, giấy phép không hợp lệ và giấy phép giả mạo);
Xuất khẩu và nhập khẩu các loài động vật và thực vật trên tiêu chuẩn hạn ngạch hoặc cao hơn hạn ngạch trên giấy tờ;
Xuất khẩu và nhập khẩu các loài động vật và thực vật trong lệnh cấm của quốc gia; và
Xuất khẩu và nhập khẩu các loài động vật và thực vật khác không phù hợp với các giấy phép
- Căn cứ pháp luật để tội phạm hóa các hoạt động này là gì? Đó là những tội phạm hình sự hoặc vi phạm hành chính?
- Những loại hành vi phạm tội nào được đưa vào?
- Có quy trách nhiệm đối với hành vi phạm tội bao gồm cố ý, biết trước hoặc vô ý (không quan tâm đúng mức) tham gia vào các hành vi bị cấm? Cấu thành hành vi phạm tội mà không có bằng chứng về vi phạm này (trách nhiệm tuyệt đối)?
- Các hình phạt đối với tội phạm này là gì?

⁸² Cyrille de Klemm, “Hướng dẫn pháp lý thực hiện CITES”, tr 60.

⁸³ David Favre, *Thương mại Quốc tế đối với các Loài bị đe dọa tuyệt chủng: Một hướng dẫn thực hiện CITES* (Dordrecht, Netherland, Martinus Nijhoff Publishers, 1989), tr 215-216.

3.6 Thu mua, sở hữu và tiêu thụ

Nhu cầu tiêu thụ các loài động vật và thực vật là một trong những động cơ có trong hầu hết các hoạt động thương mại bất hợp pháp. Có rất nhiều các khía cạnh hình sự liên quan đến tội phạm rừng và các loài hoang dã được thực hiện ở các quốc gia xuất xứ và quốc gia trung chuyển, những vi phạm này sẽ không xảy ra nếu không phải là để tiếp tục đáp ứng nhu cầu tại các nước tiêu thụ chính.

Jacqueline L. Schneider lưu ý rằng:

Bất kể loại tài sản bất hợp pháp nào mà thị trường có nhu cầu thì các nhà cung cấp bất hợp pháp sẽ cố gắng để đáp ứng nhu cầu đó. Kẻ trộm (hoặc những kẻ săn trộm) tìm kiếm mặt hàng đó bởi vì chúng biết đó là con đường mà qua đó chúng có thể bán chúng - có một cơ hội để bán tài sản được yêu cầu đó cho những người, hoặc là sử dụng cho bản thân, hoặc sẵn sàng và có thể bán nó cho người tiêu dùng cuối.”⁸⁴

Nhu cầu đối với các loài quý hiếm hoặc các vật liệu giá rẻ là lý do quan trọng nhất của các hoạt động bất hợp pháp trong các lĩnh vực loài hoang dã và lâm nghiệp đang rộng khắp. Nếu không có nhu cầu về vật nuôi kỳ lạ, đồ nội thất làm từ gỗ nhiệt đới, thực phẩm có chứa động vật và thực vật quý hiếm, sản phẩm chạm khắc được làm từ ngà voi hoặc sừng tê giác, veneer và ván ép nhập khẩu với giá rẻ và vv, tội phạm rừng và các loài hoang dã sẽ giảm đáng kể. Như vậy, nhu cầu tạo thành một yếu tố động lực đối với tội phạm rừng và các loài hoang dã. Chủ đề này sẽ được thảo luận thêm trong phần bốn *Bộ công cụ* này.

Bất kỳ chiến lược nào nhằm loại bỏ việc buôn bán bất hợp pháp về động vật và thực vật hoang dã đều phải xem xét nhu cầu về động vật và thực vật bất hợp pháp, còn sống hay đã chết, bao gồm cả các sản phẩm và các dẫn xuất của chúng. Tuy nhiên, hầu hết các nước đặc biệt là những nước có mức tiêu thụ cao nhất, gần đây mới bắt đầu giới thiệu cơ chế xem xét, chứ chưa nói tới cấm, nhu cầu về động vật và thực vật hoang dã bất hợp pháp. Các nước nhập khẩu đầu mỗi các sản phẩm loài hoang dã đã có vài biện pháp cải cách. Ngoài một số cơ chế dùng để kiểm soát buôn bán các loài được bảo vệ theo Công ước CITES, các biện pháp giải quyết này chỉ là một khía cạnh nhỏ của thương mại chứ chưa phải là các vấn đề rộng hơn.

So với các khía cạnh khác của thương mại động vật và thực vật hoang dã, nhu cầu và tiêu thụ là các lĩnh vực ít được nghiên cứu nhất và có ít quy định nhất. Nhìn chung là không có yêu cầu về giấy phép để có được hoặc mua vật liệu nhất định trừ khi có liên quan đến một hoặc nhiều loài được bảo vệ. Ngoài ra, một số quốc gia nghiêm cấm việc mua các sản phẩm thực vật hoặc động vật đến từ một nguồn bất hợp pháp hoặc liên quan đến các loài được bảo vệ và thường không đặt ra hình phạt đối với việc sở hữu mẫu vật các loài động vật hoặc thực vật thu được bằng cách bất hợp pháp. Đối với hầu hết các phần, người tiêu dùng các động vật và thực vật hoang dã bất hợp pháp không phải chịu bất kỳ hình phạt, truy tố và tịch thu nào. Điều VIII, khoản 1 của Công ước CITES là một trong số vài quy định yêu cầu các quốc gia thành viên trừng phạt những người sở hữu bất kỳ loài nào được liệt kê trong các Phụ lục của Công ước CITES.

Công cụ I.22 Tội phạm liên quan

- Các hành vi sau đây có bị hình sự hóa theo quy định của pháp luật trong nước không?

Sở hữu và thu mua bất kỳ mẫu vật của loài được liệt kê trong Công ước CITES đã được nhập khẩu, nhập nội từ biên hoặc lấy từ môi trường tự nhiên mà không có giấy phép theo yêu cầu;

Sở hữu và mua bán mẫu vật nhập khẩu bất hợp pháp; và

⁸⁴ Jacqueline L. Schneider, “Giảm buôn lậu động vật hoang dã đang bị đe dọa”, tr 274-286.

Thu thập, tiêu thụ và sử dụng động vật và thực vật hoang dã nhập khẩu có nguồn gốc bất hợp pháp.

- CITES được thực hiện theo bộ luật hoặc hệ thống luật pháp nào của quốc gia? Có luật hoặc pháp quy tương tự liên quan chủ yếu đến các loài hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng, hay có nhiều công cụ pháp lý?
- Căn cứ pháp luật để tội phạm hóa các hoạt động này là gì? Đó là những tội phạm hình sự hoặc vi phạm hành chính?
- Những loại hành vi phạm tội nào được đưa vào?
- Có quy trách nhiệm đối với hành vi phạm tội bao gồm cố ý, biết trước hoặc vô ý (không quan tâm đúng mức) tham gia vào các hành vi bị cấm? Cấu thành hành vi phạm tội mà không có bằng chứng về vi phạm này (trách nhiệm tuyệt đối)?
- Các hình phạt đối với tội phạm này là gì?

3.7 Phạt

Có sự khác biệt đáng kể giữa các quốc gia về bản chất và mức hình phạt ấn định cho tội phạm liên quan đến rừng và loài hoang dã. Ở một số nước, chỉ quy định một số tiền nhỏ và mức phạt giam giữ ngắn hạn. Ở các nước khác, mức tiền phạt có thể rất nặng và thời hạn giam giữ rất lâu. Trong trường hợp đặc thù, vi phạm về rừng và các loài hoang dã chịu mức án tù chung thân hoặc thậm chí phạt tiền.⁸⁵

Công ước CITES không quy định hình phạt cụ thể đối với buôn bán trái phép các loài được bảo vệ theo Điều VIII, theo đó, các Bên tham gia Công ước được tự do quyết định xử phạt hoặc kết án đối với hoạt động buôn bán bất hợp pháp. Ở nhiều nước, hình phạt có thể được giới hạn ở tiền phạt và số quốc gia có đưa thêm hình phạt thể áp dụng với thời hạn giam giữ rất dài. Ở các nước khác, các hình phạt thuần túy mang tính hành chính. Nói chung, các yếu tố răn đe đối với tội phạm hình sự được giảm đi đáng kể nếu tòa án không thể, hoặc không áp dụng các mức phạt tiền thực tế hoặc các hình thức trừng phạt khác. Hình phạt thấp hoặc không đầy đủ cũng có thể hạn chế việc sử dụng các kỹ thuật điều tra như giám sát, đánh chặn thông tin liên lạc, truy cập vào tài khoản ngân hàng và các hồ sơ tài chính khác và giao hàng có kiểm soát, nói chung là chỉ áp dụng đối với tội phạm nghiêm trọng.

Sự khác biệt giữa các quốc gia liên quan đến các hình phạt cũng có thể tạo ra những thách thức trong nỗ lực đa phương để chống lại tội phạm rừng và các loài hoang dã có hiệu quả. Các quốc gia có hình phạt tương đối thấp hơn có thể được xem như là các mục tiêu mềm và do đó có thể dễ bị tổn thương hơn đối với các hoạt động bất hợp pháp. Do đó, cần đạt được một mức độ hài hòa nhất định đối với các hình phạt ấn định để thủ phạm dễ dàng nản chí hơn nếu họ biết rằng sẽ phải đối mặt với các hình phạt tương tự ở bất cứ nơi nào họ hoạt động.⁸⁶ Các quốc gia cũng nên ấn định hình phạt tiền ở mức tương đương và giữ sức mạnh răn đe của chúng theo thời gian, ví dụ bằng cách lập chỉ số theo tỷ lệ lạm phát khi thích hợp.⁸⁷

Việc kêu gọi các lệnh trừng phạt đối với loài hoang dã và tội phạm rừng đang tăng lên và cản trở thành bắt buộc đối với tất cả các hoạt động bất hợp pháp được phát hiện, tuy nhiên, được đáp lại một cách thận trọng. Nên dành hình phạt đặc biệt nghiêm trọng cho tội phạm nghiêm trọng được thực hiện một cách cố ý, đối với người thứ hai hoặc nhiều người có hành vi phạm tội và đối với hành vi phạm tội gây ra thiệt hại hoặc tử vong cho người khác. Ngoài ra cần phải bảo đảm kết tội người phạm tội một cách công bằng và có hệ thống, điều quan trọng cần lưu ý là việc tăng tiền phạt và hình phạt đối với các hoạt động bất hợp pháp không phải là luôn là một biện pháp hiệu quả.

⁸⁵ Cyrille de Klemm, “Hướng dẫn pháp lý thực hiện CITES”, tr 65.

⁸⁶ Ibid.

⁸⁷ FAO và ITTO, *Điện hình thực hiện tốt trong tăng cường việc tuân thủ Luật pháp*, tr 47.

Trong một số trường hợp lại có thể phản tác dụng, vì nó có thể dẫn tới việc làm tăng sự sẵn sàng trả tiền hối lộ và làm tăng mức độ tham nhũng. Do đó những hình phạt cứng rắn hơn sẽ chỉ đóng vai trò như một biện pháp răn đe khi việc quản trị tổng thể ngành lâm nghiệp và các loài hoang dã được tăng cường.⁸⁸

Hình phạt đối với nhiều hành vi phạm tội được xác định trong phần trước sẽ thay đổi tùy theo các hành vi có liên quan và hoàn cảnh và hậu quả của hành vi đó. Tất nhiên sẽ không thể giới thiệu hình phạt cụ thể bởi vấn đề này cần phải dành để xét xử theo từng bộ luật cụ thể. Một mặt, hình phạt nên mang tính công bằng và tương xứng với những thiệt hại gây ra, mặt khác, phải đủ nghiêm trọng để tạo thành một biện pháp hiệu quả. Chúng cũng phải được xã hội chấp nhận, vì nếu không các tòa án thường có thể cảm thấy không cần phải áp dụng chúng.⁸⁹

Các công cụ sau đây được thiết kế để xác định các loại hình phạt và các mức phạt tối đa và tối thiểu quy định cho vi phạm về rừng và các loài hoang dã. Các công cụ này thường là sẽ khác với hình phạt thực tế áp dụng đối với một người phạm tội. Tất cả mọi hình phạt đã thiết lập và các nguyên tắc tuyên án, được phân tích rõ hơn trong phần ba, mục 4, dưới đây.

Một số hậu quả của vi phạm về rừng và các loài hoang dã có thể không phải chịu “phạt” theo ý nghĩa chặt chẽ của từ này. Ví dụ, ở Liberia, đánh giá về nhượng quyền năm 2005-2006 đánh giá tất cả các hoạt động nhượng quyền khai thác cam kết nhằm phân tích xem chúng có đáp ứng yêu cầu pháp lý và đã được thành lập thông qua quy trình pháp lý thích hợp không. Kết quả là trong số các nhượng quyền đó không có nhượng quyền nào được trao theo quy định của pháp luật. Kết quả là, từng thỏa thuận và toàn bộ thỏa thuận đều bị công bố là vô hiệu— không phải là hủy bỏ theo ý nghĩa pháp luật – với thiệt hại kinh tế trong các hoạt động khai thác gỗ bị cáo buộc.⁹⁰

Công cụ I.23 Các hình phạt áp dụng cho vi phạm về rừng và động vật hoang dã

- Những loại biện pháp trừng phạt nào được áp đặt đối với vi phạm về rừng và các loài hoang dã trong bộ luật có liên quan (như phạt tiền hoặc phạt tù)?
- Luật có đặt ra mức phạt tù hoặc phạt tiền tối đa không?
- Luật có đặt ra mức phạt tù hoặc phạt tiền tối thiểu không?
- Mức độ nghiêm của hình phạt có phản ánh đầy đủ mức độ nghiêm trọng của thiệt hại gây ra bởi thủ phạm và âm mưu phạm tội của anh ta/cô ta
- Làm thế nào để những hình phạt và mức độ nghiêm trọng của chúng tương ứng với các loại tội phạm hình sự khác
- Có bất kỳ đạo luật hoặc quy định về tịch thu nói chung hoặc tịch thu đặc biệt nào không?
- Có quy trình thường xuyên thích hợp nào để xem xét sự phù hợp của việc nhượng quyền và các thỏa thuận sử dụng khác với luật pháp quốc gia không?

4. Hành vi phạm tội liên quan

Ngoài các tội phạm cụ thể được nêu trong mục 3 ở trên, tội phạm rừng và các loài hoang dã thường xuyên liên quan đến một loạt các hành vi phạm tội khác, nhằm tạo thuận lợi cho hành vi phạm tội

⁸⁸ Ibid.

⁸⁹ Cyrille de Klemm, “Hướng dẫn pháp lý thực hiện CITES”, tr 103.

⁹⁰ Arthur G. Blundell, “Các dòng chảy tài chính tiếp nhiên liệu cho chiến tranh”, trong *Rừng, Mong manh và Xung đột*, Chương trình Rừng (Washington, DC, Ngân hàng Thế giới, 2010).

chính hoặc cấu thành sau khi đã có hành vi tội phạm rừng và các loài hoang dã. *Bộ công cụ* này kiểm tra các loại hình vi phạm có thể liên quan tới tội phạm rừng và các loài hoang dã. Thay vào đó, phần tiếp theo tập trung vào những hành vi phạm tội thường xuyên kết nối với tội phạm rừng và các loài hoang dã nhất. Các hành vi này bao gồm gian lận giấy tờ (bỏ sót những sự kiện cụ thể, với ý định đánh lừa), rửa tiền, tham nhũng và hối lộ, trốn thuế và không nộp lệ phí và thuế, cũng như tham gia vào các tổ chức tội phạm.

4.1 Gian lận giấy tờ và các vấn đề liên quan

Gian lận giấy tờ thường là để che giấu tính xác thực, tính hợp pháp, số lượng, khối lượng, nguồn gốc và điểm đến của động vật và thực vật hoang dã. Gian lận diễn ra tại các điểm xuất xứ, điểm quá cảnh và điểm đến. Gian lận có thể được thực hiện bằng cách điền vào một tài liệu với thông tin sai lệch hoặc bằng cách giả mạo tài liệu này. Có rất nhiều cách thức làm giả mạo giấy tờ gốc.

Gian lận giấy tờ không chỉ liên quan gian lận trên giấy; nó có thể liên quan đến việc vứt bỏ, thay đổi, làm xấu hoặc xóa dấu hiệu gắn cho động vật, thực vật và các bộ phận của chúng. Gian lận có thể xảy ra khi đưa ra thông tin sai sự thật hoặc xuyên tạc thông tin với các cán bộ của chính phủ là người cấp giấy phép, bằng, nhượng quyền và các văn bản khác có liên quan, với ý định bỏ qua hoặc đánh lừa. Ví dụ, khai báo gian dối giống vật bị bắt giữ hoặc cách nhân giống nhân tạo của các loài cây phương thức gian lận phổ biến để có được giấy phép và chứng chỉ CITES thật.

Gian lận giấy tờ cũng có thể liên quan đến tham nhũng nếu các quan chức chính phủ được hối lộ để cấp giấy tờ sai. Hành vi trộm cắp và bán các tài liệu để trống làm suy yếu hệ thống theo cách tương tự.

Việc phụ thuộc quá nhiều vào các giấy tờ tài liệu, nhãn hiệu, tem được nhiều người coi là điểm yếu cơ bản trong thương mại động vật và thực vật hoang dã. Bản thân tài liệu giấy tờ, nhãn hiệu, tem thường được giao dịch bất hợp pháp và được dùng đi dùng lại trong nhiều giao dịch. Ở cấp độ quốc tế, Công ước CITES và các tổ chức khác cũng không có hệ thống giám sát và kiểm tra việc ban hành và sử dụng giấy phép và báo cáo số liệu cho cấp trung ương một cách toàn diện và độc lập.⁹¹

Sự bất minh của những người tham gia vào các mô hình luôn thay đổi của gian lận giấy tờ cần phải bị áp dụng các hình phạt, một mặt cần có tính tổng quát để phản ánh sự đa dạng của các hành vi phạm tội và mặt khác lại cần đủ cụ thể để xử phạt các hình thức gian lận giấy tờ nghiêm trọng một cách đầy đủ. Các hoạt động sau đây cần được thành lập tội phạm hình sự theo quy định pháp luật của một quốc gia: (a) bất kỳ vi phạm các điều kiện kèm theo giấy phép và giấy phép nào; (b) lập báo cáo sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn trong, hoặc kết hợp trong đơn xin phép và xin cấp giấy phép; (c) Lập báo cáo sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn cho cán bộ thực thi; và (d) làm giả giấy phép hoặc tem an ninh. Việc loại bỏ, thay đổi, hủy hoại, xóa các dấu đóng cho mẫu vật cũng cần được đưa vào khung theo quy định. Ngoài ra, không lưu hồ sơ, lưu giữ hồ sơ không đầy đủ và giả mạo hồ sơ khi có yêu cầu phải lưu giữ hồ sơ là cần thiết và cũng phải được thành lập tội phạm hình sự.⁹²

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng Kinh tế và Xã hội số 2004/26 tháng 7 năm 2004, Văn phòng Ma túy và Tội phạm Liên Hợp Quốc thực hiện nghiên cứu về gian lận, sử dụng sai mục đích mang tính hình sự và giả mạo danh tính,⁹³ phát hành năm 2007, là kết quả công việc của một nhóm chuyên gia liên chính phủ mở. Những phát hiện của nghiên cứu dựa trên thông tin cung cấp từ 46 quốc gia thành viên. Nghiên cứu đã giải quyết khác biệt và sai lệch trong phương pháp tiếp cận định nghĩa và khái niệm ở cấp quốc gia liên quan đến việc lạm dụng hình sự và giả mạo danh tính và làm sáng tỏ một vài khía cạnh khác nhau cho thấy sự phức tạp của vấn đề và tính đa dạng của các tội phạm

⁹¹ Brack Duncan, Kevin Gray và Gavin Hayman, “Kiểm sát thương mại quốc tế”, tr 16.

⁹² Cyrille de Klemm, “Hướng dẫn pháp lý thực hiện CITES”, tr 103.

⁹³ Liên Hợp Quốc: Hội đồng Kinh tế Xã hội, “Kết quả của cuộc họp thứ hai của Nhóm chuyên gia liên chính phủ để chuẩn bị một Nghiên cứu về gian lận, lạm dụng hình sự và sai lệch các danh tính”, báo cáo của Tổng thư ký, ngày 02 tháng 4 năm 2007 (E/CN.15/2007/8 và Bổ sung 1-3)

Công cụ I.24 Gian lận giấy tờ và các vi phạm liên quan

- Các hành vi sau đây có bị hình sự hóa theo quy định của pháp luật trong nước không? Những vi phạm loại nào được đưa vào?
Giả mạo các tài liệu giấy tờ do chính phủ cấp, tem an ninh và mác;
Trộm cắp tài liệu giấy tờ chưa điền;
Cung cấp thông tin sai sự thật, kể cả báo cáo sai sự thật và xuyên tạc, cho các quan chức chính phủ;
Vi phạm các điều kiện kèm theo giấy phép và chứng chỉ liên quan đến loài hoang dã và rừng;
Loại bỏ, hủy hoại, tẩy xóa và thay đổi các loại tem, nhãn hiệu;
Giả mạo hồ sơ và không lưu hồ sơ;
Thiếu chi tiết;
Gian lận nhằm bôi nhọ dịch vụ mang tính trung thực và trung thành của công dân và chính phủ đó
Căn cứ pháp luật để tội phạm hóa các hoạt động này là gì? Có những vi phạm gian lận chung, vi phạm liên quan đến danh tính hay vi phạm cụ thể liên quan đến tội phạm rừng và các loài hoang dã không? Đó là những tội phạm hình sự hoặc vi phạm hành chính?
- Có quy trách nhiệm đối với hành vi phạm tội bao gồm cố ý, biết trước hoặc vô ý (không quan tâm đúng mức) tham gia vào các hành vi bị cấm? Các tiêu chuẩn chứng cứ nào được áp dụng cho việc truy tố tội phạm?
- Có quy trách nhiệm đối với các tội phạm như tham gia, cố gắng thực hiện, âm mưu thực hiện, giúp đỡ, tiếp tay, tạo điều kiện và tư vấn cho việc thực hiện các tội phạm này không?
- Căn cứ pháp luật để tội phạm hóa các hoạt động này là gì? Đó là những tội phạm hình sự hoặc vi phạm hành chính hoặc cả hai?
- Có đủ dữ liệu, thống kê hoặc các thông tin khác để chứng minh một cách hiệu quả và đi đến kết luận về một trường hợp gian lận hoặc tội liên quan đến danh tính không?

4.2 Rửa tiền

Loài hoang dã và lâm sản có thể mang lại lợi nhuận lớn cần phải rửa để để ngụy trang nguồn gốc bất hợp pháp của chúng. Có rất nhiều ví dụ về mối liên kết giữa loài hoang dã và tội phạm rừng với rửa tiền và nhằm tránh sự kiểm soát tiền tệ và các quy định tài chính khác. Ở một số quốc gia vi phạm về rừng và các loài hoang dã có bản chất là (hoặc tiềm ẩn) tội phạm rửa tiền. Tới nay chỉ có một số ít nỗ lực nhằm “lần theo dấu vết tiền” bằng cách đóng băng và tịch thu toàn bộ số tiền thu được từ hoạt động tội phạm rừng và các loài hoang dã và xác định và hình sự hóa những người tài trợ cho hoạt động vi phạm rừng và các loài hoang dã hay kiếm lời từ chúng. Hơn nữa, hầu hết các nỗ lực đều liên quan đến khai thác gỗ bất hợp pháp và tới nay chỉ được thực hiện trong phạm vi một quốc gia chứ chưa ở tầm cỡ quốc tế.

Hầu hết các nước đã có luật chống rửa tiền và trực tiếp hoặc gián tiếp hình sự hóa việc chuyển giao, tiếp nhận, che giấu và sở hữu số tiền thu được từ một tội phạm. Tuy nhiên, ở một số nước đã không xây dựng tốt những bộ luật này, không thường xuyên sử dụng và thường chỉ được coi như là

công cụ nhằm ngăn chặn và trấn áp tội phạm rừng và các loài hoang dã. Mặt khác, các quốc gia khác đã thiết lập những cách sáng tạo nhằm hướng mục tiêu vào số tiền thu được từ các hoạt động như khai thác gỗ bất hợp pháp, chế biến gỗ trái phép, xuất khẩu và nhập khẩu gỗ bất hợp pháp và các hoạt động khác liên quan đến tội phạm rừng và các loài hoang dã.

Có thể sử dụng một số khuôn khổ quốc tế để kết tội và điều tra rửa tiền có được từ tội phạm rừng và các loài hoang dã. Ví dụ, trong Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia có một điều khoản quy định hình sự hóa toàn bộ việc rửa tiền có liên quan đến tội phạm có tổ chức và các vi phạm nghiêm trọng khác. Trong đó cũng đặt ra một loạt các biện pháp khác để ngăn chặn và phát hiện rửa tiền.⁹⁴ Điều 23 trong Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng có quy định hành vi phạm tội rửa tiền được mô hình hóa theo Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia. Dưới hình thức đơn giản hóa, Điều 6, khoản 1 của Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và Điều 23, khoản 1 trong Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng đã xác định việc rửa tiền thu được do hoạt động tội phạm là:

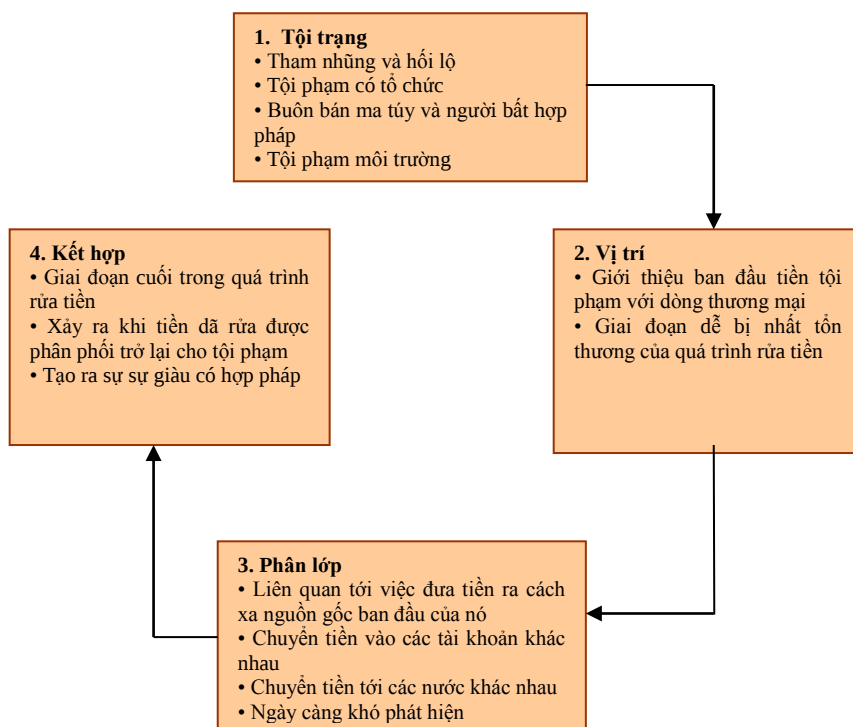
(a) (i) Chuyển đổi hoặc chuyển nhượng tài sản, biết rằng tài sản đó là số tiền thu được từ tội phạm, với mục đích che giấu hoặc ngụy trang nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản ...;

(a) (ii) Che giấu hoặc ngụy trang bản chất thực sự, nguồn gốc, địa điểm, bố trí, động thái hoặc quyền sở hữu hoặc quyền liên quan đến tài sản, biết rằng tài sản đó là số tiền thu được từ hoạt động tội phạm;

(b) (i) Thu mua, sở hữu hoặc sử dụng tài sản và có biết tại thời điểm nhận, rằng tài sản là tiền phạm tội.

Các công ước cũng cho rằng cần áp dụng các quy định có liên quan đối với việc tham gia, liên đới hoặc âm mưu thực hiện, cố gắng thực hiện và giúp đỡ, tiếp tay, tạo điều kiện và tư vấn cho tội phạm rửa tiền.⁹⁵

Hình III. Chu trình rửa tiền



⁹⁴ Liên Hợp Quốc Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, điều 6 và điều 7. Xem thêm David McClean, *Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia*, tr 68-108.

⁹⁵ Liên Hợp Quốc Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, điều 6, khoản 1 (b) (ii); Công ước Chống tham nhũng của Liên Hợp Quốc, điều 23, khoản 1 (b) (ii). Xem thêm UNODC, *Bộ công cụ Đánh giá luật hình sự* (New York, Liên Hợp Quốc, 2006), tr 5-6.

Công cụ I.25 Tội rửa tiền

- Luật trong nước có hình sự hóa việc chuyển đổi, chuyển nhượng, che giấu tài sản, hoặc bản chất thực sự, nguồn gốc, địa điểm, bố trí, động thái hoặc quyền sở hữu, biết rằng tài sản đó là số tiền thu được từ hoạt động tội phạm không?
- Luật trong nước có hình sự hóa việc thu mua, sở hữu hoặc sử dụng tài sản và có biết tại thời điểm nhận, rằng tài sản là tiền từ phạm tội không?
- Những vi phạm này có áp dụng đối với tiền thu được tất cả các tội phạm nghiêm trọng không? Liệu các vi phạm liên đới có liên quan đến rừng và các loài hoang dã^a có bị áp các điều khoản về rửa tiền không? Nếu có, tội liên đới có bao gồm tội phạm thực hiện ở cả trong và ngoài lãnh thổ của quốc gia đó không? Nếu vi phạm bên ngoài lãnh thổ quốc gia đó, có cần áp dụng hình phạt hình sự gấp đôi không?
- Những vi phạm rửa tiền cụ thể đó có liên quan tới tội phạm rừng và các loài hoang dã? Những hành vi vi phạm đó được xác định ở đâu (ví dụ bộ luật hình sự hay luật hình sự cụ thể)? Các yếu tố cấu thành là gì, cả yếu tố khách quan và chủ quan (*mens rea*)?
- Có quy trách nhiệm đối với hành vi phạm tội bao gồm cố ý, biết trước hoặc vô ý (không quan tâm đúng mức) tham gia vào các hành vi bị cấm? Hành vi phạm tội này có thể bị truy tố mà không có bằng chứng về vi phạm này không?
- Có quy trách nhiệm cho các hành vi phạm tội bao gồm tham gia, cố ý thực hiện hành vi phạm tội, âm mưu hành vi phạm tội, hỗ trợ, tiếp tay, tạo điều kiện và tư vấn cho các hành vi phạm tội không?
- Các hình phạt đối với tội phạm này là gì?
- Các điều khoản về rửa tiền có áp dụng cho những người phạm tội liên đới (tự rửa tiền) hay tội liên đới và tội rửa tiền được tách riêng?

^a Điều 2 (h) trong Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia của Liên Hợp Quốc nêu rõ: “‘phạm tội liên đới’ có nghĩa là bất kỳ hành vi vi phạm nào tạo ra số tiền có thể trở thành đối tượng của một hành vi phạm tội theo quy định tại Điều 6 của Công ước này.”

Các công cụ bổ sung cho điều tra tài chính và tịch biên tài sản được trình bày ở phần hai, từ mục 5.8 đến mục 5.9.

Khuyến nghị của Đội Đặc nhiệm Hành động Tài chính

Nhóm hành động tài chính chống rửa tiền (FATF) được thành lập vào năm 1989 như là một cơ quan liên chính phủ đặc biệt để giải quyết vấn đề rửa tiền và để tăng cường hỗ trợ tư pháp đa phương trong lĩnh vực này. FATF hiện đang có 34 quốc gia và hai tổ chức thành viên, do đó đã trở thành một trong những trung tâm tài chính lớn nhất trên thế giới. Nó đã được công nhận bởi 170 nước, trong đó 110 nước đã thành lập Cơ quan Tình báo Tài chính (Financial Intelligence Unit hay FIU). Những nước này đã đồng ý ban hành luật trong nước để thực hiện các khuyến nghị của FATF và đánh giá dựa trên các khuyến nghị này. Đã có trên 120 đánh giá đối với các khuyến nghị

(đã sửa đổi) tháng 6 năm 2003 được thực hiện. FATF hiện đang sửa đổi các tiêu chuẩn của nó. Dựa trên đánh giá đang tiến hành về quy mô và phương pháp rửa tiền và tài trợ khủng bố,

FATF có 40 Khuyến nghị và 9 Khuyến nghị đặc biệt để chống lại nạn rửa tiền và tài trợ khủng bố một cách toàn diện.⁹⁶ Những khuyến nghị này, dù không có hiệu lực về mặt pháp lý, đã được gần như được chấp nhận trên toàn cầu, FATF giám sát việc tuân thủ các tiêu chuẩn của Khuyến nghị của các quốc gia thành viên và không thành viên. Những khuyến nghị không được thiết kế để quy định một loại tội phạm cụ thể, do đó có thể sử dụng một cách dễ dàng nhằm chống lại các hoạt động rửa tiền có nguồn gốc từ vi phạm về rừng và các loài hoang dã. Để hỗ trợ các nước trong nỗ lực đánh giá và nâng cao hệ thống luật pháp quốc gia về chống rửa tiền, FATF, bằng quan hệ đối tác với các tổ chức tài chính quốc tế (Ngân hàng Thế giới và Quỹ Tiền tệ Quốc tế) đã xây dựng một sổ tay chi tiết về đánh giá chống rửa tiền và tài trợ cho khủng bố.⁹⁷

Một số tổ chức khu vực đã được thiết lập để bổ sung cho công việc của FATF. Các tổ chức này được gọi là “các tổ chức khu vực mang phong cách FATF”, bao gồm Nhóm Rửa tiền khu vực Châu Á/Thái Bình Dương, Nhóm hành động tài chính chống rửa tiền Caribe, Nhóm Rửa tiền khu vực Đông và Nam Phi, Nhóm Đấu tranh chống Rửa tiền và Tài trợ Khủng bố Á-Âu, Nhóm hành động Liên chính phủ chống Rửa tiền khu vực Tây Phi, Nhóm hành động tài chính chống rửa tiền Trung Đông và Bắc Phi và Lực lượng đặc nhiệm hành động tài chính Nam Mỹ Chống Rửa tiền. Hội đồng Hợp tác vùng Vịnh, Hội đồng châu Âu, Cộng đồng Kinh tế các quốc gia Tây Phi và các tổ chức khác trong khu vực cũng có các sáng kiến khu vực, bao gồm các hiệp ước, với trọng tâm là rửa tiền.

Công cụ I.26 40 khuyến nghị FATF

- Đây có phải là nước thành viên của FATF?
- Đây có phải là nước thành viên của một nhóm chống rửa tiền trong khu vực không?
- Nước này có thực hiện một đánh giá lẫn nhau với các nước khác không (trong bối cảnh của FATF hoặc một cơ quan tâm khu vực có phong cách FATF)? Nếu vậy, khi nào sẽ đánh giá thực hiện và kết quả là gì? Có thiếu sót gì và đã thực hiện những bước gì để khắc phục những thiếu sót này?

Báo cáo về giao dịch đáng ngờ

Yêu cầu báo cáo đối với tổ chức tài chính đặc biệt là các ngân hàng, có tầm quan trọng đặc biệt trong việc phát hiện các hoạt động rửa tiền bản, kể cả cả tài sản có nguồn gốc từ tội phạm rừng và các loài hoang dã. Bốn mươi khuyến nghị của FATF và nhiều điều luật trong nước tuân thủ theo tiêu chuẩn nhiệm vụ quốc tế đó là tổ chức tài chính phải thận trọng trong giao dịch tài chính và yêu cầu báo cáo các giao dịch đáng ngờ cho các cơ quan chính phủ được chỉ định và FIU có liên quan.⁹⁸ Việc không tuân thủ các nghĩa vụ báo cáo này ở một số quốc gia có thể phải chịu phạt.⁹⁹

⁹⁶ FATF, *Tiêu chuẩn FATF: 40 Khuyến nghị* (Paris, 20 tháng 6 năm 2003, kết hợp với các sửa đổi ngày 22 tháng 10 năm 2004). Có tại www.fatf-gafi.org/dataoecd/7/40/34849567.PDF (truy cập ngày 30 tháng 3 năm 2010); FATF, *Tiêu chuẩn FATF: Đề xuất đặc biệt thứ IX của FATF* (Paris, 2003, kết hợp với các sửa đổi ngày 22 tháng 10 năm 2004).

Có tại www.fatf-gafi.org/dataoecd/8/17/34849466.pdf (truy cập ngày 20 tháng 5 năm 2010).

⁹⁷ FATF, *AML/CTF Đánh giá: Cẩm nang cho Các quốc gia và Đánh giá viên* (Paris, Tổ chức Hợp tác kinh tế và Phát triển, 2009). Có tại www.fatf-gafi.org/dataoecd/7/42/38896285.pdf (truy cập ngày 30 tháng 3 năm 2010).

⁹⁸ FATF, *Tiêu chuẩn FATF: 40 Khuyến nghị, Các khuyến nghị số 5, 7, 11, 12 và 13*; Xem thêm, Bambang Setiono và Yunus Hussein, “Cuộc chiến chống tội phạm rừng và khuyến khích giao dịch ngân hàng thận trọng đối với quản lý rừng bền vững: phương pháp chống rửa tiền”, CIFOR, Báo cáo thường kỳ, số 44 (Bogor, Indonesia, Trung tâm Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế, 2005), tr 15-17.

⁹⁹ Cf. FATF, *Tiêu chuẩn FATF: 40 Khuyến nghị, Khuyến nghị 17*.

Điều 14, khoản 1 (a), of Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng đòi hỏi các quốc gia thành viên thiết lập một cơ chế quản lý và giám sát trong phạm vi thẩm quyền của mình để ngăn chặn và phát hiện các hoạt động rửa tiền. Cơ chế này phải toàn diện, nhưng các quốc gia thành viên có toàn quyền thiết lập các nhân tố chung và cụ thể của cơ chế đó, với điều kiện là các quốc gia yêu cầu các thiết chế tài chính ngân hàng và phi ngân hàng đảm bảo là:

- Xác định khách hàng hiệu quả;
- Lưu trữ hồ sơ chính xác;
- Một cơ chế báo cáo các giao dịch đáng ngờ.

Điều này có nghĩa là các đơn vị đang có hoạt động thương mại với các công ty lâm nghiệp và sẵn sàng cần lập báo cáo hoạt động kinh doanh với nhận thức về quy mô chung về hoạt động hợp pháp của khách hàng của họ và cần nghi ngờ một cách hợp lý khi có giao dịch không phù hợp với hoạt động kinh doanh bình thường, theo truyền thống và theo luật pháp của khách hàng. Do đó, một ngân hàng có trách nhiệm sẽ nghi ngờ một doanh nghiệp khai thác gỗ gửi tiền thu được từ việc bán gỗ mà vượt xa giá trị trong giấy phép về khối lượng khai thác cho phép.¹⁰⁰

Khuyến nghị 6 của FATF về những người tiếp xúc chính trị (PEP) có thể rất hữu ích vì nó đưa ra một cơ chế nhằm tiếp tục tăng cường soát xét toàn diện của các tổ chức tài chính thực hiện giao dịch thay mặt cho quan chức chính phủ cấp cao, kể cả các quan chức trong ngành loài hoang dã và lâm nghiệp. Trên cơ sở này, các tổ chức tài chính cần phải thực hiện các biện pháp soát xét toàn diện với PEP và những người dân thường khác:

- Có các hệ thống quản lý rủi ro thích hợp để xác định liệu khách hàng có phải là một PEP không;
- Xin phê duyệt của một quản lý cấp cao thiết lập mối quan hệ kinh doanh với các khách hàng như vậy;
- Thực hiện các biện pháp hợp lý để thiết lập nguồn gốc của sự giàu có và nguồn gốc của tiền; và
- Tăng cường giám sát liên tục mối quan hệ kinh doanh.

Theo lưu ý diễn giải của Khuyến nghị này, các yêu cầu của Khuyến nghị 6 cần bao gồm cả những cá nhân đang nắm giữ “các chức năng công cộng nổi tiếng ở quốc gia của họ”.

Hơn nữa, theo Điều 52, khoản 1 của Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng, các Quốc gia thành viên được yêu cầu có những biện pháp cần thiết, phù hợp với pháp luật của nước họ, nhằm bắt buộc các tổ chức tài chính trong phạm vi thẩm quyền của mình:

- Xác minh danh tính của khách hàng;
- Thực hiện các bước hợp lý để xác định danh tính của người hưởng lợi của khoản tiền gửi vào các tài khoản có số dư lớn; và
- Tăng cường giám sát các tài khoản được tìm kiếm hay được duy trì thay mặt các cá nhân, là những người được ủy thác các chức năng công nổi bật và các thành viên gia đình và các cộng sự gần gũi của họ.

Việc tăng cường giám sát này phải được thiết kế hợp lý để phát hiện giao dịch đáng ngờ cho mục đích báo cáo cấp có thẩm quyền và không nên được hiểu như là để ngăn cản hoặc cấm tổ chức tài chính không thực hiện các hoạt động kinh doanh với bất kỳ khách hàng hợp pháp nào.

Hơn nữa, theo Điều 58 của Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng, các quốc gia thành viên phải hợp tác với nhau nhằm mục đích ngăn ngừa và đấu tranh chống chuyển tiền có được từ hành vi phạm tội thành lập theo Công ước đối với các cách thức thúc đẩy và phương tiện thu hồi số tiền đó. Để thực hiện được điều này, điều 58 đòi hỏi từng quốc gia phải xem xét thành lập một

¹⁰⁰ Bambang Setiono và Yunus Hussein, “Đấu tranh với tội phạm rừng”, tr 14-15.

FIU, đóng vai trò là trung tâm thu thập, phân tích và phổ biến báo cáo các giao dịch tài chính đáng ngờ cho các cơ quan có thẩm quyền cấp quốc gia.

Công cụ I.27 Báo cáo các giao dịch đáng ngờ

- Cơ quan lập báo cáo đã áp dụng các biện pháp soát xét toàn diện khách hàng nào để xây dựng danh tính của khách hàng và chủ hưởng lợi?
- Các cơ quan lập báo cáo nào có trách nhiệm?
- Các đơn vị báo cáo, bao gồm các ngân hàng có được yêu cầu phải báo cáo giao dịch đáng ngờ không?

Nghĩa vụ đó có được áp dụng đối với các trường hợp sau đây không:

Tiền thu được từ tất cả các hành vi phạm tội được yêu cầu áp dụng như là chỉ đích danh tội phạm theo Khuyến nghị 1 trong số 40 Khuyến nghị FATF;

Số tiền bị nghi ngờ có liên hệ hoặc liên quan tới các mục đích khủng bố; và

Tất cả các giao dịch đáng ngờ, bao gồm cả các giao dịch theo dự định, bất kể giao dịch đó liên quan đến vấn đề thuế hay không.

- Nước đó đã thành lập một FIU chưa?
- Liệu FIU đó đã tiếp cận tới thông tin thực thi luật và quản trị để đánh giá giao dịch khả nghi?
- Các tổ chức lập báo cáo có được yêu cầu phải báo cáo bất kỳ giao dịch đáng ngờ nào với FIU không?
- Liệu FIU có hướng dẫn hoặc giới thiệu đầy đủ cho họ về cách báo cáo một giao dịch đáng ngờ? (Xem các khuyến nghị 13, 14 và 26 của FATF.)
- Có biện pháp soát xét toàn diện khách hàng PEP không? Nếu có thì với PEP trong nước hay quốc tế?
- Quốc gia đó có các chính sách và thủ tục để giải quyết rủi ro liên quan đến mối quan hệ kinh doanh hoặc giao dịch gián tiếp không?
- Có biện pháp phát hiện việc vận chuyển tiền mặt và các vật tư có thể chuyển đổi được qua biên giới, ví dụ: một hệ thống khai báo hoặc nghĩa vụ công bố thông tin khác?

4.3 Tội khác liên quan đến tham nhũng

Tham nhũng có thể xảy ra trước khi hoạt động (cấp giấy phép, chứng chỉ, hạn ngạch hoặc chứng nhận), trong khi hoạt động (kiểm soát hoạt động) và sau khi hoạt động (cấp giấy phép và giấy phép xuất khẩu, thương mại hóa sản phẩm).¹⁰¹

Tham nhũng có thể thấy ở cả nhân viên kiểm soát trò chơi và cán bộ lâm nghiệp nhận hối lộ và sau đó nhắm mắt làm ngơ để cho các hoạt động vi phạm rừng và loài hoang dã bất hợp pháp diễn ra.¹⁰² Tuy nhiên, tham nhũng có thể xảy ra ở các quan chức chính phủ cấp cao nhất, có liên quan đến quyết định chính sách và xây dựng luật trong ngành loài hoang dã và lâm nghiệp. Tham nhũng quy

¹⁰¹ Debra J. Callister, “Hoạt động bất hợp pháp và tham nhũng trong ngành lâm nghiệp”, tr 8.

¹⁰² Xem thêm Nalin Kishor và Richard Damania, “Tội phạm và công lý trong Vườn Eden: tăng cường quản trị và giảm tham nhũng trong ngành lâm nghiệp”, trong *Tham nhũng với nhiều gương mặt: Theo dõi lỗ hổng bảo mật ở cấp độ ngành*, J. Edgardo Campos và Sanjay Pradhan, bản sửa (Washington, DC, Ngân hàng Thế giới, 2007), tr 89-99

mô “lớn” hoặc mức độ cao hơn là hình thức tham nhũng nguy hiểm nhất vì nó gây thiệt hại tài chính đáng kể và khuyến khích hành vi tham nhũng nhỏ ở các cấp thấp hơn trong bộ máy chính quyền.¹⁰³ Tổ chức Nông lương của Liên Hiệp Quốc và Tổ chức Gõ Nhiệt đới Quốc tế cũng lưu ý rằng, trong một số trường hợp, tham nhũng trong ngành lâm nghiệp có thể là một phần nội tại của hệ thống bảo trợ nhằm duy trì sức mạnh của giới tinh hoa nắm quyền trong một quốc gia.¹⁰⁴ Độc quyền về chính trị là một vấn đề lớn trong các hoạt động bất hợp pháp tồn tại từ rất lâu trong lĩnh vực loài hoang dã và lâm nghiệp, nó thường dẫn đến sự vi phạm pháp luật và trật tự và cản trở đầu tư tư nhân và nước ngoài trong các ngành này.

Thực tế là rủi ro bị bắt gặp rất thấp đã tiếp tục khuyến khích hành vi tham nhũng. Hầu hết như tất cả các tội phạm đều thực hiện ở cách xa tầm nhìn của người dân, tại các vùng sâu và xa với các phương tiện giám sát và truyền thông yếu kém. Một yếu tố phát sinh khác là thiếu vắng các biện pháp trừng phạt hiệu quả và có tính răn đe; điều dễ nhận thấy là các hình phạt đặt ra thường rất nhẹ so với lợi nhuận tiềm năng. Hơn nữa, sự thiếu minh bạch trong các cơ quan quản lý rừng cộng đồng và các cơ quan khác kể cả cơ quan thực thi pháp luật, với cơ cấu trách nhiệm không rõ ràng và thiếu công khai các văn bản chính đều có lợi cho sự nở rộ hành vi tham nhũng.

Có rất nhiều cách đưa và nhận hối lộ trong lĩnh vực loài hoang dã và lâm nghiệp, không chỉ cho các quan chức chính phủ mà còn cho các doanh nghiệp thương mại và cá nhân thực hiện kiểm soát các lĩnh vực trong ngành công nghiệp và vật liệu. Nói chung, tham nhũng trong ngành loài hoang dã và lâm nghiệp bao gồm:

- Trả tiền hối lộ cho các quan chức chính phủ hoặc chính trị gia được ưu tiên (ví dụ giải thưởng của một hợp đồng mua sắm, nhượng quyền khai thác gỗ, săn bắn hoặc trợ cấp);
- Các nhà khai thác tống tiền của các quan chức nhằm hợp pháp hóa hoạt động bất hợp pháp (như giấy phép vận chuyển, khai thác và săn bắn, chuyển đổi sử dụng đất lâm nghiệp);
- Các quyết định chính thức có lợi cho các nhóm nhất định (ví dụ, khi phân bổ nhượng quyền khai thác gỗ, săn bắn với hiểu ngầm rằng nhóm đó về sau sẽ đền đáp lại ơn huệ đó);
- Các nhóm săn bắn hoặc các công ty gỗ trốn tránh các quy định quốc gia mà không phải chịu trừng phạt tương đối, nhờ có người bảo trợ;¹⁰⁵ và
- Hối lộ cán bộ Hải quan hoặc cán bộ kiểm soát biên giới để bỏ qua hoạt động buôn lậu hoặc tạo điều kiện cho buôn lậu.

Trong khi hầu hết, nếu không nói là tất cả, các nước có luật về tội phạm tham nhũng và hối lộ, các luật này đều không thể ngăn ngừa một cách thường xuyên và đầy đủ các hành vi này vì (a) chúng hiếm khi được thực thi, (b) việc truy tố thường thất bại do những khó khăn trong việc thu thập bằng chứng đầy đủ và (c) các hình phạt đều rất nhẹ. Nơi khác thì hành vi phạm tội trong nước không bao gồm hối lộ các quan chức nước ngoài. Miễn là nguy cơ bị bắt và bị xử phạt thấp, những người làm việc trong lĩnh vực loài hoang dã và lâm nghiệp – khu vực chính thức hay tư nhân – có được nhiều thứ mà chẳng mất gì nhiều nhờ tham nhũng.

Điều 15 của Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng định nghĩa việc hối lộ các quan chức nhà nước như sau:

(a) Lời hứa, tặng hoặc cho một quan chức nhà nước, trực tiếp hay gián tiếp, một lợi thể quá mức, cho bản thân anh ta hoặc cô ta hoặc người hoặc tổ chức khác, để quan chức đó hành động hoặc hạn chế hoạt động thực hiện nhiệm vụ chính thức của anh ta hoặc cô ta.

(b) Việc gạ gẫm hoặc chấp nhận của một quan chức nhà nước, trực tiếp hay gián tiếp, về một lợi thể quá mức, cho bản thân anh ta hoặc cô ta hoặc người hoặc tổ chức khác, để quan chức đó hành động hoặc hạn chế hoạt động thực hiện nhiệm vụ chính thức của anh ta hoặc cô ta.

¹⁰³ Xem thêm Debra J. Callister, “Hoạt động bất hợp pháp và tham nhũng trong ngành lâm nghiệp”, tr 9-10; Nalin Kishor và Richard Damania, “Tội phạm và công lý trong vườn Eden”, tr 89-97.

¹⁰⁴ FAO và ITTO, *Điện hình thực hiện tốt trong tăng cường việc tuân thủ Luật pháp*, tr 12; Cf. Esa Puustjärvi, *Đề xuất loại hình học cho hoạt động khai thác gỗ bất hợp pháp*, tr 24.

¹⁰⁵ Ibid, tr 11; Nalin Kishor và Richard Damania, “Tội phạm và công lý trong vườn Eden”, tr 89-97.

Ngoài vấn đề hối lộ của các quan chức nhà nước, Công ước này đưa ra một tập hợp quy định hình sự khác một cách toàn diện để chống tham nhũng hiệu quả hơn và thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này.¹⁰⁶ Công ước này yêu cầu các quốc gia thành viên áp dụng pháp luật và các biện pháp khác để thiết lập tội danh hình sự liên quan đến tham nhũng. Công ước này yêu cầu các quốc gia thành viên áp dụng pháp luật và các biện pháp khác để thiết lập tội danh hình sự liên quan đến tham nhũng. Có thể áp dụng đối với tất cả các lĩnh vực chính phủ và điều chỉnh theo tính chất đặc biệt của tham nhũng trong lĩnh vực loài hoang dã và lâm nghiệp. Các vi phạm là:¹⁰⁷

- Hối lộ các quan chức nước ngoài và các quan chức của tổ chức quốc tế công nước ngoài (Điều 16);
- Hành vi tham ô, biển thủ hoặc chuyển tài sản khác của một quan chức nhà nước (Điều 17);
- Kinh doanh trong khi gây ảnh hưởng (Điều 18);
- Lạm dụng chức năng (Điều 19);
- Làm giàu bất hợp pháp (Điều 20);
- Hối lộ trong khu vực tư nhân (Điều 21);
- Tham ô tài sản trong khu vực tư nhân (Điều 22);
- Rửa tiền thu được do tội phạm (Điều 23);
- Che giấu (Điều 24); và
- Cản trở công lý (Điều 25).

Hơn nữa, điều 26, khoản 1 của Công ước yêu cầu các quốc gia thành viên áp dụng các biện pháp đó khi cần thiết, phù hợp với nguyên tắc pháp lý của họ, để thiết lập trách nhiệm của pháp nhân để tham gia vào hành vi phạm tội được thành lập theo Công ước. Yêu cầu quốc gia thành viên phải bổ sung trách nhiệm của pháp nhân vào hệ thống luật pháp của nước họ một cách phù hợp với các nguyên tắc pháp lý của quốc gia đó. Theo những nguyên tắc pháp lý đó, trách nhiệm của pháp nhân có thể là hình sự, dân sự hoặc hành chính (điều 26, khoản 2), phù hợp với sáng kiến quốc tế thừa nhận và điều chỉnh phù hợp với các phương pháp tiếp cận đa dạng với các hệ thống pháp luật khác nhau. Vì vậy, không có nghĩa vụ thiết lập trách nhiệm hình sự, nếu điều này không phù hợp với nguyên tắc pháp lý của một Nhà nước. Trong những trường hợp đó chỉ cần một hình thức trách nhiệm dân sự hoặc hành chính là đủ đáp ứng yêu cầu này. Điều 26, khoản 3 quy định rằng trách nhiệm của pháp nhân phải được thành lập mà không làm phương hại đến trách nhiệm hình sự của thể nhân phạm tội. Do đó, trách nhiệm của thể nhân gây ra các hành vi là để bổ sung bất kỳ trách nhiệm nào của công ty và không nên bị ảnh hưởng bởi bất kỳ trách nhiệm nào của công ty. Khi một cá nhân phạm tội thay mặt cho một thực thể pháp lý, luật phải có thể truy tố và xử phạt cả hai. Công ước yêu cầu các quốc gia thành viên quy định các pháp nhân đó chịu trách nhiệm theo Điều 26 nghĩa là bị xử phạt hình sự hoặc phi hình sự một cách hiệu quả, tương xứng và có tính răn đe, bao gồm cả phạt tiền (Điều 26, khoản 4).

Để hỗ trợ các nước trong nỗ lực kiểm chế tham nhũng trên tất cả các lĩnh vực của xã hội, trong năm 2004, Văn phòng chống ma túy và tội phạm Liên Hợp Quốc đã phát hành *Chương trình toàn cầu về chống tham nhũng: Bộ công cụ chống Tham nhũng*. Bộ công cụ chống Tham nhũng có danh mục các biện pháp phân tích tính chất và mức độ tham nhũng, để ngăn chặn, phòng ngừa, đấu tranh chống tham nhũng và lồng ghép thông tin và kinh nghiệm chống tham nhũng thành công vào các chiến lược chống tham nhũng cấp quốc gia.¹⁰⁸

Công cụ I.28 được thiết kế nhằm xác định và phân tích hành vi phạm tội tham nhũng nói chung theo luật hình sự trong nước và tội phạm tham nhũng cụ thể liên quan đến các lĩnh vực loài hoang dã và lâm nghiệp (trong phạm vi quy định của luật pháp). Các biện pháp thực thi liên quan đến

¹⁰⁶ Xem thêm phần một, mục 1.3.

¹⁰⁷ Liên Hợp Quốc, *Các công ước*, tập 2349, Số 42146. Thông qua vào ngày 31 tháng 10 năm 2003, có hiệu lực vào ngày 14 tháng 12 năm 2005.

¹⁰⁸ UNODC, *Chương trình toàn cầu về chống tham nhũng: UN, Bộ công cụ chống tham nhũng*, bản sửa lần 3 (Vienna, 2004)

điều tra tham nhũng như biện pháp để chiến đấu tham nhũng của các cơ quan truy tố và tư pháp, được tìm hiểu tại các phần khác của *Bộ công cụ* này.¹⁰⁹

Công cụ I.28 Tội tham nhũng và hối lộ

- Các hành vi sau đây có bị hình sự hóa theo quy định của pháp luật trong nước không? Nếu có thì các hành vi đó bị hình sự hóa theo bộ luật nào (luật hình sự, bộ luật cụ thể hoặc bộ luật khác)? Bao gồm những loại hành vi phạm tội nào, cả khách quan và chủ quan (*mens rea*)?

Hối lộ chủ động và thụ động, đồng lõa trong tội hối lộ và các hình thức tham nhũng khác;

Hành vi tham ô, biển thủ hoặc chuyển tài sản khác của một quan chức nhà nước;

Hối lộ các quan chức nước ngoài và các quan chức của tổ chức quốc tế công nước ngoài;

Kinh doanh trong khi gây ảnh hưởng;

Lạm dụng chức năng;

Làm giàu bất hợp pháp;

Hối lộ trong khu vực tư nhân; và

Cản trở công lý.

- Luật pháp có quy định hành vi phạm tội đặc biệt đối với loài hoang dã và ngành lâm nghiệp để hình sự hóa các tội sau đây không?

Hối lộ quan chức chính phủ và các chính trị gia để được nhận ưu đãi (ví dụ: để nhận được nhượng quyền về gỗ, giấy phép săn bắn hoặc đăng ký chế biến; hoặc tránh quy định báo cáo, bỏ qua hành vi vi phạm nhỏ, bỏ qua các hoạt động khai thác gỗ bất hợp pháp, hoạt động khai thác và săn bắt trộm);

Hối lộ để tránh bị truy tố hay can thiệp hành chính do không tuân thủ luật và quy định về rừng và các loài hoang dã;

Hành vi tống tiền của các quan chức trong ngành loài hoang dã và lâm nghiệp;

Sự thiên vị (có nghĩa là, các quyết định ưu đãi của các quan chức trong ngành lâm nghiệp và các loài hoang dã với sự hiểu ngầm là những ưu đãi này sẽ được đền đáp, bằng tiền hoặc dưới các hình thức khác);

Sự thân hữu, bè phái (có nghĩa là, các quyết định ưu đãi của quan chức trong ngành lâm nghiệp và các loài hoang dã dành cho bạn bè và người thân); và

Thao túng trong quá trình đấu thầu hoặc tiết lộ thông tin cho các nhà thầu được ưu tiên

- Có quy trách nhiệm đối với hành vi phạm tội bao gồm cố ý, biết trước hoặc vô ý (không quan tâm đúng mức) tham gia vào các hành vi bị cấm? Hành vi phạm tội mà không có bằng chứng về vi phạm này (trách nhiệm tuyệt đối)?
- Có quy trách nhiệm đối với các tội phạm như tham gia, cố gắng, âm mưu, giúp đỡ, tiếp tay, tạo điều kiện và tư vấn thực hiện các tội phạm này không?
- Các hình phạt đối với tội phạm này là gì?
- Luật pháp trong nước có thành lập trách nhiệm của pháp nhân về các tội có liên quan không? Bản chất của trách nhiệm này là gì?
- Quốc gia này đã trở thành viên của Công ước của Liên Hợp Quốc chống Tham nhũng chưa?

¹⁰⁹ Xem thêm phần hai, mục 9 và phần ba, mục 1.5.

4.4 Trốn thuế và không nộp thuế và lệ phí khác

Trốn thuế, không nộp thuế nhập khẩu, thuế thương mại quốc tế và các chi phí khác là những hiện tượng phổ biến không chỉ đối với ngành loài hoang dã và lâm nghiệp. Tuy nhiên, khi xem xét bối cảnh và khi kết hợp lại, việc không nộp thuế nhập khẩu, thuế thương mại quốc tế và lệ phí làm chính phủ và cộng đồng địa phương thất thu rất nghiêm trọng và có thể làm suy yếu nghiêm trọng sự phát triển kinh tế. Sự cạnh tranh không lành mạnh cũng đặt ra một thách thức nghiêm trọng đối với những người khai thác không tuân thủ luật pháp và các quy định có liên quan và trả các khoản lệ phí có liên quan bởi vì sản phẩm của họ có thể đắt hơn ở các giai đoạn bán buôn và bán lẻ. Hơn nữa, việc trốn thuế và lệ phí thường liên quan đến rửa tiền và tham nhũng, đặc biệt là khi đã hối lộ các quan chức chính phủ nhằm tránh phải nộp lệ phí.

Công cụ I.29 Trốn thuế và không nộp phí, lệ phí khác

- Các hoạt động sau đây có bị trừng phạt theo quy định của pháp luật trong nước không? bị trừng phạt như tội phạm hình sự hay vi phạm hành chính? Những hành vi phạm tội đó sẽ bị trừng trị căn cứ theo bộ luật nào? (bộ luật hình sự, luật hình sự cụ thể, pháp luật hoặc các quy định hành chính, hoặc luật khác)? Các yếu tố của các tội phạm này là gì?

Khai báo giá hoặc giá trị của nguyên liệu động vật và thực vật hoặc sản phẩm dưới giá và giá trị thị trường;

Đánh giá quá cao các dịch vụ nhận được từ các công ty liên quan làm giảm lợi nhuận và thuế thu nhập doanh nghiệp phải khai báo;

Tránh phải trả thuế tài nguyên và thuế nhập khẩu bằng cách báo cáo thấp hoặc đánh giá thấp nguyên liệu, sản phẩm từ động vật và thực vật;

Không nộp lệ phí cấp phép, thuế tài nguyên, thuế và các chi phí khác của chính phủ có liên quan đến các hoạt động trong các lĩnh vực loài hoang dã và lâm nghiệp; và

Che giấu lợi nhuận và thao tác các dòng doanh thu trước các cơ quan để tránh trách nhiệm và các loại thuế.

- Các hình phạt đối với tội phạm này là gì?

4.5 Tổ chức phạm tội hình sự

Nhiều hình thức tội phạm rừng và các loài hoang dã trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến tội phạm có tổ chức. Một số tổ chức tội phạm tham gia một cách có hệ thống vào các hoạt động bất hợp pháp trong các lĩnh vực loài hoang dã và lâm nghiệp và tuyển chọn rất nhiều trợ lý trong khi thực hiện hành vi phạm tội. Họ thường xuyên hoạt động qua lại biên giới, tạo ra thuật ngữ “Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia”.

Phân mở rộng của trách nhiệm hình sự truyền thống như là hành vi chớm phạm tội và trách nhiệm pháp lý thứ cấp,¹¹⁰ thường không thích hợp khi kết tội hình sự đối với các cá nhân trong tổ chức tội phạm, đặc biệt là những người chỉ đạo và đứng đầu các nhóm tội phạm mà không trực tiếp thực hiện bất kỳ hành vi phạm tội hình sự nào. Trong trường hợp của tập đoàn lớn hơn, một số cá nhân có thể đóng góp chung cho nhóm và cũng có thể nhận thức được rằng nhóm thường xuyên tham

¹¹⁰ Trình bày chi tiết tại phần một, mục 2.3.

gia vào các hoạt động tội phạm, nhưng họ không có kiến thức cụ thể về vi phạm cá nhân. Ví dụ, một người có thể cố ý cung cấp một tổ chức tội phạm súng cầm tay, thiết bị hoặc tiền, nhưng có thể không nhận thức được hành vi phạm tội cá nhân cụ thể mà những thứ này sẽ được sử dụng. Những người tham gia kiểu như vậy không đạt tới ngưỡng theo yêu cầu đối với trách nhiệm phụ.

Ngoài ra, không thể kết tội có âm mưu đối với thành viên xếp hạng thấp của các tổ chức tội phạm vì họ không tham gia vào âm mưu và không tham gia vào việc lập kế hoạch các hoạt động tội phạm. Hơn nữa, một số tổ chức tội phạm tham gia vào nhiều giao dịch bất hợp pháp mà không thể kết hợp thành tội phạm chung duy nhất. Trong một số khu vực pháp lý, rất khó, nếu không phải không thể, nhắm mục tiêu vào các thành viên cao cấp của tổ chức tội phạm là người chủ mưu và tài trợ các hoạt động tội phạm, nhưng không tham gia vào thực hiện kế hoạch của họ và do đó không tham gia vào bất kỳ hành vi công khai nào: thủ lĩnh các tổ chức tạo ra "tấm màn che của công ty để bảo vệ chúng khỏi bị chịu trách nhiệm".¹¹¹

Chủ yếu là những người ở cấp cao hơn trong hệ thống phân cấp sẽ cố gắng tự mình không trực tiếp tham gia vào hoạt động tội phạm, đặc biệt là tội phạm có nguy cơ cao bị bắt giữ. Bởi các nhân vật cấp cao hơn trong bậc thang phân cấp thường nhận được nhiều thu nhập từ thuế, cống nạp, hoặc lệ phí từ cấp dưới của họ, họ được bảo vệ hiệu quả khỏi bị cáo trạng.¹¹²

Để giải quyết những vấn đề này và mở rộng phạm vi trách nhiệm hình sự, Công ước của Liên Hợp Quốc chống Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia đặt ra một cáo buộc hành vi phạm tội riêng đối với việc tham gia vào một nhóm tội phạm có tổ chức. Điều 5, khoản 1 (a) (ii), của Công ước gắn trách nhiệm đối với hành động cố ý, đóng góp có mục đích vào tổ chức tội phạm. Việc áp dụng cáo buộc hành vi phạm tội này có phạm vi rộng hơn so với hành vi chớm phạm tội hiện có vì nó cho phép hình sự hóa những người có nhiều kết nối từ xa với các hoạt động tội phạm.

Tội trạng này được mô tả ở điều 5, khoản 1 (a) (ii), đòi hỏi là một bị cáo phải đóng vai trò “một phần tích cực trong” các hoạt động nhất định của một nhóm tội phạm có tổ chức.¹¹³ Người tham gia phải “tích cực” với ý nghĩa là anh ta có đóng góp thực tế vào hoạt động của nhóm và không phải là hoàn toàn không liên quan tới các hoạt động đó. Sự tham gia của các bị cáo có thể là (a) vào hoạt động tội phạm của nhóm hoặc (b) trong các hoạt động khác, ngoài hoạt động phạm tội nếu bị cáo biết rằng đóng góp của mình sẽ góp phần để đạt được một mục tiêu tội phạm.¹¹⁴ Bằng chứng là thành viên hoặc của bất kỳ vai trò liên tục nào trong tổ chức đều không cần thiết đối với việc coi hoạt động này là một hành vi phạm tội.

Căn cứ vào điều 5, khoản 1 (a) (ii), trách nhiệm được giới hạn cho những người cố ý tham gia vào các hoạt động nêu trên và những người có kiến thức thực tế về mục tiêu và các hoạt động nêu trên hoặc ý định phạm tội hình sự của nhóm tội phạm có tổ chức. Điều này loại trừ trách nhiệm của bất kỳ người nào vô tình có thể đóng góp cho một tổ chức tội phạm hoặc những người thiếu thận trọng hoặc không quan tâm về bản chất và hoạt động của nhóm.¹¹⁵ Điều 5, khoản 2, yêu cầu có bằng chứng của yếu tố tinh thần như ý định và kiến thức cần thiết theo điều 5, khoản 1 (a) (ii), có thể suy ra từ hoàn cảnh thực tế khách quan.¹¹⁶

Hệ thống pháp luật này được chấp nhận rộng rãi trong các quốc gia tham gia Công ước, nó điều chỉnh một loạt các hoạt động tội phạm. Đây là một công cụ hữu ích để nhắm mục tiêu tới những người đóng vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, tài trợ hoặc giúp đỡ trong các tổ chức tội phạm liên quan đến rừng và các loài hoang dã.

¹¹¹ Christopher L. Blakesley, “Hệ thống tư pháp hình sự phải đối mặt với những thách thức của tổ chức tội phạm”, *Đánh giá quốc tế về Luật Hình sự*, tập 69 (1999), tr 78.

¹¹² Peter B.E. Hill, *Mafia Nhật Bản: Yakuza, Luật và Nhà nước* (Oxford, Oxford University Press, 2003), tr 148-149. Xem thêm Andreas Schloenhardt, *Palermo ở Thái Bình Dương*, tr 15-23.

¹¹³ Nhóm tội phạm có tổ chức được quy định tại Điều 2, đoạn (a), Công ước Liên Hợp Quốc về chống Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia

¹¹⁴ Roger S. Clark, “Công ước Liên Hợp Quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia”, *tạp chí Pháp luật Wayne*, tập 50 (2004), tr 161-172.

¹¹⁵ Tuy nhiên, các bên có thể tự do hạ thấp yêu cầu *mens rea* và mở rộng trách nhiệm đối với sự bất cẩn, sơ suất hoặc thậm chí trách nhiệm tuyệt đối mà không cần bằng chứng về một yêu cầu phạm tội (điều 34, khoản 3); cf. David McClean, *Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia*, tr 62.

¹¹⁶ Xem thêm Andreas Schloenhardt, *Palermo ở Thái Bình Dương*, tr 50-54.

Công cụ I.30 Tham gia vào tổ chức tội phạm

- Quốc gia đó có hình sự hóa việc tham gia vào một tổ chức tội phạm hoặc nhóm tội phạm có tổ chức khác không? Nếu có thì hình sự hóa theo bộ luật nào? Các nhân tố của nó là gì?
- Vi phạm này có mở rộng tới tất cả các tội phạm nghiêm trọng? Tội phạm về rừng và các loài hoang dã có được coi là tội phạm nghiêm trọng theo quy định của pháp luật trong nước không?
- Hành vi phạm tội này có mở rộng tới những người lãnh đạo, chỉ đạo, tài trợ hoặc giúp đỡ trong khả năng khác của tổ chức tội phạm không?
- Có gán trách nhiệm đối với hành vi phạm tội như cố gắng, giúp đỡ, tiếp tay, tạo điều kiện và tư vấn thực hiện hành vi phạm tội này không?
- Các hình phạt đối với tội phạm này là gì?

5. Sáng kiến chuyên ngành và khu vực

Ngoài các khuôn khổ quốc tế và các điều ước song phương đã thảo luận trong phần một, mục 1 của *Bộ công cụ* này, đã có nhiều sáng kiến chuyên ngành được đưa ra nhằm giải quyết các khía cạnh cụ thể của tội phạm rừng và các loài hoang dã, hoặc tập trung vào các khu vực địa lý cụ thể.

5.1 Thực thi luật pháp và quản trị lâm nghiệp

Tiến trình Thực thi luật pháp và quản trị lâm nghiệp là sáng kiến khu vực do Ngân hàng Thế giới điều phối và được tổ chức với sự hợp tác với các chính phủ và các nước tiêu dùng. Sáng kiến FLEG khu vực đầu tiên được phát động ở khu vực Đông Nam Á năm 2001 và đã phát triển ở châu Phi, châu Âu, Mỹ Latin và Bắc Á.

Mục tiêu của tiến trình FLEG là nhằm nâng cao chất lượng quản trị trong lĩnh vực lâm nghiệp và duy trì đối thoại và hợp tác quốc tế để chống lại khai thác gỗ và thương mại bất hợp pháp giữa các nhà sản xuất và các nước tiêu thụ gỗ bằng cách cải thiện mối liên kết và hài hòa hóa các quy định. Trên quy mô lớn, tiến trình FLEG nhấn mạnh hỗ trợ xây dựng hiểu biết giữa quốc gia sản xuất và tiêu thụ và xây dựng các chương trình được thiết kế để đảm bảo rằng chỉ có gỗ hợp pháp mới được nhập vào thị trường của các nước tiêu dùng. Về phía cung, các tiến trình FLEG giải quyết cơ bản nguyên nhân khai thác gỗ bất hợp pháp và tham nhũng. Về phía cầu, các quy trình công nhận trách nhiệm của các nước tiêu dùng nhằm đặt ra các điều kiện kiểm soát vào nhập khẩu và tiêu dùng.¹¹⁷

¹¹⁸

Các tiến trình FLEG khu vực được công nhận rộng rãi để thu hút cam kết chính trị để có hành động khắc phục hậu quả tại các quốc gia tham gia trong các tiến trình đó, họ đã tạo ra quan hệ đối tác giữa các nhà tài trợ và các cơ quan phát triển chia sẻ một mối quan tâm chung với việc nâng cao chất lượng quản trị rừng. Nhờ đó chính phủ các nước, khối tư nhân và xã hội dân sự đã có những hành động tầm cỡ quốc gia với sự hỗ trợ của các nhà tài trợ song phương và đa phương. Những hành động này thường được lồng ghép vào quá trình phát triển quốc gia và khu vực. Các quy trình ở cấp Bộ và sự chú ý toàn cầu tới tính hợp pháp của ngành lâm nghiệp dẫn tới tình huống là các

¹¹⁷ Viện Lâm nghiệp Châu Âu, *Thực thi Luật Lâm nghiệp, Quản trị và Thương mại*; và Nalin Kishor và Richard Damania, "Tội phạm và công lý trong Vườn Eden", tr 89-107.

¹¹⁸ Xem phần bốn của *Bộ công cụ* để biết thêm thông tin.

vấn đề FLEG vẫn chưa được coi là một mục riêng mà được thành một phần không thể tách rời của quản lý rừng bền vững.

Tuyên bố FLEG là “những luật mềm”, đó là những tuyên bố chính sách đầy tham vọng. Tuy nhiên, nhiều quốc gia đã xây dựng luật pháp của quốc gia họ nhằm giải quyết vấn đề này. Ở các quốc gia tiêu dùng, ví dụ tốt nhất được biết đến là Đạo luật Lacey sửa đổi tại Mỹ năm 2008 và Kế hoạch Hành động FLEGT Liên minh châu Âu, từ đó mới có luật Liên minh Châu Âu năm 2010 và các thỏa thuận ràng buộc với các nước sản xuất.

Mọi tiến trình FLEG xác định vấn đề ưu tiên trong thực thi luật lâm nghiệp và quản trị và danh sách các hành động để giải quyết nạn khai thác và buôn bán gỗ bất hợp pháp tại các khu vực có liên quan.¹¹⁹

Tóm lại, các tiến trình FLEG mặc dù mới ra đời nhưng đã có một số kết quả, như:

- Các cuộc họp kỹ thuật với nhiều bên liên quan, chia sẻ kinh nghiệm về các vấn đề FLEG;
- Đàm phán liên chính phủ về soạn thảo một kế hoạch tuyên bố và hành động cấp Bộ nhằm nâng cao chất lượng quản trị rừng, chống khai thác gỗ trái phép và hoạt động thương mại liên quan; và
- Các cuộc họp với nhiều bên liên quan khác trước và tiếp theo các tuyên bố cấp bộ.¹²⁰

Một số chính phủ của các quốc gia có vai trò quan trọng trong sản xuất sản phẩm rừng và chuỗi tiếp thị vẫn chỉ cam kết bên lề giải quyết vấn đề này. Một phần của các ngành công nghiệp hoạt động tại các quốc gia bị ảnh hưởng do khai thác gỗ bất hợp pháp và các sản phẩm tội phạm rừng xuất khẩu khác tới các thị trường có ít sự nhạy cảm môi trường hơn nếu không chúng được sử dụng cho tiêu dùng trong nước. Còn rất nhiều việc phải làm để tận dụng cơ hội mà FLEG mang lại.¹²¹

Đông Nam Á

Tiến trình FLEG khu vực đầu tiên được phát động ở khu vực Đông Nam Á qua Hội nghị Bộ trưởng Đông Á về với các thực thi Luật Lâm nghiệp và quản trị, tổ chức tại Bali, Indonesia, từ 11-13 tháng 9 năm 2001. Hội nghị đã đưa ra một Tuyên bố Bộ trưởng cam kết chống tội phạm rừng qua tăng cường hợp tác song phương, khu vực và đa phương. Tuyên bố đã phá vỡ truyền thống dè dặt trong thảo luận về vấn đề khai thác gỗ bất hợp pháp và thương mại. Chương trình của các hoạt động khu vực và quốc gia đại diện cho một nỗ lực sáng tạo, toàn diện và lồng ghép nhằm giải quyết vấn đề khai thác gỗ bất hợp pháp và hoạt động thương mại.¹²²

Tuyên bố thể hiện yêu cầu:

- Hành động ngay lập tức nhằm tăng cường nỗ lực quốc gia và tăng cường hợp tác song phương, khu vực và đa phương để giải quyết các vi phạm lâm luật và tội phạm rừng, đặc biệt là khai thác gỗ bất hợp pháp, hoạt động thương mại và tham nhũng bất hợp pháp có liên quan và các hiệu ứng tiêu cực của chế độ pháp trị;
- Xây dựng cơ chế trao đổi kinh nghiệm và thông tin hiệu quả;
- Thực hiện các hoạt động, hợp tác giữa các cơ quan thực thi pháp luật trong và giữa các nước nhằm ngăn chặn vận chuyển gỗ bất hợp pháp; và
- Tìm kiếm cách thức loại bỏ gỗ xuất khẩu và nhập khẩu gỗ được khai thác trái phép, bao gồm một hệ thống thông báo trước đối với gỗ giao dịch thương mại.

¹¹⁹ FAO và ITTO, *Diễn hình thực hiện tốt trong tăng cường việc tuân thủ Luật pháp*, tr 69 và 106.

¹²⁰ Ngân hàng Thế giới, “Tăng cường thực thi luật lâm nghiệp và quản trị”, tr 19.

¹²¹ Ibid., tr 20.

¹²² FAO và ITTO, *Diễn hình thực hiện tốt trong tăng cường việc tuân thủ Luật pháp*, tr 106.

Danh mục chỉ dẫn các hành động thực hiện Tuyên bố tiếp tục khuyến nghị cần hài hòa hóa mã số hàng hóa Hải quan, các giao thức chia sẻ dữ liệu xuất khẩu/nhập khẩu và hệ thống thông báo trước.

Năm 2002, Nhóm công tác khu vực và Nhóm tư vấn tiến hành phân tích cách thức cụ thể mang lại ý nghĩa hoạt động cho Tuyên bố Bộ trưởng.

Tuyên bố Bali và các cuộc thảo luận tiếp theo dẫn đến các hiệp định về nỗ lực quốc gia và khu vực cần thiết để giải quyết các mối đe dọa tới rừng. Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đã thành lập một số tổ chức khu vực và chương trình làm việc để thực hiện các Tuyên bố. Trong một số trường hợp, tiến độ thực hiện trong lĩnh vực này bị chậm lại, điều này rõ ràng đã chứng minh quyền sở hữu ở khu vực. Ngoài ra, một số hiệp định song phương đã được ký kết để giải quyết các vấn đề này.¹²³ Tháng 5 năm 2011, Indonesia đã ký VPA với Liên minh châu Âu và các cuộc đàm phán hoặc đàm phán kỹ thuật trước vẫn tiếp tục thực hiện ở một số quốc gia trong khu vực.

Châu Phi

Hội nghị Bộ trưởng thực thi Luật Lâm nghiệp và Quản trị Châu Phi diễn ra vào tháng 10 năm 2003 tại Yaoundé, Cameroon, đưa ra Tuyên bố và Kế hoạch hành động thực thi pháp luật và Quản trị rừng ở châu Phi. Trong Tuyên bố này, các chính phủ cam kết sẽ huy động nguồn lực tài chính cho FLEG, thúc đẩy hợp tác giữa các cơ quan thực thi pháp luật trong nước và giữa các quốc gia, thu hút các bên liên quan ra quyết định tìm kiếm cách thức chứng minh tính hợp pháp và tính bền vững của lâm sản. Nhóm Hỗ trợ Quản trị và Thực thi Luật Lâm nghiệp Châu Phi của các chính phủ sản xuất, tiêu dùng và tài trợ được thành lập trong tháng 5 năm 2004, với mục đích duy trì động lực hành động thực hiện Tuyên bố, đặc biệt là thông qua kế hoạch hành động cấp quốc gia.¹²⁴ Tuy vậy, kể từ đó, hầu hết các hành động chỉ diễn ra ở cấp quốc gia hoặc tiểu khu vực (ví dụ, ở lưu vực sông Congo).

Các quốc gia Châu Phi là những nước đầu tiên ký VPA với Liên minh châu Âu (Cộng hòa Trung Phi, Congo, Ghana và Liberia).

Châu Mỹ Latin

Năm 2005, Ngân hàng Thế giới phối hợp với Liên minh châu Âu, bắt đầu một tiến trình FLEG tương tự ở châu Mỹ Latin. Tuy nhiên, quá trình ở khu vực này không đưa đến một tuyên bố cấp Bộ như ở khu vực khác. Ở Châu Mỹ Latin, hầu hết các hoạt động FLEG đã thực hiện trong hành động quốc gia (ví dụ như ở Brazil) hoặc với sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế ở cả hai nước và cấp độ tiểu khu vực, đặc biệt là ở Trung Mỹ. Công ước CITES đã được thực thi ở khu vực do tầm quan trọng của việc quản lý bền vững gỗ gụ và vai trò của nó trong thương mại quốc tế.

Châu Âu và Bắc Á

Lo ngại về khai thác gỗ bất hợp pháp tràn lan, tháng năm 2004, Liên bang Nga tuyên bố quan tâm của mình trong việc khởi đầu một tiến trình FLEG tại khu vực châu Âu và Bắc Á trong hợp tác với các đối tác trong khu vực. Ban chỉ đạo quốc tế được thành lập để hỗ trợ chuyên môn cho quá trình

¹²³ Một ví dụ là một Biên bản ghi nhớ (MOU) giữa Indonesia và Vương quốc Anh để nâng cao chất lượng FLEG, chống khai thác gỗ bất hợp pháp và buôn bán gỗ khai thác trái phép cấp quốc tế. Các ví dụ khác là MOU giữa Indonesia và Nhật Bản, giữa Indonesia và Malaysia và giữa Indonesia và Trung Quốc, với những mục tiêu tương tự.

¹²⁴ FAO và ITTO, *Điển hình thực hiện tốt trong tăng cường việc tuân thủ Luật pháp*, tr 106; Nalin Kishor và Richard Damania, “Tội phạm và công lý trong Vườn Eden”, tr 89-108.

này. Hội nghị chuẩn bị FLEG được tổ chức vào tháng 6 năm 2005, và một hội nghị bộ trưởng được tổ chức trong tháng 11 cùng năm đó.¹²⁵

Phần lớn thực hiện FLEG ở châu Âu và Bắc Á được Liên minh châu Âu hỗ trợ qua một thỏa thuận hợp tác với các chính phủ và các bên liên quan khác như Ngân hàng Thế giới, Hiệp hội Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế và Quỹ Loài hoang dã Thế giới.

Công cụ I.31 Các tiến trình FLEG khu vực

- Quốc gia đó có tham gia vào bất kỳ tiến trình FLEG khu vực nào không?
- Có tuyên bố và các nghị quyết khác về lồng ghép tiến trình FLEG khu vực trong chính sách đối nội, luật, quy định và vv?

5.2 Hệ thống thực thi pháp luật về loài hoang dã

Có rất nhiều hệ thống thực thi pháp luật về loài hoang dã được xây dựng nhằm tạo điều kiện hợp tác xuyên biên giới giữa các quốc gia tham gia phòng chống và trấn áp tội phạm loài hoang dã. Các hệ thống này bao gồm Nhóm thực thi Loài hoang dã Bắc Mỹ và Nhóm thực thi Thương mại Loài hoang dã Liên minh Châu Âu.

Tại khu vực Đông Nam Á, Mạng lưới thực thi Pháp luật loài hoang dã ASEAN điều phối các biện pháp ngăn chặn buôn bán trái phép các loài được bảo vệ, đe dọa đa dạng sinh học, gây nguy hiểm cho sức khỏe cộng đồng và làm suy yếu sức khỏe của nền kinh tế. Nó đưa ra một cơ chế giúp các nước chia sẻ thông tin và học hỏi kinh nghiệm thực hiện tốt nhất lẫn nhau. Qua các cuộc họp, hội thảo và đào tạo hàng năm, Mạng lưới thực thi Pháp luật loài hoang dã ASEAN giúp tăng năng lực thực hiện và điều phối và hợp tác tốt hơn giữa các cơ quan thực thi pháp luật các nước Đông Nam Á, khu vực và trên toàn cầu. Liên kết với các văn phòng Công ước CITES, INTERPOL, Cơ quan Cá và Loài hoang dã Mỹ, Bộ Tư pháp Mỹ và các nhóm thực thi pháp luật loài hoang dã khác giúp mở rộng phạm vi của mạng lưới.¹²⁶

Mạng lưới thực thi pháp luật loài hoang dã Nam Á đã chính thức ra mắt vào tháng 1 năm 2011. Hiện đang xây dựng một mạng lưới với các quốc gia nói tiếng A rập, giống như đối với Bắc Mỹ.

Hiệp định Lusaka về hợp tác thực thi pháp luật điều chỉnh hoạt động thương mại bất hợp pháp đối với động vật và thực vật hoang dã nhằm khuyến khích và tạo điều kiện thực thi pháp luật loài hoang dã ở khu vực châu Phi. Các nước tham gia hiệp định đã thành lập một đội đặc nhiệm là các cán bộ biệt phái của quốc gia thành viên, có trụ sở tại Nairobi.¹²⁷

Công cụ I.32 Hệ thống thực thi pháp luật về loài hoang dã trong khu vực

- Quốc gia đó có tham gia vào bất kỳ mạng lưới thực thi pháp luật loài hoang dã trong khu vực không?
- Các tuyên bố và hướng dẫn thực hiện tốt do hệ thống thực thi pháp luật về loài hoang dã khu vực có được lồng ghép vào các chính sách, luật pháp, quy định và thủ tục hành chính

¹²⁵ Nalin Kishor và Richard Damania, “Tội phạm và công lý trong Vườn Eden”, tr 89-108.

¹²⁶ Để biết thêm thông tin, xem tại www.asean-wen.org (đánh giá ngày 1 tháng 4 năm 2010)

¹²⁷ Thông tin thêm có thể lấy từ trang web của lực lượng đặc nhiệm: www.lusakaagreement.org/.

5.3 Hệ thống và các chương trình chứng nhận, tiêu chuẩn riêng và tự nguyện

Riêng trong ngành lâm nghiệp có một số tiêu chuẩn riêng và tự nguyện để chứng minh cho người tiêu dùng sản phẩm gỗ là sản phẩm có nguồn gốc hợp pháp hoặc được sản xuất một cách bền vững. Những chương trình nổi tiếng nhất đều có các tiêu chuẩn bền vững tự nguyện, ví dụ Hội đồng Quản trị Rừng hoặc chương trình Xác nhận Chứng chỉ Rừng, là các tổ chức bảo trợ quốc tế công nhận hệ thống chứng chỉ quản lý rừng bền vững.¹²⁸

Hệ thống chứng nhận giúp xác định, tài liệu hóa và chứng minh tính bền vững của lâm sản. Rừng được chứng nhận được coi là quản lý bền vững và do đó, các giá trị như môi trường, kinh tế và xã hội đều được duy trì.¹²⁹ Theo Quỹ Loài hoang dã Thế giới và Ngân hàng Thế giới và Liên minh lâm sản toàn cầu, chứng nhận và công nhận cần phải phù hợp với khuôn khổ quốc tế và thống nhất với các nguyên tắc được áp dụng toàn cầu giúp cân bằng các khía cạnh kinh tế và sinh thái. Ngoài ra, các nhóm tham gia chủ chốt cần tham gia vào quản lý và thiết lập tiêu chuẩn, được dựa trên các tiêu chuẩn thực hiện khách quan và đo lường được, phù hợp với điều kiện của địa phương. Để đảm bảo sự hỗ trợ của cộng đồng địa phương và các bên liên quan chính, việc cấp giấy chứng nhận và thủ tục công nhận cần phải minh bạch và công khai.¹³⁰

Tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững nhằm mục đích cao hơn so với các yêu cầu của pháp luật bằng cách giới thiệu các yếu tố để xác minh tính bền vững về xã hội và môi trường. Các bộ tiêu chuẩn khác đề cập tới tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ. Ngoài ra, có nhiều cấp độ tuân thủ khác nhau từ xác minh nguồn gốc pháp lý tới xác minh tính pháp lý rộng hơn. Liên minh Rừng nhiệt đới, nhà cung cấp dịch vụ xác minh liên quan đến rừng, định nghĩa các khái niệm như sau:

Xác minh xuất xứ pháp lý

Xác minh xuất xứ pháp lý là xác nhận rằng gỗ xuất phát từ một nguồn có quyền hợp pháp bằng văn bản trong việc khai thác, theo luật pháp và các quy định của Chính phủ có thẩm quyền.

Nhà cung cấp gỗ đó tuân thủ và lưu giữ tài liệu về các hệ thống chuỗi chu trình sản phẩm.

Xác minh sự tuân thủ pháp luật

Xác minh sự tuân thủ pháp luật mở rộng thêm các thành phần cơ bản trong xác minh xuất xứ của nguồn gốc hợp pháp bằng cách xác nhận là gỗ được khai thác phù hợp với hệ thống luật pháp và quy định liên quan đến lâm nghiệp.

Điều quan trọng là “nguồn gốc hợp pháp” không trùng khớp với “tuân thủ pháp luật”. Nguồn gốc hợp pháp là đề cập tới việc đáp ứng yêu cầu quản lý hành chính về việc cấp phép, quy hoạch, thuế, lệ phí và khai thác trong các khu vực xác định. Việc tuân thủ pháp luật có phạm vi rộng hơn như

¹²⁸ Để biết thêm thông tin, xem tại www.pefc.org/ và www.fsc.org/.

¹²⁹ Website của Hội đồng Quản trị Rừng có thể truy cập tại www.fscus.org/.

¹³⁰ WWF và Liên minh Rừng Toàn cầu Ngân hàng Thế Giới, *Hướng dẫn cấp chứng chỉ rừng (FCAG): Khung đánh giá hệ thống/chương trình cấp chứng chỉ rừng* (2006), tr iii.

pháp luật về bảo vệ môi trường, loài hoang dã, bảo tồn nguồn tài nguyên nước và đất, quy định về khai thác và thực hiện, sức khỏe và an toàn công nhân và công bằng cho cộng đồng.”¹³¹

Những năm gần đây đã có rất nhiều sáng kiến ở khu vực công cộng và tư nhân nhằm nâng cao chất lượng và xác minh tính bền vững hay hợp pháp - hoặc cả hai - của hoạt động sản xuất lâm nghiệp. NGO Tropenbos Hà Lan đã lập bản đồ với 127 sáng kiến khác nhau được phát động từ khu vực công hay tư nhân hoặc các tổ chức NGO. Con số này của họ đã phát triển theo cấp số nhân trong 10 năm qua; vào năm 2000, đã có khoảng 40 chương trình được đưa ra.¹³²

Công cụ I.33 Hệ thống và các chương trình chứng nhận, tiêu chuẩn riêng và tự nguyện

- Quốc gia đó có tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững quốc gia, được xác nhận bởi Hội đồng quản trị rừng hoặc Chương trình Xác nhận cấp Chứng chỉ Rừng không?
- Tất cả các nhóm tham gia chủ chốt có tham gia vào quản trị và thiết lập tiêu chuẩn không?
- Hệ thống chứng nhận gây ra những trở ngại không cần thiết đối với hoạt động thương mại không?
- Các tiêu chuẩn có phù hợp với điều kiện địa phương không? Có phải chúng dựa trên kết quả khách quan và có thể đo lường được hay không?
- Các thủ tục và quy trình ra quyết định có minh bạch và công khai không?
- Có cơ chế khiếu nại tố cáo không?
- Có đủ năng lực cấp chứng chỉ quốc gia để thực hiện cấp giấy chứng nhận quản lý rừng bền vững không?
- Có tiêu chuẩn riêng và tự nguyện được biết đến và áp dụng rộng rãi không?

¹³¹ Xem www.rainforest-alliance.org/forestry/verification/legal (truy cập ngày 15 tháng 7 năm 2011).

¹³² Jinke Van Dam và Herman Savenije, *Tăng cường thương mại gỗ được sản xuất hợp pháp: Hướng dẫn sáng kiến* (Wageningen, Hà Lan, Tropenbos International International, 2001).

Phần hai.

THỰC THI

1. Các cơ quan thực thi.....	85
1.1 Thẩm quyền thực thi.....	86
1.2. Giám sát của cộng đồng	90
1.3 Đối tác	90
2. Nguồn nhân lực	92
2.1 Nhân sự.....	92
2.2. Tuyển dụng.....	94
2.3 Đào tạo	94
3. Thông tin tình báo	97
3.1 Thu thập và trao đổi thông tin tình báo	97
3.2 Các kỹ thuật bí mật.....	100
3.3 Người cung cấp tin	103
3.4 Các trạm tuần tra và kiểm soát	103
3.5 Chủ động điều tra	104
4. Quyền hạn thực thi	105
4.1 Nguồn gốc của quyền hạn thực thi	105
4.2 Các kiểu quyền hạn điều tra	106
4.3 Thực hiện quyền lực, kiểm tra và cân bằng.....	107
4.4 Thiết bị làm việc.....	107
5. Thủ tục và kỹ thuật điều tra.....	109
5.1 Báo cáo vi phạm.....	109
5.2 Thu thập thông tin và bằng chứng	110
5.3 Các công việc liên quan đến hiện trường vụ xâm hại rừng và các loài hoang dã.....	111
5.4 Xác định nghi phạm.....	111
5.5 Phỏng vấn	112
5.6 Bảo vệ nạn nhân và nhân chứng.....	113
5.8 Điều tra tài chính	115
6. Kiểm soát biên giới và Hải quan	117
7. Hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực phòng chống tội phạm	120
7.1 Khung pháp lý	121

7.2 INTERPOL.....	122
7.3 Hoạt động, thủ tục và quản lý.....	123
7.4. Hợp tác thực thi và chia sẻ thông tin	124
8. Hỗ trợ và viện trợ kỹ thuật	126
8.1 Hỗ trợ quốc tế và khu vực	126
8.2 Các nhà tài trợ song phương và đa phương.....	127
8.3 Phối hợp các nhà tài trợ.....	127
9. Trách nhiệm và tính liêm khiết.....	128

Thực thi

Thực thi luật là một trong những công cụ chủ đạo nhằm hạn chế tội phạm vi phạm các quy định về rừng và các loài hoang dã. Thực thi liên quan đến hoạt động hoặc các can thiệp của các cơ quan chính phủ đối với các hoạt động không tuân thủ pháp luật. Đây là biện pháp tức thời và thường xuyên nhất nhằm trừng trị các tội phạm vi phạm các quy định về rừng và các loài hoang dã. Nó ảnh hưởng đến lợi ích của người phạm pháp thông qua khả năng bị bắt, kết án và thực hiện hình phạt nếu bị kết án. Theo đó, các lực lượng thực thi có thẩm quyền và kỹ năng cao như cảnh sát, nhân viên bảo vệ rừng và các loài hoang dã, nhân viên kiểm soát biên giới là những lực lượng tiên quyết cho việc thực hiện các chức năng trên đồng thời nhận thức về vai trò của tư pháp¹³³.

Thực thi luật bảo vệ tài nguyên thiên nhiên là cách hiểu tốt nhất và được xem như phần mở rộng và tích hợp của quản lý tài nguyên. Do đó, tất cả các lực lượng trên đều liên quan đến quản lý tài nguyên: từ việc xây dựng các mục tiêu quản lý đối với hệ thống các nguồn tài nguyên cụ thể tới việc thực hiện đánh giá và khai thác tài nguyên, thiết kế và hỗ trợ các hệ thống tái tạo và phục hồi các nguồn tài nguyên, điều tra cụ thể và theo dõi các hành vi phạm pháp. Tất cả đều là các thành phần của hệ thống thực thi. Vai trò và trách nhiệm cụ thể của các thành phần là khác nhau trong các hệ thống khác nhau của hành chính công và chúng có thể được cấu trúc theo nhiều cách khác nhau cho phù hợp với nhu cầu và hoàn cảnh thực tế. Tuy nhiên, tính liên tục và toàn diện của hệ thống thực thi về căn bản cần phải được công nhận.

Tội phạm vi phạm các quy định về rừng và các loài hoang dã thường liên quan đến nhiều loại tội phạm bao gồm nhiều thành tố tội phạm mang tính ngẫu nhiên xuyên biên giới. Điều này có thể tạo ra các thách thức đối với hiệu quả của các hoạt động thực thi. Điều tra tội phạm vi phạm các quy định về rừng và các loài hoang dã liên quan đến các phương thức điều tra chủ động, chia rẽ và phản ứng khác nhau.

Có nhiều cách thực thi luật khác nhau giữa các cơ quan tư pháp. Giám sát các lĩnh vực lâm nghiệp và các loài hoang dã thường liên quan đến các cơ quan với các nhiệm vụ, mục tiêu, quyền hạn, kỹ thuật và thủ tục điều tra khác nhau. Ở một số lĩnh vực pháp lý, thực thi luật được tập trung cao độ trong khi ở một số lĩnh vực khác có thể phân cấp và liên quan đến các cộng đồng địa phương. Phương thức thực thi luật trong những lĩnh vực này thường được phân chia phụ thuộc vào số đông bao gồm các học thuyết chính trị, kinh tế và văn hóa đang thịnh hành cũng như cấu trúc xã hội và truyền thống địa phương.¹³⁴ Cơ chế thực thi luật dựa trên cơ sở là truyền thống hoặc văn hóa dân tộc hoặc các phân cấp xã hội thay thế, cũng có thể được giới thiệu, đặc biệt ở những nơi thiếu trung thực trong công bằng và hiệu quả của hệ thống quản lý hiện hành¹³⁵.

1. Các cơ quan thực thi

Yêu cầu đặt ra đối với các cơ quan cảnh sát trong thực thi luật và quy định bảo vệ rừng và các loài hoang dã là phân tích và nhận thức nếu triển khai và thực hiện các chính sách tốt hơn. Điều cần thiết trước khi phân tích là xác định vai trò và trách nhiệm của các bên liên quan ở cả cấp quốc gia và địa phương.¹³⁶ Do đó, bước đầu tiên trong phân tích khả năng thực thi luật trong mỗi liên quan

¹³³ UNODC, “Bố trí cơ quan cảnh sát và an ninh xã hội”, trong *Bộ Công cụ đánh giá luật pháp hình sự*

¹³⁴ Ibid

¹³⁵ Ibid.

¹³⁶ Kevin Tomkins, “Thực thi pháp luật về cảnh sát và môi trường”, *Các vấn đề hiện tại về Tư pháp hình sự*, Quyền số 16, số 3 (Tháng 3/2015), trang 294.

với tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã liên quan đến nhận thức cấu trúc vĩ mô của thực thi luật. Điều này đóng vai trò quan trọng trong việc xác định cụm từ “ai là ai” và “ai làm gì” trong thực thi luật bảo vệ rừng và các loài hoang dã do nghi ngờ về chủ thể có thẩm quyền thực thi luật có thể gặp khó khăn, khác biệt hoặc trùng lặp.¹³⁷

Tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã là một thành tố thường xuyên liên quan đến nhiều cơ quan chính phủ. Theo đó, trong phần lớn các cơ quan tư pháp có nhiều hơn 1 cơ quan có trách nhiệm thực thi các lĩnh vực liên quan đến luật bảo vệ các loài hoang dã, rừng, Hải quan và các bộ luật phòng chống tội phạm khác. Thường có một số cơ quan hoặc viện nghiên cứu quốc gia hoặc cơ quan khu vực, địa phương yêu cầu phân bổ sung hoặc bảo hiểm tương tự. Mặc dù trong lĩnh vực tư pháp có lực lượng cảnh sát quốc gia, vẫn có thêm cơ quan thực thi luật với kỹ năng cao hoặc các chức năng đặc biệt như các đội bảo vệ rừng và các loài hoang dã, Hải quan, Cảnh sát biên giới.

Ở một số cơ quan tư pháp, nhân viên bảo vệ rừng và các loài hoang dã, nhân viên Hải quan có thể không đủ thẩm quyền thực thi luật hình sự và phải chuyển giao các thông tin nghi ngờ, các chuyển hàng lậu sang cơ quan cảnh sát khi vừa thụ lý. Ngược lại, ở một số quốc gia, nhân viên Hải quan có thẩm quyền cao hơn cảnh sát hoặc ngược lại. Cũng có thể có một cơ quan kết hợp giữa nhà nước và tư với các công ty tư nhân thực hiện các chức năng do Nhà nước chuyển giao.¹³⁸

Ngành tư pháp trong cơ cấu liên bang thường có nhiều cơ quan thực thi luật với một cơ quan liên bang bao gồm lực lượng cảnh sát địa phương, tỉnh hoặc Nhà nước. Nhìn chung, lực lượng cảnh sát liên bang/quốc gia có thẩm quyền xử lý các vấn đề tội phạm ở cấp quốc gia hoặc các vấn đề liên quan giữa các bang. Tội phạm xuất khẩu và nhập khẩu, bao gồm cả các loài động vật, thực vật hoang dã (mẫu vật chết hoặc sống), thường nằm trong lĩnh vực này. Tuy nhiên, nhiệm vụ đối với các cơ quan tư pháp khác nhau và các vùng khác nhau có thể không rõ ràng như quy định và có khả năng mâu thuẫn giữa cách xử lý của cơ quan địa phương và cơ quan liên bang.¹³⁹

Công cụ II.1 Cấu trúc thực thi luật

- Thực thi luật cấp quốc gia được cấu trúc như thế nào?
- Các cơ quan có trách nhiệm giám sát ở cấp quốc gia, nhà nước/địa phương và khu vực?
- Có hay không lực lượng liên ngành hoặc các cơ quan khác hoạt động trong lĩnh vực môi trường hoặc liên quan đến tội phạm?

Thẩm quyền thực thi

Cấu trúc vĩ mô của thực thi luật được xác định sẽ tạo điều kiện cần thiết để xác định vai trò khác nhau của các cơ quan trong đấu tranh với tội phạm xâm hại các loài hoang dã, rừng, Hải quan và các tội phạm khác.¹⁴⁰ Ở một số lĩnh vực tư pháp, lực lượng cảnh sát có thể đóng vai trò điều tra tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã. Mặt khác, các cơ quan quản lý lâm nghiệp, nông nghiệp hoặc tài chính, Hải quan, Cảnh sát biên, môi trường có thể đảm nhiệm chức năng đó. Thực thi luật tuân thủ các quy định của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) đôi khi được giao cho lực lượng Hải quan và, mặt khác, là một số cơ quan đặc biệt.¹⁴¹ Ở một số lĩnh vực tư pháp, nhiệm vụ thực thi do tầm quan trọng của tội phạm quyết định nên lực lượng cảnh sát đóng vai trò điều tra tội phạm (ở mức độ phức tạp) trong khi nhân viên bảo vệ rừng

¹³⁷ Cyrille de Klemm, “Hướng dẫn luật thực thi CITES”

¹³⁸ UNODC, “Bố trí cơ quan cảnh sát và an ninh công cộng”, trong *Bộ công cụ đánh giá luật pháp hình sự*.

¹³⁹ Ibid

¹⁴⁰ Cf. Ibid

¹⁴¹ Cf. Andreas Schloenhardt, “Buôn bán bất hợp pháp gỗ”, trang 22

và các loài hoang dã xử lý các vấn đề ít phức tạp hơn. Cũng có thể có trường hợp chức năng thực thi được giao cho hoặc thuê các công ty bảo vệ tư nhân thực hiện.¹⁴²

Các cơ quan cảnh sát thường bị hạn chế do ngân sách và có thể không dành nhiều ưu tiên cho việc điều tra tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã như đối với tội giết người hoặc các hành vi bạo lực.¹⁴³ Như điểm chung, sự hiện diện của các cơ quan đặc biệt điều tra tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã nhằm đảm bảo hoạt động điều tra tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã có vai trò quan trọng tương đương với các hoạt động điều tra các tội phạm khác. Xây dựng một đội ngũ các chuyên viên thực thi luật cũng cho phép thúc đẩy các nguồn lực và chia nhỏ các đơn vị thực hiện ở mức độ rộng và thực thi luật phổ biến khắp quốc gia.

Trong bối cảnh này, Ban thư ký CITES cũng khuyến khích việc thành lập các cơ quan chuyên biệt, cơ quan đa chức năng về thực thi luật bảo vệ các loài hoang dã nhằm đấu tranh với buôn bán trái phép các loài thuộc CITES,¹⁴⁴ đây là quan điểm được nhiều chuyên gia và học giả ủng hộ.¹⁴⁵ Để thực hiện điều này, CITES yêu cầu một “hướng dẫn dành cho các cơ quan thực thi bảo vệ các loài hoang dã”.¹⁴⁶ Ở một số quốc gia, trách nhiệm đầu tiên trong việc thực thi CITES thuộc về Cơ quan quản lý CITES.¹⁴⁷

Công cụ II.2 Thẩm quyền thực thi

- Các cơ quan, tổ chức nào liên quan đến hoạt động điều tra tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã
- Vai trò tư pháp của từng cơ quan có được thể hiện rõ ràng hoặc tách bạch?
- Chức năng nhiệm vụ của từng cơ quan là gì? Chức năng của các cơ quan liên quan có được xác định rõ cũng như nhân viên thực thi và các cơ quan cộng tác có hiểu về chức năng nhiệm vụ của các cơ quan trên? Liệu các cơ quan này có đủ thẩm quyền hoặc quyết định để thực hiện các chức năng của mình?
- Liệu các cơ quan này thuộc một bộ hoặc một số bộ, ngành? Đó là những bộ, ngành nào?
- Các cơ quan được cung cấp tài chính như thế nào? Ngân sách được có đủ để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao?
- Ai kiểm soát các cơ quan này? Ai giám sát chức năng của các cơ quan này?
- Nếu một cơ quan, tổ chức chức chuyên biệt tồn tại, liệu họ có thể thành lập các nhóm công tác từ các cơ quan khác nhau?
- Đây có phải là các cơ quan chuyên về đấu tranh chống tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã, bao gồm cả chức năng thực thi CITES, hoặc họ có trách nhiệm xử lý các loại tội phạm khác (ví dụ, buôn bán ma túy bất hợp pháp, tội phạm có tổ chức hoặc tội phạm rửa tiền, tội buôn bán hàng hóa trốn thuế)?
- Đây có phải các nhóm không chính thức/tư nhân hoặc tổ chức liên quan đến việc chuyển

¹⁴² UNODC, “Bố trí cơ quan cảnh sát và an ninh công cộng”, trong *Bộ công cụ đánh giá luật pháp hình sự*.

¹⁴³ Adrian Linacre, “Bản chất của tội phạm các loài hoang dã, , hoạt động điều tra và quá trình nghiên cứu”, trong cuốn *Khoa học pháp y trong hoạt động điều tra tội phạm các loài hoang dã*, Adrian Linacre, bản sửa, (Boca Raton, Florida, CRC Press, 2009), trang 1-2.

¹⁴⁴ Ban thư ký CITES, “Thông báo tới các nước thành viên: Lực lượng thực thi CITES về Hồ”, Số 2001/047 (9/7/2001).

¹⁴⁵ Jonathan TR Kazmar, “Buôn bán quốc tế bất hợp pháp các loài động vật và thực vật hoang dã: diệt chủng sinh học?” *University of California Davis Journal of International Law và Policy* (Mùa đông năm 2000), trang 105-125; Sara Oldfield, bản sửa, *Buôn bán các loài hoang dã: Các nguyên tắc bảo tồn* (London, NXB Earthscan Publications, 2003), trang xxi.

¹⁴⁶ Ban thư ký CITES Secretariat, “Thông báo tới các nước thành viên”, Nghị quyết Conf. 12.5 (Sửa đổi tại CoP 15), phụ lục 3.

¹⁴⁷ Cyrille de Klemm, “Hướng dẫn luật thực thi CITES”, trang 61

giao vai trò điều tra trong các lĩnh vực lâm nghiệp và các loài hoang dã? Nếu có, họ sẽ làm gì? Các cơ quan điều tra của chính phủ sẽ đánh giá vai trò của họ ra sao? Họ sẽ chịu trách nhiệm với ai?

Ở một số quốc gia với hệ thống liên bang, các câu hỏi bổ sung có thể tăng thêm về cách thức hợp tác giữa các điều tra viên cấp bang và địa phương với các nhân viên thực thi luật. Liệu có những thỏa thuận hoặc thủ tục rõ ràng để xác định các vai trò tư pháp tương ứng? Họ có phối hợp thường xuyên trong hoạt động điều tra không? Ai được ưu tiên trước? Các điều tra viên quốc gia có thường xuyên thực hiện nhiệm vụ của mình bắt đầu ở cấp địa phương hay không?¹⁴⁸

Nhìn chung, vai trò điều tra được nêu rõ trong luật hoặc sắc lệnh quy định việc thực thi các luật hiện hành của các cơ quan liên quan. Ví dụ, luật Hải quan quy định quyền kiểm soát biên giới và các thủ tục Hải quan, cơ quan đảm bảo an ninh nội địa hoặc cơ quan tương đương với chức năng phòng chống tội phạm xâm phạm biên giới?¹⁴⁹

Công cụ II.3 Quy định về nhiệm vụ thực thi

- Đây có phải là quy định về trách nhiệm điều tra tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã và các tội phạm khác của các cơ quan chuyên biệt?
- Liệu luật có quy định và phân biệt vai trò của các cơ quan khác nhau trong chuyển giao chức năng điều tra?

Có một số dấu hiệu khác biệt giữa hoạt động điều tra hình sự và điều tra hành chính có thể gây ra mâu thuẫn. Trong một số hệ thống, chỉ kiểm sát viên hoặc thẩm phán có thể công bố, kiểm soát và thực hiện các hoạt động điều tra cao hơn, trong khi ở một số hệ thống khác, nhân viên cảnh sát hoặc các nhân viên thực thi cũng có quyền hạn tương tự. Nếu quan tâm tới tội phạm biên giới, tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã, các cơ quan không thuộc ngành điều tra tội phạm truyền thống có thể có thẩm quyền điều tra đặc biệt.¹⁵⁰ Ở một số quốc gia, các chức năng đặc biệt này không tồn tại hoặc không được chính phủ công nhận phụ thuộc vào chế độ chính trị và xã hội của quốc gia đó.¹⁵¹

Công cụ II.4 Quản lý các hoạt động điều tra

- Ai chịu trách nhiệm quản lý hoạt động điều tra tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã: kiểm sát viên, thẩm phán, nhân viên cảnh sát, cơ quan bảo vệ rừng và các loài hoang dã, cơ quan kiểm soát biên giới hoặc cơ quan Hải quan?
- Ai chịu trách nhiệm quản lý hoạt động điều tra tội phạm xâm phạm biên giới lãnh thổ, cửa khẩu, xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trái phép?
- Ai chịu trách nhiệm quản lý hoạt động điều tra tội phạm vi phạm các quy định của CITES?

¹⁴⁸ UNODC, “Hoạt động điều tra tội phạm”, trong *Bộ Công cụ đánh giá luật pháp hình sự*.

¹⁴⁹ UNODC, “Bố trí cơ quan cảnh sát và an ninh công cộng”, trong *Bộ Công cụ đánh giá luật pháp hình sự*.

¹⁵⁰ UNODC, “Hoạt động điều tra tội phạm”, trong *Bộ Công cụ đánh giá luật pháp hình sự*.

¹⁵¹ UNODC, “Bố trí cơ quan cảnh sát và an ninh công cộng”, trong *Bộ Công cụ đánh giá luật pháp hình sự*.

- Liệu trách nhiệm quản lý hoạt động điều tra có đảm bảo hoạt động điều tra phối hợp và tránh được việc thất lạc các bằng chứng?
- Liệu các kết quả điều tra, luận tội và kết án có được chia sẻ giữa các cơ quan thực thi, đặc biệt là các cơ quan đã thụ lý vụ việc (án) ngay từ đầu?

Cơ quan quản lý CITES

Một thành tố quan trọng trong cấu trúc CITES là xây dựng hoặc xác định cơ quan quốc gia với nhiệm vụ thực hiện và điều phối các hoạt động thực thi CITES. Đặc biệt, Công ước quy định, tại thời điểm tham gia CITES, các quốc gia thành viên phải xác định các cơ quan liên quan. (Điều IX Công ước). Thông tin này phải được thông báo tới Ban thư ký và tất cả các quốc gia thành viên.

Khoản 1 (a), Điều IX quy định mỗi nước thành viên Công ước phải chỉ định một cơ quan thực hiện việc quản lý các hoạt động CITES. Các nhiệm vụ đó bao gồm:

- Thẩm quyền cấp giấy phép, chứng chỉ;
- Thông báo tới các quốc gia thành viên và Ban thư ký Công ước; và
- Báo cáo các vấn đề tuân thủ Công ước.

Phương thức chỉ định Cơ quan quản lý và Cơ quan khoa học tùy thuộc vào quy định của mỗi quốc gia thành viên. Đối với phần lớn các quốc gia thành viên, các cơ quan này được chỉ định bằng một quyết định hành chính đơn giản trong khi một số quốc gia xây dựng các cơ quan CITES (quản lý và khoa học) thông qua luật.¹⁵² Ở một số quốc gia, Cơ quan quản lý CITES cũng có trách nhiệm thực thi luật và các quy định bảo vệ loài. Tuy nhiên, ở phần lớn các quốc gia, thực thi CITES vẫn thuộc thẩm quyền của cơ quan Hải quan. Mặt khác, các cơ quan lâm nghiệp và bảo vệ các loài hoang dã thực hiện chức năng quản lý CITES.

Công cụ II. 5 Cơ quan quản lý CITES

- Ai chịu trách nhiệm quản lý hoạt động điều tra tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã: kiểm sát viên, thẩm phán, nhân viên cảnh sát, cơ quan bảo vệ rừng và các loài hoang dã, cơ quan kiểm soát biên giới hoặc cơ quan Hải quan?
- Ai chịu trách nhiệm quản lý hoạt động điều tra tội phạm xâm phạm biên giới lãnh thổ, cửa khẩu, xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trái phép?
- Ai chịu trách nhiệm quản lý hoạt động điều tra tội phạm vi phạm các quy định của CITES?
- Liệu trách nhiệm quản lý hoạt động điều tra có đảm bảo hoạt động điều tra phối hợp và tránh được việc thất lạc các bằng chứng?
- Liệu các kết quả điều tra, luận tội và kết án có được chia sẻ giữa các cơ quan thực thi, đặc biệt là các cơ quan đã thụ lý vụ việc (án) ngay từ đầu?

¹⁵² Xem thêm Cyrille de Klemm, “Hướng dẫn luật thực thi CITES”, trang 61

1.2. Giám sát của cộng đồng

Giám sát cộng đồng đã tăng lên trong những năm gần đây như một chiến lược hiệu quả và năng suất nhằm thực thi luật ở cấp độ địa phương. Đặc biệt trong lĩnh vực lâm nghiệp và các loài hoang dã, một số cơ quan chính phủ triển khai kiểm lâm, bảo vệ và các nhân viên địa phương khác để tuần tra các khu bảo tồn, giám sát hoạt động khai thác và đảm bảo các hoạt động đó tuân thủ các quy định liên quan. Một số quốc gia đã tổ chức mô hình “Bush watch” (Theo dõi tiêu thụ thịt thú rừng), tương tự như chương trình Neighbourhood Watch, nhằm ngăn chặn tội phạm xâm hại các loài hoang dã và bảo vệ các loài động vật, thực vật bản địa.¹⁵³

Một trong những đặc điểm của giám sát cộng đồng là sử dụng việc xây dựng quyết định phân cấp. Điều này liên quan và tác động đến cộng đồng và cấu trúc cộng đồng trong cách tiếp cận các đối tác để dự đoán, xác định, thích ứng và giải quyết các vấn đề mà tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã gây ra đối với địa phương. Giám sát cộng đồng còn là sự tin nhiệm về mối quan hệ bền vững và hiệu quả giữa các cơ quan thực thi và cộng đồng. Xây dựng quan hệ đối tác giữa các cơ quan bảo vệ rừng và các loài hoang dã, xã hội dân sự và các khu vực tư nhân để giám sát trực tiếp và gián tiếp việc tuân thủ có thể hạn chế sự độc đoán hoặc thay đổi bất thường trong sử dụng quyền lực và tăng cường công khai minh bạch. Mối quan hệ mật thiết giữa các cơ quan và cộng đồng cũng có thể thúc đẩy việc chia sẻ và thu thập thông tin tình báo, hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động điều tra tội phạm. Cấu trúc thực thi luật có thể đòi hỏi sự thích ứng thường xuyên hơn để đảm bảo mối quan hệ bền chặt.¹⁵⁴

Là một chiến lược ngăn chặn và triệt phá tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã, giám sát cộng đồng không phải là phương thuốc trị bách bệnh toàn cầu. Tuy nhiên, nó có thể đặc biệt hữu ích ở điểm xuất phát, nơi cộng đồng địa phương chịu ảnh hưởng hoặc liên quan tới các ngành khai thác lâm nghiệp và các loài hoang dã như các khu bảo tồn thiên nhiên, các khu vực thường diễn ra các hoạt động khai thác gỗ vì mục đích thương mại và săn bắn. Ở các khu vực này, giám sát cộng đồng giúp loại bỏ nhận thức không đúng, các mối nghi ngờ và xung đột giữa các tổ chức khai thác, các nhân viên thực thi và cộng đồng tại nơi họ cùng sinh sống và làm việc.¹⁵⁵

Công cụ II. 6 Giám sát cộng đồng

- Có tồn tại một chiến lược giám sát cộng đồng đối với tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã? Nếu có, nó bao gồm những gì? Liệu các biện pháp thực hiện và các ưu tiên địa phương có được xây dựng?
- Liệu có các cơ chế xác định các thành viên trong cộng đồng hoặc đại diện của họ được tư vấn về các vấn đề giám sát tại địa phương? Điều này thường xuyên diễn ra trong bối cảnh nào? Ai liên quan? Kết quả của các hoạt động tư vấn đó là gì?
- Giám sát cộng đồng được các cơ quan tư pháp khác và xã hội nhìn nhận như thế nào?

Đối tác

¹⁵³ Xem thêm Kevin Tomkins, “Thực thi luật cảnh sát và môi trường”, trang 294-302.

¹⁵⁴ Xem thêm FAO và ITTO, “Các biện pháp thực hiện cải cách quy định luật pháp”, trang 60; Jacqueline M. Drew và Lorraine Mazerolle, “Thời đại giám sát”, trong cuốn Bối cảnh giám sát, Roderic Broadhurst và Sara E. Davies, bản sửa (Melbourne, Oxford University Press, 2008), trang 32-41

¹⁵⁵ UNODC, “Bố trí cơ quan cảnh sát và an ninh công cộng”, trong *Bộ Công cụ đánh giá luật pháp hình sự*.

Điều tra tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã là thách thức đối với cả cộng đồng và không giới hạn trong các cơ quan thực thi. Hoạt động này thường liên quan đến nhiều cơ quan chính phủ, các công ty tư nhân và các tổ chức xã hội dân sự, các nhân tố giúp bổ sung cho sự hưởng ứng bảo vệ rừng và các loài hoang dã. Theo đó, xử lý tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã theo hướng độc lập, đặc biệt là không sử dụng các lực lượng thực thi chuyên biệt như cảnh sát và Hải quan, tác động lên khả năng xác định nguyên nhân và kết quả của hiện tượng này.

Điều quan trọng là các bên liên quan chủ đạo tư vấn cho đối tác và xây dựng liên kết đấu tranh với tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã một cách hiệu quả. Môi trường phát hiện và điều tra tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã không phát huy hiệu quả tức thời nhưng sẽ tạo ra mối liên kết rộng trong đấu tranh với tội phạm nguy hiểm. Điều này đòi hỏi mối quan hệ mật thiết giữa các nhân viên bảo vệ bảo vệ rừng và các loài hoang dã và cộng đồng thực thi luật trong xử lý thông tin tội phạm và hệ thống điều tra tội phạm.

Sự phối hợp giữa các cơ quan khác nhau (thường xung đột hoặc đối lập về nhiệm vụ và mục tiêu) thường không dễ dàng. Các cơ quan và tổ chức đôi khi miễn cưỡng hỗ trợ thực thi luật do mối quan ngại về việc có thể thay đổi cơ cấu của chính họ, do ưu tiên khác nhau giữa các cơ quan, do không đủ nguồn lực hoặc hạn chế pháp lý (như trường hợp phân loại thông tin và bảo vệ dữ liệu).¹⁵⁶

Tư vấn và xây dựng quan hệ đối tác có thể diễn ra ở các cấp độ khác nhau và có thể được công khai ở các bản ghi nhớ hoặc các ủy ban. Các hoạt động trên cũng có thể không công khai dựa trên các thay đổi về nhu cầu và phát triển. Trong một số lĩnh vực tư pháp, các ủy ban liên ngành được thành lập nhằm điều phối các hoạt động thực thi và kiểm soát giữa các cơ quan chính phủ. Mặt khác, các cuộc họp thường xuyên giữa chính phủ và đại diện các tổ chức được thực hiện nhằm xem xét các vấn đề thương mại và các lợi ích kinh tế nhằm tăng cường thực thi luật. Một số cộng đồng tổ chức các sự kiện địa phương nhằm quy tụ các cá nhân, cộng đồng nhỏ, nhân viên quản lý địa phương và đại diện các cơ quan trung ương để tư vấn cho các cơ quan thực thi về các phương thức hữu hiệu ngăn chặn và xóa bỏ tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã tại địa phương.

Công cụ II. 7 Quan hệ đối tác

- Quan hệ đối tác hiện có nhằm ngăn chặn và xóa bỏ tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã (a) giữa các cơ quan thực thi và (b) giữa các cơ quan thực thi với các cơ quan quản lý khác?
- Có tồn tại cơ chế tạo động lực thúc đẩy hợp tác giữa các cơ quan quản lý lâm nghiệp và các loài hoang dã, cơ quan thực thi, viện kiểm sát viên và tòa án?
- Có tồn tại quan hệ đối tác chính thức giữa các tổ chức, công ty tư nhân, công cộng và phi chính phủ?
- Trong thực tế, các mối quan hệ đối tác hoạt động như thế nào? Đó có phải là các thể thức, bản ghi nhớ, các ủy ban...? Các hoạt động này mang tính hợp pháp không?
- Liệu có mối quan ngại về việc các cơ quan hoặc cá nhân liên quan có mối quan hệ mật thiết với các nhóm lợi ích? Có gợi ý gì về các mối quan hệ đó sẽ tạo ra sự phân quyền không đều nhau và e ngại về sự thiên vị?
- Liệu các nguồn tin có được chia sẻ giữa các đối tác? Có tồn tại các hoạt động phối hợp?

¹⁵⁶ UNODC, “Hoạt động điều tra tội phạm”, trong *Bộ Công cụ đánh giá luật pháp hình sự*

- Có tồn tại mối quan hệ đối tác công cộng - tư nhân để cung cấp tài chính, hậu cần hoặc các hỗ trợ khác cho hoạt động xóa bỏ tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã?
- Có các quy định pháp lý cho phép cơ quan liên ngành?
- Có thể triệu tập các lực lượng đặc nhiệm?
- Quân đội đóng vai trò trong thực thi luật bảo vệ rừng và các loài hoang dã?

2. Nguồn nhân lực

Đào tạo hợp lý và có nguồn nhân sự đạt trình độ là các yếu tố cần thiết để kiểm soát và ngăn chặn tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã. Sự thiếu hụt nhân sự và đào tạo không đầy đủ dành cho nhân viên có thể tạo thuận lợi cho nhiều tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã tiếp diễn đồng thời các đối tượng này sẽ trốn tránh các hoạt động phát hiện và điều tra của các cơ quan chức năng. Thêm vào đó, lương bổng phải tương xứng với công việc và trách nhiệm của các nhân viên thực thi. Quá trình tuyển dụng cần được tiến hành công khai, minh bạch nhằm ngăn chặn nạn tham nhũng và lạm dụng quyền hành cũng như đảm bảo cho các nhân viên thấy được trách nhiệm và động lực thúc đẩy.

2.1 Nhân sự

Ở nhiều quốc gia, các cơ quan có nhiệm vụ thực luật bảo vệ rừng và các loài hoang dã thường thiếu nhân sự để đảm nhiệm các nhiệm vụ được giao. Ở một số quốc gia khác, các cơ quan liên quan cũng chịu sự thiếu hụt về nhân sự. Những năm sau, tình trạng trên không được cải thiện, lương và các khoản phụ cấp thường không được chi trả đúng hạn. Trong một vài trường hợp, do không được cung cấp tài chính cần thiết, nhiều cơ quan đã không thực hiện được chức năng, nhiệm vụ được giao.

Việc đánh giá năng lực thực thi đòi hỏi sự kiểm chứng cơ bản về nguồn lực con người hiện có trong việc thực hiện điều tra tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã. Điều này liên quan đến việc xác định trình độ của các nhân viên, địa điểm và cấp bậc.¹⁵⁷

Công cụ II. 8 Trình độ nhân viên

- Có bao nhiêu nhân viên làm việc trong các đơn vị thực thi luật bảo vệ rừng và các loài hoang dã? Họ được điều động từ các cơ quan khác nhau hay được tuyển dụng độc lập?
- Các cơ quan này có đủ nhân sự? Những nhân viên này được đào tạo đầy đủ?
- Liệu các cơ quan cảnh sát đảm nhiệm chức năng thực thi luật bảo vệ rừng và các loài hoang dã được bố trí đủ nhân sự? Nếu không, hãy chỉ rõ nguyên nhân là gì?
- Trong các cơ quan liên quan, tỷ lệ nhân viên thực thi ở trình độ giám sát hoặc quản lý? Cho biết tỷ lệ nhân viên có dưới 2 năm công tác so với những nhân viên có nhiều hơn 2 năm công tác? Nhân viên trong các cơ quan liên quan có thời gian công tác

¹⁵⁷ UNODC, “Bố trí cơ quan cảnh sát và an ninh công cộng”, trong *Bộ Công cụ đánh giá luật pháp hình sự*

trung bình là bao lâu?

- Cho biết tỷ lệ nhân viên làm việc toàn thời gian/bán thời gian, hành chính/ điều tra trong các cơ quan liên quan?
- Liệu các nhân viên thực thi có được triển khai đến các vùng quan trọng như khu bảo tồn, vườn quốc gia, cửa khẩu, khu vực biên giới...? Có hay không sự cân bằng tương đối giữa các nhân viên làm việc tại khác vực trên với các nhân viên làm việc ở văn phòng trung ương?
- Có tồn tại một hệ thống trong đó các nhân viên được điều chuyển sang cơ quan, tổ chức khác sau khi đã trải qua một thời gian công tác nhất định?
- Liệu có các quy định loại bỏ các cơ quan cần bổ sung nhân lực để đáp ứng yêu cầu hoạt động hoặc thiếu hụt thời gian?
- Có nguồn tài chính cho việc đi lại, thuê chuyên gia và mua sắm thiết bị (như ô tô, đài phát thanh và các thiết bị điều tra điện tử)?

Lương và các khoản phụ cấp

Lương và quyền lợi của nhân viên thực thi cần phản ánh được thâm niên công tác, trách nhiệm, trình độ học vấn và kinh nghiệm làm việc. Lương thấp hoặc trả lương không đúng hạn, có thể làm giảm động lực của nhân viên. Nếu trả lương thấp, đặc biệt là đối với những vị trí quan trọng của các cán bộ thực thi, tình trạng tham nhũng sẽ có cơ hội phát triển. Trong khi cải cách như tăng lương hợp lý, nhân viên của các cơ quan liên quan phải được đảm bảo đủ điều kiện sống. Vị trí và mức lương của họ nên tương xứng với khối lượng công việc, chức năng và trách nhiệm của họ khi thực thi công vụ¹⁵⁸.

Kết hợp lương và quyền lợi là các vấn đề của sự tương trợ ngang bằng. Một số nhân viên bảo vệ rừng, nhân viên các khu bảo tồn, các khu vui chơi, nhân viên các trại nuôi động vật và nhân viên thực thi luật bảo vệ rừng và các loài hoang dã hưởng sự đối xử ngang bằng như các đồng nghiệp trong các cơ quan như Hải quan và cảnh sát. Những áp dụng này liên quan đến chế độ đãi ngộ nhưng cũng liên quan đến thẩm quyền được quy định trong luật pháp quốc gia, đào tạo và trang bị. Nhân viên bảo vệ rừng và các loài hoang dã thường bị các đồng nghiệp (Hải quan và cảnh sát) xếp vào nhân viên thực thi “hạng hai”. Điều này thường gây khó khăn cho các cơ quan bảo vệ rừng và các loài hoang dã và nhân viên của các cơ quan này khi cần sự trợ giúp của các đối tác. Đồng thời, khả năng kết hợp với các phương tiện thông tin đại chúng của họ cũng bị hạn chế. Tình trạng mất cân bằng về vị trí xã hội đã trở thành phổ biến trong những cộng đồng lớn. Do đó, nhân viên bảo vệ rừng và các loài hoang dã có thể không được công chúng nhìn nhận và đánh giá đúng vai trò. Điều đó cũng có thể tạo điều kiện cho những kẻ phạm pháp coi thường vai trò của họ trong thực thi.

Một số quốc gia đã thực hiện chế độ thưởng cho các nhân viên thực thi có thành tích trong ngăn chặn và bắt giữ tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã. Điều này đã tăng tỷ lệ phát hiện tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã cũng như làm giảm ảnh hưởng của tham nhũng. Chúng có thể gây phiền phức nhưng có thể tạo ra nguy cơ làm giả bằng chứng và hướng mục tiêu vào những kẻ bị tình nghi quá mức.¹⁵⁹

Công cụ II. 9 Lương và quyền lợi

¹⁵⁸ UNODC, Chương trình toàn cầu về phòng chống tham nhũng, trang 245

¹⁵⁹ Cf. FAO và ITTIO, “Các biện pháp thực hiện cải cách quy định luật pháp”, trang 59

- Cấu trúc lương dành cho nhân viên thực thi luật và các nhân viên liên quan ra sao? Mức lương trung bình (bao gồm cả làm quá giờ), cho từng trình độ? Mức lương đó so với lương trung bình của nhân viên trung ương như thế nào? Mức lương đó so với lương trung bình của nhân viên các cơ quan thực thi khác như thế nào?
- Liệu mức lương cho nhân viên thực thi có đủ sống hoặc các nhân viên thực thi phải làm thêm hoặc cần sự trợ giúp tài chính của các công ty tư nhân (doanh nghiệp)?
- Mức lương trên có tương xứng với trách nhiệm và rủi ro công việc thường gặp?
- Nhân viên bảo vệ rừng và các loài hoang dã, nhân viên cảnh sát và các cơ quan liên quan có được trả lương? Họ được nhận lương đúng hạn hay không?
- Ước tính khối lượng công việc của nhân viên bảo vệ rừng và các loài hoang dã, nhân viên cảnh sát và nhân viên không chuyên tại các cơ quan liên quan?
- Có tồn tại cơ chế thưởng cho việc bắt giữ và điều tra? Cơ chế này được vận hành như thế nào?

2.2. Tuyển dụng

Thủ tục tuyển dụng nhân viên thực thi cần được tiến hành công khai minh bạch nhằm đảm bảo tính chuyên nghiệp và chính trực, tránh lạm dụng quyền lực và tham nhũng. Việc lựa chọn nhân viên ở mọi cấp độ phải dựa trên bằng cấp, trình độ, kinh nghiệm. Các tiêu chí tuyển dụng phải được xây dựng rõ ràng.¹⁶⁰ Đặc biệt ở các cơ quan lớn, việc tuyển dụng nên được tiến hành đối với các vị trí từ thấp lên cao. Các chính sách nội bộ có thể hỗ trợ cân bằng nhu cầu để đảm bảo quyết định, kinh nghiệm và mong muốn thay đổi nhân viên và đem lại các ý tưởng, quan điểm mới và sự thay đổi thể hệ.

Công cụ II. 10 Tuyển dụng

- Thế nào là quá trình và thủ tục tuyển dụng giữa các cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ bảo vệ rừng và các loài hoang dã? Quy định và tiêu chí? Các nhân viên được lựa chọn như thế nào?
- Yêu cầu về trình độ đào tạo, kỹ năng và kinh nghiệm làm việc trong các cơ quan thực thi? Các yêu cầu về trình độ cơ bản trong tuyển dụng (ví dụ: trình độ học vấn và toán) là gì?
- Liệu có thể tục xét hồ sơ đối với những người đăng ký tuyển dụng? Việc tuyển dụng có dựa trên cơ sở đánh giá mục tiêu và phỏng vấn? Quá trình tuyển dụng có được thực hiện công khai và có mục tiêu cụ thể?
- Nhân viên có phải trải qua thời gian tập sự trước khi trở thành nhân viên chính thức?

2.3 Đào tạo

¹⁶⁰ UNODC, *Bố trí cơ quan cảnh sát và an ninh công cộng*, “Sự trong sạch và trách nhiệm của cảnh sát” và “Hoạt động điều tra tội phạm”, trong *Bộ Công cụ đánh giá luật pháp hình sự*

Báo cáo mới đây chỉ ra ở một số quốc gia “thợ săn, nhà buôn và người sử dụng thường sử dụng vũ khí hiện đại, trang bị tốt, trình độ cao, được trả công hậu hĩnh và tổ chức tốt hơn các nhân viên thực thi”.¹⁶¹ Tóm lại, điều quan trọng là tất cả nhân viên ở mọi cấp bậc đều phải được đào tạo đầy đủ kỹ năng để có thể đương đầu với thách thức và nguy hiểm trong quá trình đấu tranh với tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã. Nếu việc điều tra tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã được thực hiện bởi những nhân viên đủ trình độ, kỹ năng, không đáp ứng các yêu cầu xử lý và quy định pháp luật thì hoạt động điều tra có thể bị ảnh hưởng với nguy cơ phức tạp ở giai đoạn truy tố và xét xử.¹⁶²

Do đó, phân tích năng lực thực thi nên được kết hợp với đánh giá chương trình đào tạo, sự phân cấp và nội dung, loại hình và độ sâu của đào tạo của từng cơ quan, đơn vị chuyên biệt, cơ quan thực thi, nhân sự mới, điều tra viên cao cấp... Để hỗ trợ cho hoạt động đào tạo cán bộ thực thi luật bảo vệ rừng và các loài hoang dã và các lĩnh vực khác, từ năm 2008, Ban thư ký CITES với sự hỗ trợ của Ủy ban châu Âu, đã xây dựng khóa học về tin học cho nhân viên thực thi và một tiêu chuẩn thông tin dành cho kiểm sát viên và thẩm phán. Khóa đào tạo (được thực hiện bằng nhiều ngôn ngữ) được thiết kế để nâng cao nhận thức về CITES, để phác thảo các nguồn lực sẵn có của Công ước và cung cấp tư vấn thực tế cho các cán bộ thực thi. Phần hướng dẫn riêng cho các cán bộ thực thi với tên “Chống buôn bán bất hợp pháp ngà voi” cũng đã được sản xuất dưới dạng DVD thông qua hợp tác giữa Cơ quan điều tra môi trường và Ban thư ký CITES. Kể từ năm 2007, Tổ chức Hải quan thế giới (WCO) đã được cung cấp chương trình học trực tuyến tương tác trên Internet “Hải quan và động vật, thực vật” nhằm nâng cao khả năng tự học của nhân viên Hải quan.

Một số cơ quan cũng có thể đề nghị cử cán bộ sang học tập, đào tạo tại các cơ quan khác nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp và trình độ kiến thức, kỹ năng làm việc.¹⁶³ Các chương trình đào tạo cũng có thể được thiết kế để thành lập các mạng lưới thực thi và quan hệ đối tác mới nếu liên quan đến học viên ở các trình độ và cơ quan khác nhau, ở cả trong nước và quốc tế. Điều này đặc biệt quan trọng khi phát triển hoạt động xử lý tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã, loại tội phạm liên quan đến nhiều cơ quan chính phủ và xuyên quốc gia.

Hơn nữa, cho dù các chương trình đào tạo toàn diện đang được triển khai, điều quan trọng là giáo trình và chương trình giảng dạy phải được đánh giá thường xuyên để đảm bảo cập nhật và phù hợp với tốc độ phát triển của tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã.¹⁶⁴

Trong khi các nhiệm vụ đặc biệt để trừng phạt tội phạm xâm hại các loài hoang dã có thể yêu cầu đào tạo chuyên sâu thì điều tương đối quan trọng là các cơ quan thực thi luật ở từng quốc gia như Hải quan và cảnh sát phải có nhận thức cơ bản về áp dụng luật pháp quốc gia và CITES cũng như vai trò thực thi luật của chính các cơ quan này. Các trường đào tạo Hải quan và cảnh sát được khuyến khích đưa vào chương trình giảng dạy của các khóa đào tạo cơ bản một hoặc nhiều module về tội phạm xâm hại các loài hoang dã dành cho những nhân viên mới được tuyển dụng. Nhân viên an ninh cảng biển và cảng hàng không cũng được hưởng lợi từ các hoạt động nâng cao nhận thức khi họ tham gia phát hiện các chuyên hàng vận chuyển trái phép các loài hoang dã khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra hành lý, túi xách và hàng hóa. Điều này đặc biệt quan trọng ở một số quốc gia mà lực lượng Hải quan không thường xuyên kiểm soát các hoạt động xuất khẩu.

Nhìn chung, việc tích hợp các module về tội phạm về tài chính và rửa tiền trong chương trình tổng thể dành cho các cơ quan Hải quan, cảnh sát và các cơ quan liên quan sẽ tạo điều kiện nâng cao nhận thức về các mối liên kết khác nhau của mạng lưới tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã.

¹⁶¹ John M. Sellar, “Buôn bán bất hợp pháp và Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES)”, trong cuốn *Khoa học pháp y trong Điều tra các loài hoang dã*, Adrian Linacre, bản sửa, (Boca Raton, Florida, CRC Press, 2009), trang 11-16

¹⁶² UNODC, “Sự trong sạch và trách nhiệm của cảnh sát”, trong *Bộ Công cụ đánh giá luật pháp hình sự*; Adrian Linacre, “Bản chất tự nhiên của tội phạm các loài hoang dã”, trang 1-2.

¹⁶³ UNODC, “Bố trí cơ quan cảnh sát và an ninh công cộng”, trong *Bộ Công cụ đánh giá luật pháp hình sự*

¹⁶⁴ UNODC, “Hoạt động điều tra tội phạm”, trong *Bộ Công cụ đánh giá luật pháp hình sự*

Công cụ II. 11 Đào tạo: phân cấp

- Chương trình đào tạo cơ bản dành cho nhân viên thực thi luật bảo vệ rừng và các loài hoang dã gồm những nội dung gì?
- Năng lực đào tạo hàng năm dành cho nhân viên mới tuyển dụng và nhân viên lâu năm như thế nào?
- Nhân viên được tham gia các chương trình đào tạo cập nhật thường xuyên như thế nào? Những khóa đào tạo chuyên sâu nào đang được tổ chức? Nhu cầu đào tạo được đánh giá như thế nào?
- Các khóa đào tạo được tổ chức như thế nào (ví dụ: lớp học, tự học hoặc tin học cơ bản)?
- Ai thực hiện việc đào tạo? Các biện pháp đánh giá chất lượng đối với người giảng dạy?
- Ai xây dựng các giáo trình đào tạo? Các cơ quan đối tác có tham gia xây dựng giáo trình không?
- Chương trình đào tạo được cập nhật vào thời điểm nào?
- Chương trình đào tạo có thu hút học viên từ nhiều cơ quan tham gia (cả trong nước và quốc tế)? Các nhân viên mới được tuyển dụng được giới thiệu như thế nào với các đồng nghiệp ở các đối tác?
- Chương trình đào tạo có nhận được hỗ trợ nào từ các tổ chức quốc tế hoặc tổ chức khu vực?
- Có sử dụng biện pháp công nhận để đảm bảo chất lượng và tiêu chuẩn đào tạo?
- Các mục tiêu đào tạo khác hiện có là gì (đào tạo nâng cao, đào tạo chuyên môn, đào tạo tại chức hoặc đào tạo kết hợp với các cơ quan ở trung ương hoặc các cơ quan khác)? Các loại hình đào tạo về các vấn đề tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã dành cho các cơ quan Hải quan và cảnh sát là gì? Chủ đề tội phạm xâm hại các loài hoang dã có nằm trong chương trình đào tạo cơ bản dành cho nhân viên Hải quan và Cảnh sát không?
- Chủ đề buôn bán bất hợp pháp các loài hoang dã có nằm trong chương trình đào tạo dành cho nhân viên cảnh biên và cảng hàng không không?
- Có chương trình đào tạo cho cơ quan liên ngành không?

Thực thi luật trong lĩnh vực lâm nghiệp và các loài hoang dã đòi hỏi sự hiểu biết về thẩm quyền và các thủ tục điều tra cũng như kiến thức kỹ năng điều hành các lĩnh vực này, các vấn đề môi trường, quy định về đất đai và tài sản, các vấn đề buôn bán thương mại. Hơn nữa, nhân viên tại các trạm kiểm soát biên giới cũng cần có kiến thức hiểu biết về xuất khẩu, nhập khẩu và các quy định của CITES, nhận dạng loài, các thủ Hải quan và kiểm dịch và các quy định của luật pháp quốc tế có liên quan.

Nội dung chương trình đào tạo hiện hành cần thiết cho nhiều cơ quan tư pháp và phụ thuộc vào tình độ và kiểu nhân viên được đào tạo, cấp bậc và nhiệm vụ của họ. Theo đó, không có hình thức đào tạo riêng cho nhân viên thực thi luật bảo vệ rừng và các loài hoang dã. Công cụ tiếp theo cung cấp một số chỉ dẫn đơn giản của nhiều nội dung để có thể tích hợp trong các chương trình đào tạo liên quan.

Công cụ II. 12 Nội dung đào tạo

- Chương trình đào tạo dành cho nhân viên thực thi luật bảo vệ rừng và các loài hoang dã có bao gồm các vấn đề sau:
 - ✓ Luật bảo vệ rừng và các loài hoang dã quốc gia, bao gồm cả thủ tục và hành vi phạm tội
 - ✓ Đặc điểm và mức độ các hành vi tội phạm trong các lĩnh vực trên
 - ✓ Bảo vệ loài và các vấn đề môi trường liên quan
 - ✓ Buôn bán thương mại, hồ sơ hợp pháp và các thủ tục Hải quan
 - ✓ Thu thập và phổ biến thông tin
 - ✓ Nhận dạng hàng hóa
 - ✓ Kỹ thuật, thủ tục điều tra và xử lý loài hoang dã bị tịch thu
 - ✓ Khả năng và giới hạn của thẩm quyền thực thi
 - ✓ Cách thức sử dụng thiết bị, công nghệ và thủ tục giám định
 - ✓ Hợp tác quốc tế
 - ✓ Xây dựng quan hệ đối tác và hợp tác với các cơ quan trong nước và quốc tế
- Liệu việc đào tạo có liên quan đến các thành tố liên quan như trách nhiệm, đạo đức, nhân quyền, tính toàn vẹn và tham nhũng?
- Liệu nên bổ sung đào tạo bằng các cảm nang tóm tắt các vấn đề trên?

3. Thông tin tình báo

Thực thi luật đang thu hút các thông tin tình báo. Điều này liên quan đến sự hợp tác và chia sẻ thông tin, cung cấp cách tiếp cận có hệ thống đối với suy nghĩ phê phán và ngược lại có thể hỗ trợ việc ngăn chặn và triệt phá các hoạt động phạm pháp. Các hoạt động điều tra được tổ chức tốt với các thông tin quan trọng có thể chứng minh nguồn gốc và hiệu quả hơn các phương pháp lý thuyết hoặc hành động.

Trong lĩnh vực tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã, thông tin tình báo liên quan đến đối tượng vi phạm, các tuyến đường buôn lậu, các hình thức khai thác và săn bắn, các thị trường, đối tượng tiêu thụ... thường bị bỏ qua và không được sử dụng. Ở nhiều quốc gia, chủ đề thông tin tình báo, bao gồm thu thập, kết hợp, phân tích và phổ biến được nhận thức chưa đầy đủ và một vài quốc gia cử cán bộ đảm nhiệm chức năng này. Ở những nơi thông tin tình báo về tội phạm các loài hoang dã được chú trọng, việc triển khai chỉ thực hiện bằng phương pháp riêng lẻ và không được tích hợp thông tin tình báo về các loại tội phạm khác. Điều này đã hạn chế khả năng hợp tác xử lý các trường hợp cá nhân hoặc chiến lược, chính sách thành lập cũng như hướng dẫn chỉ đạo điều hành chung.

3.1 Thu thập và trao đổi thông tin tình báo

Thu thập và trao đổi thông tin tình báo giữa các cơ quan liên quan quyết định thành công của các phương pháp nhằm xóa bỏ tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã. Để đạt được hiệu quả tối

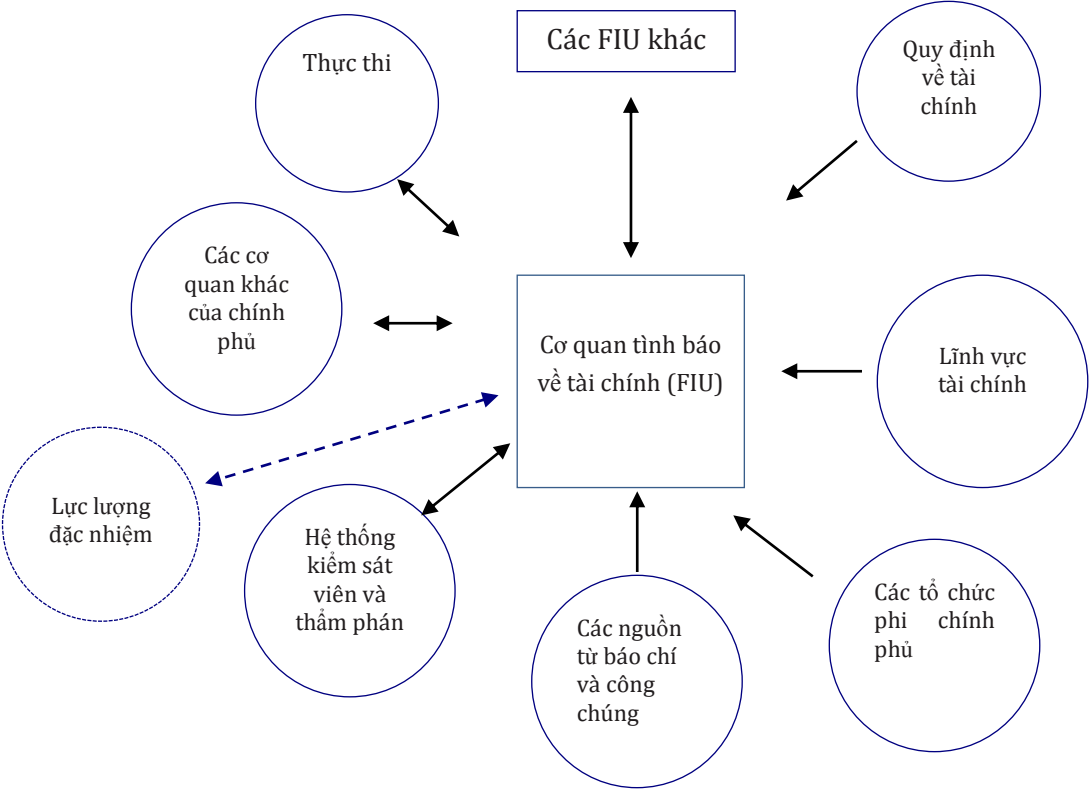
đa, các hoạt động thu thập thông tin phải tập trung đồng thời cả về chiến lược, chiến thuật và các mức độ điều hành.

- Thông tin tình báo chiến lược cho phép cách phân tích chính xác các mức độ và kiểu tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã ở địa phương, quốc gia và quốc tế. Thông tin tình báo chiến lược hỗ trợ cho việc sửa đổi luật, hợp tác quốc tế và xây dựng các chiến lược phòng chống, các chiến dịch giáo dục và nâng cao nhận thức.
- Thông tin tình báo chiến lược hỗ trợ các cán bộ quản lý quốc gia và địa phương trong cùng ngành trong lập kế hoạch triển khai các hoạt động và triển khai các nguồn để đạt các mục tiêu hoạt động.
- Thông tin tình báo điều hành là thông tin về các hoạt động của các cá nhân hoặc các nhóm đặc biệt. Kiểu thông tin này cũng có thể hỗ trợ cho việc xác định tội phạm, cung cấp thông tin nâng cao về các hoạt động của các đối tượng trên và hỗ trợ việc lập kế hoạch điều tra chủ động, gây rối và điều tra sâu hơn. Đối với tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã, thông tin tình báo điều hành có thể liên quan đến các vấn đề như phương pháp tìm nguồn gốc động vật và thực vật hoang dã, các phương thức vận chuyển, cách sử dụng hồ sơ giả mạo, phương tiện truyền thông, giao dịch tài chính, động cơ, thị trường, giá cả...

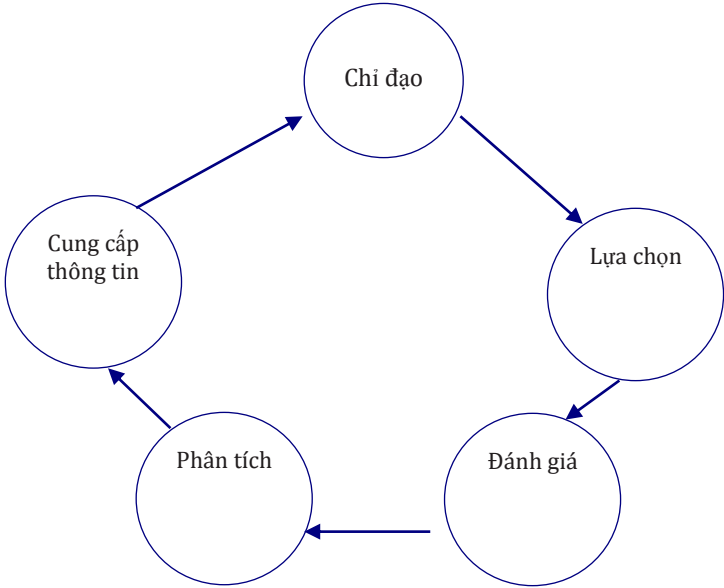
Trong khi thu thập thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, có khả năng thông tin sẽ đa dạng về chất lượng và các nguồn tin sẽ khác nhau về độ tin cậy và động cơ. Điều cần thiết là thông tin phải trải qua một số dạng phân tích và xử lý trước khi được phổ biến hoặc sử dụng.

Thu thập thông tin tình báo chưa đủ để đạt hiệu quả. Điều cần thiết là khi thu thập và phân tích, thông tin tình báo cần được chuyển tới các tổ chức, cá nhân có khả năng sử dụng nó. Một nhân tố quan trọng của việc trao đổi thông tin một cách đơn giản và hiệu quả là tốc độ truyền tin đến các cơ quan hoặc điều tra viên liên quan, những người có vai trò xử lý hiệu quả. Thông tin tình báo tốt chỉ đạt hiệu quả thấp trừ phi người sử dụng tin vào tính chính xác và khả năng sử dụng.

Bảng IV. Các nguồn thông tin



Bảng V. Quá trình xử lý thông tin tình báo



Nguồn: Ngân hàng Thế giới. Chống các hoạt động khủng bố tài chính và rửa tiền: Hướng dẫn đào tạo toàn diện. Bảng tính Phần 4: Xây dựng Cơ quan thông tin tình báo tài chính hiệu quả, trang 6.

Công cụ II. 13 Thu thập thông tin tình báo

- Có luật hoặc văn bản pháp lý quy định về thu thập, lưu giữ, phân tích và phổ biến thông tin về tội phạm hoặc thông tin tình báo phục vụ cho mục đích thực thi luật bảo vệ rừng và các loài hoang dã?
- Luật và các khung pháp lý hiện hành quy định những điều gì? Những điểm hạn chế là gì?
- Ai thu thập thông tin? Thu thập thông tin được thực hiện như thế nào?
- Ai giám sát thông tin và tin tức tình báo được thu thập, quản lý và trao đổi?
- Thông tin tình báo được lưu giữ ở đâu và như thế nào? Dữ liệu quốc gia hoặc khu vực và các công cụ phân tích có được sử dụng? Liệu thông tin được lưu lại bằng phương pháp thủ công hoặc điện tử?
- Thông tin được khôi phục, phân tích và phổ biến như thế nào?
- Các nhân viên có được khuyến khích thu thập thông tin, viết các báo cáo và lập hồ sơ ở cơ quan trung ương không? Nếu không thì lý do là gì?
- Các cơ quan có được phép hoặc yêu cầu trao đổi thông tin tình báo với các nước khác không?

3.2 Các kỹ thuật bí mật

Điều tra tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã thường rất phức tạp và liên quan đến rất nhiều các thành tố tội phạm. Các kỹ thuật điều tra bí mật có thể hoàn toàn hữu ích trong một số trường hợp, một phương thức duy nhất của hoạt động điều tra. Chẳng hạn, chúng có thể liên quan đến việc kiểm soát hàng hóa là động vật và thực vật bị cấm, nhận biết công ty giả mạo hoặc sử dụng các biện pháp điều tra bằng kỹ thuật, ảnh và video. Công ước về phòng chống tội phạm xuyên quốc gia và Công ước chống tham nhũng cũng khuyến khích trong điều kiện cho phép của luật pháp quốc gia, sử dụng các kỹ thuật điều tra phù hợp như các hình thức điều tra điện tử hoặc hình thức khác và hoạt động bí mật của các cơ quan thẩm quyền nhằm mục đích đấu tranh hiệu quả với tội phạm có tổ chức và tội phạm tham nhũng.¹⁶⁵ Hơn thế nữa, vào năm 2006, Nhóm công tác đánh giá hợp tác quốc tế, với tư cách là một quá trình điều tra mới được thông qua bởi Lực lượng đặc nhiệm về giám sát tài chính, đã được thành lập để xác định, kiểm tra các lĩnh vực tư pháp nhạy cảm không đạt hiệu quả trong hoạt động chống rửa tiền và chống khủng bố tài chính.¹⁶⁶

Điều tra Internet là phương thức bổ sung và cấp thiết để phát hiện tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã. Phương thức này thường liên quan tới việc kiểm tra các quảng cáo trực tuyến về động vật, thực vật, bao gồm các bộ phận, dẫn xuất của các loài động vật, thực vật. Điều tra Internet cho thấy các trang mạng trực tuyến thường xuyên được sử dụng để bán hoặc tìm kiếm hàng hóa bất hợp pháp. Phương thức này thường liên quan đến việc kiểm tra các trang mạng phổ biến mà các cá nhân chào mời các món hàng mới hoặc đã qua sử dụng, đăng các quảng cáo về các sản phẩm hot.¹⁶⁷ Tuy nhiên, điều tra bí mật là phương thức gây trở ngại cho việc thu thập bằng chứng. Việc sử dụng các kỹ thuật điều tra bí mật liên quan đến mức cân bằng của quyền hạn chế cá nhân chống nhu cầu để điều tra các tội phạm nguy hiểm. Do đó, phần lớn các hoạt động tư pháp đòi hỏi nhiều biện pháp đảm bảo an toàn để tránh bị lạm dụng, bao gồm yêu cầu về tội phạm nguy hiểm, sử dụng kỹ thuật quan trọng và các bằng chứng cần thiết không bị ảnh hưởng bởi các phương thức gây trở

¹⁶⁵ Công ước Liên Hợp quốc về chống tham nhũng, Điều 50; Công ước Liên Hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên biên giới, Điều 20. Xem thêm David McClean, *Tội phạm có tổ chức xuyên biên giới*, trang 241-247

¹⁶⁶ Lực lượng đặc nhiệm tài chính, *Báo cáo thường niên về Lực lượng đặc nhiệm tài chính 2008-2009 (2009)*, trang 25.

¹⁶⁷ Erika Alacs và Arthur Georges, "Các loài hoang dã xuyên biên giới", trang 147-151

ngại. Tư pháp hoặc giám sát độc lập thường chịu ảnh hưởng của các quy định quốc tế về nhân quyền.

Công cụ II. 14 Các kỹ thuật điều tra bí mật

- Các điều tra viên có sử dụng các kỹ thuật điều tra bí mật? Nếu có, đó là các kỹ thuật gì?
- Điều tra viên trong lĩnh vực tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã có nhận thức về việc sử dụng các kỹ thuật điều tra bí mật, bao gồm các kỹ thuật sau?
 - ✓ Ngăn chặn các giao dịch viễn thông, thư điện tử và thư từ
 - ✓ Các thiết bị nghe lén, giám sát và định vị
 - ✓ Các nhóm điều tra di động, và các phương pháp điều tra bằng hình ảnh và video.
 - ✓ Xác định các công ty và cá nhân giả mạo
 - ✓ Tìm kiếm bí mật hàng hóa, thư từ, thùng chứa và phương tiện vận chuyển
 - ✓ Một món hàng mô phỏng hoặc đã kiểm tra trước khi mua
 - ✓ Điều tra Internet
 - ✓ Mô phỏng tội phạm tham nhũng hoặc “kiểm tra tổng thể”
 - ✓ Bí mật theo dõi thời gian thực tế của các giao dịch tài chính
 - ✓ Bí mật xâm nhập vào các mạng lưới tội phạm thông qua việc nhập vai tội phạm hoặc người mua hàng
- Các điều tra viên có được phép sử dụng các phương thức trên?
- Những điều kiện tiên quyết cho việc sử dụng các kỹ thuật điều tra bí mật là gì? Chúng có đòi hỏi thẩm quyền của các nguồn tư pháp hoặc độc lập? Đây là giới hạn và điều kiện để ra lệnh điều tra bí mật?
- Liệu các điều tra viên có sử dụng hoạt động “giao dịch” bí mật khi nhập vai tội phạm? Nếu có, hoạt động trên diễn ra như thế nào và có thường xuyên không? Trường hợp nào thì được phép? Có khái niệm pháp lý về cạm bẫy?
- Liệu có chương trình đào tạo sử dụng các kỹ thuật bí mật? Có những hướng dẫn về việc sử dụng nhân viên mật (ví dụ: hướng dẫn quan ngại đến Văn phòng Liên bang về ủy ban điều tra bí mật)? Nếu có, các hướng dẫn này được công bố công khai?

Khi cơ quan thực thi pháp luật phát hiện hoặc thu thập thông tin về loài hoang dã bị buôn bán trái phép, phản ứng đầu tiên là để ngăn chặn và bắt giữ lô hàng đó để đảm bảo rằng hàng lậu đưa vào buôn bán hợp pháp. Tuy nhiên, trong trường hợp buôn bán qua biên giới, hành động như vậy sẽ thường gặp khó khăn trong việc xác định các nghi phạm và chắc chắn sẽ gặp khó khăn hơn nhiều để thu thập đủ bằng chứng nhằm truy tố thủ phạm và đồng bọn.¹⁶⁸

Kiểm soát vận chuyển là một kỹ thuật điều tra bí mật của lực lượng thực thi để theo dõi các tuyến đường vận chuyển hàng hóa nhằm xác định những người kết nối với các hoạt động tội phạm và thu thập bằng chứng chống lại họ. Phương pháp này đã được sử dụng rộng rãi trong hoạt động phòng chống buôn bán ma túy, nhưng cũng có thể được sử dụng tương tự như đối với tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã.¹⁶⁹ Tại một số quốc gia, pháp luật quy định việc sử dụng hoặc cấm kiểm

¹⁶⁸ INTERPOL và Ban thư ký CITES, *Kiểm soát vận chuyển: Kỹ thuật điều tra tội phạm các loài hoang dã* (Lyon, France và Geneva, 2007), trang 7

¹⁶⁹ Ibid, trang 5

soát vận chuyển, mặc dù quy định này có thể không liên quan trực tiếp đến tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã.¹⁷⁰ Quy định này cũng có thể nhận được sự đồng thuận của cơ quan có thẩm quyền truy tố sử dụng như một kỹ thuật chuyên biệt. Công ước Liên Hợp Quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng cũng khuyến khích, chừng mực có thể và cho phép theo pháp luật trong nước, việc sử dụng thích hợp của giao kiểm soát của các cơ quan có thẩm quyền nhằm mục đích chống có hiệu quả tội phạm có tổ chức và tham nhũng.¹⁷¹

Tương tự như kỹ thuật điều tra bí mật khác, yêu cầu cụ thể là các cơ quan tham gia vào các hoạt động kiểm soát vận chuyển. Các trách nhiệm khác nhau tùy thuộc vào giai đoạn mà một cơ quan có liên quan. Ví dụ, một hoạt động kiểm soát vận chuyển có thể phải bị xử phạt hoặc được giao cho một cán bộ ở một cấp bậc nhất định, hoặc có thể được xử lý bởi một kiểm soát viên hoặc một thẩm phán.¹⁷² Kiểm soát vận chuyển đòi hỏi sự phối hợp và hợp tác đặc biệt giữa các cơ quan và các quốc gia có liên quan.

Liên minh quốc tế về phòng chống tội phạm xâm hại các loài hoang dã đang thực hiện dự án “Thiết lập các đơn vị quốc gia về kiểm soát vận chuyển” ở 20 quốc gia với sự hỗ trợ tài chính từ Chương trình rừng của Ngân hàng thế giới (PROFOR). Các hoạt động bao gồm hội thảo, triển khai thí điểm các hoạt động kiểm soát vận chuyển và thành lập các đơn vị sự kiểm soát quốc gia với sự tham gia của nhiều nước. Kết quả và lợi ích ban đầu của mỗi quốc gia về tất cả các hình thức buôn bán người và tội phạm có tổ chức cũng có thể là đáng ghi nhận. Trong tương lai, kinh nghiệm thu được từ dự án sẽ được nhân rộng trong một mạng lưới toàn cầu về kiểm soát vận chuyển.

Công cụ II. 15 Kiểm soát vận chuyển

- Có cơ sở pháp lý quy định về các hoạt động kiểm soát vận chuyển không? Nếu có, bộ luật này có quy định về điều tra tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã không?
- Các điều tra viên về phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã có được phép sử dụng biện pháp kiểm soát vận chuyển trên cơ sở các quy định của pháp luật quốc gia? Các điều tra viên đã đảm nhiệm việc kiểm soát vận chuyển?
- Trên cơ sở quy định của pháp luật, có thể tiến hành các hoạt động kiểm soát vận chuyển với sự đồng thuận của các cơ quan tổ tụng hay không?
- Luật pháp quốc gia có cho phép thay thế việc phát hiện các hàng lậu trước khi tiến hành kiểm soát vận chuyển? Nếu có, các bản ghi âm có thể được chấp nhận là bằng chứng tại tòa án hay không?
- Cơ quan nào sẽ tiến hành việc kiểm soát vận chuyển?
- Điều kiện tiên quyết cho việc sử dụng biện pháp kiểm soát vận chuyển là gì? Có yêu cầu thẩm quyền từ các nguồn tư pháp hoặc độc lập không? Đây là giới hạn và điều kiện để ra lệnh kiểm soát vận chuyển?
- Các thủ tục hoạt động mang tính tiêu chuẩn có được xây dựng để hỗ trợ kịp thời và hiệu quả cho kiểm soát vận chuyển? Các điều tra viên có sử dụng các kỹ thuật điều tra bí mật? Nếu có, đó là các kỹ thuật gì?

¹⁷⁰ Ibid, trang 10-11

¹⁷¹ Công ước Liên Hợp quốc về chống tham nhũng, Điều 50; Công ước Liên Hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên biên giới, Điều 20. Xem thêm David McClean, *Tội phạm có tổ chức xuyên biên giới*, trang 241-247

¹⁷² INTERPOL và Ban thư ký CITES, *Kiểm soát vận chuyển*, trang 11

3.3 Người cung cấp tin

Thông tin do người cung cấp tin có thể rất quan trọng và đôi khi chỉ phương thức này có thể giúp ngăn chặn hoặc xử lý tội phạm. Việc tuyển lựa và sử dụng hiệu quả người cung cấp tin có thể đem lại tính tích cực: nhiều nguồn tin và giá trị sử dụng hơn so với các biện pháp điều tra bí mật. Do đó, Ban thư ký CITES khuyến khích việc xây dựng mạng lưới cung cấp tin thông tin thông qua cơ chế thường và thành lập đường dây nóng hỗ trợ cho việc cung cấp thông tin.¹⁷³

Tuy nhiên, có nhiều thông tin quan trọng về bọn tội phạm với một loạt các động lực cung cấp thông tin và do đó người cung tin cần phải được bảo vệ tuyệt mật. Vì thế, cần kiểm tra các hệ thống sử dụng cho việc sử dụng, quản lý và giám sát cung cấp thông tin, và các khoản thanh toán cho họ.

Công cụ II. 16 Người cung cấp tin

- Việc sử dụng các thông tin mở rộng có thuộc thẩm quyền điều tra tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã không?
- Việc quản lý người cung cấp tin được thực hiện như thế nào? Đặc biệt, thủ tục liên lạc và tiếp nhận thông tin từ người cung cấp thông tin gồm những gì?
- Các điều tra viên có được đào tạo để quản lý thông tin?
- Hệ thống tư pháp có quy định về bảo vệ thông tin? Nếu có, điều đó được quy định ra sao?
- Hệ thống này có chức năng quản lý thanh toán cho người cung cấp tin? Việc thanh toán này có là đối tượng kiểm toán mở rộng của một cơ quan khác thuộc chính phủ?
- Các quy định về thanh toán cho người cung cấp tin gồm những quy định gì? Ví dụ: Ai có nhiệm vụ thanh toán? Chi phí được xác định như thế nào (số lượng cụ thể hoặc phần trăm)? Các nguồn hỗ trợ sẽ chi trả như thế nào? Các thủ tục kiểm toán nào được tiến hành? Liệu có mối quan hệ giữa việc thanh toán cho người cung cấp tin và thưởng cho người cung cấp tin?
- Liệu có quy định, thủ tục và hướng dẫn giám sát tạo sự khác biệt giữa đối xử với nhân chứng và người cung cấp tin, và cách thức hợp tác với họ?
- Có các thủ tục mẫu về việc xử sự với những người cung cấp tin không?

3.4 Các trạm tuần tra và kiểm soát

Rừng và môi trường sống của các loài hoang dã thường ở xa và là những khu vực rộng lớn. Việc tiếp cận những địa bàn này gặp nhiều khó khăn để có thể tổ chức các cuộc tuần tra thường xuyên và toàn diện. Cán bộ lâm nghiệp, nhân viên bảo vệ các khu bảo tồn, nhân viên kiểm lâm viên, cảnh sát và các cán bộ thực thi khác chỉ có thể thường xuyên tuần tra ở những khu vực nhỏ. Kết quả là, hiếm khi phát hiện tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã hoặc hiếm khi các cán bộ thực thi là người đầu tiên có bằng chứng về hoạt động tội phạm trong lĩnh vực này.

¹⁷³ Ban thư ký CITES, “Thông báo tới các nước thành viên”, Nghị quyết Conf 12.5 (Sửa đổi tại CoP15), Phụ lục 3

Quản lý rủi ro và tuần tra có hệ thống với các tuyến đường đặt ra để tối ưu hóa khả năng bao quát a những khu vực này là phương pháp cơ bản để nâng cao hiệu quả việc thu thập thông tin tình báo và phát hiện. Ngoài ra, các trạm kiểm soát dọc theo các tuyến đường chính, các con sông, các tuyến đường thương mại và giao nhau, tại các cảng biển, sân bay, và các trạm kiểm soát lối vào các vườn quốc gia và khu bảo tồn khác cũng có thể hỗ trợ trong việc phát hiện và ngăn chặn tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã.

Công cụ II. 17 Các trạm tuần tra và kiểm soát

- Các khu rừng và nơi sống của các loài hoang dã được tuần tra như thế nào? Mức độ thường xuyên ra sao?
- Ai tiến hành tuần tra các khu vực này (cán bộ lâm nghiệp, nhân viên bảo vệ các khu bảo tồn, cảnh sát hoặc nhân viên thực thi khác)?
- Hệ thống nào được sử dụng để giám sát các tuyến đường tuần tra và mức độ tuần tra?
- Có hay không có các trạm kiểm soát theo các tuyến đường thương mại, các con sông, cửa khẩu, các khu bảo tồn thiên nhiên hoặc các địa điểm khác?
- Các trạm kiểm soát hoạt động như thế nào và hoạt động điều tra được thực hiện tại các trạm kiểm soát ra sao?

3.5 Chủ động điều tra

Chủ động điều tra tìm kiếm các mối đe dọa tội phạm cá biệt và nổi bật để giảm thiểu tác hại mà chúng gây ra chứ không phải đối phó với tội phạm sau khi họ đã được nhận tội. Đó cũng là một phương pháp để xử lý thông tin tình báo liên quan đến hoạt động tội phạm đang diễn ra hoặc đã lên kế hoạch. Trong trường hợp này, phương pháp luận cho các nhà điều tra tương tự như đối với các hình thức khác của cuộc điều tra, nhưng hành vi phạm tội được xác định thông qua nghiên cứu và thu thập tình báo. Chủ động điều tra đặc biệt hữu ích đối với tội phạm có tổ chức và có thể hỗ trợ hiệu quả trong hạn chế tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã.

Công cụ II. 18 Chủ động điều tra

- Các điều tra viên trong lĩnh vực tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã (cá nhân hoặc theo nhóm) có thực hiện việc điều tra theo cách xác định trước các mục tiêu, các cá nhân hoặc các nhóm phạm tội hơn là xử lý các báo cáo về tình hình tội phạm không?
- Các điều tra viên có tiến hành phân tích và lập hồ sơ để xây dựng xác định mục tiêu? Nếu có, các mục tiêu được lựa chọn như thế nào?
- Liệu có các đơn vị hoặc nhóm xử lý thông tin tội phạm tiến hành thu thập, đối chiếu và phân tích thông tin liên quan đến tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã?
- Có quy định pháp luật về tất cả các hoạt động điều tra và truy tố phải được quy định rõ trong luật và thu được bằng chứng?

4. Quyền hạn thực thi

Để hoạt động thực thi đạt hiệu quả, các điều tra viên tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã, cảnh sát, hải quan và các cơ quan khác cần phải trao quyền hạn cho phép họ tiến hành tìm kiếm, các nhân chứng và phỏng vấn nghi phạm, thâm nhập cơ sở, tịch thu tài sản và thực hiện các vụ bắt giữ.¹⁷⁴ Ở một số nước, các cơ quan bảo vệ rừng và các loài hoang dã không có quyền tham gia hoạt động cưỡng chế thi hành pháp luật về môi trường và dựa vào cảnh sát để can thiệp cưỡng chế theo yêu cầu. Ở những nơi khác, các nhân viên bảo vệ rừng và các loài hoang dã được tuyên thệ đảm nhiệm vị trí có thẩm quyền theo luật định để tiến hành điều tra, sử dụng vũ khí, bắt giữ và thực hiện các hoạt động đảm bảo an toàn.¹⁷⁵ Khi những hoạt động trên xâm phạm và có thể vi phạm quyền của người khác, họ cần phải được hạn chế và giám sát để ngăn chặn lạm dụng quyền lực và vi phạm không cần thiết của nhân quyền và tự do cá nhân.

Công cụ điều tra liên quan đến tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã được quy định trong các phần tiếp theo. Dữ liệu và thông tin quản lý hoạt động khác liên quan đến số lượng các cuộc điều tra, bắt giữ, tịch thu... được thể hiện cụ thể hơn trong phần năm của Bộ công cụ.

4.1 Nguồn gốc của quyền hạn thực thi

Chức năng thực thi pháp luật, quyền hạn và thủ tục thường được đặt ra và giới hạn theo luật định. Thông thường, các cơ quan cảnh sát có quyền hạn rộng lớn hơn vào những thời điểm chông chéo hoặc hỗ trợ thực thi pháp luật áp dụng đối với các cơ quan khác. Các quy định liên quan có thể bao gồm bộ luật quy định quyền hạn và trách nhiệm của cảnh sát, một bộ tưng hình sự hoặc một bộ luật hình sự. Luật quy định cụ thể quyền hạn của cảnh sát thường bao gồm các yếu tố tổ chức cũng như các quyền của lực lượng cảnh sát, đặc biệt là theo thứ tự các khu vực công. Quyền hạn của cảnh sát liên quan đến điều tra hình sự có thể được quy định trong bộ luật tổ tụng hình sự của mỗi quốc gia.¹⁷⁶

Ngay cả tại các nước mà quy định pháp luật về cảnh sát nói chung đã được ban hành, các quy chế thường không phải là nguồn duy nhất quy định quyền hạn thực thi. Các đạo luật mới liên tục được ban hành để đáp ứng với các vấn đề mới phát sinh (như các hành vi phạm tội liên quan đến môi trường hoặc tội phạm có tổ chức); Họ thường được trao thêm quyền hạn bổ sung hoặc mở rộng để thực thi pháp luật trong việc đối phó với những vấn đề hoặc để làm rõ vai trò của của họ.¹⁷⁷

Đối với các cơ quan, đơn vị chuyên môn có liên quan trong việc điều tra tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã như các đơn vị thực thi pháp luật động vật hoang dã, cơ quan lâm nghiệp, Hải quan, cơ quan phòng chống tội nghiêm trọng..., quyền hạn điều tra đều được quy định trong các đạo luật có liên quan, chẳng hạn như luật bảo vệ và phát triển rừng và các loài hoang dã, lâm nghiệp, luật Hải quan.

Việc kiểm soát và quản lý sự di chuyển của tất cả các hàng hoá, phương tiện vận tải và người và hành lý qua biên giới quốc tế thuộc thẩm quyền của Hải quan. Là một cơ quan chính phủ, hải quan thường được pháp luật giao quyền thực thi các quy định của các cơ quan khác khi thực hiện cho phép xuất khẩu hoặc nhập khẩu hàng hoá được yêu cầu. Với quyền điều tra và thu hồi hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trái phép, cơ quan Hải quan có thể có đóng góp đáng kể trong hoạt động điều tra tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã.

¹⁷⁴ Ban thư ký CITES, Luật mẫu về buôn bán quốc tế, trang 4

¹⁷⁵ Kevin Tomkins, “Thực thi pháp luật về cảnh sát và môi trường”, trang 294-299

¹⁷⁶ UNODC, “Hoạt động điều tra tội phạm”, trong *Bộ Công cụ đánh giá luật pháp hình sự*

¹⁷⁷ Nigel Stobbs, “Quyền hạn và trách nhiệm của cảnh sát”, trong cuốn *Bối cảnh giám sát*, Roderic Broadhurst và Sara E. Davies, bản sửa (Melbourne, Oxford University Press, 2009), trang 69-76.

Công cụ II. 19 Các quy định về quyền thực thi

- Có quy định giao quyền cho một cơ quan điều tra tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã không?
- Các quyền liên quan có được quy định trong luật bảo vệ rừng và các loài hoang dã, luật Hải quan hoặc các luật chuyên biệt khác, hoặc được quy định trong bộ luật tổ tụng hình sự hoặc luật cảnh sát không?
- Các luật, quy định về quyền thực thi và giám sát các nhân viên thực thi gồm những luật, quy định nào?
- Các bộ luật liên quan được cập nhật gần đây vào khi nào?
- Ai giám sát việc áp dụng quyền thực thi?
- Những điểm khác biệt của quy định về bằng chứng hoặc các thủ tục khi áp dụng luật chống rửa tiền?
-

4.2 Các kiểu quyền hạn điều tra

Trong một số trường hợp, các cơ quan thực thi dựa vào quyền hạn cưỡng chế phù hợp với luật bảo vệ rừng và các loài hoang dã. Theo đó, quyền hạn thực thi của cán bộ được quy định cụ thể. Các quyền hạn chủ yếu theo truyền thống được thực hiện bởi các cơ quan thực thi liên quan đến điều tra các loại tội phạm bao gồm việc tìm kiếm và tịch thu tài sản, bắt giữ và thẩm vấn, các hoạt động bí mật (như giám sát, kiểm soát vận chuyển và các hoạt động mật). Trong một số trường hợp, quyền hạn điều tra đặc biệt đã được quy định cụ thể cho hoạt động điều tra tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã.¹⁷⁸

Công cụ II. 20 Các kiểu quyền hạn điều tra

- Các cơ quan thực thi luật bảo vệ rừng và các loài hoang dã có thực hiện các hoạt động sau:
 - ✓ Chấm dứt, thẩm vấn, điều tra và xác minh nguồn gốc hàng hóa, người, tổ chức và phương tiện chuyên chở
 - ✓ Thu thập thông tin về đối tượng, địa điểm, phương tiện vận chuyển... nếu nghi ngờ liên quan đến tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã
 - ✓ Tiến hành điều tra
 - ✓ Tịch thu tài sản
 - ✓ Tịch thu tàu thuyền, ô tô, máy bay và các phương tiện, thiết bị dung để vận chuyển động vật, thực vật hoang dã.
 - ✓ Điều tra tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã; và
 - ✓ Sử dụng súng hoặc các loại vũ khí khác
- Liệu các quyền hạn này có đủ để ngăn chặn hoặc xóa bỏ tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã?

¹⁷⁸ Cf. Cyrille de Klemm, “Hướng dẫn luật thực thi CITES”, trang 102

- Liệu có những phản ứng gây khó khăn cho nhân viên bảo vệ rừng và các loài hoang dã?
- Thế nào là bằng chứng được thừa nhận và thế nào là thủ tục để được xác nhận bằng chứng (ví dụ; ảnh, tài liệu tóm tắt, bằng chứng tin học, bằng chứng và và các biểu đồ)?

4.3 Thực hiện quyền lực, kiểm tra và cân bằng

Hầu như tất cả các quyền hạn thực thi là những vấn đề mang tính quyết định. Trong khi hầu hết quyền hạn của cảnh sát do pháp luật quy định, rất khó để đạt được việc luật quy định rằng một quyền lực nhất định phải được thực hiện. Quyết định về việc có hay không thực hiện một quyền lực nhất định, cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định là những vấn đề quan trọng trong nhận thức thực thi pháp luật tác động đến con người và cộng đồng.¹⁷⁹ Điều này được lưu ý rằng:

Quan tâm đánh giá về bản chất và giới hạn của quyền lực đặc biệt (quyền thực thi) là cần thiết nếu cảnh sát phải hành động công bằng, hiệu quả, và tuân thủ pháp luật. Một quyết định không phù hợp hoặc không hợp pháp của quyền lực có thể dẫn đến tác động đến lòng tin của người dân vô tội, dung túng những người phạm tội thực tế, và làm suy giảm niềm tin công chúng đối với công lý. Hiệu quả của các cơ quan thực thi pháp luật trong các xã hội được điều chỉnh bởi các quy định của pháp luật phụ thuộc chủ yếu vào mức độ, phạm vi mà xã hội đã tin tưởng vào những người được giao nhiệm vụ thực thi và áp dụng pháp luật. Tích hợp niềm tin và thực thi hợp pháp quyền lực đặc biệt quan trọng đối với một xã hội ổn định.¹⁸⁰

Các quy định pháp luật có liên quan thường bao gồm các thủ tục kiểm tra và cân bằng để tạo ảnh hưởng trong việc giao quyền hạn đặc biệt. Trong thực tế, đây là điều hiếm hoi mà các cơ quan thực thi pháp luật được giao quyền mà không có một số quy định và hạn chế rõ ràng.¹⁸¹

Công cụ II. 21 Thực hiện quyền thực thi

- Luật có quy định các căn cứ và giới hạn của việc áp dụng quyền lực áp đặt (ví dụ: khái niệm “căn cứ hợp lý”, “niềm tin hợp lý” hoặc “nguyên nhân chắc chắn”)
- Việc thực hiện quyền thực thi có bị giới hạn sử dụng tối thiểu lực lượng phù hợp như các nhân viên áp dụng duy nhất cấp độ thực thi cần thiết để đạt được mục đích hợp pháp?
- Các hoạt động thực thi nào cần phải được đảm bảo an toàn? Ai thực hiện điều này?
- Quy định nào mô tả và quy định các giới hạn đối với việc sử dụng quyền thực thi hiện hành?
- Các ghi nhận về việc sử dụng quyền thực thi gồm những nội dung gì?

4.4 Thiết bị làm việc

¹⁷⁹ UNODC, “Bố trí cơ quan cảnh sát và an ninh công cộng” và “Sự trong sạch và trách nhiệm của cảnh sát” trong *Bộ Công cụ đánh giá luật pháp hình sự*; Mark Findlay, *Giới thiệu về giám sát: Thách thức cho lực lượng Cảnh sát và cộng đồng người Australian* (Melbourne, Oxford University Press, 2004), trang 70-85,

¹⁸⁰ Nigel Stobbs, “Quyền hạn và trách nhiệm của cảnh sát”, trang 69-70

¹⁸¹ Ibid, trang 69-80

Quyền hạn và trách nhiệm được giao cho các cơ quan chính phủ trong các lĩnh vực động vật hoang dã và lâm nghiệp thường ít liên quan đến khả năng hoàn thành nhiệm vụ. Các điều tra viên trong lĩnh vực tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã thường yêu cầu một số thiết bị cơ bản và cũng có thể đòi hỏi các thiết bị đặc biệt để thực hiện nhiệm vụ. Yêu cầu của họ có thể bao gồm những trang bị bản (như văn phòng, văn phòng phẩm, phương tiện đi lại, phương thức tiếp cận với phương tiện cơ giới và khóa công số 8) hoặc thiết bị phức tạp hơn (như máy tính, radio để liên lạc, thiết bị cho các thủ tục giám định, phòng thí nghiệm và vũ khí). Các điều tra viên cũng yêu cầu được hỗ trợ đủ kinh phí để thực hiện chức năng và các hoạt động chuyên ngành.¹⁸²

Có sự khác biệt lớn giữa các trang thiết bị có sẵn hoặc cần thiết giữa các cơ quan tư pháp và các cơ quan khác. Việc đánh giá nhu cầu sẽ phải đề cập tới vai trò, trình độ đào tạo, trách nhiệm và quá trình công tác của nhân viên điều tra và đơn vị họ đang công tác. Tình trạng sẵn có của các phương tiện và thiết bị cũng phụ thuộc vào điều kiện kinh tế-xã hội, nguồn lực sẵn có của địa phương, và cách tiếp cận đối với các nguồn hỗ trợ tài chính và kỹ thuật.

Công cụ II. 22 Thiết bị làm việc

- Các thiết bị làm việc của các cơ quan liên quan bao gồm những thiết bị gì? Chúng được lưu giữ ở đâu? Liệu đó có phải là các trụ sở hay không?
- Có nguồn điện đảm bảo cho hoạt động thường xuyên? Có máy phát điện dự phòng không? Có các thiết bị cần thiết cho văn phòng (nội thất, văn phòng phẩm, máy photo...)?
- Liệu công chúng có tiếp xúc với các văn phòng trên không?
- Liệu các nhà quản lý hoặc giám sát các đơn vị ở những vị trí thuận lợi hoặc liên kết không? Nếu các kiểm sát viên thực hiện hoạt động điều tra, họ sẽ làm việc ở đâu? Họ có tiếp xúc dễ dàng với các điều tra viên không?
- Có được trang bị phương tiện liên lạc và công nghệ xử lý văn bản (như máy tính, mạng Internet, điện thoại, điện thoại di động, máy fax và máy bộ đàm)?
- Tài sản và của cải bị tịch thu được lưu giữ an toàn?
- Ai trong số các nhân viên Hải quan, cảnh sát hoặc các cơ quan thực thi hỗ trợ cho việc xử lý và lưu giữ động vật, thực vật (còn sống hoặc đã chết) bị tịch thu?
- Các nhân viên thực thi trực tiếp có được hỗ trợ đầy đủ về tài chính, trang thiết bị và hướng dẫn sử dụng các thiết bị?
- Các nhân viên có được sử dụng các thiết bị bảo vệ cá nhân như dùi cui, công số 8, súng bắn điện, súng hoặc các vũ khí khác? Các loại vũ khí này được cấp và lưu giữ theo phương thức an toàn?
- Các điều tra viên được sử dụng ô tô, tàu thuyền và các phương tiện vận chuyển? Có bao nhiêu ô tô, tàu thuyền đang có sẵn? Chúng được đánh dấu hay không đánh dấu? Họ có được trang bị áo giáp? Nhiên liệu có đủ dùng cho việc di chuyển?
- Có các yêu cầu không phục vụ cho hoạt động đối với các nguồn (như chia sẻ ô tô và phương tiện đi lại)?
- Các quy định về bảo dưỡng và thay thế đối với các thiết bị bao gồm những quy định gì?

¹⁸² UNODC, “Hoạt động điều tra tội phạm”, trong *Bộ Công cụ đánh giá luật pháp hình sự*.

5. Thủ tục và kỹ thuật điều tra

Điều tra tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã và quản lý các cuộc điều tra có thể rất phức tạp và đòi hỏi nhiều phương pháp và cách tiếp cận. Các phần sau đây đề ra một số yếu tố cốt lõi về các kỹ thuật và thủ tục điều tra; tuy nhiên, danh sách này chưa được đầy đủ.

5.1 Báo cáo vi phạm

Các báo cáo ban đầu về một hành vi phạm tội và hành động ngay lập tức sau đó được xem là cực kỳ quan trọng. Trách nhiệm điều tra tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã có thể thu hút sự quan tâm của cảnh sát và các cơ quan thực thi khác theo một số cách. Ví dụ, họ có thể được báo cáo từ các nạn nhân hoặc nhân chứng, họ có thể được một cơ quan khác thông báo, hoặc họ có thể được phát hiện trong quá trình tuần tra hoặc điều tra thường xuyên. Thực tế là nhiều cơ quan khác nhau lại có chung một số trách nhiệm liên quan đến các lĩnh vực lâm nghiệp và các loài hoang dã, và điều này có thể gây lãng phí thời gian cho việc gửi các báo cáo đến các đơn vị điều tra có liên quan.

Để tăng số lượng báo cáo, một số quốc gia đã thực hiện các cơ chế khen thưởng, đôi khi được gọi là "chương trình thổi còi", như một sự khuyến khích cho các cá nhân cung cấp thông tin về tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã. Cho đến nay, những hoạt động này chỉ nhận được sự hỗ trợ hỗn hợp. Nhiều nhà phê bình cho rằng phần thưởng chỉ tăng về số lượng và đảm bảo chất lượng của báo cáo tội phạm, cũng như tạo ra sự nguy hiểm của chứng cứ giả mạo.¹⁸³

Một số quốc gia và một số cộng đồng địa phương đã thành lập "các nhóm theo dõi" như một phương pháp thay thế để cải thiện và tăng cường các báo cáo về tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã. Những hệ thống này, được mô hình sau khi chương trình "Neighbourhood Watch" thực hiện tại nhiều quốc gia, là những công cụ cho một cộng đồng cùng hành động để giảm tội phạm và tăng cường an toàn cho cộng đồng. Họ khuyến khích người dân và doanh nghiệp cùng tham gia trong các nhóm nhỏ với mục đích cải thiện sự an toàn của khu vực địa phương và xây dựng ý tưởng chia sẻ trách nhiệm giữa các cá nhân, những người láng giềng và cộng đồng trong việc phòng ngừa, báo cáo và làm giảm tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã.

Tương tự như với tội phạm hình sự khác, điều quan trọng là bất kỳ báo cáo về tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã phải được ghi lại một cách chính xác và toàn diện. Để hoàn thiện, Ban Thư ký CITES đã xây dựng một mẫu báo cáo sơ bộ được sử dụng để báo cáo về hoạt động của tội phạm xâm hại các loài hoang dã, buôn bán bất hợp pháp, hoạt động săn bắt các loài nguy cấp hoặc các thông tin tình báo nổi bật.¹⁸⁴

Ngay sau khi được báo cáo về hành vi xâm hại rừng và các loài hoang dã, một giám sát viên nên xem lại các cáo buộc đi kèm các sự kiện và sau đó phân bổ đầy đủ và thích hợp các nguồn lực để xử lý. Quyết định này có thể gặp nhiều trở ngại hơn khi có các ưu tiên cạnh tranh và chỉ giới hạn nguồn lực để xử lý.¹⁸⁵

Công cụ II. 23 Báo cáo tội phạm

- Tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã được các cơ quan thẩm quyền quan tâm như

¹⁸³ Arnaldo Contreas, "Tuân thủ pháp luật về lĩnh vực lâm nghiệp", trang 22; Jonathan Kazmar, "Buôn bán bất hợp pháp quốc tế các loài động vật và thực vật hoang dã", trang 105-127

¹⁸⁴ Nghị quyết Hội nghị 12.5 (Sửa đổi tại CoP15), Phụ lục 1

¹⁸⁵ UNODC, "Hoạt động điều tra tội phạm", trong *Bộ Công cụ đánh giá luật pháp hình sự*

thế nào?

- Có thông tin liên hệ (như số điện thoại, fax và địa chỉ email) để người dân có thể thông báo về tội phạm với các cơ quan chức năng không?
- Các bước nào được thực hiện khi có báo cáo về tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã? Ai tiếp nhận các thông tin này? Các thủ tục có được thực hiện đúng lúc để xử lý các báo cáo?
- Nơi nào lưu giữ và lưu giữ như thế nào các báo cáo? Các báo cáo được lưu giữ trên giấy hay trên máy tính? Nếu có, mẫu này có bao gồm các thông tin về thời gian, loài liên quan, loại sự kiện hoặc tội phạm và nghi phạm không?
- Có mẫu chuẩn cho việc lưu giữ các báo cáo ban đầu về tội phạm không?
- Hành động ngay lập tức được xác nhận và quản lý như thế nào? Ai được thông báo về tội phạm?
- Liệu người báo tin về tội phạm được liên hệ thường xuyên trong quá trình điều tra không?
- Có cơ chế thưởng cho người báo tin về tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã không?
- Có các nhóm “theo dõi” địa phương bao gồm các cá nhân và doanh nghiệp cùng hợp tác để ngăn ngừa, báo tin và làm suy giảm tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã không?

5.2 Thu thập thông tin và bằng chứng

Kết quả của một vụ án hình sự phụ thuộc vào chất lượng và trọng lượng của các bằng chứng. Các quyết định liên quan đến những thông tin hoặc tài liệu phải được thu thập hoặc ghi lại nhu cầu được thực hiện bởi một số người có thẩm quyền thu thập chứng cứ. Điều này sẽ đảm bảo rằng bằng chứng không bị thay đổi hoặc bị mất tại hiện trường, do đó gây khó khăn cho hoạt động điều tra và truy tố. Theo đó, điều quan trọng là bằng chứng được thu thập và ghi chép kỹ lưỡng và có hệ thống.

Các quy định về bằng chứng được hệ thống tư pháp thông qua có thể ngăn cản một số loại thông tin từ đang được xem xét bởi thực tế xét xử, nếu thành viên của bằng chứng cho bị đơn (và có xu hướng thiên vị trong thực tế xét xử khi đánh giá các bằng chứng) có thể vượt quá tính hữu dụng của bằng chứng (để chứng minh giá trị). Các loại bằng chứng khác, chẳng hạn như tin đồn, có thể bị cản trở bởi vì chúng được xem là không có căn cứ.¹⁸⁶

Công cụ II. 24 Thu thập thông tin và bằng chứng

- Tất cả các nhân viên thực thi bảo vệ rừng và các loài hoang dã (không chỉ riêng cảnh sát và các điều tra viên) được đào tạo về các quy định về bằng chứng? Họ có được huấn luyện về cách tìm kiếm và bảo vệ bằng chứng?
- Đối với các trường hợp chủ yếu, nhân viên có được đảm bảo và bảo vệ nguyên vẹn bằng chứng và vật chứng?
- Quá trình điều tra được lưu giữ trên máy tính hay trên giấy? Ai lưu giữ các báo cáo trên? Chúng có được cập nhật thường xuyên không?

¹⁸⁶ Ibid.

5.3 Các công việc liên quan đến hiện trường vụ xâm hại rừng và các loài hoang dã

Các công việc hiện trường vụ xâm hại rừng và các loài hoang dã tương tự như các hình thức khác của những nỗ lực giám định, đóng vai trò quan trọng đảm bảo tính nguyên vẹn của các cuộc điều tra với hồ sơ chi tiết được lưu giữ và một chuỗi thích hợp tạm giữ (tính liên tục của chứng cứ) được duy trì đối với từng bằng chứng. Một chuỗi giám thiếu nguy cơ mất mát, ô nhiễm hoặc thay thế vật liệu, và giúp chứng minh nguồn gốc và tính xác thực của vật mẫu, hiện vật trưng bày.

Các công việc hiện trường vụ xâm hại rừng và các loài hoang dã liên quan đến việc chuẩn bị bảo quản khẩn trương hiện trường vụ xâm hại rừng và các loài hoang dã. Công việc này yêu cầu các thiết bị đặc biệt, từ vải bảo hộ để chứa mẫu vật và nhân viên có chuyên môn về quản lý hiện trường vụ án và lưu trữ hồ sơ. Công việc phức tạp hơn chính là nhiều hành vi xâm hại rừng và các loài hoang dã diễn ra cách xa các trung tâm đô thị, nơi có trụ sở của cơ quan thực thi, phòng thí nghiệm và chuyên môn khoa học.¹⁸⁷

Công cụ II. 25 Các công việc liên quan đến hiện trường vụ xâm hại rừng và các loài hoang dã

- Có các quy định hoặc các thủ tục đặc biệt đối với các công việc liên quan đến hiện trường vụ xâm hại rừng và các loài hoang dã không?
- Có các chuyên gia về quản lý hiện trường vụ xâm hại rừng và các loài hoang dã không?
- Các nhân viên có nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo đảm hiện trường vụ việc nhằm hỗ trợ cho việc điều tra không?
- Các nhân viên liên quan có được đào tạo về thành lập hiện trường, thu thập bằng chứng pháp y, lưu giữ số liệu, thu thập dữ liệu điện tử, sử dụng thiết bị, hình ảnh... không?
- Các nhân viên liên quan có nhận thức về nguy cơ các vấn đề rò rỉ thông tin? Họ có biết cách cất giữ, dán nhãn bằng chứng và vật chứng không?

5.4 Xác định nghi phạm

Quá trình điều tra nhằm xác định thủ phạm thực hiện hoạt động phạm tội, và mỗi trường hợp sẽ được củng cố bằng rất nhiều bằng chứng xác thực. Tuy nhiên, các thủ tục xác định một nghi phạm phải được kiểm soát chặt chẽ để ngăn ngừa oan sai pháp lý. Các thủ tục xác định không chính xác có thể dẫn đến thiên vị và làm cho tất cả các bằng chứng không có giá trị.¹⁸⁸

Công cụ II. 26 Xác định nghi phạm

- Hiện có các quy định và thủ tục pháp lý nào để hỗ trợ cho việc xác định nghi phạm? Có

¹⁸⁷ Xem thêm John E. Cooper, Margaret E. Cooper và Paul Budgen “Điều tra hiện trường xảy ra hành vi xâm hại loài hoang dã”, trang 1-6.

¹⁸⁸ UNODC, “Hoạt động điều tra tội phạm”, trong *Bộ Công cụ đánh giá tư pháp hình sự*.

các thủ tục pháp lý đặc biệt để xác định thủ phạm thực hiện hoạt động xâm hại rừng và các loài hoang dã không?

- Các điều tra viên có công cụ để lấy vân tay và mẫu và của nghi phạm thực hiện hoạt động xâm hại rừng và các loài hoang dã để xác định thủ phạm không?
- Các điều tra viên có sổ sách, hồ sơ hoặc dữ liệu bao gồm hình ảnh, vân tay hoặc các thông tin sinh học về tội phạm không? Thông tin này được lưu giữ và quản lý ra sao? Nó có được cập nhật thường xuyên?
- Các điều tra viên có thể sử dụng các thiết bị nhận dạng như cảm nang nhận dạng và máy ảnh không?

5.5 Phỏng vấn

Phỏng vấn là kỹ năng cơ bản của các cuộc điều tra và kỹ năng này chưa được sử dụng trong hoạt động điều tra tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã. Do đó, Ban Thư ký CITES, Interpol và WCO đã công bố một hướng dẫn phỏng vấn cho hoạt động điều tra tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã khi đặt câu hỏi đối với những kẻ buôn lậu.

Có hai loại phỏng vấn cơ bản được thực hiện bởi các điều tra viên: các cuộc phỏng vấn với các nạn nhân và nhân chứng, phỏng vấn các nghi phạm. Các nhà điều tra thường ghi lại những hồi ức của một nhân chứng hoặc nạn nhân (giả sử họ đồng ý hợp tác). Mặt khác, các nghi phạm thường cố gắng để không trả lời các câu hỏi và do đó cuộc phỏng vấn trở nên căng thẳng và có thể đòi hỏi các kỹ thuật khéo léo hơn.¹⁸⁹

Luật pháp và các tiêu chuẩn quốc tế, cùng với luật pháp quốc gia hạn chế việc sử dụng các kỹ thuật phỏng vấn mang tính áp đặt và nghiêm cấm việc sử dụng tra tấn. Do đó, điều quan trọng là các nhà điều tra có một sự hiểu biết rõ ràng về giới hạn của các kỹ thuật phỏng vấn mà luật pháp quy định.

Công cụ II. 27 Phỏng vấn

- Các điều tra viên về tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã có được đào tạo các kỹ thuật phỏng vấn không? Nếu có, chương trình đào tạo đó gồm những nội dung gì?
- Các cuộc phỏng vấn nạn nhân, nhân chứng và nghi phạm có được lưu lại hay không? Nếu có, chúng được lưu giữ ở đâu và như thế nào?
- Các quy định về phỏng vấn nhân chứng là gì? Người phỏng vấn có thông báo cho nhân chứng về quyền tự do buộc tội trong quá trình phỏng vấn? Nhân chứng có quyền có luật sư trong suốt quá trình phỏng vấn?
- Ai lấy lời khai của nhân chứng? Nhân chứng có được đọc lại lời khai và xác nhận lời khai là chính xác?
- Có hướng dẫn hoặc quy tắc tiến hành thẩm vấn nghi phạm không? Các hướng dẫn này có tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế không?
- Các nghi phạm có được quyền từ chối trả lời các câu hỏi không? Liệu có sự bảo vệ đối với quyền tự do buộc tội không? Liệu nghi phạm có quyền có luật sư trong suốt quá trình thẩm vấn không? Nghi phạm có được thông báo về quyền đó không?
- Các điều tra viên có nhận thức được tác hại của phỏng vấn đối với nhiều người không? Có

¹⁸⁹ Xem thêm UNODC, “Hoạt động điều tra tội phạm”, trong *Bộ Công cụ đánh giá tư pháp hình sự*.

quy định đặc biệt nào đối với những đối tượng này không?

- Các điều viên có tuân thủ các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế hoặc có bằng chứng là kỹ thuật thẩm vấn hoặc tra tấn không phù hợp được sử dụng không?

5.6 Bảo vệ nạn nhân và nhân chứng

Nhiều nạn nhân và nhân chứng của tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã sợ bị đe dọa và trả thù nếu họ hợp tác với các cơ quan thực thi pháp luật hoặc làm chứng tại tòa án. Những nỗi sợ hãi càng nghiêm trọng khi có một mối quan hệ chặt chẽ giữa các nhân chứng và người phạm tội (ví dụ, các nhân chứng là nhân viên của người phạm tội), hoặc khi người phạm tội là một phần của một nhóm tội phạm có tổ chức. Trong trường hợp nạn nhân của tham nhũng hoặc lạm dụng quyền lực, sự sợ hãi bị đe dọa hoặc trả thù thường liên quan đến sự mất lòng tin đối với các quan chức chính phủ, thực thi pháp luật và tư pháp.

Do đó, điều quan trọng là biện pháp hiệu quả được thực hiện để bảo vệ sự an toàn của nạn nhân, nhân chứng và gia đình của họ. Đảm bảo việc bảo vệ sự riêng tư của nạn nhân và nhân chứng là mối quan tâm khác.¹⁹⁰

Công ước Liên Hợp Quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia bao gồm một số quy định đòi hỏi các quốc gia thành viên phải có biện pháp để bảo vệ nhân chứng, hỗ trợ và bảo vệ nạn nhân, và hợp tác với các cơ quan thực thi khác để bảo vệ nạn nhân và nhân chứng.¹⁹¹ Tuy nhiên, những quy định này chỉ mở rộng đến những hành vi phạm tội liên quan đến các nhóm tội phạm có tổ chức và không điều chỉnh đối với tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã nói chung. Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng có quy định tương tự liên quan đến việc bảo vệ nạn nhân và nhân chứng của tham nhũng.¹⁹²

Công cụ II. 28 Bảo vệ nạn nhân và nhân chứng

- Liệu các nạn nhân và nhân chứng có bị tội phạm đe dọa và bị trả thù? Liệu các loại tội phạm này có đe dọa các nạn nhân và nhân chứng của tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã?
- Có các biện pháp bảo vệ các nạn nhân và nhân chứng của tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã (như chế độ bảo vệ, chế độ không tiếp xúc, các điều kiện bảo lãnh, hộ tống nạn nhân và nhân chứng, hỗ trợ chứng nhận)?
- Khả năng bảo vệ nạn nhân và nhân chứng ra sao? Kiểu bảo vệ hiện có dành cho nhân chứng là gì? Ví dụ, để nhân chứng ở đồn cảnh sát, họ được yêu cầu bảo vệ hoặc có chỗ ở an toàn? Có bảo vệ đối với nhân viên cảnh sát, kiểm soát viên và thẩm phán?
- Luật pháp quốc gia có cho phép sử dụng các biện pháp thay thế của cung cấp bằng chứng?
- Luật pháp quốc gia có giới hạn về tiết lộ thông tin liên quan tới xác định nơi ở của nạn nhân và nhân chứng và ngoại trừ các trường hợp, bảo vệ danh tính của người cung cấp bằng chứng?

¹⁹⁰ UNODC, “Nạn nhân và nhân chứng” và “Hợp tác quốc tế”, trong *Bộ công cụ đánh giá luật pháp hình sự*.

¹⁹¹ Công ước Liên Hợp Quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, điều 24-26. Xem thêm David McClean, *Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia*, trang 259-274.

¹⁹² Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng, điều 32.

5.7 Điều tra hiện trường vụ án và pháp y

Việc sử dụng khoa học và công nghệ là một phần quan trọng của hoạt động điều tra tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã. Những hành vi phạm tội là "về cơ bản không khác biệt so với bất kỳ hình thức khác của tội phạm, và tập hợp đầy đủ khoa học pháp y, giám định và hỗ trợ có thể được đem đến từ một đầu của chuỗi thương mại bất hợp pháp cho người khác".¹⁹³ Kiến thức về việc sử dụng các kỹ thuật pháp y trong điều tra tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã cũng có thể có liên quan đến phòng chống tội phạm vì nó có thể ngăn chặn một số hành vi phạm tội sẽ xảy ra.¹⁹⁴ Thật không may, một số cán bộ chịu trách nhiệm thực thi bảo vệ rừng và các loài hoang dã ở các nước đang phát triển có thể truy cập để hỗ trợ pháp lý hoặc thậm chí nhận thức về nó.

Các quy định về dịch vụ pháp y bị ảnh hưởng bởi các khuôn khổ pháp lý bản địa và bao gồm các vấn đề liên quan đến cách thâm nhập hiện trường vụ án, việc tiến hành điều tra, xử lý, phân tích các chứng cứ...¹⁹⁵

Nhìn chung, đối với tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã, việc sử dụng pháp y có thể được chia thành hai lĩnh vực: kỹ thuật pháp y hỗ trợ việc xác định nguồn gốc của loài; và kỹ thuật pháp y để tạo mối liên kết về nghi phạm hoặc các mặt hàng vật chất liên quan tội phạm.

Các loại hình giám định pháp y khác nhau được sử dụng trong một cuộc điều tra tùy thuộc vào tính chất của hành vi phạm tội bị cáo buộc. Ví dụ, khai thác gỗ và săn bắn trái phép các loài hoang dã có thể được theo dõi thông qua việc sử dụng các xét ADN tại các điểm nguồn gốc, trung chuyển và tiêu thụ cuối cùng. Xác định và nghiên cứu hình thái học có thể được sử dụng để xác định các loài động vật đặc biệt bằng cách sử dụng xương, tóc, lông, vảy, mô và các bộ phận khác. Điều này có thể giúp xác định liệu một loài được bảo vệ có bị xâm hại bất hợp pháp. Kính hiển vi hoặc phân tích nguyên tố có thể được sử dụng, ví dụ, để xác định ngà voi. Nghiên cứu bệnh lý liên quan đến việc kiểm tra xác động vật, nội tạng, mô và các mẫu khác từ động vật chết hỗ trợ trong việc xác lập các nguyên nhân gây ra tử vong ở động vật.¹⁹⁶

Khai thác gỗ bất hợp pháp và các hình thức giải phóng mặt bằng bất hợp pháp, bao gồm chặt cây được bảo vệ, có thể được theo dõi thông qua công nghệ truyền hình vệ tinh. Giải phóng mặt bằng và tuân thủ hay vi phạm quy định hạn chế khai thác gỗ, ví dụ, có thể phải chịu giám sát trên không và vệ tinh cảm biến từ xa.¹⁹⁷

Một số kỹ thuật có thể được sử dụng để liên kết nghi phạm hoặc các mặt hàng vật chất liên quan đến tội phạm. Vô đạn thu được từ các xác chết có thể được kết nối với vũ khí tịch thu từ các nghi phạm thông qua đường đạn bắn. Tay, móng tay, tóc và quần áo của nghi phạm có thể chứa các mảnh vụn hoặc máu từ động vật hoặc thực vật, dư lượng hoặc vũ khí. Dấu vết và hoặc vân tay của nghi phạm có thể còn lưu tại trên các hàng hóa liên quan đến hiện trường vụ án bao gồm cả động vật hoang dã bị thu giữ. Phương tiện đi lại và các cơ sở có thể chứa tàn dư của vật chứng. Tài liệu có thể tiết lộ chữ viết tay, dấu vân tay hay ADN của nghi phạm. Các sản phẩm chạm khắc có thể tiết lộ dấu hiệu vật chất liên quan tới với các công cụ đã tác động đến các sản phẩm này.

Khi tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã mở rộng việc sử dụng công nghệ, một lĩnh vực quan trọng của công việc pháp y là kiểm tra các thiết bị công nghệ, bao gồm phân tích điện thoại di

¹⁹³ John M. Sellar, "Buôn bán bất hợp pháp", trang 11-14

¹⁹⁴ Rob White và Santina Perrone, *Tội phạm, tội phạm hình sự và Luật pháp hình sự* (Melbourne, Oxford University Press, 2010), trang 341-342.

¹⁹⁵ UNODC, "Cơ sở hạ tầng và dịch vụ giám sát, pháp y", trong *Bộ công cụ đánh giá luật pháp hình sự*.

¹⁹⁶ Adrian Linacre, "Bản chất tự nhiên của tội phạm các loài hoang dã", trang 1-4. Xem thêm John E. Cooper, Margaret E. Cooper và Paul Budgen "Điều tra hiện trường xảy ra hành vi xâm hại loài hoang dã", trang 1-8. John M. Sellar, "Buôn bán bất hợp pháp", trang 11-15; Duncan Brack, Kevin Gray và Gavin Hayman, "Kiểm soát buôn bán quốc tế", trang 60; Erika Alacs và Arthur George, "Loài hoang dã xuyên biên giới", trang 147-156.

¹⁹⁷ FAO và ITTO, "Các biện pháp thực hiện cải cách quy định luật pháp", trang 81; Robyn L. Bartel, "Khi hình sự hóa ánh mắt trời: giám sát vệ tinh, quy định giải phóng mặt bằng và mối quan hệ thiên nhiên-con người, *Các vấn đề hiện tại về Luật pháp hình sự*, Bản 16, số 3 (Tháng 3/2006), trang 322-324; Robert Douglas White và Santina Perrone, *Tội phạm, tội phạm hình sự và Luật pháp hình sự*, trang 342.

động, máy tính và các thiết bị lưu trữ. Điều này có thể tiết lộ các mối quan hệ giữa các cá nhân, các giao dịch tài chính và lịch sử truy cập Internet.

Các loại kiểm tra có thể được tiến hành tiếp tục phụ thuộc vào khả năng của các chuyên pháp y, các cơ sở phòng thí nghiệm và thiết bị có sẵn. Ví dụ, nếu phòng thí nghiệm không có thiết bị để thử nghiệm và thì việc kiểm tra sau đó không thể thực hiện. Tương tự, dù có đầy đủ các thiết bị sẵn có như kính hiển vi nhưng không có các chuyên gia làm việc tại các phòng thí nghiệm thì không thể thực hiện việc kiểm tra.¹⁹⁸ Do đó, cần phải xây dựng cơ chế phát triển cho những địa bàn thiếu chuyên gia pháp y, thiết bị, cơ sở vật chất. Ở một số nước, các phòng thí nghiệm của Hải quan cũng đã bắt đầu triển khai tận nơi với hoạt động giám định pháp y. Một số tổ chức sở hữu các phòng thí nghiệm pháp y động vật hoang dã hàng đầu thế giới thế giới (điều hành bởi Cục quản lý cá và các loài hoang dã Hoa Kỳ) đã đề nghị cung cấp hỗ trợ khoa học pháp y, nhưng cho đến nay có rất ít quốc gia sử dụng. Thông qua Chương trình Tội phạm môi trường, INTERPOL cũng có thể hỗ trợ trong việc cung cấp quyền truy cập vào mạng lưới pháp y quốc tế.¹⁹⁹

Công cụ II. 29 Điều tra hiện trường vụ án và pháp y

- Nhìn nhận của quốc gia đối với giám định pháp y là gì? Có cơ quan chuyên về điều tra hiện trường vụ án không?
- Ai được thông báo đầu tiên khi một hành vi tội phạm bị phát giác?
- Liệu các điều tra viên có bảo vệ hiện trường vụ án để hỗ trợ cho việc giám định pháp y?
- Các điều tra viên có được đào tạo để tìm kiếm cũng như nhận thức về vai trò của giám định pháp y và các bằng chứng? Các điều tra viên có hiểu biết về các thủ tục thu thập bằng chứng pháp y không?
- Có các thiết bị và nhân lực cho việc thu thập và phân tích bằng chứng ADN không? Liệu nhân viên thực thi bảo vệ rừng và các loài hoang dã, Hải quan, cảnh sát có được tiếp cận với các xét nghiệm ADN?
- Liệu các hành ảnh vệ tinh về các hoạt động khai thác gỗ trái phép và giải phóng mặt bằng có sẵn? Nếu có, ai sử dụng và sử dụng như thế nào?
- Những thiết bị sẵn có hỗ trợ cho việc giám định pháp y (ví dụ, kính hiển vi, đạn đạo, hồ sơ đồng vị, hình thái học, bệnh lý học và độc vị) gồm những thiết bị nào?
- Các nhân viên pháp y có được đào tạo về cơ chế truy tố và sự hiện diện của bằng chứng tại tòa án?
- Cơ quan nào thực hiện các phân tích? Có giấy chứng nhận phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn do các chuyên gia xác nhận? Liệu có đánh giá và kiểm tra của các nhà khoa học nhằm đảm bảo sử dụng kỹ thuật phù hợp?
- Có dữ liệu quốc gia về giám định tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã không?

5.8 Điều tra tài chính

Điều tra tài chính đóng một vai trò quan trọng trong thành công của hoạt động điều tra tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã. Các khía cạnh tài chính của tội phạm được mô tả theo ít nhất hai cách khác nhau dưới đây.

¹⁹⁸ Adrian Linacre, “Bản chất tự nhiên của tội phạm các loài hoang dã”, trang 1-3.

¹⁹⁹ INTERPOL, *Chương trình tội phạm môi trường*, trang 5.

- Tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã bị chi phối bởi lợi ích tài chính. Ngoài việc đầu tư ban đầu cần thiết để thực hiện hành vi phạm tội, quá trình quản lý, tiến hành rửa tiền và luân chuyển lợi nhuận là những bộ phận thiết yếu của tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã.
- Các hoạt động tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã, đặc biệt là nếu tiến hành thường xuyên, có thể trở thành một tội phạm phổ biến. Theo đuổi lối sống xa hoa như phương tiện đi lại và hàng hóa cao cấp (ví dụ, xe hơi và đồ trang sức), và các hoạt động giải trí (ví dụ, nhà hàng và sòng bạc), tất cả các yêu cầu phương tiện và phương pháp mua bán.

Do đó, việc điều tra các giao dịch tài chính và phân tích các kết quả cung cấp thông tin quan trọng có thể được sử dụng để đảm bảo rằng các hoạt động tiến hành hiệu quả.²⁰⁰ Ví dụ, điều tra việc mua vé du lịch có thể tiết lộ chi tiết của thỏa thuận du lịch và phân tích thẻ tín dụng có thể tiết lộ chi tiết về các hãng hàng không, khách sạn, nhà hàng hoặc các địa điểm khác thường xuyên được thủ phạm sử dụng. Thông tin này có thể là cơ sở cho việc phân bổ nguồn lực giám sát và có thể là bằng chứng có giá trị.

Có thể phối hợp giai đoạn bắt giữ các thủ tục phong tỏa tài chính để đi đến tiến hành đồng loạt các hoạt động bắt giữ tội phạm và tịch thu tài sản của tội phạm.

Tuy nhiên, nhiều quốc gia vẫn chưa có quy định pháp luật đầy đủ để tiến hành điều tra tài chính toàn diện và chống rửa tiền hiệu quả. Một số văn kiện quốc tế có thể hướng dẫn và hỗ trợ các quốc gia như vậy trong việc xây dựng và cải thiện các cơ chế có liên quan. Công ước Liên Hợp Quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, ví dụ, ủng hộ khi tiến hành chế độ tài chính đầy đủ, bao gồm cả biện pháp cưỡng chế, để ngăn chặn và phát hiện tất cả các hình thức rửa tiền.²⁰¹

Công cụ II. 30 Điều tra tài chính

- Cơ quan tư pháp có đơn vị tình báo về tài chính không? Các nguồn thông tin là gì? Đơn vị này hoạt động như thế nào? Cơ quan nào sẽ triển khai thông tin?
- Các biện pháp thực hiện để xây dựng chế độ dành cho các cơ quan tài chính và ngân hàng ngăn cản và phát hiện hoạt động rửa tiền?
- Có các quy định đặc biệt về chống rửa tiền liên quan tới tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã không?
- Các điều tra viên về tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã có được ủy quyền, được đào tạo và trang bị phương tiện để tiến hành điều tra tài chính không? Liệu họ có hợp tác với cơ quan tình báo về tài chính?
- Có thực hiện các biện pháp (như khai báo bắt buộc về tiền mặt hoặc các tài sản cá nhân mang theo vượt quá số lượng cho phép) để đảm bảo rằng các cơ quan quyết tâm chống rửa tiền có khả năng hợp tác và trao đổi thông tin cả ở cấp quốc gia và quốc tế? Cơ quan tình báo về tài chính có là thành viên của Nhóm Egmont của Các cơ quan tình báo về tài chính?
- Có các biện pháp nào được thực hiện để phát hiện và giám sát việc lưu thông tiền mặt xuyên biên giới?

²⁰⁰ Cf. Bambang Setiono và Yunus Hussein, “Đấu tranh với tội phạm xâm hại rừng”, trang 17-18.

²⁰¹ Công ước Liên Hợp Quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, điều 7. Xem thêm David McClean, *Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia*, trang 92-108.

6. Kiểm soát biên giới và Hải quan

Xuyên biên giới đất liền, cảng biển và sân bay đóng vai trò quan trọng trong việc buôn bán bất hợp pháp động vật hoang dã còn sống hoặc chết. Nhiều đường biên giới là đất xộp, bờ biển quần đảo và biên giới, miền núi và vùng sâu vùng xa gây nhiều khó khăn cho các lực lượng tuần tra và do đó, các đối tượng buôn lậu quốc tế dễ dàng thâm nhập. Các con đường xuyên biên giới không được kiểm soát cũng tạo điều kiện dễ dàng cho những đối tượng buôn bán bất hợp pháp. Đồng thời, các con đường xuyên biên giới và các cảng có thể tạo thành những điểm quan trọng thu hút sự can thiệp của nhân viên Hải quan và các nhân viên thực thi pháp luật khác.

Cơ quan Hải quan được giao nhiệm vụ thực thi một số lượng lớn các luật quốc gia bao gồm vận chuyển hàng hóa qua biên giới. Họ đang phải đối mặt với khối lượng gia tăng và phức tạp ngày càng tăng của buôn bán quốc tế, các mối đe dọa an ninh và tội phạm có tổ chức cũng tăng lên, trong khi họ phải tạo thuận lợi cho thương mại qua biên giới, bao gồm cả động vật, thực vật hoang dã. Nâng cao nhận thức và kiến thức cơ bản trong thực vật học và động vật học là cần thiết và bắt buộc để thực thi pháp luật bảo vệ rừng và các loài hoang dã. Công chức hải quan cũng cần phải làm quen với nhiều loại hình gian lận và những vi phạm thường diễn ra. Nhiều cán bộ thiếu kinh nghiệm trong việc kiểm tra xem các tiêu chuẩn quốc tế và quy định của CITES về đối xử nhân đạo với mẫu vật sống trong khi vận chuyển.²⁰² Theo đó, điều quan trọng là cơ quan Hải quan và các cơ quan kiểm soát biên giới khác được trang bị đầy đủ và được đào tạo để phát hiện và phá vỡ buôn bán qua biên giới các loài động vật và thực vật. Một điều quan trọng khác là họ có quyền nhận được hỗ trợ thiết thực của các chuyên gia từ Cơ quan quản lý CITES.

Cần phải chú ý rằng cơ quan Hải quan và các cơ quan kiểm soát biên với nguồn lực được đào tạo có chất lượng có thể chỉ kiểm tra được một phần nhỏ của khối lượng rất lớn các lô hàng và số người mà qua biên giới quốc tế. Do đó, điều quan trọng là Hải quan và các cơ quan kiểm soát biên giới khác hoạt động trên cơ sở quản lý rủi ro nhằm mục tiêu bằng cách hành động dựa trên thông tin hoặc nghi ngờ gợi ý rằng hàng hóa bất hợp pháp đang được vận chuyển.²⁰³ Cách tiếp cận này đòi hỏi dữ liệu và hệ thống tình báo toàn diện, trao đổi thông tin kịp thời giữa các cơ quan và với các nước khác, được thể hiện trong các phần khác của *Bộ công cụ* này.²⁰⁴

Công cụ II. 31 Kiểm soát biên giới và Hải quan

- Các nhà nhập khẩu và xuất khẩu có được yêu cầu khai báo động vật và thực vật dự định nhập khẩu và xuất khẩu không? Các nhà nhập khẩu và xuất khẩu có được yêu cầu xuất trình giấy tờ CITES không? Các cơ quan Hải quan có được thông báo trước về thông tin hàng hóa không?
- Các nhân viên chuyên môn, thiết bị kỹ thuật, thiết bị phát hiện và chó nghiệp vụ có được sử dụng tại đường biên giới đất liền, cảng biển và cảng hàng không không?
- Tất cả các đơn vị Hải quan (như phân loại hàng hóa, thu thuế, kiểm soát hành khách và hàng hóa) có trách nhiệm thực thi các quy định bảo vệ rừng và các loài hoang dã không?
- Có các thỏa thuận hợp tác chính thức giữa Hải quan và các cơ quan bảo vệ rừng và các loài hoang dã không? Mối quan hệ hợp tác thường xuyên giữa các đơn vị này là gì?
- Các nhân viên Hải quan và nhân viên kiểm soát biên giới có được đào tạo về các quy định của CITES, nhận dạng mẫu vật... không?

²⁰² Cyrille de Klemm, “Hướng dẫn luật pháp thực hiện CITES”, tr 52-56

²⁰³ Duncan Brack, Kevin Gray và Gavin Hayman, “Kiểm soát buôn bán quốc tế”, trang 28-29

²⁰⁴ Xem thêm đoạn 3, phần 2 và đoạn 2, phần 5.

- Tỷ lệ các chuyến hàng bị điều tra trước khi xuất khẩu hoặc nhập khẩu không?
- Các chuyến hàng và hành khách quá cảnh có bị điều tra không?
- Các văn bản hiện hành và có hiệu lực về kiểm tra tất cả các hoạt động nhập khẩu và xuất khẩu không? Các văn bản này luôn được xác nhận không? Các văn bản có được kiểm tra chéo để phòng
- Có thực hiện các biện pháp để ngăn ngừa các rào cản thương mại (hàng không, đường biển, các công ty vận tải) được sử dụng cho mục đích buôn bán bất hợp pháp không?
- Liệu có thực hiện các biện pháp quy định hàng hóa phải phù hợp với nội dung chứng từ đi kèm, bao gồm xử phạt đối với việc không tuân thủ các quy định trên?
- Có áp dụng kỹ thuật đánh giá rủi ro nhằm vào các chuyến hàng tiềm ẩn khả năng chuyên chở động vật hoang dã? Các dấu hiệu rủi ro liên quan đến rừng và các loài hoang dã có được xây dựng và tích hợp trong hệ thống đánh giá rủi ro?

Hợp tác giữa Hải quan và CITES

Ngày 4 tháng 7 năm 1996, một biên bản ghi nhớ đã được ký kết nhằm tăng cường hợp tác giữa WCO và Ban Thư ký CITES trong các lĩnh vực như đào tạo cán bộ và trao đổi thông tin. Để thúc đẩy sự hợp tác chặt chẽ hơn giữa các cơ quan Hải quan và các Cơ quan quản lý CITES các quốc gia, WCO và Ban Thư ký CITES khuyến khích các thành viên của mình để xây dựng chương trình thực hiện biên bản ghi nhớ như là một phần của chiến lược tổng thể đấu tranh chống tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã. Để thực hiện điều này, “Hướng dẫn về việc hợp tác giữa các cơ quan Hải quan và Cơ quan quản lý CITES” đã được xây dựng.

Biên bản ghi nhớ giữa các cơ quan Hải quan và Cơ quan quản lý CITES cấp quốc gia cung cấp cho Hải quan một khuôn khổ phù hợp để thu thập thông tin và hỗ trợ kỹ thuật từ Cơ quan quản lý CITES hướng tới mục tiêu là các lô hàng và khách du lịch tiềm ẩn nhiều rủi ro. Ví dụ biên bản ghi nhớ cũng cho phép Hải quan hỗ trợ Cơ quan quản lý CITES thông qua việc chỉ ra sự tồn tại của những trường hợp hoặc các lô hàng bị nghi ngờ. Sự gia tăng số lượng và tần số của các thông tin do Cơ quan quản lý CITES cung cấp tạo điều kiện để cơ quan Hải quan để phân biệt và nhắm mục tiêu tới các hoạt động buôn bán bất hợp pháp hiệu quả hơn, trong khi cho phép phần lớn các giao dịch thương mại hợp pháp được thực hiện tự do.

Công cụ II. 32 Hợp tác giữa Hải quan và CITES

- Các quan hệ hiện có giữa Hải quan và Cơ quan quản lý CITES là gì?
- Biên bản ghi nhớ giữa Hải quan và Cơ quan quản lý CITES đã được xây dựng? Nếu có, biên bản ghi nhớ này gồm những nội dung gì?
- Liệu Biên bản ghi nhớ có tuân thủ “Hướng dẫn về việc hợp tác giữa các cơ quan Hải quan và Cơ quan quản lý CITES”?

ENVIRONET – Mạng môi trường

Ngày 05 tháng 6 năm 2009, WCO công bố ENVIRONET như một công cụ thông tin liên lạc liên tục mang tính toàn cầu để sử dụng trong cuộc chiến chống tội phạm môi trường xuyên biên giới.

ENVIRONET cung cấp một nền tảng truy cập an toàn dựa trên cơ sở Internet dành cho cán bộ Hải quan, cơ quan thực thi pháp luật và các tổ chức quốc tế, cũng như mạng lưới khu vực của họ, để hợp tác và chia sẻ thông tin trong quá trình hoạt động hàng ngày. Thông tin liên quan đến tất cả các loại hàng hóa có khả năng gây tổn hại môi trường và được điều chỉnh bởi các hiệp định thương mại đa phương liên quan đến môi trường có thể được trao đổi thông qua ENVIRONET. Thông tin trao đổi còn bao gồm thông tin về các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, các vấn đề nổi bật như các chất phá hủy tầng ozone, chất thải và vật liệu độc hại, thuốc trừ sâu, vũ khí hóa học và sinh vật sống biến đổi.

Công cụ II. 33 ENVIRONET

- Các cơ quan Hải quan và các cơ quan thực thi có quyền truy cập ENVIRONET?
- Hải quan và các cơ quan thực thi có trao đổi thông tin về các xu hướng, tuyến đường và các phương thức che giấu thông qua ENVIRONET?
- Kết quả và kinh nghiệm thu được là gì?

Mạng thực thi các quy định về Hải quan

Kể từ tháng 7 năm 2000, WCO đã triển khai Mạng lưới thực hiện các quy định về Hải quan (CEN) là một mạng lưới toàn cầu để thu thập dữ liệu và thông tin liên quan đến Hải quan. CEN cho phép cán bộ Hải quan trên thế giới trao đổi thông tin về tội phạm vi phạm các quy định về Hải quan và chia sẻ thông tin tình báo một cách kịp thời, tin cậy và an toàn với quyền truy cập trực tiếp 24 giờ mỗi ngày. CEN dựa trên nền tảng Internet và sử dụng các quy tắc bảo vệ cơ sở dữ liệu hiệu quả. CEN còn sử dụng công nghệ mã hóa để bảo vệ thông tin và truyền dữ liệu.

Các tính năng sau đây có sẵn trên CEN:

- Các dữ liệu CEN về các vụ bắt giữ của Hải quan và các vi phạm được phân loại theo 13 nhóm khác nhau bao gồm các lĩnh vực chính của hoạt động thực thi pháp luật Hải quan, bao gồm buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc CITES. Hình ảnh minh họa các phương thức che giấu và các hình ảnh X quang cũng có được thể hiện trong CEN. Tất cả các hình ảnh có thể được tải về và sử dụng cho mục đích đào tạo.
- Trang web CEN có cảnh báo về các vấn đề liên quan đến thực thi, cũng như các thông tin tình báo cần thiết theo quy định Hải quan. Nó bao gồm một hệ thống tài liệu tham khảo, các thông điệp cảnh báo, biểu tình hình, trang chuyên ngành phục vụ liên lạc văn phòng khu vực, liên kết với các tổ chức khác...
- Các ứng dụng truyền thông là một công cụ hỗ trợ cho việc trao đổi và sử dụng bất kỳ thông tin kịp thời, tin cậy và an toàn.

Hệ thống CEN điện tử kết nối với cơ quan Hải quan thông qua mạng lưới các văn phòng thông tin tình báo khu vực của WCO. Các thành viên WCO và văn phòng thông tin tình báo khu vực có thể nhập các thông tin về các vụ bắt giữ vào cơ sở dữ liệu CEN. Ngược lại, các thông tin từ cơ sở dữ liệu CEN sẽ có tác dụng tích cực để tiến hành phân tích tình hình quốc gia, khu vực và liên khu vực, đưa ra các cảnh báo. Mỗi thành viên WCO tham gia để cử một đầu mối liên lạc quốc gia kết nối hoạt động thông tin giữa các cơ quan Hải quan và các văn phòng thông tin tình báo khu vực có liên quan.

Sự thành công của CEN dựa trên khả năng hoạt động với vai trò là một nguồn lực thực thi quan trọng. Tuy nhiên, điều này chỉ thực sự hiệu quả nếu các thành viên WCO thường xuyên cung cấp thông tin có chất lượng, đặc biệt là số liệu thống kê liên quan đến các vụ bắt giữ, các hình ảnh và thông tin tình báo liên quan. Điều này sẽ tăng cường hiệu quả hoạt động của CEN và tạo nguồn thông tin tin cậy cho những người sử dụng.²⁰⁵

Công cụ II. 34 Mạng lưới thực thi các quy định về Hải quan của WCO

- Các cơ quan Hải quan có báo cáo các vụ bắt giữ tới CEN và sử dụng các thông tin trao đổi thông qua CEN không?
- Có đầu mối liên lạc được chỉ định để kết nối Cơ quan Hải quan quốc gia và các văn phòng thông tin bình báo khu vực có liên quan không?
- Ai sử dụng CEN và sử dụng như thế nào? Kết quả và kinh nghiệm thu được là gì?

7. Hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực phòng chống tội phạm

Hành vi xâm hại rừng và các loài hoang dã và thường diễn ra ở mức độ vượt biên giới quốc gia. Trong khi đó, thực thi pháp luật nói chung lại bị giới hạn trong một đất nước và loại tội phạm trên ít chịu ảnh hưởng. Buôn bán động vật và thực vật, còn sống hoặc đã chết, hợp pháp hoặc bất hợp pháp, thường liên quan đến nhiều quốc gia. Toàn cầu hóa thương mại và du lịch, đặc biệt là sự xuất hiện và phát triển của các tổ chức tội phạm xuyên quốc gia tạo ra những thách thức mới cho các hệ thống thực thi pháp luật. Tội phạm hình sự thường di chuyển và lẩn tránh bị phát hiện, bắt giữ và trừng phạt bởi hoạt động kiểm soát qua biên giới quốc tế. Các đối tượng này thường lợi dụng đường biên giới và sự thiếu quan tâm thường xuyên của các cơ quan thực thi pháp luật đối với các cuộc điều tra và truy tố xuyên quốc gia phức tạp và tốn kém. Năng lực yếu kém của bất kỳ một quốc gia để giải quyết một số những mối đe dọa thực sự đã trở thành một điểm yếu chung trong cơ chế hợp tác quốc tế về luật pháp hình sự. Đối với các nước có năng lực luật pháp hình sự tương đối hạn chế, những thách thức này đôi khi có thể xuất hiện gây trở ngại không thể vượt qua.²⁰⁶ Theo đó, nhiều trường hợp tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã vẫn không bị phát hiện và nhiều đối tượng phạm tội không bao giờ bị truy tố.

Vì những lý do trên, hợp tác toàn diện, hợp tác liên ngành và hợp tác xuyên biên giới linh hoạt là cần thiết để đảm bảo sự phù hợp trong điều tra và truy tố tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã. Cộng đồng quốc tế ghi nhận hợp tác quốc tế trong các vấn đề tội phạm là thực sự cần thiết, cấp bách, đặc biệt là tội phạm buôn bán tài nguyên thiên nhiên xuyên quốc gia. Như đã thảo luận trong phần một của bộ công cụ, điều này đòi hỏi nỗ lực quốc gia thực hiện theo tiêu chuẩn quốc tế mới và khuyến khích khả năng hội nhập và tương thích của pháp luật quốc gia tương ứng. Các biện pháp hợp tác tư pháp quốc tế được thảo luận trong phần ba. Công ước Liên Hợp Quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, ngoài việc cung cấp các cơ chế hợp tác quốc tế, cũng có thể cung cấp cơ sở cho hợp tác thực thi pháp luật và chia sẻ thông tin.

Hợp tác quốc tế hiệu quả cũng có thể đòi cải cách thủ tục phức tạp để phát triển năng lực điều tra và truy tố cấp quốc gia. Đối với một số quốc gia, xây dựng năng lực cho hợp tác quốc tế trong hệ

²⁰⁵ Xem thêm WCO, *CEN: Chia sẻ thông tin cho một mạng lưới hiệu quả* (2009). Đăng tải tại www.wcoomd.org/home_wco_topics_epoverviewboxes_tools_and_instruments_epcengien.htm (truy cập từ 8/2/2010).

²⁰⁶ UNODC, “Hợp tác quốc tế”, trong *Bộ Công cụ đánh giá luật pháp hình sự*.

thống luật pháp hình sự của họ gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là nếu các quốc gia này thiếu nguồn nhân lực cần thiết, chuyên môn hoặc các nguồn lực.²⁰⁷

Tuy nhiên, hợp tác quốc tế nên được xem như cơ hội chứ không phải là thách thức, trở ngại. Nếu được thực hiện và thực hiện đúng, hợp tác thực thi pháp luật sẽ góp phần vào hiệu quả của hợp tác tư pháp quốc tế, cho phép các quốc gia tìm kiếm tương trợ pháp lý, dẫn độ, chuyển giao tù nhân, chuyển giao các thủ tục tố tụng trong các vấn đề hình sự, và hợp tác nhằm mục đích tịch thu tài sản của tội phạm,²⁰⁸ được thảo luận trong phần ba. Hợp tác tạo ra biện pháp thu thập bằng chứng bổ sung, truy cập thông tin, thu hồi và phong tỏa tài sản, tịch thu tài sản, bắt giữ và trả lại các đối tượng phạm tội mà không được miễn truy tố.

7.1 Khung pháp lý

Hợp tác tư pháp quốc tế hoặc giữa các cơ quan thực thi pháp luật đòi hỏi phải có các khung quốc gia hoặc quốc tế cung cấp một cơ sở pháp lý cho việc tìm kiếm sự hỗ trợ từ nước khác và nêu rõ cách thức hỗ trợ như vậy có thể được tìm kiếm. Hầu hết các nền tư pháp quốc gia đã xác định các yêu cầu và cơ chế tương trợ tư pháp về hình sự, bắt giữ và dẫn độ, chuyển giao các tù nhân...²⁰⁹ Các điều ước song phương có thể được triển khai để đáp ứng yêu cầu từ các quốc gia cụ thể. Trong khi hiện nay không có hiệp ước quốc tế cụ thể để ngăn chặn tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã, các công cụ như Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng và Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia có thể được coi là nền tảng cho việc tìm kiếm sự hỗ trợ trong các vấn đề liên quan đến tổ chức các nhóm tội phạm hoặc hối lộ.²¹⁰

Sự thiếu vắng các khung hợp tác pháp lý trong nước và quốc tế có thể tạo điều kiện thuận lợi cho tội phạm thay đổi lý lịch, hoạt động của họ và tài sản của họ ở các quốc gia trên. Điều này có thể bảo vệ các đối tượng phạm tội khỏi bị truy tố và tránh bị tịch thu tài sản. Phân tích các biện pháp phòng chống tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã vì thế không chỉ liên quan đến điều tra các thỏa thuận hợp tác hiện có mà còn cũng xác định những khu vực pháp lý không có sự hợp tác chính thức.

Công cụ II. 35 Các khung pháp lý cho hợp tác quốc tế

- Có các quy định liên quan đến điều tra tội phạm liên quan đến yếu tố quốc tế không? Nếu có, các quy định này có bao gồm các hành vi xâm hại rừng và các loài hoang dã?
- Quốc gia đó có tham gia vào các thỏa thuận song phương hoặc đa phương để có thể tìm kiếm hợp tác thực thi hoặc yêu cầu thực thi từ một quốc gia khác?
- Quốc gia có tham gia hiệp định quốc tế liên quan đến hợp tác quốc tế giữa các lực lượng cảnh sát (ví dụ: hiệp định song phương trên cơ sở Hiệp định chuẩn hợp tác giữa các lực lượng cảnh sát của INTERPOL?)^a
- Quốc gia nào không tham gia các thỏa thuận quốc tế chính thức hoặc không chính thức?

^a UNODC, “Điều tra tội phạm”, trong *Bộ công cụ đánh giá luật pháp hình sự*

²⁰⁷ Ibid.

²⁰⁸ Ibid.

²⁰⁹ UNODC, “Hoạt động điều tra tội phạm”, trong *Bộ Công cụ đánh giá luật pháp hình sự*.

²¹⁰ Xem thêm đoạn 1, phần 1.

7.2 INTERPOL

INTERPOL đóng một vai trò đặc biệt trong thực thi pháp luật xuyên biên giới và hỗ trợ các nước trong việc thu thập chứng cứ và xác định địa điểm phạm tội và tài sản của tội phạm. Thêm vào đó, INTERPOL đã xây dựng một loạt các công cụ thiết kế đặc biệt để chống lại tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã. INTERPOL hiện có 188 quốc gia thành viên và hầu hết các quốc gia này đã thành lập văn phòng quốc gia để hoạt động với tư cách là một đầu mối hợp tác với Tổng thư ký và các văn phòng quốc gia khác. Các văn phòng này cũng có thể hành động như là đầu mối liên lạc giữa các cơ quan quốc gia về bảo vệ rừng và các loài hoang dã và Tổng thư ký INTERPOL.²¹¹

Ngay từ năm 1976, INTERPOL đã thông qua Nghị quyết chống hoạt động buôn bán bất hợp pháp các loài động vật, thực vật hoang dã. Chương trình Tội phạm Môi trường của INTERPOL, thành lập vào năm 1992, được thiết kế để hỗ trợ các nước thành viên trong việc thực thi có hiệu quả các hiệp định quốc tế và luật pháp quốc gia môi trường. Chương trình Tội phạm môi trường cũng hoạt động theo hướng tăng cường và phát triển khả năng của các quốc gia thành viên ở cấp quốc gia liên quan như ngăn chặn, quan ngại, điều tra và truy tố tội phạm môi trường. Chương trình này tạo điều kiện phối hợp các hành động của nhiều quốc gia trong trường hợp liên quan đến yếu tố quốc tế.²¹²

Nhóm công tác về tội phạm các loài hoang dã của INTERPOL (trước đây là tiểu nhóm về tội phạm các loài hoang dã) tập trung về chuyên môn và kinh nghiệm của cán bộ thực thi pháp luật về săn bắn, buôn bán hoặc sở hữu các loài động vật và thực vật được pháp luật bảo vệ. Nhóm công tác thực hiện các biện pháp nhằm cải thiện việc trao đổi thông tin về:

- Các cá nhân hoặc công ty tham gia buôn bán trái phép động vật và thực vật hoang dã;
- Các tổ chức tham gia buôn bán trái phép động vật và thực vật hoang dã; và
- Các phương pháp buôn bán bất hợp pháp các loài hoang dã, bao gồm cả việc sử dụng giấy phép, chứng chỉ CITES giả mạo, làm giả hồ sơ, phương tiện giao thông, tội phạm có tổ chức và các hoạt động liên quan đến tội phạm có tổ chức (như rửa tiền và buôn bán các chất ma túy) và các xu hướng liên kết.

Các quốc gia thành viên INTERPOL và đại diện khu vực đều có quyền tham gia vào Nhóm công tác về tội phạm các loài hoang dã với sự quan sát từ Ban Thư ký CITES và WCO.²¹³ Hội nghị các nước thành viên CITES cũng khuyến khích các quốc gia thành viên, nếu không cử cán bộ thuộc Cơ quan quản lý CITES, có thể cử cán bộ từ các cơ quan thực thi và truy tố quốc gia có liên quan tham gia Nhóm công tác về tội phạm các loài hoang dã.

Công cụ II. 36 INTERPOL

- Quốc gia của bạn có phải là thành viên của? Đã thành lập văn phòng quốc gia chưa?
- Quốc gia có tham gia Nhóm công tác về tội phạm các loài hoang dã và Chương trình tội phạm Môi trường không? Các đại diện từ các cơ quan bảo vệ rừng và các loài hoang dã, cơ quan thực thi có tham dự các cuộc họp của Nhóm công tác không?
- Những cơ quan nào thực hiện các yêu cầu của INTERPOL?

²¹¹ Xem INTERPOL và Ban thư ký CITES, Nhóm công tác về tội phạm các loài hoang dã, Hướng dẫn thực hành mối quan hệ giữa các Cơ quan quản lý CITES với Tổ chức Cảnh sát hình sự quốc tế (INTERPOL) (2005), trang 1-7 và trang 23.

²¹² INTERPOL, *Chương trình tội phạm môi trường*, trang 2. Cf. Kevin Tomkins, “Thực thi pháp luật về cảnh sát và môi trường”, trang 294-296.

²¹³ INTERPOL và Ban thư ký CITES, Nhóm công tác về tội phạm các loài hoang dã, *Hướng dẫn thực hành*, trang 9. Xem thêm Rosalind Reeve, *Giám sát buôn bán quốc tế các loài nguy cấp*, trang 227-229.

Ecomessage

Trong những năm 1990, Nhóm công tác về tội phạm các loài hoang dã của INTERPOL đã xây dựng một hệ thống với tên gọi Ecomessage, một định dạng chuẩn để báo cáo các trường hợp liên quan đến buôn bán trái phép các loài nguy cấp, các hành vi vi phạm Công ước CITES và các hình thức khác của tội phạm môi trường. Ecomessage được phát triển như một công cụ hỗ trợ các điều tra viên trong việc thu thập thông tin từ các nguồn khác nhau để tạo ra một mẫu báo cáo thống nhất và hỗ trợ xác định giữa các cơ quan thực thi pháp luật hoặc người có liên hệ với các quốc gia khác. Mục đích của Ecomessage là để cải thiện việc trao đổi thông tin về các trường hợp tội phạm môi trường quốc tế, bao gồm cả tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã, tăng cường thu thập, lưu trữ, phân tích và cung cấp thông tin trên.

Trong hệ thống INTERPOL, Tổng thư ký ở Lyon, Pháp đóng vai trò trung tâm thu thập và phổ biến các thông tin được cung cấp bởi các văn phòng Interpol quốc gia sử dụng Ecomessage. Ecomessage là một dạng chuẩn có thể được truyền qua hệ thống mạng truyền thông toàn cầu INTERPOL I-24/7 hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc fax. Tổng thư ký đã chuẩn bị hướng dẫn cho việc sử dụng Ecomessage để đảm bảo rằng các thông tin có liên quan đã được nhập và trao đổi một cách chính xác và nhanh chóng theo khả năng có thể.²¹⁴

Công cụ II. 37 Ecomessage

- Văn phòng Interpol quốc gia có sử dụng Ecomessage để chia sẻ thông tin về tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã không? Nếu không thì vì lý do gì?
- Các nhân viên liên quan có được đào tạo về việc sử dụng Ecomessage?
- Các kinh nghiệm thu được từ việc sử dụng Ecomessage là gì? Các trở ngại đã được rút ra gồm những gì?
- Liệu các cơ quan quốc gia có sử dụng phương thức thay thế để trao đổi thông tin về tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã không?

7.3 Hoạt động, thủ tục và quản lý

Hợp tác quốc tế có hiệu quả và hiệu quả đòi hỏi phải có một hệ thống hoạt động và quản lý phù hợp và rõ ràng để ban hành và đáp ứng yêu cầu hợp tác thực thi luật của quốc tế.²¹⁵ Ở hầu hết các quốc gia, các cơ quan tư pháp là cơ quan trung ương quản lý và thực hiện hợp tác luật pháp hình sự với các quốc gia khác. Trong các lĩnh vực động vật hoang dã và lâm nghiệp, có thể hiểu đây chính là các Bộ, cơ quan chính phủ, và các cơ quan chuyên môn và các cơ quan, đơn vị liên lạc trực tiếp với các đối tác nước ngoài. Đây có thể là quan hệ hợp tác giữa các Cơ quan quản lý CITES cấp quốc gia. Hợp tác đa phương cũng thường được tiến hành thông qua các khuôn khổ liên quốc gia như INTERPOL và WCO.

Ở dưới tầm quản lý chính phủ, các cơ quan riêng rẽ cần có cơ chế để chuẩn bị và quản lý các trường hợp liên quan đến hợp tác quốc tế. Các cơ quan lớn có thể có nhân viên đủ trình độ đáp ứng yêu cầu quốc tế trước khi chuyển giao cho các cơ quan Trung ương. Để các cơ chế này hoạt động

²¹⁴ Ibid, trang 10. Xem thêm Duncan Brack, Kevin Gray và Gavin Hayman, “Kiểm soát buôn bán quốc tế”, trang 73; và Rosalind Reeve, *Giám sát buôn bán quốc tế các loài nguy cấp*, trang 227-229

²¹⁵ UNODC, “Hợp tác quốc tế”, trong *Bộ Công cụ đánh giá luật pháp hình sự*.

hiệu quả, các điều tra viên và các nhân viên thực thi trực tiếp khác cần phải nhận thức được các khả năng và cơ hội liên quan đến hợp tác quốc tế.²¹⁶

Công cụ II. 38 Các thủ tục về hợp tác quốc tế

- Liệu quốc gia của bạn có cơ quan trung ương về hợp tác quốc tế không? Có cơ quan nào khác tham gia thực hiện nhiệm vụ này?
- Liệu có sự bố trí đặc biệt đối với các cơ quan bảo vệ rừng và các loài hoang dã, các đơn vị thực thi có mối liên hệ trực tiếp với các đối tác nước ngoài?
- Cơ quan trung ương và các cơ quan có liên quan đến hợp tác quốc tế có đủ nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ (nhân viên có đủ trình độ và kỹ năng, thiết bị liên lạc, đào tạo liên tục...) không? Các cơ quan này có khả năng hợp tác và trao đổi thông tin với các cơ quan trung ương ở các quốc gia khác không?
- Trong các cơ quan có liên quan, ai quản lý các hoạt động bảo vệ rừng và các loài hoang dã liên quan đến hình thức tội phạm quốc tế?
- Các điều tra viên có khả năng yêu cầu hỗ trợ từ các cơ quan thực thi và cơ quan tư pháp của các quốc gia khác không?

7.4. Hợp tác thực thi và chia sẻ thông tin

Hợp tác quốc tế về thực thi có thể được tăng cường thông qua sự phát triển của nhiều hệ thống chia sẻ thông tin hiệu quả ở mức độ song phương, khu vực và quốc tế. Công ước Liên Hợp Quốc về chống Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia²¹⁷ và Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng²¹⁸ có các quy định cụ thể hỗ trợ hợp tác thực thi luật đối với các vi phạm các công ước này.

Trong nhiều trường hợp, hợp tác quốc tế gặp trở ngại do thiếu vắng các kênh truyền hình và các phương tiện truyền thông. Trong trường hợp khác, các kênh truyền thông vẫn tồn tại nhưng không đạt hiệu quả ngăn chặn việc trao đổi kịp thời của cả hai loại thông tin hoạt động (dữ liệu hữu ích để đối phó với tội phạm cụ thể, người vi phạm hoặc các nhóm tội phạm) và thông tin chung (dữ liệu về mạng lưới tội phạm, về các xu hướng và mô hình buôn bán, mức độ hoạt động tổ tụng hình sự trong một lĩnh vực cụ thể và cách thức hoạt động). Tuy nhiên, trở ngại lớn nhất có thể là hạn chế nghiêm ngặt để trao đổi thông tin với nước ngoài trong luật pháp quốc gia vì lợi ích của bảo vệ bí mật cá nhân hoặc lợi ích thương mại.

Việc thành lập đội điều tra liên ngành đại diện cho một xu hướng mới quan trọng trong sự phát triển năng lực hiệu quả để điều tra và truy tố các loại tội phạm xuyên quốc gia, bao gồm cả tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã. Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng và Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia cũng khuyến khích các quốc gia thành viên ký kết hiệp định song phương hoặc đa phương để thành lập các cơ quan có thẩm quyền điều tra khác nhau.²¹⁹ Điều này cung cấp một trong những hình thức mới đầy triển vọng của hợp tác quốc tế, ngay cả khi còn tồn tại một số vấn đề, giúp hoàn thiện đầy đủ chức năng ở tầm vĩ mô. Có những vấn đề pháp lý, cũng như các vấn đề về thái độ và niềm tin giữa các cơ quan thực thi pháp luật và các câu hỏi về thủ tục. Ngoài ra, một số vấn đề thực tế tồn tại trong việc tổ chức điều tra chung,

²¹⁶ UNODC, “Hoạt động điều tra tội phạm”, trong *Bộ Công cụ đánh giá luật pháp hình sự*.

²¹⁷ Công ước Liên Hợp Quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, điều 26-27.

²¹⁸ Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng, điều 48

²¹⁹ Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng, điều 49; và Công ước Liên Hợp Quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, điều 19. Xem thêm David McClean, *Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia*, trang 238-240.

trong đó thiếu tiêu chuẩn và biện pháp thực hành chung được chấp nhận, các vấn đề liên quan đến giám sát hoạt động điều tra, và sự thiếu vắng cơ chế nhanh chóng giải quyết những vấn đề này. Để các nhóm điều tra chung trở thành một công cụ hợp tác quốc tế hiệu quả, các quốc gia phải xây dựng khung pháp lý cần thiết, ở cả cấp quốc gia và quốc tế, mặc dù một khuôn khổ như vậy không nhất thiết phức tạp.

Một hình thức hợp tác quốc tế hiệu quả khác là việc tham gia các hoạt động chung của khu vực hoặc quốc tế với các mục tiêu cụ thể, chẳng hạn như buôn bán trái phép động vật, thực vật hoang dã trong thời gian nhất định. Ngoài việc tăng số lượng các vụ bắt giữ, cơ quan tham gia cũng có thể được hưởng lợi từ tăng cường hiểu biết lẫn nhau, xây dựng cơ chế hợp tác hiệu quả và nâng cao năng lực cán bộ.

Ngày càng có nhiều quốc gia cử cán bộ thực thi đến làm nhiệm vụ tại các đại sứ quán và cá ủy ban đặc biệt của thế giới. Các cán bộ này có thể là nhân viên Hải quan, cán bộ phòng chống ma túy thực thi ma túy, sĩ quan liên lạc cảnh sát hoặc tùy viên pháp lý. Sĩ quan liên lạc thực thi pháp luật có thể tiếp xúc trực tiếp với các cơ quan thực thi pháp luật và cơ quan chính phủ của nước chủ nhà. Họ có thể phát triển mối quan hệ chuyên nghiệp, xây dựng lòng tin và sự tin tưởng, và nói chung tạo điều kiện liên lạc giữa các cơ quan thực thi pháp luật tại quốc gia liên quan. Khi hệ thống pháp luật của nước liên quan có sự khác biệt, sĩ quan liên lạc cũng có thể tư vấn cho các cơ quan thực thi và cơ quan công tố của quốc gia và nước chủ nhà cách xây dựng một đề nghị hỗ trợ. Vai trò của các sĩ quan liên lạc này có thể được tăng cường bằng cách đảm bảo rằng các nhân viên có thể tiếp cận, phù hợp với pháp luật của nước sở tại, với tất cả các cơ quan có nhiệm vụ liên quan ở nước đó.²²⁰ Đồng thời, họ có thể là nguồn nhân lực rất tốt cho hoạt động đào tạo được tổ chức tại nước sở tại bởi nhiều người là những cán bộ có kinh nghiệm trong lĩnh vực có liên quan.

Về Hải quan, nhất là hỗ trợ lẫn nhau trong quản lý theo khuôn khổ, hoặc phù hợp với các nguyên tắc của Công ước quốc tế về hỗ trợ lẫn nhau trong phòng ngừa, điều tra và trấn áp tội phạm Hải quan (Công ước Nairobi).²²¹

Hơn nữa, hỗ trợ quản lý đa phương có thể bao gồm một số lĩnh vực như kiểm soát, giám sát và phân tích các nhiệm vụ, các cuộc phỏng vấn người đại diện cho một bên khác, trao đổi thông tin, sự hiện diện của nhân viên trước tòa của một bên khác, tham gia điều tra ở nước ngoài.

Công cụ II. 39 Hợp tác thực thi luật

- Quốc gia của bạn có khả năng xây dựng các đơn vị điều tra hợp tác với các quốc gia khác không? Điều này có thể áp dụng đối với tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã không? Nếu không, trở ngại là gì?
- Quốc gia của bạn có thỏa thuận với các quốc gia khác về việc trao đổi sĩ quan cảnh sát liên lạc không?
- Quốc gia của bạn có liên quan đến các thỏa thuận với các quốc gia về trao đổi thông tin tình báo không? Nếu có, thỏa thuận đó là gì?
- Các cơ quan thực thi có liên quan đến các nhóm hợp tác quốc tế về điều tra không? Nếu có, kinh nghiệm thu được là gì?
- Quốc gia của bạn có tham gia vào các hiệp định song phương hoặc đa phương về hợp tác thực thi luật không?

²²⁰ UNODC, “Hợp tác quốc tế”, trong *Bộ Công cụ đánh giá luật pháp hình sự*

²²¹ Thông qua tại Nairobi vào ngày 9 tháng 7 năm 1977. Công ước quốc tế về hỗ trợ lẫn nhau trong các vấn đề Hải quan (Công ước Johannesburg) được Hội đồng WCO thông qua vào tháng 7/2003 nhưng chưa có hiệu lực do có rất ít nước tham gia phê chuẩn. Xem thêm tại đường link: www.wcoomd.org/files/1.%20Public%20files/PDFandDocuments/Conventions/MAA%20Legal%20Text%20FINAL%20VERSION_publish%20E.PDF.

- Quốc gia của bạn có tham gia các hoạt động chung về hợp tác chung của khu vực hoặc quốc tế không? Nếu quả, kết quả ra sao?
- Quốc gia của bạn có các nhân viên liên lạc thực thi luật ở các quốc gia khác không?
- Có các sĩ quan cảnh sát liên lạc của quốc gia khác trên quốc gia của bạn không? Nếu có, đó là quốc gia nào? Họ cộng tác như thế nào với cơ quan cảnh sát quốc gia? Quan điểm của họ về chất lượng hợp tác thực thi luật với quốc gia bạn như thế nào?
- Liệu cơ quan cảnh sát quốc gia có hợp tác (chính thức và không chính thức) với cơ quan cảnh sát các nước khác trong thu thập, trao đổi và phân tích thông tin tình báo về tội phạm không?

8. Hỗ trợ và viện trợ kỹ thuật

8.1 Hỗ trợ quốc tế và khu vực

Nhiều quốc gia có hạn chế về nguồn lực để điều tra triệt để tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã và có thể không có các bí quyết kỹ thuật, chuyên môn hoặc các thiết bị để thực hiện một số hoạt động cơ bản của quá trình điều tra. Để hỗ trợ các quốc gia với các thiết bị kỹ thuật, nhân viên chuyên gia hoặc viện trợ tài chính, các tổ chức quốc tế và khu vực, cùng với các nước tài trợ, cung cấp cách thức mà qua đó các nước có thể yêu cầu hỗ trợ, đào tạo và viện trợ.²²² Trong những năm gần đây, một số kế hoạch đã được xây dựng nhằm cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và hỗ trợ đặc biệt liên quan đến tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã. Thêm vào đó, Công ước của Liên Hợp Quốc chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia²²³ và Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng²²⁴ có quy định về phát triển kinh tế và hỗ trợ kỹ thuật liên quan đến hành vi phạm tội được điều chỉnh bởi các công ước này.

Công cụ II. 40 Hỗ trợ quốc tế và khu vực

- Các hình thức và mức độ hỗ trợ và viện trợ kỹ thuật hiện có từ các tổ chức quốc tế và khu vực nhằm tăng cường thực thi chống tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã là gì?
- Hoạt động này được yêu cầu như thế nào? Các hoạt động này có được thực hiện trong những năm trước đây? Chúng có đạt được thành công? Nếu không thì vì lý do gì?
- Có những sáng kiến tài trợ của các tổ chức khu vực hoặc quốc tế nhằm phát triển các khía cạnh điều tra, giám sát và thực thi luật bảo vệ rừng và các loài hoang dã không? Mục tiêu của những dự án này là gì? Chúng đang được hoàn thành?
- Các sáng kiến này có yêu cầu chương trình đào tạo? Nếu có, các giảng viên được đào tạo về chuyển giao hàng loạt chương trình đào tạo hoặc đào tạo một số học viên?
- Các dự án này có cung cấp thiết bị? Nếu có thì việc xác định nhu cầu thiết bị được thực hiện thông qua đánh giá độc lập hoặc do các cơ quan chính phủ lập danh sách không?
- Những khó khăn điển hình mà các cơ quan khu vực và quốc tế gặp phải khi đưa ra các viện

²²² UNODC, “Hoạt động điều tra tội phạm”, trong *Bộ Công cụ đánh giá luật pháp hình sự*.

²²³ Công ước Liên Hợp Quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, điều 29. Xem thêm David McClean, *Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia*, trang 285-292.

²²⁴ Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng, điều 60 và điều 62.

trợ kỹ thuật là gì? Phải chăng có một số kiểu hỗ trợ phức tạp hơn các kiểu khác?

8.2 Các nhà tài trợ song phương và đa phương

Một số nhà tài trợ song phương và đa phương hỗ trợ các chương trình để tăng cường các nỗ lực thực thi pháp luật trong lĩnh vực rừng và các loài hoang dã. Các cơ quan tài trợ như Cơ quan phát triển Quốc tế thuộc Liên minh châu Âu và các nước thành viên EU, Cơ quan Hợp tác phát triển Na Uy, các ngân hàng phát triển khu vực, các cơ quan Liên Hiệp Quốc, Cơ quan hỗ trợ phát triển quốc tế Hoa Kỳ và Ngân hàng Thế giới đóng một vai trò quan trọng ở một số nước, và cùng với các cơ quan viện trợ và các tổ chức phi chính phủ, có thể cung cấp chuyên môn, trang thiết bị, tài trợ và hỗ trợ tài chính hoặc các hình thức hỗ trợ khác để hỗ trợ các cơ quan quản lý cấp quốc gia. Điều này có thể diễn ra như một hoạt động độc lập hoặc là một phần của các chương trình, dự án phát triển nông thôn và quản lý tài nguyên thiên nhiên.

Công cụ II. 41 Các nhà tài trợ song phương và đa phương

- Các hình thức và mức độ hỗ trợ tài chính hiện có từ các quốc gia (và các tổ chức của họ) nhằm tăng cường thực thi luật bảo vệ rừng và các loài hoang dã?
- Hoạt động này được yêu cầu như thế nào? Các hoạt động này có được thực hiện trong những năm trước đây? Chúng có đạt được thành công? Nếu không thì vì lý do gì?
- Có những sáng kiến tài trợ của các tổ chức khu vực hoặc quốc tế nhằm phát triển các khía cạnh điều tra, giám sát và thực thi luật bảo vệ rừng và các loài hoang dã không? Mục tiêu của những dự án này là gì? Chúng đang được hoàn thành?
- Các sáng kiến này có yêu cầu chương trình đào tạo? Nếu có, các giảng viên được đào tạo về chuyển giao hàng loạt chương trình đào tạo hoặc đào tạo một số học viên?
- Các dự án này có cung cấp thiết bị? Nếu có thì việc xác định nhu cầu thiết bị được thực hiện thông qua đánh giá độc lập hoặc do các cơ quan chính phủ lập danh sách không?
- Những khó khăn điển hình mà các cơ quan khu vực và quốc tế gặp phải khi đưa ra các viện trợ kỹ thuật là gì? Phải chăng có một số kiểu hỗ trợ phức tạp hơn các kiểu khác?

8.3 Phối hợp các nhà tài trợ

Việc cung cấp các hỗ trợ và viện trợ kỹ thuật thường gây một số trở ngại do đôi khi có thể tạo ra sự phụ thuộc nhà tài trợ và sự tin cậy lâu dài đối với những đóng góp từ bên ngoài. Các biến đổi trong viện trợ nước ngoài cũng có thể gây nguy hiểm cho những nỗ lực quốc gia. Hơn nữa, đây có thể là một sự trùng lặp của các nỗ lực nếu hỗ trợ và viện trợ kỹ thuật không được điều phối và quản lý chính xác, hiệu quả.²²⁵

Công cụ II. 42 Phối hợp các nhà tài trợ

²²⁵ UNODC, “Bố trí cơ quan cảnh sát và an ninh công cộng”, trong *Bộ Công cụ đánh giá luật pháp hình sự*

- Quốc gia tiếp nhận đã tổ chức điều phối hỗ trợ và viện kỹ thuật như thế nào?
- Liệu có bằng chứng về sự trùng lặp, chồng chéo?
- Liệu các nhà tài trợ đa phương có cung cấp các hỗ trợ hoặc thiết bị tương tự?
- Có các kế hoạch duy trì và thay thế thiết bị? Các ví dụ về các thiết bị tương tự được cung cấp và sau đó không được sử dụng hoặc không phù hợp?
- Có các cơ chế nhằm đảm bảo tính bền vững của các hoạt động tài trợ?
- Trong các điều khoản tiếp nhận hỗ trợ và viện trợ kỹ thuật, có các hoạt động đánh giá sau triển khai để hỗ trợ cho việc xác định các phương pháp tiến hành hiệu quả để nhân rộng ra các nơi khác? Kết quả từ các sáng kiến trên sẽ được so sánh và điều phối để thông tin về kế hoạch tương lai?

9. Trách nhiệm và tính liêm khiết

Cán bộ hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ rừng và các loài hoang dã và các cán bộ quản lý rừng và các loài hoang dã có trách nhiệm bảo vệ nguồn tài nguyên có giá trị thương mại cao. Họ thường làm việc ở vùng sâu vùng xa, thiếu sự giám sát của công chúng. Trong một số hệ thống, các nhân viên lâm nghiệp và các loài hoang dã không được giám sát có quyền hạn lớn và tùy tiện, ở nhiều cấp độ. Nếu làm việc với tiền lương thấp, họ có thể tham nhũng hoặc thông đồng với các cá nhân và tổ chức tham gia vào các hoạt động bất hợp pháp.²²⁶ Hơn nữa, xung đột lợi ích có thể phát sinh nếu nhiệm vụ thực thi của một nhân viên đối lập với lợi ích cho cá nhân, ví dụ, nếu người thân hoặc bạn bè có lợi ích trong lĩnh vực lâm nghiệp và các loài hoang dã khi họ thừa nhận phạm tội. Điều quan trọng là các quan chức chính phủ chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Hành động và mã số rõ ràng được thiết lập để đảm bảo tính trong sạch của các quan chức và các cơ quan của họ.

Cán bộ thực thi có thể chịu trách nhiệm trong một số cách thức khác nhau. Họ có thể chịu trách nhiệm trong quản lý kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ, có thể đi ngược lại các mục tiêu do chính phủ hoặc cộng đồng xây dựng. Quan trọng hơn, họ phải chịu trách nhiệm về cách thức thực hiện các quyền hạn được giao phó. Các công cụ phân tích sau đây xác định các mức độ và cơ chế thực thi giám sát trong lĩnh vực lâm nghiệp và các loài hoang dã, cùng với những biểu hiện gian dối và tham nhũng, cũng như sự thiếu liêm chính, có thể bộc lộ.²²⁷ Tham nhũng rõ ràng tạo điều kiện cho việc buôn bán bất hợp pháp các loài hoang dã qua biên giới, khu vực yêu cầu cải thiện hơn nữa hoạt động nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực.

Dự án GAPIN (Great Apes và Integrity), một dự án được thực hiện bởi WCO từ tháng 10 năm 2010 đến tháng 3 năm 2011, nhằm tăng cường sự trong sạch của Hải quan 15 quốc gia châu Phi liên quan đến việc thực thi CITES. Đây là lần đầu tiên một dự án liên quan đến CITES quan tâm đến vấn đề trong sạch. Một vài sự cố về tham nhũng đã được báo cáo trong hai tuần hoạt động của GAPIN thực hiện vào đầu năm 2011. Một dự án tiếp theo GAPIN đang được lên kế hoạch phối hợp với các quốc gia tài trợ ban đầu.

Công cụ II. 43 Trách nhiệm và sự trong sạch

²²⁶ Nalin Kishor và Richard Damania, “Tội phạm và luật pháp trong khu vườn Eden”, trang 89-93

²²⁷ UNODC, “Tính trong sạch và trách nhiệm của cảnh sát” và “Bố trí cơ quan cảnh sát và an ninh công cộng”, trong *Bộ Công cụ đánh giá luật pháp hình sự*

- Luật có quy định cơ chế giám sát, kiểm tra trách nhiệm và hoạt động của nhân viên bảo vệ rừng và các loài hoang dã không? Nếu có, các cơ chế này là gì?
- Có các quy định cụ thể về việc kiểm soát các đơn vị thực thi luật bảo vệ rừng và các loài hoang dã? Nếu có, đó các quy định gì? Có những trường hợp vi phạm các quy định này không? Chúng được xử lý ra sao?
- Các nhân viên có được phép báo cáo về các sai phạm của đồng nghiệp trong việc đảm bảo tính trong sạch và các tiêu chuẩn chuyên môn? Liệu các nhân viên đã báo cáo trên có được pháp luật bảo vệ bằng các biện pháp hỗ trợ thực tế trước các sự quấy rối?
- Các cách thức để công dân có thể thể hiện các phản nản chống lại cảnh sát và các nhân viên liên quan đến tội phạm xâm hại rừng và các loài hoang dã? Có tồn tại sự giám sát độc lập đối với hệ thống phê bình này không?
- Các cơ quan và công chúng đánh giá như thế nào đối với nhân viên thực thi luật bảo vệ rừng và các loài hoang dã? Các nhân viên này có được tin tưởng và tôn trọng? Nếu không thì vì lý do gì?

Công cụ II. 44 Tham nhũng và hối lộ

- Liệu có các cáo buộc các nhân viên liên quan đến thực thi luật bảo vệ rừng và các loài hoang dã nhận hối lộ hoặc yêu cầu hối lộ để dung túng cho các hành vi phạm tội?
- Các nhân viên lâm nghiệp và các loài hoang dã có được trả lương đầy đủ?
- Luật bảo vệ rừng và các loài hoang dã có bao gồm các quy định cụ thể về tham nhũng và hối lộ? Nếu có, các quy định đó là gì và được thực hiện như thế nào?
- Có kế hoạch hoặc chiến lược quốc gia về phòng chống tham nhũng trong lĩnh vực lâm nghiệp và các loài hoang dã không? Nếu có, nội dung là gì? Nội dung đó được thể hiện bằng văn bản vào khi nào? Có kế hoạch hành động toàn diện bảo đảm tính trong sạch hoặc chống tham nhũng trong lực lượng Hải quan và Cảnh sát không? Nếu có, nội dung gồm những gì? Ai chịu trách nhiệm thực thi? Các bằng chứng của việc thực thi ở cả cấp độ địa phương và quốc gia?
- Liệu có các cáo buộc rằng các nhân viên thực thi nhận những khoản tiền không chính thức hoặc tiền thưởng từ các cá nhân kinh doanh trong cộng đồng? Nếu, lý do nhận tiền là gì? Kết quả ra sao nếu việc chi trả không được tiến hành?
- Liệu nhân viên bảo vệ rừng và các loài hoang dã, Hải quan và cảnh sát có được phép nhận quà, hưởng lợi hoặc tiền thưởng từ cá nhân khác? Nếu có, điều này căn cứ vào quy định nào? Ai cho phép nhận quà cáp? Việc nhận quà cáp có được làm chứng? Điều gì xảy ra đối với món quà đã được nhận? Gia đình và người thân của các nhân viên cảnh sát có được phép nhận quà, hưởng lợi hoặc tiền thưởng liên quan đến công việc của các nhân viên này? Nếu không, điều này sẽ được ngăn ngừa như thế nào?

Phần ba.

Tư pháp và truy tố

Tư pháp.....	131
1.1. Cấu trúc và tổ chức của hệ thống tư pháp	132
1.2. Nguồn lực Tư pháp.....	134
1.3. Quản lý thông tin.....	136
1.4. Tính trách nhiệm giải trình và liêm khiết của tư pháp.....	137
2. Viện kiểm sát.....	138
2.1. Cơ sở pháp lý, tổ chức và phân quyền của viện kiểm sát.....	138
2.2. Hoạt động và khối lượng công việc của cơ quan kiểm sát	140
2.3. Nguồn lực cho cơ quan kiểm sát	141
2.4. Trách nhiệm giải trình và tính liêm khiết	143
3. Hợp tác quốc tế về các vấn đề hình sự	144
3.1. Dẫn độ	144
3.2. Tương trợ tư pháp.....	146
3.3 Tịch thu tài sản	148
3.4 Chuyển giao thủ tục tố tụng.....	149
3.5 Chuyển giao tội phạm bị kết án	150
4 Kết án và trừng phạt	150
4.1 Nguyên tắc kết án	151
4.2 Trừng phạt	152
5 Bồi thường, đền bù và phục hồi thiệt hại.....	153

Tư pháp và truy tố

Thực thi pháp luật về lâm nghiệp và động vật hoang dã hiệu quả đòi hỏi phải có một hệ thống truy tố hiệu quả và vận hành tốt cũng như một hệ thống tư pháp độc lập để đảm bảo tội phạm phải chịu trách nhiệm đối với các hành vi do chúng gây ra và đồng thời nhằm bảo vệ các quyền hợp pháp của các bên liên quan khác. Một điều quan trọng là các công tố viên, thẩm phán và các cán bộ hỗ trợ cần phải được tập huấn đầy đủ, có đủ nguồn lực và nhân lực. Đối với từng khía cạnh của hệ thống tư pháp hình sự, phải luôn đảm bảo được tính thống nhất và trách nhiệm giai trình của các công tố viên, thẩm phán cũng như tính chất làm việc độc lập và không thiên vị. Điều này yêu cầu phải có các biện pháp để bảo vệ các cán bộ này khỏi các yếu tố nhiễu như tham nhũng, gia đình trị và bị ép buộc.

Tuy nhiên, thực tiễn ở nhiều quốc gia cho rằng hiệu quả vận hành của các cơ quan công tố và toà án là rất kém do nhiều nguyên nhân. Các lý do thường gặp là thiếu nhân sự và thiếu nguồn lực trong khi số lượng vụ án lại lớn, vượt quá khả năng tài chính và nhân lực của các cơ quan này để có thể xử lý hiệu quả. Các khoá tập huấn cho công tố viên và thẩm phán nhìn chung cũng hạn chế và thường không có các khoá tập huấn riêng biệt về pháp luật lâm nghiệp và động vật hoang dã.²²⁸ Ở một số quốc gia, nạn tham nhũng lại hoành hành và công tố viên và thẩm phán thường bị chịu tác động của các chính trị gia và các nhánh khác trong hệ thống công quyền.

Một điều ghi nhận được là đối với tội phạm động vật hoang dã và lâm nghiệp nói riêng và tội phạm môi trường nói chung thì việc khởi tố hình sự và lập thủ tục tố tụng được coi là giải pháp cuối cùng ở phần lớn các quốc gia. Điều này một phần có thể là do việc xét xử tại toà đòi hỏi phải có nhiều nguồn lực về con người và tài chính, một phần có thể do khả năng các mức phạt đã được ấn định từ trước, một phần do giải quyết thông qua đàm phán hoặc áp dụng các hình phạt hành chính trong những trường hợp có thể thì hiệu quả hơn.²²⁹

Các mục từ 1 đến 3 của Phần ba của *Bộ công cụ* này tìm kiếm các cơ hội để đảm bảo việc vận hành phù hợp, nhân sự và nguồn lực mà các cơ quan công tố và toà án cũng như các công cụ mà các cơ quan này cần có để bảo đảm được tính chất làm việc độc lập của mình. Phần phân tích sẽ mô tả sâu thêm về khung hợp tác tư pháp quốc tế đối với các vấn đề hình sự. Các biện pháp liên quan đến việc tuyên án, bao gồm cải tạo giam giữ và cải tạo không giam giữ đều được trình bày cụ thể ở mục 4, phần 3. Các công cụ liên quan đến bồi thường cho nạn nhân của tội phạm loài hoang dã và tội phạm lâm nghiệp được trình bày trong mục 5.

1. Tư pháp

Hệ thống toà án là một phần không thể thiếu của bất kỳ một hệ thống tư pháp hình sự nào và là một thành tố quan trọng để ngăn ngừa và ngăn chặn một cách hiệu quả đối với tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp. Ngay cả trong trường hợp có năng lực phát hiện và điều tra tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp tốt, nhưng kết quả truy tố lại gần như không có tính răn đe thì hệ thống tư pháp đó là yếu và dễ bị tham nhũng và trì trệ trong xét xử.²³⁰ Do vậy, việc quản lý toà án phải hiệu quả để đảm bảo các vụ án hình sự sẽ được thực thi một cách công bằng, phù hợp và nhanh chóng.

Toà án có mối liên hệ đến phòng ngừa và ngăn chặn tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp ở hai mặt. Thứ nhất, toà án đóng vai trò quan trọng đối với việc bảo vệ hệ động vật, thực vật hoang dã trên cơ sở thực thi các luật liên quan. Thứ hai, toà án có chức năng giám sát cho phép toà án có thẩm quyền xem xét các quyết định của các cơ quan thực thi trong trường hợp các quyết định này đe dọa đến các loài hoang dã hay tài nguyên rừng.

²²⁸FAO và ITTO, Các Cách thức Thực hành Tốt nhất để Nâng cao Tính tuân thủ với Pháp luật, p.48

²²⁹Gerry Bates, Luật Môi trường ở Australia, 6 ed. (Sydney, Lexis Nexis, 2006), đoạn 9.3.

²³⁰Nalin Kishor và Richar Damania, “Tội phạm và tư pháp trong Vườn Ê-đen”, trang 89-97.

Để phân tích được hệ thống tư pháp thì cần phải có một cách tiếp cận rộng hơn nhiều so với cách tiếp cận trong khuôn khổ Bộ Công cụ này. Chính vì thế, “*Bộ công cụ Đánh giá Hệ thống Tư pháp Hình sự*” do Văn phòng phòng chống tội phạm và ma túy của Liên hợp quốc xuất bản sẽ cung cấp các công cụ đánh giá liên quan tại hai mục: “Toà án”²³¹ và “tính độc lập, tính không thiên vị và tính toàn vẹn của hệ thống tư pháp”.²³²

ai mục tiếp theo sẽ giới thiệu các công cụ tổng quát để giúp phân tích một cách cơ bản cơ cấu tổ chức và vận hành của hệ thống tư pháp cùng với một số công cụ cụ thể liên quan đến các vấn đề cụ thể về tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp.

1.1. Cấu trúc và tổ chức của hệ thống tư pháp

Khung pháp lý

Sự hiểu biết về khung pháp lý và điều tiết để quản lý của toà án đóng vai trò vô cùng cần thiết đối với bất kỳ hoạt động đánh giá nào về hệ thống tư pháp. Ở phần lớn các quốc gia, hiến pháp quốc gia quy định các điều khoản khung về cơ cấu chung của toà án và cơ chế xét xử tư pháp. Các quy định này bổ trợ thêm bởi hệ thống văn bản và quy định cụ thể khác của pháp luật trong đó quy định chức năng cụ thể của từng toà án và các nhánh khác của hệ thống tư pháp. Bên cạnh đó, các quy tắc của toà án và các chính sách khác của chính phủ cũng có thể quy định cụ thể thêm về hoạt động của toà án.²³³

Công cụ III.1. Tư pháp: khung pháp lý

- Chức năng và cơ cấu tổ chức của hệ thống tư pháp được quy định tại quy chế nào? Nội dung cụ thể của các quy chế này?
- Hiến pháp có quy định cấu trúc tổng quan của hệ thống toà án không?
- Còn có văn bản hay chính sách nào khác quy định về tổ chức của toà án?

Hệ thống tư pháp hình sự

Đối với hệ thống tư pháp hình sự, nội dung phân tích sẽ tập trung vào cấu trúc và vận hành của hệ thống toà án hình sự, bao gồm xác định và đánh giá các cấp hệ thống toà án khác nhau, từ sơ thẩm, phúc thẩm đến tái thẩm đối với các tội danh liên quan đến loài hoang dã và tài nguyên rừng.²³⁴

Công cụ III. 2. Hệ thống toà án hình sự

- Hệ thống toà án hình sự gồm có những cấp gì? Thẩm quyền của từng cấp?
- Chức năng phúc thẩm và tái thẩm được thực hiện tại các cấp toà khác nhau như thế

²³¹UNODC, “Toà án” tại *Bộ Công cụ Đánh giá Tư pháp Hình sự*.

²³²UNODC, “Tính độc lập, tính không thiên vị và tính toàn vẹn của hệ thống tư pháp” tại *Bộ Công cụ Đánh giá Tư pháp Hình sự*.

²³³Ibid

²³⁴UNODC, “Toà án” tại *Bộ Công cụ Đánh giá Tư pháp Hình sự*.

nào?

- Trước khi đem ra xét xử tại toà, các vụ án liên quan đến tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp được cấp nào thụ lý? Cấp toà nào có chức năng phúc phẩm? Có phải ở mọi cấp toà án đều có các thẩm phán và bồi thẩm đoàn chỉ phụ trách về tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp không?
- Luật có quy định về ban hội thẩm đối với các vụ án hình sự không? Bản án đối với vụ vi phạm về loài hoang dã và lâm nghiệp được công bố cho cả ban hội thẩm hay chỉ có duy nhất một thẩm phán? Hệ thống này vận hành như thế nào trong thực tế?
- Có toà nào chuyên xét xử
- Có hội thẩm viên nào cùng ngồi trong ban hội thẩm cùng với thẩm phán không? Nếu có, có phải là hội thẩm nhân dân không? Hội thẩm nhân dân có ngồi trong ban hội thẩm xét xử các vụ án về loài hoang dã và lâm nghiệp không?

Tính độc lập của tư pháp

Ở một số quốc gia, việc thiếu sự phân lập quyền hạn của chức năng tư pháp quốc gia với chức năng này của nhánh hành pháp và lập pháp là một hiện tượng thường gặp, dẫn đến sự can thiệp vào các vấn đề tư pháp cũng như hiện tượng tham nhũng ở mọi cấp, bao gồm lĩnh vực về loài hoang dã và lâm nghiệp.²³⁵

Mặc dù có một sự khác biệt nhất định giữa thực thi pháp luật bảo vệ loài hoang dã và lâm nghiệp với hệ thống tư pháp, tuy nhiên, việc nâng cao nhận thức cho cán bộ tư pháp về tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp và tăng cường sự tham gia của họ để đưa ra các bản án phù hợp và có tính răn đe đối với loại hình tội phạm này là rất quan trọng. Cơ quan thực thi pháp luật bảo vệ loài hoang dã và lâm nghiệp cần thu thập thông tin và ý kiến phản hồi từ các cơ quan tư pháp về các quyết định liên quan và các vấn đề mới nảy sinh trong các vụ án dân sự và hình sự, hay bất kỳ vấn đề nào mà đã có bằng chứng rõ ràng hoặc về cách thức tiến hành điều tra vụ án đó.²³⁶

Công cụ III. 3. Tính độc lập của tư pháp

- Mọi quan hệ giữa hệ thống tư pháp với hệ thống lập pháp và hành pháp? Mọi quan hệ này được quy định như thế nào? Các quy định này có rõ không?
- Tổ chức và cơ cấu của hệ thống tư pháp có đảm bảo được tính độc lập của hệ thống tư pháp không?
- Thủ tục xét xử của toà và việc bổ nhiệm thẩm phán có minh bạch không?
- Tư pháp có trách nhiệm như thế nào với nhân dân?
- Trong trường hợp giữa cơ quan thực thi pháp luật loài hoang dã và lâm nghiệp và cơ quan tư pháp có cơ chế thông tin và liên lạc, thì cơ chế đó là gì?

Đảm bảo tính độc lập của tư pháp để đảm bảo tính không thiên vị trong tư pháp là một vấn đề phức tạp. Hiện có nhiều phương pháp khác nhau được các quốc gia thực hiện để đạt được mục tiêu này, dưới đây là một số gợi ý chung:

²³⁵FAO và ITTO, *Các thức thực hành tốt nhất nhằm tăng cường tính tuân thủ pháp luật*, trang 48.

²³⁶Ban thư ký CITES, “Thông báo cho các Nước Thành viên”, Nghị Quyết CITES Conf.12.5 (Rev.CoP 15), phụ lục 3.

- Ủng hộ cho việc đổi mới;
- Kiện toàn cơ cấu tổ chức và cấu trúc để tăng tính độc lập cho hệ thống tư pháp;
- Làm rõ mối quan hệ giữa hệ thống tư pháp và các hệ thống công quyền còn lại của chính phủ;
- Cải thiện điều kiện làm việc và tập huấn cho các thẩm phán viên (tham khảo bên dưới);
- Đảm bảo các quy trình minh bạch;
- Tăng cường tính giải trình trách nhiệm của toà đối với nhân dân.

Cần phải thừa nhận rằng việc khởi xướng hoặc chủ trì thực hiện cải cách hệ thống tư pháp là nằm ngoài phạm vi thẩm quyền của cơ quan thực thi pháp luật bảo vệ loài hoang dã và lâm nghiệp, tuy vậy các cơ quan này có thể là các nhà vận động hành lang hiệu quả trong quá trình này.²³⁷

1.2. Nguồn lực Tư pháp

Chất lượng của hệ thống toà án phụ thuộc vào nhiều yếu tố, đặc biệt là nguồn nhân lực và vật lực, như đội ngũ cán bộ tư pháp, trình độ của cán bộ, chất lượng đào tạo, cơ sở vật chất và trang thiết bị hỗ trợ cho thẩm phán và các cán bộ khác.

Đội ngũ cán bộ và chế độ lương

Để vận hành phù hợp, toà án cần phải có đủ cán bộ, chế độ lương thưởng cho thẩm phán cần phải tương xứng với trách nhiệm, trình độ và kinh nghiệm của họ. Tuy vậy, nhiều toà án không có đủ nguồn nhân lực cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ của mình. Ở một số nơi, các cơ quan tư pháp gặp phải tình trạng thiếu nhân lực một cách trầm trọng, một số chức vụ không tuyển được cán bộ trong nhiều năm, chế độ lương thưởng bị chậm thanh toán nhiều tháng. Việc không có đủ lương hoặc không thể trả lương theo đúng định kỳ có thể làm giảm động lực làm việc của cán bộ và tăng rủi ro về tham nhũng.²³⁸

Công cụ III. 4 Tư pháp: đội ngũ cán bộ và chế độ tiền lương

- Hiện có bao nhiêu thẩm phán được tuyển dụng để thụ lý các vụ án hình sự? Số lượng thẩm phán hiện có có đủ để xử lý khối lượng công việc này hay không?
- Các vụ án liên quan đến tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp được chuyển lên cấp toà/thẩm phán nào? Cơ sở chuyển là gì?
- Các toà án hình sự có đủ cán bộ không? Nếu không thì đâu là lý do?
- Các cán bộ hỗ trợ nào tham gia chuẩn bị các phiên toà hình sự (cán bộ hành chính, trợ lý luật sư hay cán bộ khác?)
- Chế độ lương cho thẩm phán và cán bộ hỗ trợ là như thế nào? Lương trung bình, bao gồm tiền công ngoài giờ cho từng cấp cán bộ là bao nhiêu? So sánh với lương trung

²³⁷FAO và ITTO, *Các thức thực hành tốt nhất nhằm tăng cường tính tuân thủ pháp luật*, trang 48-49.

²³⁸ UNODC, “Tính độc lập, tính không thiên vị và tính toàn vẹn của hệ thống tư pháp” tại *Bộ Công cụ Đánh giá Tư pháp Hình sự*; UNODC, *Chương trình toàn cầu về Phòng, chống Tham nhũng*, trang 245.

bình trên cả nước?

- Mức lương này có tương xứng với trách nhiệm và rủi ro nghề nghiệp?
- Thẩm phán và cán bộ hỗ trợ có được nhận số tiền này hay không? Nếu có, họ có được nhận đúng hạn không?

Tuyển dụng và tập huấn

Hệ thống toà án mà tuyển mộ các cán bộ có đủ năng lực thông qua một quá trình lực chọn minh bạch, coi trọng và đãi ngộ cán bộ là các chuyên gia và có chính sách tăng cường tập huấn và phát triển kỹ năng và trình độ cho đội ngũ cán bộ thì sẽ có được một đội ngũ cán bộ liêm khiết và xuất sắc. Ngược lại, xét xử không hiệu quả, chất lượng dịch vụ kém và tham nhũng dường như là các vấn đề thách thức đối với các hệ thống tư pháp nếu đội ngũ cán bộ làm việc tại toà án không được coi trọng và ban lãnh đạo không quán triệt tư tưởng là phận sự của họ là phục vụ nhân dân.²³⁹

Do nhiệm vụ của là tham gia điều tra và truy tố tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp nên thẩm phán và các cán bộ hỗ trợ cần phải được tập huấn đầy đủ. Nếu các vụ án được thụ lý bởi các thẩm phán không có kiến thức, kỹ thuật, không nắm rõ các quy định pháp lý, thủ tục pháp lý liên quan thì rất có thể phiên toà sẽ bị dàn xếp.

Để hỗ trợ các quốc gia tập huấn cho thẩm phán và cán bộ tư pháp cho các vụ án liên quan đến buôn bán quốc tế trái phép loài hoang dã nguy cấp, Ban thư ký CITES đã cung cấp tài liệu tập huấn dành cho công tố viên và tư pháp viên dưới dạng CD-ROM.²⁴⁰

Công cụ III.5 Tuyển dụng và đào tạo thẩm phán

- Quy trình lựa chọn và thủ tục thuê tuyển thẩm phán là như thế nào? Năng lực, trình độ yêu cầu? Quá trình và yêu cầu tuyển dụng thẩm phán cho toà tối cao và tuyên chuyên trách?
- Đây là nội dung tập huấn cơ bản cho thẩm phán và cán bộ mới? Các cán bộ mới tuyển dụng hay cán bộ hiện có có được tập huấn riêng về tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp không?
- Định kỳ được tập huấn của thẩm phán và các cán bộ khác là như thế nào? Hiện có các khoá tập huấn nói chung và các khoá tập huấn chuyên biệt nào? Nhu cầu tập huấn được đánh giá như thế nào? Hình thức tập huấn?
- Các khoá tập huấn có sự tham gia của các cơ quan khác không?
- Hiện có cơ chế nào để giúp các thẩm phán không thường xuyên thụ lý các vụ án liên quan đến tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp tiếp cận được với kiến thức chuyên môn liên quan?

Cơ sở vật chất và trang thiết bị

²³⁹UNODC, “Toà án” tại *Bộ Công cụ Đánh giá Tư pháp Hình sự*.

²⁴⁰Ban thư ký CITES, “Tập huấn tương tác cho cán bộ thực thi và xây dựng mô hình thông tin cho công tố viên và tư pháp viên”, CD-ROM (Geneva, 2008)

Thẩm phán và cán bộ hỗ trợ cần phải có các cơ sở vật chất cơ bản và cũng có thể cần phải có một số trang thiết bị chuyên biệt để thực hiện nhiệm vụ của mình. Các cơ sở vật chất cơ bản bao gồm văn phòng, văn phòng phẩm; thiết bị chuyên biệt gồm có máy tính và cơ sở dữ liệu pháp lý. Thẩm phán và các cán bộ hỗ trợ cũng cần phải tiếp cận với thư viện cũng như có đủ ngân sách để thực hiện các chức năng thường nhật của mình.

Việc phân tích cơ sở vật chất và trang thiết bị rất đa dạng, tùy theo trường hợp cụ thể. Tuy nhiên, cần phải xem xét đến vai trò, trách nhiệm và thâm niên công tác của thẩm phán. Kết quả phân tích cũng phụ thuộc vào điều kiện kinh xã-xã hội trong nước, các nguồn lực hiện có và việc tiếp cận với sự hỗ trợ tài chính và kỹ thuật. *Bộ công cụ Đánh giá Tư pháp Hình sự* cung cấp các công cụ bổ sung để đánh giá tính đầy đủ và an toàn của các cơ sở vật chất và trang thiết bị cho toà án.²⁴¹

Công cụ III. 6 Tư pháp: cơ sở vật chất và trang thiết bị

- Cơ sở vật chất của ngành tư pháp gồm những gì? Toà án được đặt tại đâu? Điều kiện vật chất của toà án?
- Các biện pháp bảo đảm an ninh trong và quanh khu vực toà án?
- Có đủ trang thiết bị văn phòng (đồ đạc, văn phòng phẩm, máy phô-tô-cóp-pi) không? Phòng xử án có đủ đồ đạc và thiết bị không?
- Có thiết bị công nghệ để liên lạc và xử lý từ ngữ không? (ví dụ: máy tính, mạng in-tơ-nét, điện thoại di động, máy fax)?
- Các tệp dữ liệu, chứng cứ và các thông tin điện tử có được lưu giữ an toàn không?
- Thẩm phán và cán bộ hỗ trợ có được tiếp cận với các quy định pháp luật liên quan, bao gồm luật hình sự, luật về loài hoang dã và luật lâm nghiệp không?
- Thẩm phán có nguồn thông tin này từ đâu? (quy chế, bản cáo trạng hay các nguồn khác)? Trụ sở của toà án có thư viện không? Thẩm phán có tiếp cận với cơ sở dữ liệu điện tử liên quan không?

1.3. Quản lý thông tin

Ghi chép, duy trì và bảo quản thông tin, bao gồm hồ sơ vụ án, cáo trạng, vv có vai trò vô cùng quan trọng để đảm bảo tính liêm khiết và vận hành đúng chức năng của hệ thống tư pháp. Quản lý thông tin phù hợp và cần trọng đóng vai trò quan trọng cho các đối tượng nằm ngoài hệ thống tư pháp và đại bộ phận người dân và không chỉ giới hạn đối với thủ tục tố tụng tại các phiên toà về tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp. Công cụ dưới đây sẽ giới thiệu một số cơ chế cơ bản về ghi chép và báo cáo phiên toà. Để biết đầy đủ hơn về *Bộ công cụ* này, xin hãy tham khảo *Bộ công cụ Đánh giá Tư pháp Hình sự*.²⁴²

Công cụ III. 7 Lập biên bản phiên toà và cáo trạng

- Có sổ đăng ký không? Cán bộ có được đào tạo về kỹ năng lưu giữ biên bản phiên toà không? Các bộ chịu trách nhiệm lưu giữ thông tin của toà có liêm khiết không?
- Theo luật hiện hành, loại biên bản nào được công khai cho công chúng và loại biên

²⁴¹UNODC, chương “Toà án” trong cuốn *“Bộ Công cụ Đánh giá Tư pháp Hình sự”*.

²⁴²UNODC, chương “Toà án” trong cuốn *“Bộ Công cụ Đánh giá Tư pháp Hình sự”*.

bản nào phải lưu ở chế độ mật?

- Thời hạn lưu giữ các loại biên bản khác nhau là bao lâu? Có quy định rõ ràng về chế độ, hình thức lưu giữ và tiêu hủy biên bản không? Có khi nào biên bản bị thất lạc, hỏng hay bị đánh cắp không?
- Các tệp tin được lập, nhận diện và cập nhật như thế nào? Có thể truy xuất nguồn gốc các tệp tin này được không?
- Luật hiện hành hay quy chế toà án có quy định về nội dung, hình thức biên bản về thủ tục xét xử tại toà không? Có phải mọi thủ tục, diễn biến tại toà đều được ghi chép lại không? Chúng được ghi chép như thế nào? Biên bản phiên toà được lưu giữ như thế nào, ở đâu và trong bao lâu?
- Báo cáo về luật có được tổng hợp không? Nếu có, ai chịu trách nhiệm thu thập và định kỳ phát hành báo cáo luật là bao lâu? Hình thức công bố báo cáo luật?

1.4. Tính trách nhiệm giải trình và liêm khiết của tư pháp

Sự tham nhũng của cán bộ tư pháp là một trở ngại nghiêm trọng đối với mọi nỗ lực đấu tranh chống tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp. Nếu thẩm phán tham nhũng thì cho dù các quy định về pháp luật và cơ chế về phòng, chống tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp có đúng mục đích, hiệu quả và trung thực thì cuối cùng vẫn bị tê liệt. Hơn thế nữa, tính liêm khiết của cán bộ tư pháp có thể được dàn xếp một cách nghiêm trọng khi thẩm phán và các cán bộ tư pháp khác câu kết với các cá nhân hay tổ chức liên đới đến các hoạt động phi pháp, hoặc nếu nhiệm vụ của họ xung đột với lợi ích cá nhân, (ví dụ, nếu họ hàng hay bạn bè của họ có tham gia trong lĩnh vực loài hoang dã và lâm nghiệp hay bị buộc tội).

Do vậy, một điều hết sức quan trọng là cần phải đảm bảo tất cả đội ngũ cán bộ của hệ thống tư pháp chịu trách nhiệm cho các quyết định và hành động của họ, và cần phải có các quy tắc cụ thể để đảm bảo tính liêm khiết của ngành tư pháp.

Công cụ III. 8 Tính trách nhiệm giải trình và liêm khiết của ngành tư pháp

- Luật hiện hành có quy định cơ chế giám sát và theo dõi hành vi và hoạt động của thẩm phán và các cán bộ tư pháp khác không? Nếu có, thì các cơ chế này là gì? Hoạt động tư pháp được đánh giá như thế nào?
- Có hướng dẫn rõ ràng về quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp cho thẩm phán và cán bộ tư pháp không? Nếu có, hãy nêu nội dung cụ thể của các hướng dẫn này? Các hướng dẫn này có hiệu quả không? Các hướng dẫn này được thực hiện như thế nào?
- Có cơ chế để người dân tố cáo về thẩm phán không? Có hình thức giám sát độc lập về cơ chế khiếu nại, tố cáo không? Các đơn tố cáo được xử lý như thế nào? Ai xử lý?
- Quan điểm của các cơ quan khác và công chúng đối với bộ máy tư pháp là như thế nào? Họ có tin tưởng và tôn trọng thẩm phán không? Nếu không, tại sao?
- Có đơn thư nào tố cáo thẩm phán nhận hối lộ để bỏ qua tội phạm không?
- Có chiến lược hay kế hoạch quốc gia nào để phòng chống tham nhũng cho ngành tư pháp không? Nếu có thì chiến lược hay kế hoạch này có những biện pháp cụ thể gì?

2. Viện kiểm sát

Viện kiểm sát đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong các vụ hình sự bởi vì họ thay mặt chính phủ đại diện cho nhân dân chứ không phải chỉ là cá nhân tội phạm. Công tố viên có nghĩa vụ bảo vệ các quy tắc pháp luật một cách có đạo đức và chuyên nghiệp để đảm bảo bị can được xét xử công bằng. Nếu công tố viên không hoàn thành được nghĩa vụ này, hoặc cố tình làm sai kết quả truy tố và kết án thì sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính liêm khiết của hệ thống tư pháp và phá hủy niềm tin của nhân dân.²⁴³ Việc không tiến hành truy tố hoặc truy tố không đầy đủ các vi phạm về pháp luật bảo vệ loài hoang dã và lâm nghiệp đưa ra một thông điệp rằng loại hình tội phạm này không có nạn nhân và kém nghiêm trọng hơn các loại hình tội phạm khác.²⁴⁴

Cơ cấu tổ chức và vận hành viện kiểm sát ở các nước khác nhau thường khác nhau và thường chịu sự chi phối bởi luật tập tục, luật dân sự hoặc cả hai. Do sự đa dạng về cấu trúc và phương pháp truy tố, các công cụ được giới thiệu dưới đây không thể giải quyết được tất cả các vấn đề có thể gặp phải. Tuy nhiên, một số vấn đề không thực sự liên quan đến truy tố tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp mà liên quan đến tất cả các loại hình tội phạm nói chung. *Bộ công cụ* Đánh giá Tư pháp Hình sự có một mục cụ thể về “Viện kiểm sát” để giúp đánh giá toàn diện tất cả các yếu tố liên quan của một cơ quan truy tố.²⁴⁵ Ngoài ra, Hiệp hội Công tố viên Quốc tế cũng đã phê chuẩn “Tiêu chuẩn trách nhiệm nghề nghiệp và tuyên bố về nhiệm vụ và quyền lợi của công tố viên”²⁴⁶. Các tài liệu này có thể được tổng hợp để phân tích một cách toàn diện về dịch vụ truy tố. Phần tiếp theo tập trung phân tích các đặc điểm chính của viện kiểm sát đối với tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp.

2.1. Cơ sở pháp lý, tổ chức và phân quyền của viện kiểm sát

Khung pháp lý

Bước đầu tiên để đánh giá hệ thống kiểm sát là xác định các cơ sở thành lập viện kiểm sát. Ở nhiều quốc gia, hiến pháp quy định về cơ cấu tổ chức chung, ví dụ đơn vị nào chịu trách nhiệm thụ lý các vụ án hình sự, thẩm quyền và nghĩa vụ chung của cơ quan kiểm sát. Ngoài ra, luật và các quy định pháp lý khác cũng bổ sung thêm các quy định chi tiết về chức năng và hoạt động của cơ quan kiểm sát. Ở một số quốc gia, các quy định này được quy định tại đạo luật tư pháp, bộ luật hình sự hoặc đạo luật về thủ tục hình sự. Ở một số quốc gia khác, lại có các đạo luật riêng về cơ quan truy tố hay điều tra.

Công cụ III. 9 Cơ sở pháp lý thành lập cơ quan kiểm sát

- Chức năng và tổ chức của cơ quan kiểm sát được quy định tại quy chế hay luật nào?
- Hiến pháp có quy định nhánh nào trong hệ thống quản lý nhà nước chịu trách nhiệm kiểm sát?

²⁴³UNODC, “Viện kiểm sát”, *“Bộ Công cụ Đánh giá Tư pháp Hình sự”*.

²⁴⁴Mara E. Zimmerman, “Chợ đen về động vật hoang dã”, trang 1657-1676.

²⁴⁵UNODC, “Viện kiểm sát” trong *“Bộ Công cụ Đánh giá Tư pháp Hình sự”*.

²⁴⁶Hiệp hội Công tố viên Quốc tế, “Tiêu chuẩn về trách nhiệm nghề nghiệp và tuyên bố trách nhiệm và quyền lợi của công tố viên”.

- Cơ quan kiểm sát có các chức năng (theo quy định) nào? Mỗi liên hệ với các nhánh khác trong hệ thống quản lý nhà nước.

Cơ cấu tổ chức và phân cấp của cơ quan kiểm sát

Sau khi đã xác định được khung pháp lý về truy tố tội phạm hình sự, bao gồm tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp, cần phải kiểm tra cơ cấu tổ chức và thẩm quyền truy tố của các cơ quan kiểm sát cũng như các chức năng điều tra liên quan. Mặc dù một số quốc gia có cơ quan kiểm sát chuyên trách về tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp,²⁴⁷ nhưng trên thực tế có rất ít kiểm sát viên chỉ chuyên trách về loại hình tội phạm này. Hơn thế nữa, hầu như không có quốc gia nào có thủ tục truy tố riêng cho tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp. Trong trường hợp này, các thủ tục truy tố tội phạm hình sự nói chung sẽ được áp dụng.²⁴⁸

Công cụ III. 10 Cơ quan kiểm sát: cơ cấu tổ chức và thẩm quyền được phân cấp

- Vị trí của cơ quan kiểm sát trong hệ thống tư pháp hình sự? Kiểm sát có là một nhánh độc lập không hay là thuộc nhánh tư pháp? Cảnh sát hoặc các cơ quan thực thi pháp luật khác có thẩm quyền truy tố không?
- Thẩm quyền của cơ quan kiểm sát là kiểm sát viên hay thẩm phán điều tra hay cả hai?
- Cơ cấu tổ chức của cơ quan kiểm sát? Cơ quan kiểm sát có cán bộ hay phòng, ban chuyên trách thụ lý các vụ án về tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp hay không?
- Trên cơ sở pháp luật và thủ tục tố tụng của hệ thống tư pháp hình sự, quy trình xử lý một vụ án hình sự liên quan đến vi phạm pháp luật bảo vệ loài hoang dã và lâm nghiệp là như thế nào đối với toàn bộ các khâu, từ buộc tội hoặc tình nghi đến tư vấn cho kiểm sát viên, đến tuyên án chính thức, xét xử và định tội?

Nhằm tăng cường công tác truy tố, xét xử tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp, một số ít quốc gia đã bố trí kiểm sát viên làm việc ngay trong cơ quan thực thi pháp luật bảo vệ loài hoang dã. Thậm chí trong trường hợp không có kiểm sát viên nắm vùng như vậy, thì họ sẽ cố gắng xây dựng mối quan hệ làm việc chặt chẽ nhất có thể giữa hai đơn vị này. Nâng cao nhận thức cho kiểm sát viên và các cơ quan kiểm sát cần phải được coi là một ưu tiên, từ đó họ sẽ hỗ trợ được cho cơ quan thực thi pháp luật bảo vệ loài hoang dã và lâm nghiệp. Cơ quan này cũng có thể tổ chức tập huấn cho cơ quan kiểm sát. Cần phải xây dựng các tiêu chuẩn về báo cáo vụ án và xác lập chứng cứ. Kiểm sát viên cũng có thể cùng tham gia xác định các ưu tiên và mục tiêu.²⁴⁹

Công cụ III. 11 Đối tác giữa cơ quan thực thi pháp luật bảo vệ loài hoang dã và lâm nghiệp và cơ quan kiểm sát

- Mối quan hệ hợp tác hiện tại giữa cơ quan thực thi pháp luật bảo vệ loài hoang dã và

²⁴⁷ Ban thư ký CITES “Tập huấn tương tác”, mô-đun II.2.

²⁴⁸ UNODC, “Cơ quan kiểm sát” tại “Bộ Công cụ Đánh giá Tư pháp Hình sự.”

²⁴⁹ Ban thư ký CITES, “Thông báo cho các Nước Thành viên”, Nghị quyết CITES 12.5 (Rev.CoP15), phụ lục 3.

lâm nghiệp và cơ quan kiểm sát là như thế nào? Cơ chế liên lạc và trao đổi thông tin giữa các cơ quan này là như thế nào?

- Có một hay nhiều kiểm sát viên làm việc tại cơ quan thực thi pháp luật bảo vệ loài hoang dã và lâm nghiệp không? Nếu không thì có khả năng bố trí không?

Công cụ III. 12 Vai trò của kiểm sát viên

- Kiểm sát viên có vai trò như thế nào đối với tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp? Kiểm sát viên có vai trò như thế nào tại phiên tòa, đối với việc xác định bản án và kháng án?
- Kiểm sát viên (chịu trách nhiệm về tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp) có tiến hành điều tra hoặc giám sát việc điều tra không?
- Kiểm sát viên có thẩm quyền đề nghị truy tố không? Nếu có, thì đề nghị như thế nào? Nếu không thì cơ quan nào có thẩm quyền đề nghị truy tố? Kiểm sát viên có tuân thủ kết quả điều tra của cảnh sát không?
- Công dân (hoặc các cá nhân khác) có quyền yêu cầu truy tố không?
- Kiểm sát viên có thẩm quyền về mặt pháp lý để biện hộ cho bị cáo không?

2.2. Hoạt động và khối lượng công việc của cơ quan kiểm sát

Ở nhiều quốc gia, cơ quan kiểm sát bị thiếu nhân sự và nguồn lực một cách trầm trọng để thực hiện các nhiệm vụ của mình. Điều này có thể dẫn đến sự chậm trễ trong thụ lý vụ án, án không thành (ví dụ trong trường hợp nhân chứng bị chết, mất chứng cứ, vv). Ngoài ra, kiểm sát viên thường bị áp lực phải ưu tiên các loại hình tội phạm khác nghiêm trọng hơn so với tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp.

Chính vì thế, khi phân tích hệ thống kiểm sát, bắt buộc phải thu thập thông tin và dữ liệu về các hoạt động cơ bản của cơ quan kiểm sát cũng như khối lượng công việc của các kiểm sát viên. Khi phân tích các dữ liệu và thông tin này, cần phải chú ý rằng các thuật ngữ chuyên ngành pháp lý như “vụ án hình sự”, “lập hồ sơ vụ án”, “quyết định của tòa án” và “hậu quả” có thể có nhiều nghĩa khác nhau.²⁵⁰

Công cụ III. 13 Hoạt động và khối lượng công việc của kiểm sát viên

- Hàng năm viện kiểm sát nhận được bao nhiêu hồ sơ vụ án về tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp từ hồ sơ tội phạm do công an chuyển sang? Trong trường hợp này kiểm sát viên chịu trách nhiệm điền vào bản kết án tại tòa, bao nhiêu trường hợp như vậy hàng năm? Những trường hợp đó được ghi ở đâu?
- Hàng năm có bao nhiêu vụ án liên quan đến tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp được thụ lý bởi cơ quan kiểm sát? Các vụ án đó được xử lý như thế nào, ví dụ thông qua xét xử tại tòa hay tự bào chữa

²⁵⁰ UNODC, “Cơ quan kiểm sát” trong “Bộ Công cụ Đánh giá Tư pháp”.

- Có bao nhiêu vụ án thực hiện được ít nhất một án phạt trong bản án? Có bao nhiêu vụ có bản án bị huỷ hoặc rút lại? Có bao nhiêu vụ bị thay đổi?
- Các vụ án liên quan đến tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp có được giao cụ thể cho một số kiểm sát viên để phụ trách không? Nếu có, thì trung bình một năm có bao nhiêu vụ án? Có nhiều vụ án tồn đọng mà các kiểm sát viên này phải giải quyết?
- Có sổ theo dõi các vụ án, bao gồm án về tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp không? Có thể xác định khoảng thời gian tồn đọng của một vụ án nào đó đã giao cho kiểm sát viên mà không cần tiến hành kiểm tra không?

2.3. Nguồn lực cho cơ quan kiểm sát

Hiệu quả truy tố tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp phụ thuộc phần lớn vào chất lượng hoạt động truy tố. Chất lượng hoạt động truy tố lại phụ thuộc vào sự sẵn có về nguồn tài lực và nhân lực, ví dụ số lượng cán bộ, trình độ của cán bộ, tập huấn, cơ sở vật chất và trang thiết bị cho kiểm sát viên.

Đội ngũ cán bộ và chế độ lương

Để hoạt động hiệu quả, viện kiểm sát cần phải có đủ cán bộ, đồng thời kiểm sát viên và các cán bộ hỗ trợ phải được trả lương phù hợp. Chế độ lương thưởng cho kiểm sát viên phải tương xứng với trách nhiệm, trình độ và kinh nghiệm của họ. Tuy vậy, nhiều viện kiểm sát không có đủ nguồn nhân lực cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ của mình. Ở một số quốc gia, viện kiểm sát gặp phải tình trạng thiếu nhân lực một cách trầm trọng, một số chức vụ không tuyển được cán bộ trong nhiều năm, chế độ lương thưởng bị chậm thanh toán nhiều tháng. Việc không có đủ lương hoặc không thể trả lương theo đúng định kỳ có thể làm giảm động lực làm việc của cán bộ và tăng rủi ro về tham nhũng.²⁵¹

Công cụ III. 14 Viện kiểm sát: đội ngũ cán bộ và chế độ tiền lương

- Số lượng kiểm sát viên hiện có là bao nhiêu? Có đủ để xử lý khối lượng công việc này hay không?
- Có bao nhiêu kiểm sát viên và cán bộ hỗ trợ tham gia quá trình truy tố tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp? Họ chỉ chuyên trách về loại hình tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp hay cả các loại hình tội phạm khác nữa?
- Các viện kiểm sát và bộ phận chuyên trách liên quan có đủ nhân sự không? Nếu không thì lý do tại sao?
- Các cán bộ hỗ trợ nào tham gia quá trình truy tố tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp không (ví dụ, cán bộ hành chính, trợ lý luật sư hay cán bộ khác? Làm thế nào để giám sát các cán bộ này và các cán bộ hỗ trợ này phải báo cáo lên cho ai?
- Chế độ lương cho kiểm sát viên và cán bộ hỗ trợ là như thế nào? Lương trung bình,

²⁵¹UNODC, “Viện kiểm sát” trong “Bô Công cụ Đánh giá Tư pháp Hình sự”; và UNODC, Chương trình Toàn cầu về Phòng, Chống Tham nhũng, trang 245.

bao gồm tiền công ngoài giờ cho từng cấp cán bộ là bao nhiêu? So sánh với lương trung bình trên cả nước?

- Mức lương này có tương xứng với trách nhiệm và rủi ro nghề nghiệp?
- Kiểm sát viên và cán bộ hỗ trợ có được nhận số tiền này hay không? Nếu có, họ có được nhận đúng hạn không?

Tuyển dụng và tập huấn

Quy trình tuyển dụng kiểm sát viên cần phải công bằng và minh bạch để đảm bảo được sự chuyên nghiệp và liêm khiết, đồng thời tránh hiện tượng “con ông cháu cha” và vẩn nạn tham nhũng. Việc tuyển dụng cán bộ ở mọi cấp phải dựa trên trình độ, kinh nghiệm và năng lực của ứng cử viên, đồng thời các tiêu chí tuyển dụng phải được thông báo rõ ràng.

Do nhiệm vụ của là tham gia điều tra và truy tố tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp nên các kiểm sát viên và các cán bộ hỗ trợ cần phải được tập huấn đầy đủ. Họ cần phải có sự am hiểu tường tận về khung pháp lý và các án lệ liên quan, các yếu tố kỹ thuật của luật bảo vệ loài hoang dã và tài nguyên rừng, cũng như sự vận hành và hoạt động của từng khía cạnh của hệ thống tư pháp hình sự.

Nếu các vụ án được thụ lý bởi các kiểm sát viên không có kiến thức nền, kỹ thuật, không nắm rõ các quy định pháp lý, thủ tục pháp lý liên quan thì rất có thể phiên toà sẽ bị dàn xếp.²⁵²

Do vậy, để phân tích năng lực truy tố của kiểm sát viên, cần phải rà soát toàn bộ các chương trình tập huấn, bao gồm hình thức, nội dung, loại hình, độ sâu của các chương trình tập huấn dành cho kiểm sát viên. Ngay cả khi có một chương trình tập huấn toàn diện thì cũng cần phải xem xét, rà soát giáo trình và tài liệu tập huấn định kỳ. Điều này phải được thực hiện để đảm bảo nội dung tập huấn là cập nhật và phù hợp với các quy định pháp lý cũng như những thay đổi liên tục về tính chất của loại hình tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp.

Để hỗ trợ các quốc gia tập huấn cho thẩm phán và cán bộ tư pháp cho các vụ án liên quan đến buôn bán quốc tế trái phép loài hoang dã nguy cấp, Ban thư ký CITES đã cung cấp tài liệu tập huấn dành cho kiểm sát viên và tư pháp viên dưới dạng CD-ROM.²⁵³

Công cụ III. 15 Tuyển dụng và đào tạo kiểm soát viên

- Quy trình lựa chọn và thủ tục tuyển dụng kiểm soát viên là như thế nào? Năng lực, trình độ yêu cầu? Kiểm toán viên có yêu cầu phải có bằng cấp về luật không?
- Có đơn vị chuyên trách về truy tố tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp không? Cán bộ công tác tại đơn vị này được tuyển dụng như thế nào?
- Các cán bộ công tác tại viện kiểm sát được tập huấn những nội dung cơ bản gì? Có khoá tập huấn nào chuyên về tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp được tổ chức cho các cán bộ mới tuyển dụng hay cán bộ hiện có không?
- Định kỳ được tập huấn cho kiểm sát viên và các cán bộ khác là như thế nào? Hiện có các khoá tập huấn nói chung và các khoá tập huấn chuyên biệt nào? Nhu cầu tập huấn được đánh giá như thế nào? Hình thức tập huấn?
- Hiện có cơ chế nào để giúp các kiểm sát viên không thường xuyên tham gia truy tố

²⁵² UNODC, “Viện kiểm sát” trong “Bộ Công cụ Đánh giá Tư pháp Hình sự”.

²⁵³ Ban thư ký CITES, “Tập huấn tương tác cho cán bộ thực thi và xây dựng mô hình thông tin cho công tố viên và tư pháp viên”, CD-ROM (Geneva, 2008)

các vụ án liên quan đến tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp tiếp cận được với kiến thức chuyên môn liên quan không?

- Các khoá tập huấn có sự tham gia của các cơ quan (trong nước và nước ngoài) không, ví dụ như cảnh sát, tư pháp hay các cơ quan khác?

Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Trách nhiệm mà các viện kiểm sát được giao phó thường không tương đương với năng lực hoàn thành các trách nhiệm đó. Kiểm sát viên về tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp cần có hạ tầng và trang thiết bị cơ bản cũng như một số thiết bị đặc biệt để thực hiện nhiệm vụ của mình. Các cơ sở vật chất cơ bản bao gồm văn phòng, văn phòng phẩm; thiết bị chuyên biệt gồm có máy tính và cơ sở dữ liệu pháp lý. Kiểm sát viên và các cán bộ hỗ trợ cũng cần phải tiếp cận với thư viện cũng như có đủ ngân sách để thực hiện các chức năng thường nhật của mình.²⁵⁴

Việc phân tích cơ sở vật chất và trang thiết bị rất đa dạng, tùy theo trường hợp cụ thể. Tuy nhiên, cần phải xem xét đến vai trò, trách nhiệm và thâm niên công tác của thẩm phán. Kết quả phân tích cũng phụ thuộc vào điều kiện kinh xã-xã hội trong nước, các nguồn lực hiện có và việc tiếp cận với sự hỗ trợ tài chính và kỹ thuật.

Công cụ III. 16 Viện kiểm sát: cơ sở vật chất và trang thiết bị

- Cơ sở vật chất của viện kiểm sát gồm những gì? Viện kiểm sát được đặt tại đâu?
- Có đủ thiết bị văn phòng (bàn ghế, văn phòng phẩm, máy phô-tô-cóp-pi) không?
- Kiểm sát viên có dễ dàng tiếp cận các cơ quan điều tra hay tòa án không?
- Các tệp dữ liệu, chứng cứ và các thông tin điện tử có được lưu giữ an toàn không?
- Kiểm sát viên và cán bộ hỗ trợ có được tiếp cận với các quy định pháp luật liên quan, bao gồm luật hình sự, luật về loài hoang dã và luật lâm nghiệp không?
- Viện kiểm sát có thư viện không hay kiểm sát viên phải đến thư viện ở chỗ khác? Kiểm sát viên có tiếp cận với cơ sở dữ liệu điện tử liên quan không?

2.4. Trách nhiệm giải trình và tính liêm khiết

Cũng giống như các cơ quan khác trong hệ thống tư pháp hình sự, kiểm sát viên cũng dễ bị tổn thương bởi nạn tham nhũng hoặc có thể câu kết với các cá nhân hoặc tổ chức khác liên đới thực hiện các hành vi trái pháp luật. Ngoài ra, xung đột lợi ích có thể phát sinh nếu nhiệm vụ của kiểm sát viên xung đột với các lợi ích cá nhân (ví dụ, nếu họ hàng hay bạn bè của họ có tham gia trong lĩnh vực loài hoang dã và lâm nghiệp hay bị buộc tội). Do vậy, một điều hết sức quan trọng là cần phải đảm bảo rằng kiểm sát viên, cũng giống như mọi công chức khác phải tự chịu trách nhiệm cho các quyết định và hành động của mình và cần phải có các quy tắc cụ thể để đảm bảo tính liêm khiết của viện kiểm sát cũng như các cán bộ công tác tại đây. “Tiêu chuẩn trách nhiệm nghề nghiệp và

²⁵⁴UNODC, “Viện kiểm sát” trong “Bộ Công cụ Đánh giá Tư pháp Hình sự”.

tuyên bố về trách nhiệm và quyền hạn của kiểm sát viên” của Hiệp hội Kiểm sát Quốc tế đưa ra hướng dẫn kiểm soát tính trách nhiệm giải trình và tính liêm khiết của kiểm sát viên.²⁵⁵

Kiểm sát viên có thể chịu trách nhiệm theo nhiều cách khác nhau. Họ có thể phải chịu trách nhiệm cho hiệu quả làm việc và năng suất lao động của mình hoặc đi ngược lại với lợi ích quốc gia và của nhân dân, nhưng, có lẽ quan trọng hơn là họ phải chịu trách nhiệm đối với cách thức họ thực hiện quyền lực và thẩm quyền đã được giao.²⁵⁶

Công cụ III. 17 Tính trách nhiệm giải trình và liêm khiết của kiểm sát viên

- Luật hiện hành có quy định cơ chế giám sát và theo dõi đạo đức và hoạt động của kiểm sát viên không? Nếu có, thì các cơ chế này là gì? Hoạt động của kiểm sát viên được đánh giá như thế nào?
- Có hướng dẫn rõ ràng về quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp cho kiểm sát viên không? Nếu có, hãy nêu nội dung cụ thể của các hướng dẫn này? Các hướng dẫn này có hiệu quả không? Các hướng dẫn này được thực hiện như thế nào?
- Kiểm sát viên có được đào tạo về hướng dẫn tuân thủ quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp không? Nếu có, họ được tập huấn khi nào? Nội dung tập huấn này có mang tính bắt buộc để nhận bằng cấp hay chứng chỉ hành nghề không? Kiểm sát viên bị yêu cầu phải tham gia tập huấn định kỳ về quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp không?
- Có cơ chế để người dân tố cáo về kiểm sát viên không? Có hình thức giám sát độc lập về cơ chế khiếu nại, tố cáo không? Các đơn tố cáo được xử lý như thế nào? Ai xử lý?
- Quan điểm của các cơ quan khác và công chúng đối với viện kiểm sát là như thế nào? Họ có tin tưởng và tôn trọng kiểm sát viên không? Nếu không, tại sao?
- Có đơn thư nào tố cáo kiểm sát viên nhận hối lộ để bỏ qua tội phạm không?

3. Hợp tác quốc tế về các vấn đề hình sự

Như đã thảo luận ở phần 2, phòng chống tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp đòi hỏi phải có phản ứng tư pháp hình sự tại các khu vực biên giới. Rất nhiều công cụ liên quan đến hợp tác quốc tế giữa các cơ quan thực thi pháp luật đều được đề cập trong phần này. Phần này sẽ tìm kiếm các mô hình hợp tác tư pháp quốc tế đối với các vấn đề hình sự, cụ thể là dẫn độ, hỗ trợ tư pháp, hợp tác vì mục đích tịch thu, chuyển giao hồ sơ vụ án và chuyển giao tội phạm. Các mô hình này đã được định nghĩa trong các hiệp ước quốc tế, ví dụ như Công ước Liên hợp quốc về phòng chống Tội phạm có tổ chức xuyên biên giới và Công ước Liên hợp quốc về phòng chống tham nhũng. Đối với mỗi quốc gia, sự tham gia của các cơ quan quản lý theo quy trình ở phần này là rất khác nhau và thường thì các cơ quan thực thi pháp luật tham gia vào việc thực hiện các quyết định tư pháp theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

3.1. Dẫn độ

²⁵⁵ Viện Kiểm sát Quốc tế, “Tiêu chuẩn trách nhiệm nghề nghiệp”

²⁵⁶ UNODC, “Viện kiểm sát” trong “Bộ Công cụ Đánh giá Tư pháp Hình sự”

Dẫn độ là quá trình mà một Quốc gia (Quốc gia bị yêu cầu) sẽ chuyển một người cho một Quốc gia khác (Quốc gia yêu cầu) vì mục đích truy tố hình sự hoặc để thực thi một bản án hình sự liên quan đến tội phạm có thể dẫn độ được. Việc dẫn độ người này sẽ được hỗ trợ thông qua một quy trình tư pháp chính thống, thường yêu cầu có cơ sở chứng cứ để dẫn độ, mặc dù quyết định chuyển giao tội phạm thường phụ thuộc vào cơ quan thi hành án.

Các công ước đa phương về dẫn độ đã được xây dựng trong khuôn khổ của rất nhiều tổ chức vùng và các tổ chức quốc tế khác. Công ước Liên hợp quốc về Tội phạm có tổ chức xuyên biên giới²⁵⁷ và Công ước Liên hợp quốc về phòng chống Tham nhũng²⁵⁸ đều chứa các quy định về dẫn độ mà có thể áp dụng cho các điều tra tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp. Các công ước này quy định các tiêu chuẩn tối thiểu để dẫn độ tội phạm có thể dẫn độ và khuyến khích việc phê chuẩn một loạt các cơ chế để đơn giản hoá quy trình dẫn độ.²⁵⁹

Ngoài ra, phần lớn các quyền tài phán đều có nhiều hiệp ước song phương cho phép dẫn độ đến và từ một số quốc gia đã được lựa chọn. Ở cấp quốc gia thì một số nước đã có đạo luật dẫn độ hoặc các luật tương tự trong đó đưa ra các yêu cầu về quản lý các yêu cầu dẫn độ đến hoặc từ các quốc gia khác.

Hiện vẫn còn nhiều tình huống mà cả các công cụ pháp lý hiện hành, ở cả cấp quốc tế và quốc gia đều không đầy đủ hoặc không đề cập đến tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp. Thậm chí trong trường hợp đã có thì quy trình dẫn độ lại công kênh và có nhiều trở ngại đối với việc dẫn độ nhanh chóng. Để giải quyết vấn đề này, các Hiệp ước Liên hợp quốc về Dẫn độ mà Đại hội đồng Liên hợp quốc đã chấp thuận thì đều được cung cấp cho các quốc gia muốn tham gia các hiệp định song phương mới. Luật Mẫu về Dẫn độ cũng đã được xây dựng.²⁶⁰

Công cụ III. 18 Dẫn độ

- Có luật dẫn độ không? Nếu có, thì luật dẫn độ có quy định về tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp không?
- Các hiệp ước dẫn độ song phương nào quốc gia đã tham gia? Các quốc gia nào mà hiện giờ chưa có hiệp ước này nhưng cần tiến hành ký kết?
- Các hiệp ước hiện tại có quy định đến tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp cũng như các tội danh được đề cập trong Công ước Liên hợp quốc về phòng chống tội phạm có tổ chức xuyên biên giới và công ước Liên hợp quốc về Phòng chống Tham nhũng (nếu quốc gia là Nước Thành viên)?
- Luật quốc gia có yêu cầu phải có hiệp ước để dẫn độ một người nào đó không? Luật có phép dẫn độ một người nào đó sang một quốc gia khác mà giữa quốc gia đó với nước mình chưa ký hiệp ước dẫn độ không?
- Đây là các quy định chủ yếu để cho phép thực hiện yêu cầu dẫn độ nào đó? Có yêu cầu nào được quy định ở cả luật quốc gia và các hiệp ước song phương không?
- Quốc gia có công nhận giá trị pháp lý của các lệnh bắt giữ của các nước khác không?
- Theo luật quốc gia, cơ sở nào cho phép từ chối dẫn độ? Có trường hợp ngoại lệ nào đối với một số loại hình tội phạm nhất định hay mức xử phạt, hay bản chất chính trị của vi phạm hay việc chầm chậm dẫn độ không?
- Cơ quan nào chịu trách nhiệm xử lý yêu cầu dẫn độ? Quy trình này được điều phối như thế nào? Cán bộ có được tập huấn về các quy định pháp lý liên quan đến dẫn độ hay

²⁵⁷Công ước Liên hợp quốc về Tội phạm có tổ chức xuyên biên giới, Điều 16. Tham khảo thêm: David McClean, Tội phạm có tổ chức xuyên biên giới, trang 173-190.

²⁵⁸Công ước Liên hợp quốc về phòng chống Tham nhũng, Điều 44

²⁵⁹UNODC, “Hợp tác quốc tế” trong “*Bộ Công cụ Đánh giá Tư pháp Hình sự*”.

²⁶⁰ Tham khảo: www.unodc.org/unodc/en/legal-tools/model-treaties-and-laws.html.

không?

- Đây là phản ứng mà quốc gia thường nhận được đối với các yêu cầu dẫn độ của mình?
- Quốc gia có đảm bảo rằng các yêu cầu dẫn độ được thực thi trong phạm vi thời hạn mà quốc gia yêu cầu đưa ra hay không?

3.2. Tương trợ tư pháp

Tương trợ tư pháp là một cơ chế cho phép một Quốc gia cung cấp hỗ trợ cho một Quốc gia khác trong quá trình điều tra hay truy tố. Hình thức hỗ trợ dưới dạng tương trợ pháp lý tuân thủ theo quy định của các hiệp ước hiện hành hay luật quốc gia và có thể bao gồm các biện pháp bắt buộc hoặc cưỡng ép.²⁶¹

Tương trợ tư pháp có thể được tiến hành trên cơ sở hiệp định đa phương hoặc song phương hoặc theo quy định pháp luật quốc gia về việc quy định thực hiện các hiệp ước đó hoặc cho phép thực hiện tương trợ tư pháp ngay cả trong trường hợp không có các hiệp ước đó. Các công cụ quốc tế như là Công ước Liên hợp quốc về Phòng chống Tội phạm có tổ chức²⁶² và Công ước Liên hợp quốc về Phòng chống Tham nhũng²⁶³ cũng có các quy định cụ thể liên quan đến tương trợ tư pháp.

Tương trợ tư pháp có thể bị cản trở bởi thực tế là quy định pháp lý của các quốc gia về thủ tục tương trợ tư pháp là khác nhau. Để hỗ trợ các nỗ lực này, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã phê chuẩn Hiệp ước Mẫu về tương trợ tư pháp đối với các vấn đề hình sự Luật mẫu về tương trợ tư pháp cũng đã được dự thảo.²⁶⁴

Công cụ III. 19 Tương trợ tư pháp

- Luật quốc gia có quy định về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực hình sự và hành chính không? Nếu có, hãy nêu cụ thể. Các văn bản pháp lý đó có bao gồm tội phạm động vật hoang dã và lâm nghiệp không?
- Quốc gia đã có các hiệp ước hoặc hiệp định song phương nào về tương trợ tư pháp? Có quốc gia nào mà hiện nay nước mình chưa có hiệp ước về tương trợ tư pháp nhưng việc có được hiệp ước với quốc gia đó là rất quan trọng không?
- Các hiệp ước hiện giờ có bao gồm các loại hình tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp hay các loại hình tội phạm được đề cập trong Công ước Liên hợp quốc về Phòng chống Tội phạm có tổ chức và Công ước Liên hợp quốc về Phòng chống Tham nhũng không (nếu quốc gia là nước thành viên của các công ước này)?
- Luật quốc gia có quy định phải có hiệp ước về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực hình sự không? Có thể thực hiện tương trợ tư pháp nếu không có hiệp ước không?
- Các yêu cầu chính để thực hiện yêu cầu hỗ trợ là gì? Các quy định này có được nêu ở cả luật quốc gia và hiệp ước song phương không?

²⁶¹ Ví dụ, theo điều 18, đoạn 3 và 8 của Công ước Liên hợp quốc về phòng chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia quy định các loại hình tương trợ pháp lý có thể được yêu cầu. Các loại hình này có thể bao gồm bất kỳ loại hình hỗ trợ nào khác nếu loại hình hỗ trợ đó không đi ngược với luật quốc gia của Quốc gia được yêu cầu. Tham khảo điều 18, đoạn 3 (1).

²⁶² Công ước Liên hợp quốc về Phòng chống Tội phạm có tổ chức, trang . 18; David McClean, Tội phạm có tổ chức xuyên biên giới, trang 195-238.

²⁶³ Công ước Liên hợp quốc về Phòng chống Tham nhũng, Điều . 46.

²⁶⁴ Tham khảo www.unodc.org/unodc/en/legal-tools/model-treaties-and-laws.html.

- Theo luật quốc gia, có thể từ chối yêu cầu tương trợ tư pháp trong trường hợp nào?
- Cơ quan nào chịu trách nhiệm xử lý các yêu cầu về tương trợ tư pháp? Quá trình này được điều phối như thế nào? Các cán bộ liên quan có được tập huấn để hiểu rõ các yêu cầu pháp lý cần thiết không?
- Các yêu cầu tương trợ tư pháp có thường được đáp ứng trong khoảng thời gian đề nghị của quốc gia yêu cầu không?

Trong trường hợp không có hiệp ước hoặc thoả thuận hoặc pháp luật quốc gia có quy định khác, một số quốc gia sử dụng thư thăm tra để có được sự hỗ trợ của nước khác. Thư thăm tra là yêu cầu của toà án của một nước đến hệ thống tư pháp của một nước khác để yêu cầu hành động hoặc cung cấp thông tin. Thư thăm tra có thể được sử dụng ở các quốc gia không có hiệp ước song phương hoặc đa phương về hỗ trợ.²⁶⁵ Điều này có thể được thực hiện trên cơ sở có đi có lại hoặc nguyên tắc ngoại giao.

Công cụ III. 20 Thư thăm tra

- Bộ phận nào xử lý thư thăm tra để yêu cầu hỗ trợ từ nước khác? Bộ phận nào chịu trách nhiệm gửi và nhận yêu cầu tương trợ tư pháp?
- Trung bình mất bao lâu thời gian để phát hành một thư thăm tra?
- Thư thăm tra có được sử dụng đối với tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp không? Nếu có thì trong trường hợp nào và sử dụng như thế nào? Nếu không thì tại sao?

Để xác định được điểm mạnh và điểm yếu của các biện pháp hợp tác quốc tế, cần phải rà soát lại mô hình hợp tác quốc tế cũng như quyền tài phán của từng quốc gia. Một số nước có quyền tài phán khá là gần và tương đồng với quyền tài phán của các quốc gia khác, điều này cho phép họ nộp và xử lý yêu cầu tương trợ tư pháp khá là dễ dàng hơn là với các quốc gia khác.²⁶⁶ Việc phân tích các vụ án hiện giờ và cơ sở dữ liệu liên quan có thể hỗ trợ xác định các cách thức thực hành tốt nhất cũng như phương pháp để vượt qua các trở ngại này. Tuy nhiên, cần phải lưu ý rằng việc hợp tác quốc tế thường bị tác động bởi các yếu tố liên quan đến địa lý, lịch sử và chính trị và các yếu tố này thường nằm ngoài phạm vi phân tích.

Công cụ III. 21 Mô hình hợp tác quốc tế

- Các quốc gia nào thường gửi yêu cầu hỗ trợ nhiều nhất?
- Tần suất, bối cảnh và loại hình tội phạm liên quan đến tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp mà quốc gia nhận được nhiều nhất?
- Kết quả xử lý các yêu cầu này như thế nào?
- Có sự trì trệ hay khó khăn nào thương gặp trong quá trình tìm kiếm sự hỗ trợ của các quốc gia khác không?

²⁶⁵ UNODC, “Điều tra tội phạm” trong Bộ Công cụ Đánh giá Tư pháp Hình sự; Hoa Kỳ, Bộ Ngoại giao, “Chuẩn bị Thư thăm tra”; tham khảo tại: http://travel.state.gov/law/info/judicial/judicial_683.html (13/01/ 2010).

²⁶⁶ UNODC, “Hợp tác quốc tế”, trong Bộ Công cụ Đánh giá Tư pháp Hình sự.

3.3 Tịch thu tài sản

Để đấu tranh chống lại tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp một cách hiệu quả, cần phải tịch thu lợi nhuận thu được từ các vụ tội phạm, đặc biệt là các mẫu vật có giá trị cao trên thị trường. Khả năng của các cơ quan thực thi pháp luật và các cơ quan tư pháp và truy tố trong việc nhận diện, điều tra, tịch thu tài sản từ các vụ phạm tội về động vật hoang dã và lâm nghiệp sẽ là một thông điệp gửi đến các nhóm tội phạm rằng hoạt động này sẽ không đem lại lợi nhuận cao.

Theo đó, phần lớn các quốc gia đều có các cơ chế cho phép họ truy xuất, chặn đứng và tịch thu tài sản và chiến lợi phẩm của các nhóm tội phạm. Do vậy, các cán bộ thực thi pháp luật cần phải có thẩm quyền để thực hiện quyền tịch thu khi họ có lý do nghi ngờ rằng động vật hoang dã hoặc lâm sản cho dù ở dạng sống hay chết đã được khai thác, buôn bán, nhập khẩu hoặc xuất khẩu trái phép quy định pháp luật. Các chi phí liên quan đến việc tịch thu, vận chuyển và tiêu hủy mẫu vật tịch thu, hoặc để duy trì các động vật hoặc thực vật sống có thể được thu hồi từ các đối tượng đã tham gia khai thác, hoặc từ chủ mẫu vật, người vận chuyển, người xuất khẩu hoặc nhập khẩu.²⁶⁷

Ngoài ra, cần phải đảm bảo rằng các mẫu vật được tịch thu phải được lưu giữ an toàn để làm bằng chứng trong quá trình truy tố và xét xử, và đảm bảo chúng không được tái tham gia vào thị trường. Ngoài ra, nếu các mẫu vật tịch thu đó không còn giá trị làm chứng cứ thì cần phải tiến hành tiêu hủy để đảm bảo chúng không được tái sử dụng bởi các nhóm tội phạm.

Chiến lợi phẩm của tội phạm ví dụ tài sản hoặc các công cụ được sử dụng để tiến hành hành vi phạm tội thường được lưu giữ bởi ít nhất hai quyền tài phán khác nhau. Do vậy, hợp tác quốc tế đóng vai trò rất quan trọng để đảm bảo các quốc gia thống nhất trước về cách thức trả lại hoặc chia sẻ tài sản được tịch thu. Yêu cầu hợp tác quốc tế vì mục đích tịch thu cũng chính là các yêu cầu tương trợ tư pháp quan trọng.

Có một số công cụ quốc tế, bao gồm Công ước Liên hợp quốc về Tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp và Công ước Liên hợp quốc về phòng chống Tham nhũng đã thiết lập các cơ chế toàn diện cho phép thu hồi tài sản xuyên biên giới.²⁶⁸ Mục đích của điều VIII, đoạn 1 (b) của CITES cũng để đảm bảo các mẫu vật nguy cấp được buôn bán trái phép sẽ phải được tịch thu hoặc trả lại.²⁶⁹ Trong thực tế, đây thường là “hình phạt duy nhất đối với các cá nhân vi phạm quy định của CITES”.²⁷⁰

Có những sự khác biệt cơ bản giữa luật quốc gia của các nước về việc cơ quan nào (quản lý hoặc tư pháp) có thể ra lệnh tịch thu tài sản cũng như thẩm quyền của các cơ quan này và các thủ tục mà họ phải tuân thủ. Ở một số quốc gia, việc tịch thu tài sản có thể do thẩm phán ban hành theo luật toàn án. Lệnh tịch thu do toà đưa ra có thể được quy định bắt buộc bởi luật hoặc được quy định trong quy định của toà án. Tuy vậy, ở một số quốc gia khác, lệnh tịch thu lại do các cơ quan quản lý ban hành.²⁷¹

Công cụ III. 22 Tịch thu tài sản

- Trình bày khung pháp lý quy định về hoàn trả, tịch thu và xung công tài sản hình sự và phi hình sự? Có quy định đặc biệt về tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp không?
- Có điều khoản nào cho phép tịch thu các mẫu vật động và thực vật được nhập khẩu, xuất khẩu, vận chuyển, bán, được cho, tặng hoặc mua trái phép không?
- Có bắt buộc phải tịch thu mẫu vật trong trường hợp có cơ sở phù hợp để tin rằng giao

²⁶⁷ Cyrille de Klemm, “Hướng dẫn pháp luật thực thi CITES”, trang 62.

²⁶⁸ Tham khảo thêm tài liệu của UNODC, “Hợp tác quốc tế”, trong *Bộ Công cụ Đánh giá Tư pháp Hình sự*.

²⁶⁹ Nghị quyết Ban thư ký CITES. *Luật Mẫu về Buôn bán Quốc tế*, trang 4.

²⁷⁰ David S. Favre, *Buôn bán quốc tế các Loài Nguy cấp*, trang 215.

²⁷¹ Cyrille de Klemm, “Hướng dẫn pháp luật thực thi CITES”, trang 66-68.

dịch đó đã vi phạm Công ước CITES?

- Quy định pháp luật về tịch thu tài sản xung công có quy định việc tịch thu cả phương tiện phạm tội như tàu , xe, máy bay và các thiết bị khác hay không?
- Các khung pháp lý này có toàn diện không?
- Có thể yêu cầu chủ mẫu vật hoặc đối tượng vận chuyển mẫu vật chi trả chi phí tịch thu, vận chuyển, tiêu hủy và bảo quản mẫu vật tịch thu không?
- Hiện có cơ chế nào để nhận diện , theo dõi , tịch thu hoặc đóng băng tài sản và các tài sản khác như hồ sơ ngân hàng , tài chính và thương mại , hay các thiết bị và công cụ được sử dụng hoặc có ý được sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội không?
- Có dữ liệu về tịch thu tài sản liên quan đến động vật hoang dã và lâm nghiệp hay không? Có dữ liệu về giá trị tài sản được tịch thu hoặc trả lại không?
- Mục đích tịch thu là gì? Tài sản tịch thu có được bảo quản an toàn không? Có cáo buộc nào về việc các tài sản được tịch thu đó tái tham gia thị trường không?
- Ai trả tiền cho việc xử lý , lưu trữ và thức ăn cho động vật hoang dã còn sống? Chính phủ có nguồn ngân sách đặc biệt cho mục đích này không?
- Tài sản tịch thu được tiêu hủy, phân phối hoặc trả lại như thế nào?
- Có điều ước đa phương nào là quốc gia đã tham gia có quy định về nghĩa vụ tịch thu hoặc xung công không?
- Quốc gia có tham gia các hiệp ước song phương hoặc các thỏa thuận khác liên quan đến việc chia sẻ tài sản giữa các nước có liên quan trong việc truy xuất, đóng băng và tịch thu tài sản có nguồn gốc từ tội phạm động vật hoang dã và rừng không?

3.4 Chuyển giao thủ tục tố tụng

Việc có lựa chọn để chuyển thủ tục tố tụng hình sự từ nước này sang nước khác có thể làm tăng khả năng thành công của một truy tố quốc gia khác đó ở một vị thế tốt hơn để tiến hành các thủ tục tố tụng. Điều này cũng có thể hỗ trợ việc truy tố trong một đất nước nghĩa là thực hiện tố tụng thay vì dẫn độ. Cuối cùng, nó có thể là một phương pháp hữu ích của tập trung truy tố tại một nước nào đó và do vậy sẽ làm tăng hiệu quả truy tố và khả năng thành công trong trường hợp vụ án có liên quan đến nhiều quốc gia có quyền tài phán khác nhau.²⁷²

Công ước Liên Hợp Quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng cũng có quy định cụ thể để khuyến khích việc chuyển giao các thủ tục tố tụng hình sự để truy tố hành vi phạm tội theo quy ước " trong trường hợp chuyển nhượng như vậy được coi là vì lợi ích tư pháp phù hợp , đặc biệt trong trường hợp vụ án có liên quan đến một số quyền tài phán khác nhau nhằm tập trung việc truy tố".²⁷³

Công cụ III. 23 Chuyển giao thủ tục tố tụng hình sự

- Quốc gia có là thành viên của hiệp ước nào (đa phương hoặc song phương) mà cho phép chuyển hoặc nhận thủ tục tố tụng trong các vấn đề hình sự đến hoặc từ một quốc

²⁷² UNODC, "Hợp tác quốc tế", trong *Bộ Công cụ Đánh giá Tư pháp Hình sự*.

²⁷³ Công ước Liên hợp quốc về Phòng chống Tội phạm có tổ chức xuyên biên giới, điều 21.; Công ước Liên hợp quốc về Phòng chống Tham nhũng, Điều 47. Tham khảo: David McClean, *Tội phạm có tổ chức xuyên biên giới*, tâng, 248-251.

gia khác không?

- Luật quốc gia có cho phép chuyển giao thủ tục tố tụng hình sự đến một quyền tài phán nước ngoài không? Luật có quy định giới hạn nào không?
- Quốc gia có nhận hoặc yêu cầu chuyển giao thủ tục tố tụng hình sự đến 1 nước khác không? Nếu vậy, có yêu cầu nào liên quan đến tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp không? Có bao nhiêu yêu cầu đã được xử lý? Những khó khăn gặp phải là gì?

3.5 Chuyển giao tội phạm bị kết án

Việc chuyển giao người bị kết án cho phép một người đang bị kết tội và bị kết án trong một nhà nước thực hiện nghĩa vụ của mình ở một quốc gia khác mà người đó có mối quan hệ, thường là cư dân của quốc gia đó. Công ước Liên Hợp Quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng có quy định cụ thể để khuyến khích các quốc gia thành viên tham gia "các hiệp định song phương hoặc đa phương hoặc các thỏa thuận về việc chuyển giao lãnh thổ của người bị kết án tù hoặc các hình thức tước quyền tự do về các tội phạm phù hợp với công".²⁷⁴

Công cụ III. 24 Chuyển giao tội phạm bị kết án

- Quốc gia có tham gia bất kỳ hiệp ước (đa phương hoặc song phương) nào cho phép chuyển giao người bị kết án đến và tiếp nhận từ một quốc gia khác?
- Luật quốc gia có cho phép chuyển giao người bị kết án đến một quyền tài phán nước khác không? Những giới hạn áp đặt đối với việc chuyển giao này?
- Quốc gia có nhận hoặc có gửi yêu cầu chuyển giao tội phạm bị kết án không. Nếu vậy, đã có yêu cầu nào trong phạm vi tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp không? Các yêu cầu này được xử lý như thế nào? Có gặp phải khó khăn nào không?

4 Kết án và trừng phạt

Tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp là sự quan tâm của nhiều đối tượng: cơ quan điều tra, nghiên cứu, đặc biệt là các kẻ chủ mưu bởi đây là hoạt động ít rủi ro lại nhiều lợi nhuận. Điều này là do hình phạt đối với động vật hoang dã và rừng vi phạm thường thấp hơn so với tính chất của tội phạm. Theo đó, các nước cần có những biện pháp cần thiết để đảm bảo rằng các hành vi phạm tội có liên quan (quy định tại phần I, mục 3 của *Bộ công cụ*) sẽ bị phạt hiệu quả, tương xứng và có tính răn đe hình phạt hình sự.²⁷⁵ Hơn nữa, bản kết án phải đảm bảo những điều kiện sau:

Trừng phạt người phạm tội đến một mức độ hoặc trong một cách mà là hợp lý trong mọi tình huống;

- Áp dụng hình phạt phù hợp với mức độ phạm tội
- Tạo điều kiện để người phạm tội có thể bồi thường

²⁷⁴. Công ước Liên hợp quốc về phòng chống Tội phạm có tổ chức xuyên biên giới, điều 17; Công ước Liên hợp quốc về phòng chống Tham nhũng, điều 45. Tham khảo thêm: David McGlean, *Tội phạm có tổ chức xuyên biên giới*, trang 191-194.

²⁷⁵ Tham khảo mục 3.7, phần I.

- Có tính răn đe đối với người phạm tội hoặc các đối tượng khác đối với việc hành vi phạm tội tương tự
- Đảm bảo rằng cộng đồng, thông qua tòa án, tố cáo các loại hành vi có liên đới đến đối tượng phạm tội; và
- Bảo vệ cộng đồng khỏi người vi phạm trong trường hợp cần thiết.

Ngoài ra, khi đưa ra hình phạt đối với tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp, tòa cũng có thể xem xét các yếu tố sau:

- Các mức độ nguy hại đã gây ra hoặc có thể được gây ra đối với môi trường (bao gồm cả môi trường tự nhiên, các loài và đa dạng sinh học);
- Các biện pháp thiết thực có thể đã được thực hiện để ngăn chặn, kiểm soát, hạn chế hoặc giảm thiểu tác hại;
- Mức độ mà người phạm tội đã cố gắng kiểm soát nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội và mức độ người phạm tội đã có thể đoán trước một cách hợp lý những thiệt hại có thể gây ra; và
- Phạm tội theo yêu cầu của cấp trên hoặc người giám sát.²⁷⁶

4.1 Nguyên tắc kết án

Trong việc xác định bản án, tòa án cần phải xét đến tính nghiêm trọng của hành vi phạm tội, được xác định bởi những thiệt hại gây ra, và tội của người phạm tội. Những thiệt hại có thể được phản ánh trong các thiệt hại gây ra bởi hành vi phạm tội đối với môi trường hoặc đối với các loài cụ thể, các loài động thực vật, chấn thương, tổn thất hoặc tổn hại khác gây ra cho các loài này cũng như cho công chúng nói chung. Các tội của người phạm tội thường được phản ánh trong trạng thái tinh thần của mình tại thời điểm vi phạm. Nói chung, hình phạt cao hơn được dành riêng cho những hành động cố ý, chủ ý hoặc thiếu thận trọng, trong khi hình phạt thấp hơn (hoặc không có hình phạt) có thể dành cho người phạm tội hành động vô ý hoặc không do không phải lỗi của họ.

Một yếu tố quan trọng là tòa cần phải xem xét các tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng. Ví dụ, phạm tội vì lợi ích tài chính hoặc thay mặt một tổ chức thường là tình tiết tăng nặng. Phạm tội thường xuyên cũng thường xuyên phải đối mặt với hình phạt cao hơn. Tái phạm cũng được cho vào "danh sách đen".²⁷⁷

Một yếu tố quan trọng là các tòa án có xu hướng khoan dung nếu, theo đánh giá chủ quan của họ, họ tin rằng động vật hoang dã và rừng tội là tội ít nghiêm trọng hơn so với các loại tội phạm. Một số tổ chức, cá nhân đã khuyến nghị phải có hình phạt tối thiểu.²⁷⁸ Tuy nhiên, khuyến nghị này không khả thi vì nó hạn chế khả năng của Tòa án để xem xét tất cả các tình tiết trước khi đưa ra bản án.

Công cụ III. 25 Kết án

- Luật quốc gia hiện đưa ra những bản án nào tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp? Mức phạt tù và phạt hành chính tối đa?
- Có hình phạt tối thiểu không?
- Cơ quan nào quyết định bản án (ví dụ, tòa án tuyên án hay thẩm phán)?

²⁷⁶ Gerry Bates, *Luật Môi trường ở Australia*, đoạn 9.30.

²⁷⁷ FAO và ITTO, Tập quán thực hành tốt nhất về *Nâng cao Hiệu quả Thực thi Pháp luật*, trang 47.

²⁷⁸ Cf Cyrille de Klemm, "Hướng dẫn luật thực hiện CITES", tr 65

- Nguyên tắc của tuyên án là gì? Được đưa ra ở đâu?
- Có thể áp dụng hình phạt cao hơn đối với người phạm tội lặp lại?
- Có hướng dẫn tuyên án chính thức hoặc không chính thức hoặc các tiêu chuẩn cho tội phạm về động vật hoang dã và lâm nghiệp không?
- Có các đơn vị thực thi pháp luật, bao gồm các đơn vị quản lý động vật hoang dã và lâm nghiệp tham gia tại phiên xét xử? Nạn nhân có được trình bày không?

4.2 Trừng phạt

Phần lớn các bản án dành cho tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp đều dẫn đến việc tịch thu tài sản bất hợp pháp hoặc yêu cầu nộp tiền phạt. Các loại biện pháp trừng phạt khác bao gồm cảnh báo, tạm giam, cấm di chuyển khỏi nơi cư trú, tước quyền công dân, cấm tiếp tục thực hiện giao dịch thương mại hoặc thực hiện các nghề nghiệp trong lĩnh vực đã có hành vi vi phạm, tước giấy phép, hạn chế quyền sở hữu động vật hoang dã hoặc tài nguyên rừng có liên quan đến hành vi phạm tội đã gây ra, cấm sử dụng các công cụ, xuất bản ấn phẩm về tội phạm, thực hiện các hành vi phục hồi thiệt hại. Trong thực tế, việc sử dụng kết hợp các biện pháp trừng phạt này có thể là một giải pháp phù hợp.²⁷⁹

Lệnh cấm di chuyển khỏi nơi cư trú có thể hữu ích khi muốn phủ quyền quyền tiếp cận đến một khu vực hay quần thể các loài của đối tượng phạm tội để ngăn chặn các hành khai thác hoặc săn bắn trái phép, và từ đó có thể phá đường dây buôn bán. Lệnh cấm tiếp tục hành nghề trong lĩnh vực đã phạm tội cũng là một biện pháp phòng ngừa hiệu quả. Lệnh treo giấy phép khai thác hay săn bắn, tịch thu giấy phép thương mại, vv cũng là các biện pháp hiệu quả.

Để tìm được bản án phù hợp, thì tòa án phải xem xét toàn bộ các biện pháp trừng phạt được quy định trong pháp luật hiện hành. Biện pháp bỏ tù nên được dành cho hành vi phạm tội nghiêm trọng nhất. Việc áp dụng các biện pháp như tử hình hay tù chung thân cũng không được khuyến khích.²⁸⁰

Các hình phạt hành chính (trừng phạt) thường được thực hiện bởi các cơ quan thực thi. Hình phạt dân sự và hình sự thường đòi hỏi sự tham gia của tư pháp và phụ thuộc vào luật và thực tế của từng quốc gia cụ thể. Một số hình phạt, như phạt tiền, có thể áp dụng cho các vụ án hành chính, dân sự hoặc hình sự.²⁸¹

Công cụ III. 26 Trừng phạt

- Luật hiện hành cho phép áp dụng những biện pháp trừng phạt nào? (ví dụ như phạt tù, phạt tiền, nhục hình hoặc hay tù chung thân hay lao động công ích?)
- Các biện pháp trừng phạt nào thường được áp dụng đối với tội phạm động vật hoang dã và lâm nghiệp?
- Cơ quan nào có thẩm quyền đưa ra các hình thức xử phạt đó?
- Pháp luật có cho phép tòa ban hành lệnh cấm di chuyển khỏi nơi cư trú, hay tước giấy phép buôn bán để ngăn ngừa đối tượng phạm tội có thể thực hiện các hành vi tương tự trong tương lai?

²⁷⁹ Arlene Kwasniak, “Thực thi pháp luật động vật hoang dã”, tr 9; Gerry Bates, *Luật Môi trường ở Australia*, đoạn. 9.34.

²⁸⁰ UNEP, Cẩm nang Tuân thủ và Thực thi các HIệp định Môi trường Đa phương (2006).

²⁸¹ UNEP, Cẩm nang Tuân thủ và Thực thi các HIệp định Môi trường Đa phương (2006).

5 Bồi thường, đền bù và phục hồi thiệt hại

Trong trường hợp có thể, người phạm tội nên thực hiện bồi thường cho các nạn nhân. Việc bồi thường có thể là trả lại tài sản hoặc chi trả cho thiệt hại hoặc tổn thất đã gây ra, bồi hoàn các chi phí phát sinh, cung cấp dịch vụ và phục hồi quyền lợi. Đối với tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp, việc bồi thường đặc biệt quan trọng trong trường hợp quyền tài sản của nạn nhân bị vi phạm hoặc trong trường hợp suy thoái môi trường đã gây ra thiệt hại tài sản của nạn nhân hoặc giảm hoặc phá hủy nguồn thu nhập hợp pháp của nạn nhân.

Trong nhiều trường hợp, bồi thường sẽ được trả cho Nhà nước chứ không phải cho một nạn nhân cụ thể. Trong trường hợp này, việc bồi thường cần tính thêm thời gian và chi phí dọn dẹp, điều trị y tế và phục hồi chức năng cho động vật hoang dã. Chi phí lưu giữ động vật hoang dã sống thường rất là đắt đỏ vì thời gian lưu giữ thường là lâu và do vậy các cơ quan truy tố cần khuyến khích toà án yêu cầu các đối tượng phạm tội phải chi trả các chi phí này. Trong trường hợp tiêu thụ, cần phải xem xét khả năng đưa trả động vật hoang dã sống về quốc gia xuất xứ. Điều này thường rất tốn kém và toà án cần phải xem xét đưa ra yêu cầu đối với đối tượng phạm tội để chi trả các chi phí trên.

Tòa án ở một số quốc gia có thể yêu cầu nộp phạt hành chính hoặc nộp tiền phạt xung công quỹ đã được thành lập cho mục đích này, thường là để phục vụ các mục đích bảo tồn hoặc để trợ cấp các hành động thực thi pháp luật. Tòa án cũng nên xem xét giao quyền sở hữu của các thành phần bị tịch thu trong thời gian hình phạt cho các cơ quan thực thi pháp luật để sử dụng tiếp theo của họ. Điều này có thể bao gồm, ví dụ, xe cộ, tàu thuyền hoặc thậm chí máy bay.

Bồi thường có thể được thực hiện trong một số cách khác nhau và tại các điểm khác nhau như: quản chế- một hình thức trực phạt hoặc hình phạt bổ sung. Nó cũng có thể là một kết quả của một tòa án truyền thống hoặc một cơ chế thay thế, chẳng hạn như một tiến trình hòa giải giữa nạn nhân và người phạm tội, hoặc quá trình tư pháp phục hồi khác. Một số luật cũng cho phép nạn nhân khởi kiện dân sự chống lại thủ phạm gây phạm tội trong lĩnh vực động vật hoang dã và lâm nghiệp.²⁸²

Trong một số trường hợp, khi người phạm tội không có phương tiện để trả tiền bồi thường, họ có thể được yêu cầu thực hiện các dịch vụ công ích cho nạn nhân hoặc cho cộng đồng. Đối với tất cả các biện pháp, điều quan trọng là phải đảm bảo các lệnh yêu cầu bồi thường phải được thực thi hiệu quả và tội phạm phải chịu hậu quả nếu họ không tuân thủ với các yêu cầu bồi thường.²⁸³

Công cụ III. 27 Bồi thường

- Luật pháp hiện hành có cho phép coi bồi thường là một phần của bản án không? Nếu có thì có áp dụng đối với tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp không?
- Nạn nhân có thể khởi kiện dân sự chống lại thủ phạm không?
- Nạn nhân có ý thức được hoặc được tuyên truyền về các quy định pháp luật này không? Nạn nhân của tội phạm động vật hoang dã và lâm nghiệp có thể yêu cầu bồi thường không?
- Các lệnh yêu cầu bồi thường được thực thi như thế nào?

Các quốc gia cũng nên bồi thường về tài chính trong trường hợp người phạm tội không đủ khả năng bồi thường hoặc không lấy được tiền bồi thường từ các nguồn khác. Trong trường hợp đối tượng

²⁸² Tham khảo, Đạo luật Động vật Nguy cấp, 1973 (US), 16 USC §1540(g).

²⁸³ UNODC, “Nạn nhân và nhân chứng”, trong *Bộ Công cụ Đánh giá Tư pháp Hình sự*

phạm tội là cơ quan Nhà nước hoặc đại diện cho Nhà nước thì Nhà nước có trách nhiệm bồi thường cho nạn nhân cho những thiệt hại do cơ quan Nhà nước đó gây ra cho nạn nhân. Một số nước đã phê chuẩn luật và thiết lập cơ chế đặc biệt để bồi thường nạn nhân. ²⁸⁴

Nếu hành vi tội phạm gây ra thiệt hại mất môi trường cho các khu đất thuộc sở hữu công hoặc tư nhân, toà có thể yêu cầu thực hiện biện pháp bồi thường hoặc các biện pháp khắc phục khác. Việc có thực hiện được các biện pháp phục hồi hay không trong thực tế phụ thuộc vào nhiều yếu tố như mức độ nghiêm trọng của thiệt hại, rủi ro từ thiệt hại, khả năng tái sinh tự nhiên, và tính khả thi của các biện pháp phục hồi nhân tạo. Trong một số trường hợp không thể tiến hành bồi thường được, ví dụ việc chặt hạ cây hay giết hại động vật hoang dã nguy cấp. Do vậy các biện pháp phòng ngừa và giám sát nên được ưu tiên cao hơn.

Công cụ III. 28 Bồi thường và các biện pháp khắc phục hậu quả

- Toà có thể ban hành lệnh yêu cầu thực hiện các biện pháp bồi thường và khắc phục hậu quả đối với tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp không?
- Các loại biện pháp bồi thường và khắc phục hậu quả nào có thể đưa ra? Các biện pháp này có bao gồm thời gian và chi phí dọn dẹp hoặc chăm sóc động vật hoang dã không?

²⁸⁴ Ibid.

Chương bốn.

Động cơ và phòng ngừa

1. Phân tích bối cảnh	157
1.1 Các bên liên quan trong chuỗi cung ứng động vật hoang dã và sản phẩm lâm nghiệp .	157
1.2 Sử dụng động vật hoang dã và tài nguyên rừng	162
2 Quản lý động vật hoang dã và lâm nghiệp	168
2.1 Động vật hoang dã và hệ thống quản lý lâm nghiệp.....	168
2.2 Kế hoạch quản lý động vật hoang dã và rừng.....	170
3 Nâng cao năng lực xã hội	175
3.1 Xoá đói giảm nghèo.....	176
3.2 Phương pháp tiếp cận có sự tham gia	176
4 Buôn bán và thị trường hợp pháp	177
5 Nâng cao nhận thức	178
6 Kết luận	178

Động cơ và phòng ngừa

Tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp có thể gây ra do nhiều nguyên nhân, ví dụ đói nghèo ở vùng nông thôn, phân bố đất nông nghiệp không bình đẳng, các lợi ích kinh tế, thị trường hợp pháp đối với gỗ và lâm sản phi gỗ cũng như các bất ổn xã hội khác như chiến tranh và nạn đói.²⁸⁵ Tham gia buôn bán động vật hoang dã và lâm sản trái phép có thể là một nguồn thu nhập cho một bộ phận dân số, hay là một cái lưới an toàn để đáp ứng các nhu cầu cơ bản cho các đối tượng khác, và trong một số trường hợp là cơ hội béo bở để thu được nguồn lợi nhuận khổng lồ.²⁸⁶ Mặc dù các hành vi trong chuỗi buôn bán trái phép loài hoang dã có sự gắn kết với nhau (ví dụ, người nghèo thường được thuê để săn bắn và vận chuyển hàng cho các đối tượng buôn lậu), nhưng vẫn rất cần phải tách biệt các hành vi gây ra do đói nghèo và các hành vi do lòng tham và bị lu mờ vì lợi nhuận béo bở.²⁸⁷ Ở các quốc gia đang phát triển, đói nghèo có thể là một nhân tố dẫn đến tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp, tập quán canh tác đốt nương làm rẫy truyền thống cũng là nguyên nhân dẫn đến cháy rừng. Theo đó, các hành vi phạm tội có thể có hại cho những người phụ thuộc vào động vật hoang dã và tài nguyên rừng.²⁸⁸ Do vậy, các yếu tố về xã hội, chính trị, kinh tế, phát triển và văn hoá cần phải được xem xét khi thiết kế các chiến lược hiệu quả để hạn chế sự tham gia của đối tượng này vào các hoạt động liên quan đến tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp và nhằm ngăn ngừa tội phạm về loài hoang dã và lâm nghiệp nói chung.

Thực thi pháp luật hiệu quả, có chế tài xử phạt hợp lý và có hệ thống pháp lý vận hành tốt là các yếu tố then chốt để kiểm soát và ngăn chặn tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp. Tuy nhiên, các vấn đề về thực thi pháp luật về loài hoang dã và lâm nghiệp không thể giải quyết được chỉ bằng các cơ chế này. Chúng chỉ có thể được giải quyết đồng thời với sự tăng cường về quản lý tài nguyên thiên nhiên, tái cấu trúc ngành, tăng cường dịch vụ phát triển nông thôn và xoá đói giảm nghèo cho các cộng đồng phụ thuộc vào động vật hoang dã và tài nguyên rừng.²⁸⁹ Một đặc điểm đặc biệt của tội phạm liên quan đến tài nguyên thiên nhiên là chúng có thể nảy sinh từ các vấn đề sâu xa trong các chính sách và cơ chế quản lý tài nguyên và sẽ được giải quyết hiệu quả nếu coi đó là các vấn đề về tài nguyên chứ không chỉ đơn thuần là các vấn đề thực thi pháp luật hình sự.

Trong phần bốn của Bộ Công cụ, mục 1 đã đưa ra các công cụ cơ bản để hỗ trợ người sử dụng nhận diện được các yếu tố dẫn đến tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp. Các công cụ này giúp các đối tượng sử dụng hiểu rõ hơn về phạm vi của một loại hình tội phạm nhất định và hỗ trợ họ xác định các điểm tiếp cận để có biện pháp can thiệp phòng ngừa hiệu quả. Mục 2 cung cấp các công cụ để hỗ trợ người sử dụng phân tích năng lực hiện tại và tính hiệu quả của các cơ chế quản lý tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là tài nguyên về động vật hoang dã và tài nguyên rừng, do vậy, đây chính là điểm bắt đầu để kiểm soát các hoạt động trái phép.

Tuy nhiên, cần phải lưu ý rằng mục này không phải là hướng dẫn về quản lý tài nguyên thiên nhiên hay phát triển con người. Mục tiêu chủ yếu của mục này là nâng cao nhận thức và sự chú ý đối với các động cơ và nguyên nhân dẫn đến tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp. Đồng thời, nó cũng giúp cung cấp thêm thông tin, hướng dẫn và công cụ để phân tích và thiết kế các biện pháp can thiệp cụ thể và tập trung.

²⁸⁵Ngân hàng Thế giới, “Tăng cường thực thi lâm luật và quản trị rừng”, trang 7

²⁸⁶TRAFFIC, “Đâu là nguyên nhân dẫn đến buôn bán động vật hoang dã? Quan điểm của chuyên gia về các nguyên nhân kinh tế và xã hội dẫn đến buôn bán động vật hoang dã và các nỗ lực kiểm soát buôn bán động vật hoang dã ở Cambodia, Indonesia, Lào và Việt Nam”, Tài liệu Thảo luận về Phát triển Bền vững ở Đông Á và Thái Bình Dương (Washington, DC, Ngân hàng Thế giới, 2008), trang 5.

²⁸⁷Marcus Colchester và others, *Tư pháp trong Lâm nghiệp*, trang x.

²⁸⁸ William B. Magrath và cộng sự, “Ngăn ngừa Nạn ăn trộm Gỗ. Đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý rừng”. Tài liệu Thảo luận về Phát triển Bền vững ở Đông Á và Thái Bình Dương (Washington, DC, Ngân hàng Thế giới, 2007), trang 6-7.

²⁸⁹Ngân hàng Thế giới, “Tăng cường thực thi lâm nghiệp và quản trị rừng”, trang xiv.

1. Phân tích bối cảnh

Việc nhận diện được sự đa dạng về các yếu tố liên quan đến các hoạt động trái phép và vô văn hình thức sử dụng trái phép tài nguyên về động vật hoang dã và tài nguyên thiên nhiên có thể giúp lý giải được phạm vi và động cơ dẫn đến loại hình tội phạm này.

Mục này cung cấp các công cụ cần thiết để phân tích và xác định sự gắn kết khác nhau và các nhân tố chính trong chuỗi cung ứng sản phẩm động vật hoang dã và lâm nghiệp.

Kinh nghiệm cho thấy một số lượng lớn gỗ có nguồn gốc trái phép đã được rửa thông qua các khu rừng đã được cấp phép, các đối tượng được phép tham gia thị trường, các xưởng gỗ hay các nhà xuất khẩu hợp pháp, vv. Mỗi năm, một số lượng lớn gỗ như vậy đã được xuất khẩu sử dụng giấy phép CITES hay các chứng chỉ về nguồn gốc xuất xứ khác. Để đấu tranh chống lại sự gian lận này và để xác minh đảm bảo gỗ hợp pháp là gỗ đến từ các khu vực đã được cấp chứng chỉ và vận hành bền vững, thì một yếu tố mang tính sống còn là phải duy trì được một chuỗi hành trình của sản phẩm một cách hiệu quả. Để làm được như vậy thì chắc chắn phải sử dụng hệ thống đánh dấu, ví dụ như mã vạch, dấu sơn đặc biệt, mực không tẩy xóa được, dấu và đánh dấu bằng tia laser.

Hệ thống đánh dấu như vậy phải được kết hợp cùng với các chứng từ hỗ trợ về nguồn gốc xuất xứ, ví dụ như giấy phép khai thác, vận chuyển và sơ chế. Ví dụ, cán bộ thực thi cần phải thường xuyên có mặt tại các khu rừng, các điểm kiểm soát hoặc tiến hành kiểm tra đột xuất tại các điểm này và phải kiểm tra xem các dấu đánh dấu trên gỗ và nội dung trong chứng từ đi kèm có trùng khớp với nhau không trước khi cho phép lưu thông số gỗ đó. Ngoài ra, cũng cần phải tiến hành kiểm tra tại các xưởng gỗ và tại cảng xuất khẩu.

Một điều hết sức quan trọng là phải duy trì được chuỗi hành trình sản phẩm, từ giai đoạn khai thác cây đứng đến điểm xuất khẩu cũng như trong suốt chuỗi, bao gồm tại mọi điểm chế biến như xưởng gỗ hay xưởng chế biến, xẻ gỗ, chế biến gỗ thành gỗ tấm, ván, vv.

Hiện có nhiều cơ chế hiện tại không tập trung duy trì một chuỗi hành trình sản phẩm chặt chẽ mà lại tập trung vào tính bền vững của các lĩnh vực cụ thể về lâm nghiệp hay các hoạt động cụ thể. Nhiều cơ chế lại không có nhiều biện pháp để ngăn ngừa và hạn chế khả năng rửa gỗ có nguồn gốc trái phép tham gia chuỗi cung ứng hợp pháp, mặc dù điều này là hết sức quan trọng.

Đồng thời các cơ quan quản lý cần phải có quy chế nghiêm minh về các giai đoạn trong chuỗi buôn bán liên quan đến các sản phẩm “thô” này. Mặc dù các biện pháp về khoa học rất đắt đỏ (và có thể không khả thi) như lập hồ sơ DNA, hầu như là không thể xác định được nguồn gốc hợp pháp của gỗ một khi nó được chế biến thành khung tranh, cán bút hay ghế ngồi. Việc xác định nguồn gốc của động vật hoang dã cũng như vậy, rất khó để xác định được nguồn gốc của một cái dây đeo đồng hồ làm từ da cá sấu hay một cái dấu tên làm từ ngà voi.²⁹⁰

1.1 Các bên liên quan trong chuỗi cung ứng động vật hoang dã và sản phẩm lâm nghiệp

Như đã trình bày ở trên, tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp là một hiện tượng phức tạp xảy ra ở cả các quốc gia xuất xứ, quốc gia trung chuyển và quốc gia tiêu thụ.²⁹¹ Do vậy, các chuỗi cung ứng động vật hoang dã và sản phẩm lâm nghiệp thường có sự tham gia của nhiều đối tượng và nhiều bên liên quan.²⁹² Ở phía cung, các đối tượng này thường bao gồm: các đối tượng sử dụng vì mục đích sinh kế, thợ săn vì mục đích thương mại và các chủ rừng; ở phía cầu các đối tượng này gồm:

²⁹⁰ Tham khảo Dennis TR Dykstra và các cộng sự, “Công nghệ khai thác gỗ: xác minh và giám sát chuỗi cung ứng và tính tuân thủ của ngành gỗ”, Cục Môi trường Phát triển Xã hội, Tài liệu Thảo luận Vùng Tây Á và Thái Bình Dương (Washington, DC, 2003), trang 68.

²⁹¹ Xem thêm phần I, đoạn 3.1-3.6.

²⁹² TRAFFIC, “Động cơ buôn bán động vật hoang dã?”, trang ix

thợ săn vì mục đích mồi vật săn bắn, trung gian, người sử dụng cuối cùng. Theo đó, hiện có nhiều quan điểm, nhiều lợi ích khác nhau đối với cùng một loại tài nguyên thiên nhiên.²⁹³

Để ngăn ngừa và đấu tranh với tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp, cần phải xác định nhiều yếu tố khác nhau trong chuỗi cung ứng động vật hoang dã cũng như các động cơ của các hành động đó. Mục đích của các công cụ dưới đây là để giúp đối tượng sử dụng nhận diện được các đối tượng tham gia chính và vai trò của họ trong chuỗi cung ứng động vật hoang dã và sản phẩm lâm nghiệp.

Công cụ IV.1 Các đối tượng tham gia trong chuỗi cung ứng động vật hoang dã và sản phẩm lâm nghiệp

- Cá nhân hoặc tổ chức nào tham gia săn bắt động vật hoang dã?
- Cá nhân hoặc tổ chức nào tham gia khai thác gỗ?
- Vai trò của nông dân và các hộ gia đình đối với các hoạt động được xem xét?^a
- Có nhóm hoặc tổ chức săn bắt hay khai thác rừng nào tham gia thực hiện các hoạt động đang được xem xét không?
- Các đối tượng tham gia này thực hiện độc lập hay có thoả thuận ngầm với trung gian?
- Chủ đất/chủ rừng có bị ảnh hưởng bởi các hoạt động đang được xem xét không?^b
- Có sự tham gia của các thợ săn và người sử dụng động vật hoang dã vì mục đích thương mại không?
- Quốc gia có đủ hệ thống pháp luật để ngăn chặn các hoạt động này không? Các tổ chức đã bị chính phủ xử lý còn tái phạm trong lĩnh vực quan tâm không?^c
- Vai trò của cảnh sát hoặc quân đội đối với các hoạt động đang được xem xét (bao gồm cả việc thực thi pháp luật và việc làm trái với quy định của pháp luật)?

a Để đảm bảo tính trung tính và không thiên vị, thuật ngữ “hoạt động đang được xem xét” được sử dụng thay cho “hành vi phạm tội”, “tội phạm” hay “hành vi tội phạm hình sự”.

b TRAFFIC, “Điều gì là động lực buôn bán các loài hoang dã” tr 26

c Trong phạm vi *Bộ công cụ* này, thuật ngữ “lĩnh vực quan tâm” được sử dụng để mô tả một vùng địa lý nơi diễn ra các hoạt động (trái phép) liên quan đến động vật hoang dã và rừng.

Cộng đồng địa phương và người dân bản địa

Tại các quốc gia đang phát triển, cộng đồng bản địa và người nghèo thường có khuynh hướng phụ thuộc vào động vật hoang dã và tài nguyên rừng để đảm bảo sinh kế. Ước tính có khoảng 350 triệu người trên toàn thế giới sống trong và quanh rừng, và tại nhiều khu vực, tài nguyên rừng đã giúp đảm bảo sự an toàn cho người nghèo và cộng đồng bị thiệt thòi trong suốt những thời gian khó khăn.²⁹⁴ Hay nói cách khác, ở tất cả các quốc gia đang phát triển, những người nghèo nhất và dễ bị tổn thương nhất phần lớn hoặc hoàn toàn phụ thuộc vào tài nguyên rừng để đảm bảo sinh kế và lương thực cho mình.²⁹⁵ Các nhóm dễ bị tổn thương này đặc biệt bị tác động tội phạm loài hoang

²⁹³ Andrew Zakharenka và William B. Magrath, *Quản trị và Phòng chống Tham nhũng để Duy trì Ổn định Động vật hoang dã ở Tây Á và Thái Bình Dương* (Ngân hàng Thế giới, 2009), trang 7 và 12.

²⁹⁴ Ngân hàng Thế giới, “Tăng cường thực thi pháp luật và quản trị rừng”, trang xi.

²⁹⁵ Ngân hàng Thế giới, *Chiến lược Lâm nghiệp Tây Á: Dự thảo để lấy ý kiến nhận xét* (Washington, DC, 2006), trang 42-43.

dã và lâm nghiệp ví dụ như săn trộm động vật hoang dã, khai thác gỗ trái phép hoặc tham gia vận chuyển gỗ và lâm sản phi gỗ ra khỏi rừng.

Ở nhiều quốc gia, các luật hiện hành liên quan đến động vật hoang dã và lâm nghiệp đã giới hạn quyền và sinh kế của các cộng đồng phụ thuộc vào rừng. Các cộng đồng này thường gặp nhiều khó khăn trong việc có được quyền sở hữu đất và sự tiếp cận và sử dụng động vật hoang dã của họ thường không được phản ánh trong các chương trình quản lý rừng. Ngoài ra, các biện pháp thực thi lâm luật thường củng cố sự bất công xã hội, hạn chế sinh kế nông thôn và do vậy đã làm gia tăng việc sử dụng không bền vững tài nguyên rừng và các lâm sản phi gỗ.²⁹⁶

Do vậy, cần phải phân tích cụ thể vai trò và sự tham gia của các cộng đồng nghèo và các nhóm dân tộc bản địa. Tội phạm hoá các nhóm này sẽ không giúp ngăn ngừa được tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp. Do vậy, cần phải có một phương pháp tiếp cận khác biệt, ví dụ thông qua giải quyết các vấn đề đói nghèo, hiểu rõ được các thói quen truyền thống của họ.

Một ví dụ cụ thể là nhu cầu sử dụng thịt thú rừng từ lâu đã là một nhu cầu quan trọng của người dân sống tại các khu rừng nhiệt đới ở Trung Phi, ví dụ như Lưu vực Công-gô và ở đó ước tính thịt thú rừng đã được sử dụng cho khoảng 40,000 năm.²⁹⁷

Thịt thú rừng đã luôn là một nguồn protein quan trọng cho người dân nông thôn và ước tính khoảng 80% người dân ở vùng Trung Phi sử dụng thịt thú rừng trong bữa ăn của mình.²⁹⁸ Ngoài ra, thịt thú rừng đang trở thành một yếu tố ngày càng quan trọng trong việc tạo thu nhập nhờ việc bán cho các con buôn và người dân địa phương.²⁹⁹ Xử lý hình sự các nhóm phụ thuộc vào thịt thú rừng là một cách thức để giải quyết vấn đề này một cách nhanh chóng. Tuy nhiên, để có được một cách tiếp cận mang tính bền vững thì cần phải có các chiến lược định hướng phát triển chứ không chỉ về thực thi pháp luật.

Các lâm sản khác cũng gặp phải vấn đề tương tự. Ví dụ, xưởng gỗ thường là một hình thức doanh nghiệp quy mô nhỏ hoặc quy mô tự cung tự cấp, có thể là hợp pháp hoặc bất hợp pháp, bền vững hoặc không bền vững. Do vậy, một điều quan trọng là tất cả các hành động về thực thi pháp luật cần phải tính đến yếu tố sinh kế và tác động xã hội của việc hình sự hoá các hoạt động liên quan.³⁰⁰ Trong tình huống sau xung đột (ví dụ ở Liberia), xưởng gỗ được xem là một sinh kế thay thế cho các cựu chiến binh.

Công cụ IV.2 Cộng đồng địa phương và các nhóm bản địa

- Cộng đồng nào sống trong khu vực quan tâm?
- Có nhóm người bản địa sống trong khu vực quan tâm không?
- Điều kiện kinh tế xã hội của các cộng đồng và các nhóm bản địa này?
- Cơ sở sinh kế và thu nhập của các cộng đồng bản địa này?
- Mức độ phụ thuộc vào động vật hoang dã và lâm sản về sinh kế của các nhóm đối tượng này?
- Tình hình an ninh lương thực của các đối tượng này? Họ làm gì để không bị thiếu

²⁹⁶ Marcus Colchester và cộng sự, *Tư pháp trong Lâm nghiệp*, trang x.

²⁹⁷ Tham khảo Serge Bahuchert, “Lịch sử của dân định cư trong rừng mưa Châu Phi: quan điểm từ các nhà phân tích ngôn ngữ” trong ấn phẩm *Rừng Nhiệt đới, Con người và Lương thực: Sự giao thoa của hai yếu tố sinh học và văn hoá và Ứng dụng đối với quá trình phát triển*, Claude M. Hladik và cộng sự. (Pearl River, New York, Nhà Xuất bản Pantheon, 1993).

²⁹⁸ Tham khảo Fred Pearce, “Khoảng trống về ”protein”: *Thực tế Báo tồn*, tập 6, số 3 (7/2005), trang 117-123.

²⁹⁹ Đạo đức Môi trường, “Thịt rừng và đa dạng sinh học” (Tháng 3, 2010). Tham khảo trang: <http://environmentalethics.posterous.com/wild-meat-and-biodiversity>.

³⁰⁰ Marieke Wit và các cộng sự “Xưởng cưa: nhà cung ứng cho thị trường địa phương- một cái nhìn tổng hợp”, *ETFRN News*, Số 52 (Tháng 12/ 2010).

thức ăn?

- Các cộng đồng và nhóm người này làm gì để bảo vệ động vật hoang dã và tài nguyên rừng? Có các sáng kiến nào của cộng đồng để kiểm soát và ngăn ngừa các hoạt động săn trộm động vật hoang dã và khai thác gỗ trái phép không?
- Luật quốc gia có tôn trọng truyền thống và quyền của cộng đồng địa phương và các nhóm bản địa không? Các cộng đồng và các nhóm đối tượng này có tiếp cận với động vật hoang dã và rừng không?
- Cộng đồng địa phương và các nhóm bản địa có tham gia quá trình lập quyết định và dự thảo các văn bản pháp lý liên quan đến động vật hoang dã và lâm nghiệp không?
- Các đánh giá xã hội về hoạt động thực thi có phải là một phần của biện pháp thực hành chuẩn không?

Các nhóm mới nổi

Các nhóm mới nổi và nổi loạn có thể nhắm tới động vật hoang dã để gây quỹ cho các hoạt động chiến tranh của chúng. Một ví dụ về loại hoạt động đã được báo cáo tại vùng Great Lake của châu Phi nơi các nhóm nổi loạn thường tấn công các vườn quốc gia và khu bảo tồn để giết động vật hoang dã làm thức ăn hoặc mẫu vật săn bắn.³⁰¹ Lợi nhuận từ các hoạt động khai thác gỗ trái phép cũng được sử dụng để tài trợ cho các hoạt động vũ trang hay các chính quyền nổi loạn.³⁰²

Công cụ IV.3 Các nhóm mới nổi

- Có bất kỳ nhóm nổi loạn hoặc mới nổi nào tham gia các hoạt động săn trộm động vật hoang dã hoặc khai thác gỗ trái phép hay không?
- Các nhóm mới nổi hoặc nổi loạn tham gia các hoạt động buôn bán động vật hoang dã và lâm sản ở mức độ như thế nào? Đây là điểm đến của các chuỗi giao dịch này?
- Các nhóm này được trang bị như thế nào (ví dụ, súng và thiết bị máy móc)?

Cảnh sát và quân đội

Ở một số vùng, cảnh sát và quân đội có thể liên đới đến các hoạt động trái pháp luật có ảnh hưởng tiêu cực đến động vật hoang dã và tài nguyên rừng hoặc các loài nguy cấp cần bảo vệ.

Công cụ IV.4 Cảnh sát và quân đội

- Cảnh sát và quân đội có tham gia các hoạt động đang được xem xét không?
- Vai trò và trách nhiệm chính của cảnh sát và quân đội?

³⁰¹ Tây Phi “các nhóm quân đội chằm ngoi cho nạn săn trộm ở Tây Phi” 14/10/2010. Tham khảo tại www.theeastafrican.co.ke/news/-/2558/1033020/-/onjxouz/-/index.html.

³⁰² Tham khảo Chương trình về Lâm nghiệp: Rừng và Xung đột: Tổng quan và Nghiên cứu Điển hình (Washington, DC, Ngân hàng Thế giới, 2010).

- Cảnh sát và quân đội sử dụng cơ chế kiểm soát và giám sát như thế nào?

Kiểm lâm và cảnh sát giao thông

Bị mờ mắt vì lợi nhuận hoặc đã do đã nhận hối lộ, kiểm lâm và cảnh sát giao thông có thể là các đối tượng tiếp tay cho các hành vi khai thác, buôn bán hoặc vận chuyển trái phép động vật hoang dã và lâm sản.

Công cụ IV.5 Kiểm lâm và cảnh sát giao thông

- Trong các lĩnh vực đang xem xét có sự tham gia của các tình nguyện viên, kiểm lâm hoặc cảnh sát giao thông không? Nếu có, thì họ có vai trò và trách nhiệm gì?
- Kiểm lâm hoặc cảnh sát giao thông sử dụng các biện pháp kiểm soát và giám sát như thế nào?
- Họ có đóng góp như thế nào đối với kiểm soát và ngăn ngừa các hành vi đang nghiên cứu?

Các đối tượng sử dụng vì mục đích thương mại

Nhu cầu và sự giàu có của người tiêu thụ (đô thị) động vật hoang dã và lâm sản có thể là động cơ chủ yếu dẫn đến các hành vi săn bắn động vật hoang dã và khai thác lâm sản trái phép.³⁰³ Điều này có thể minh họa thông qua ví dụ về nhu cầu đối với thịt thú rừng ở vùng Châu Phi.³⁰⁴ Mặc dù thịt thú rừng là thức ăn hàng ngày của một số đối tượng, nhưng đồng thời nó cũng là một mặt hàng xa xỉ đối với các đối tượng khác.³⁰⁵ Đặc biệt ở các vùng đô thị, nhu cầu về thịt thú rừng thường xuất phát từ các thành phần có điều kiện kinh tế xã hội cao hơn.³⁰⁶ Theo đó, nhu cầu ngày càng tăng của dân số đô thị đối với thịt thú rừng đã dẫn đến sự tuyệt chủng của các loài linh trưởng cũng như sự đói nghèo của bộ phận dân số phụ thuộc vào thịt thú rừng để đảm bảo sinh kế hàng ngày.³⁰⁷

Công cụ IV.6 Các đối tượng sử dụng vì mục đích thương mại

- Nhu cầu về sản phẩm động vật hoang dã và lâm sản vì mục đích thương mại có cao không?
- Những đối tượng nào hay các công ty nào thường mua sản phẩm động vật hoang dã và lâm sản từ người dân bản địa hoặc cộng đồng địa phương?
- Các đối tượng này liên lạc với người dân bản địa hoặc cộng đồng địa phương bằng hình thức nào?

³⁰³ TRAFFIC, “Động cơ buôn bán động vật hoang dã?”, trang xiv.

³⁰⁴ Tham khảo thêm phần IV, mục 1.1.

³⁰⁵ Elizabeth L. Bennett, “Sự liên hệ giữa thịt thú rừng và an ninh lương thực?”, Sinh học và Bảo tồn, tập 16, số 3 (Tháng 6/2002).

³⁰⁶ Evan Bowen-Jones, D. Brown và E.J.Z. Robinson, “Hàng hoá kinh tế hay khủng hoảng thị trường? Phương pháp phân tích đa ngành về hoạt động buôn bán thịt thú rừng ở Trung và Tây Phi”, *Area*, tập 35, Số 4 (Tháng 12/2003), trang 390-402.

³⁰⁷ Đạo đức Môi trường, “Thịt thú rừng và Đa dạng sinh học”.

- Người dân bán sản phẩm động vật hoang dã và lâm sản như thế nào? Sản phẩm động vật hoang dã và lâm sản được cung ứng như thế nào?
- Ai là người sử dụng cuối cùng của các sản phẩm động vật hoang dã và lâm sản?
- Đây là điểm tiêu thụ của các sản phẩm động vật hoang dã và lâm sản?
- Các sản phẩm động vật hoang dã và lâm sản được bày bán ở chợ địa phương hay được phục vụ trong nhà hàng?
- Động vật hoang dã và lâm sản được buôn bán xuyên quốc gia ở mức độ như thế nào?

1.2 Sử dụng động vật hoang dã và tài nguyên rừng

Động vật hoang dã và lâm sản được sử dụng ở nhiều hình thức khác nhau và cho nhiều mục đích khác nhau, từ làm thức ăn, thuốc đến phục vụ cho các mục đích văn hoá, làm vật dụng trong gia đình, thời trang, trình diễn, nhựa công nghiệp.... Sản phẩm từ động vật hoang dã có thể được sử dụng ở địa phương (ví dụ, tiêu dùng trực tiếp) hoặc được vận chuyển thông qua một quá trình phức tạp để cung ứng cho người sử dụng cuối cùng.³⁰⁸ Phân tích đường đi và sử dụng động vật hoang dã và tài nguyên rừng có thể góp phần xác định các yếu tố là động cơ dẫn đến các hành vi trái phép liên quan đến động vật hoang dã và rừng.³⁰⁹

Một sự khác biệt chính liên quan đến việc sử dụng động vật hoang dã và lâm sản chính là mục đích sử dụng để đảm bảo sinh kế hàng ngày và việc săn bắn vì mục đích thương mại. Động cơ của hành vi săn bắn truyền thống phục vụ cho nhu cầu sinh kế và tiêu dùng ở địa phương hoàn toàn khác với các động cơ săn bắn vì mục đích thương mại để phục vụ cho thị trường quốc tế.³¹⁰ Điều này cũng tương tự đối với vấn nạn khai thác gỗ trái phép, và do vậy cần phải phân biệt các hoạt động khai thác gỗ trái phép vì đói nghèo hay vì mục đích làm củi đun với các hành vi khai thác gỗ trái phép vì mục đích thương mại.³¹¹

Cho dù động cơ là gì thì kết quả của các hành vi khai thác gỗ trái phép cũng là giống nhau: việc khai thác gỗ trái phép sẽ đe dọa đến các loài nguy cấp vì chúng thường bị buôn bán bởi các nhóm tội phạm hình sự hoặc được sử dụng làm củi đun. Giết hại các loài được bảo vệ là trái phép, cho dù điều này được thực hiện để bán bộ lông của con vật hay để bảo vệ đàn gia súc của nông hộ. Tuy nhiên, để ngăn ngừa tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp một cách hiệu quả thì rất cần phải nhận diện và xử lý các động cơ sâu xa dẫn đến các hành vi này.

Các công cụ dưới đây giúp nhận diện và phân tích các hình thức sử dụng động vật hoang dã và lâm sản và từ đó giúp người sử dụng tài liệu hiểu rõ hơn sự đa dạng của các yếu tố đã dẫn đến các hành vi trái phép về động vật hoang dã và tài nguyên rừng. Trong một số trường hợp, các yếu tố này vượt cả phạm vi của lĩnh vực động vật hoang dã và lâm nghiệp.

Đảm bảo sinh kế

Trong nhiều trường hợp, việc sử dụng động vật hoang dã và lâm sản phải được xem là một phương thức đảm bảo sinh kế cho cộng đồng và các nhóm phụ thuộc vào động vật hoang dã và tài nguyên rừng để đảm bảo an ninh lương thực. Việc thiếu các nguồn thức ăn và thu nhập thay thế, hay ở nghĩa rộng hơn là việc thiếu các hoạt động phát triển kinh tế và nông thôn đã khiến cho các nhóm người dễ bị tổn thương này phải phụ thuộc vào động vật hoang dã và tài nguyên rừng để đảm bảo

³⁰⁸ TRAFFIC, “Động cơ buôn bán động vật hoang dã?”, tr ix.

³⁰⁹ TRAFFIC, “Động cơ buôn bán động vật hoang dã?”, tr ix.

³¹⁰ Andrew Zakharenka và William B. Magrath, *Quản trị và Phòng chống Tham nhũng*, trang 13.

³¹¹ Savcor Indufor Oy, “Đảm bảo quản lý rừng và sinh kế bền vững thông qua tăng cường hiệu quả quản trị và kiểm soát khai thác gỗ trái phép cho các nền kinh tế chuyển đổi”, Tài liệu: Serbia, dành cho Ngân hàng Thế giới (Ngân hàng Thế giới, 2005), trang vii.

sự sống cho mình. Trong những trường hợp này, các hành vi được cho là bất hợp pháp lại được bắt nguồn từ chính những nhu cầu cơ bản hoặc các phương thức sinh sống truyền thống.

Điều tra kinh tế hộ gia đình được tiến hành ở Zimbabwe đã ghi nhận gần 100 hình thức sử dụng tài nguyên rừng để đảm bảo sinh kế, trong đó các mục đích sử dụng chính là làm củi đun, tiêu thụ động vật hoang dã, chăn nuôi gia súc, có thu nhập từ việc bán lâm sản phi gỗ.³¹²

Liên quan đến gỗ và lâm sản, khoảng cách chênh lệch giữa nhu cầu cao về gỗ, đặc biệt là gỗ làm củi đun và nguồn cung hạn chế của nó thì thường là vấn đề mang tính kinh niên. Ngoài ra, việc thiếu các nguồn năng lượng thay thế mà người dân có thể mua được cũng là nguyên nhân đẩy người nghèo ở vùng nông thôn ở nhiều quốc gia tham gia các hoạt động trái phép. Các biện pháp can thiệp nhằm giúp cải thiện điều kiện kinh tế ở vùng nông thôn nói riêng và phát triển kinh tế nói chung có thể giúp giảm thâm hụt khai thác gỗ làm củi đun đang diễn ra một cách tràn lan.³¹³

Công cụ IV.7 Đảm bảo sinh kế

- Cộng đồng địa phương (và nghèo) có sử dụng động vật hoang dã và lâm sản hay không?
- Chúng có được sử dụng để làm thức ăn, củi đun, nguyên liệu xây dựng, công cụ hay các mục đích khác không? Đây là mục đích sử dụng chính của các sản phẩm này?
- Sinh kế của cộng đồng địa phương có phụ thuộc vào động vật hoang dã và lâm sản không?
- Sinh kế của cộng đồng địa phương có phụ thuộc vào động vật hoang dã và lâm sản ở mức độ như thế nào?
- Có các sản phẩm thay thế cho động vật hoang dã và lâm sản không? Có thể thay thế động vật hoang dã và lâm sản bằng những loài gia súc hay hoạt động nông nghiệp nào?
- Nhu cầu cao về củi đun và việc thiếu các nguồn nguyên liệu thay thế bền vững có là nguyên nhân khiến cho cộng đồng địa phương sử dụng (trái phép) lâm sản (từ các khu bảo tồn) không?
- Có phải do thiếu sự tiếp cận đối với rừng nên đã đẩy cộng đồng địa phương săn bắn và khai thác ở các khu bảo tồn không?

Tạo thu nhập

Lợi nhuận thu được từ sự tham gia vào các hành vi khai thác, buôn bán trái phép động vật hoang dã và lâm nghiệp là rất khác nhau. Trong nhiều trường hợp, chúng đóng vai trò là nguồn thu nhập thường xuyên, và trong một số trường hợp khác chúng lại cũng tạo thêm nguồn thu nhập trong thời kỳ khó khăn. Các hoạt động trái phép về động vật hoang dã và lâm sản có thể rất béo bở và có thể đem lại lợi nhuận khổng lồ.³¹⁴ Do vậy, cần phải phân tích động cơ và lý do cho các hoạt động đang được xem xét. Công cụ phân tích dưới đây sẽ phân tích động cơ tăng thu nhập từ các hoạt động được xem là tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp.

³¹² Sara J. Scherr, Andy White và David Kaimowitz, *Chương trình Nghị sự Mới về Bảo tồn Rừng và Xóa đói Giảm nghèo: Đáo báo thị trường cho các quốc gia sản xuất lâm nghiệp có thu nhập thấp* (Washington, DC, Forest Trends, 2003), trang 6.

³¹³ Savcor Indufor Oy, “Đảm bảo lâm nghiệp bền vững”, trang 33.

³¹⁴ TRAFFIC, “Động cơ buôn bán động vật hoang dã?” trang ix-x.

Công cụ IV.8 Tăng thu nhập

- Thu nhập của các đối tượng này có phụ thuộc vào động vật hoang dã và lâm sản không?
- Phụ thuộc ở mức độ nào?
- Động vật hoang dã và lâm sản có được sử dụng làm nguồn thu nhập bổ sung thì nguồn thu nhập từ các hoạt động nông nghiệp của các nông hộ không?
- Các dòng thu nhập (hợp pháp) khác?
- Động vật hoang dã và lâm sản được coi là nguồn thu nhập thường xuyên hay mùa vụ?
- Các hoạt động đang xem xét có được thực hiện để đáp ứng với các nhu cầu khẩn cấp về tiền hay không?

Sử dụng, buôn bán và thị trường vì mục đích thương mại

Săn bắn, khai thác gỗ và buôn bán một số loài được bảo vệ thường là hành vi bị hành chế hoặc bị nghiêm cấm hoàn toàn.³¹⁵ Tuy nhiên, ở một mức độ nào đó, gỗ và lâm sản ngoài gỗ được buôn bán hợp pháp ở thị trường địa phương, trong nước và trên quốc tế. Trong những trường hợp này, rất khó để xác định rõ ràng ranh giới giữa các sản phẩm được cung ứng và giao dịch hợp pháp với các sản phẩm bất hợp pháp.

Sự mất cân bằng giữa nguồn cung hợp pháp hạn hẹp và nhu cầu vì mục đích thương mại của các sản phẩm này, ví dụ như gỗ cao thường cao, cộng với các chi phí cao cho các sản phẩm nhập khẩu đã làm gia tăng thị trường trái phép và do vậy là yếu tố hấp dẫn các đối tượng tham gia vào khai thác gỗ bất hợp pháp.³¹⁶

Công cụ IV.9 Thương mại, buôn bán và thị trường

- Động vật hoang dã và lâm sản có được bày bán ở thị trường địa phương không?
- Có thị trường trong nước đối với động vật hoang dã và lâm sản không?
- Có thị trường quốc tế đối với động vật hoang dã và lâm sản không?
- Động vật hoang dã và lâm sản có được xuất khẩu không?
- Các sản phẩm được bán và vận chuyển dưới dạng sống, thô hay sơ chế?
- Người tiêu dùng cuối cùng thường nhận các sản phẩm này dưới hình thức như thế nào?

Hoạt động giải trí và du lịch

³¹⁵ Mục 1.1., phần I.

³¹⁶ Savcor Indufor Oy, “Đảm bảo lâm nghiệp bền vững”, trang 34.

Như đã đề cập trước đó, có thể có các giá trị, quan điểm và lợi ích khác nhau đối với cùng một loại tài nguyên thiên nhiên.³¹⁷ Bên cạnh đó, ở cả phía cung và phía cầu đều có nhiều đối tượng sử dụng khác nhau, ví dụ ở phía cung thì có người sử dụng để đảm bảo sinh kế, thợ săn vì mục đích thương mại và các công ty khai thác gỗ rừng, ở phía cầu thì có thị trường, nhà hàng, khách du lịch, thợ săn vì mục đích làm mẫu vật săn bắn.

Một số tài nguyên có thể bị ảnh hưởng tiêu cực bởi các tác động của các hoạt động giải trí và du lịch (ví dụ, sở thích sưu tầm san hô, mẫu vật săn bắn). Luật pháp hoặc các quy định pháp lý có thể giúp xử lý một phần nào và các chế tài xử lý hình sự có thể phù hợp. Tuy nhiên, các biện pháp phòng ngừa thông qua việc giáo dục, lập kế hoạch và quy hoạch các tuyến đường du lịch, dịch vụ khỏi các khu vực dễ bị tổn thương có thể đem lại các viễn cảnh tươi sáng hơn. Theo đó, tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp có thể được ngăn chặn thông qua một bản thiết kế môi trường cụ thể và có ý nghĩa.

Công cụ IV.10 Giải trí và du lịch

- Có các hoạt động giải trí nào về động vật hoang dã và rừng?
- Sản phẩm động vật hoang dã quý hiếm hay lâm sản được sưu tầm để trang trí trong nhà hay bán làm thú nuôi hay vật trang trí không?
- Có hoạt động săn bắn vì mẫu vật săn bắn trong khu vực quan tâm không?
- Các hoạt động du lịch có tác động như thế nào đối với động vật hoang dã và tài nguyên rừng ở khu vực đang xem xét?

Văn hoá và truyền thống

Các hình thức sử dụng động vật hoang dã và lâm sản do văn hoá có thể thể hiện dưới hình thức làm thuốc hoặc phục vụ lễ hội. Mục đích tiêu thụ này có thể dựa trên niềm tin nhất định nào đó về công dụng cho sức khỏe của con người. Trong trường hợp về thịt thú rừng, các hành vi buôn bán chủ yếu xuất phát từ yếu tố văn hoá.³¹⁸

Công cụ IV.11 Văn hoá và Truyền thống

- Các loại động vật hoang dã nào thường coi là của ngon vật lạ?
- Động vật hoang dã và lâm sản có được sử dụng tạ các lễ hội truyền thống hoặc dùng làm thuốc không?
- Có các sản phẩm thay thế cho động vật hoang dã và lâm sản không?
- Việc sử dụng động vật hoang dã và lâm sản có gắn liền với niềm tin hay địa vị xã hội hay địa vị kinh tế không?
- Việc sở hữu động vật hoang dã và lâm sản có được xã hội chấp nhận, ca ngợi hay lên án không?

³¹⁷ Andrew Zakharenka và William B. Magrath, *Quản trị và Phòng chống Tham nhũng*.

³¹⁸ Đạo đức Môi trường, “Thịt thú rừng và Đa dạng sinh học”.

Xung đột về sử dụng đất của cộng đồng

Xung đột về sử dụng đất có thể thường xuất hiện do sự gia tăng dân số dẫn đến nhu cầu cạnh tranh về sử dụng đất.

Công cụ IV.12 Xung đột sử dụng đất của cộng đồng

- Làm thế nào để người dân có được quyền sử dụng đất cộng đồng?
- Đất công của cộng đồng đã được phân bổ cho người dân như thế nào?
- Có xung đột hay mâu thuẫn về sử dụng đất ở cộng đồng không? Các vấn đề này được giải quyết như thế nào và các thoả thuận đã được thực hiện như thế nào?

Thay đổi độ bao phủ của đất

Thay đổi về độ che phủ đất là thuật ngữ chỉ đến sự thay đổi của con người đối với bề mặt trái đất. Trong hàng nghìn năm, con người đã thay đổi việc sử dụng đất để có được thực phẩm và nhu yếu phẩm khác. Tuy nhiên, mức độ và cường độ thay đổi hiện tại là lớn hơn bao giờ hết. Con người đang tạo ra những sự thay đổi chưa từng có đối với các hệ sinh thái và các quá trình biến đổi của môi trường, từ đó dẫn đến nguy cơ to lớn đối với động vật hoang dã và tài nguyên thiên nhiên.

Công cụ IV.13 Thay đổi độ bao phủ của đất

- Độ che phủ của đất đã bị thay đổi như thế nào?
- Có hiện tượng suy thoái rừng trong khu vực quan tâm không?
- Diện tích đất sử dụng để canh tác có tăng không?
- Việc sử dụng nông sản (cao su, dầu cọ, gỗ) có thay đổi theo thời gian không?
- Các hoạt động đầu tư xuyên biên giới, các mô hình kinh doanh xuyên biên giới có tác động như thế nào đối với việc sử dụng đất và độ che phủ rừng?

Chăn nuôi và nông nghiệp

Việc giết hại các loài nguy cấp, được bảo vệ, chẳng hạn như hổ và báo tuyết, có thể được thúc đẩy bởi lợi nhuận béo bở từ việc bán các bộ phận và dẫn xuất của chúng. Ngoài ra, có những yếu tố khác và hành vi con người cũng đe dọa sự tồn tại của các loài được bảo vệ này. Ví dụ, hoạt động chăn thả gia súc có thể làm giảm hoặc mất con mồi của động vật hoang dã, đặc biệt là các loài thú ăn thịt, dẫn đến việc các loài thú ăn thịt tấn công gia súc để làm thức ăn. Hậu quả là các loài thú ăn thịt đã tự đem đến rủi ro bị tấn công bởi các chủ chăn nuôi gia súc vì việc mất gia súc đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến sinh kế và thu nhập của họ.³¹⁹

³¹⁹ Stefanie Theile, *Dấu chân: Giết hại và Buôn bán Báo Tuyết* (Cambridge, Vương quốc Anh, TRAFFIC quốc tế 2003), trang 19-21.

Tuy nhiên, việc để các loài thú ăn thịt ăn gia súc thường là do chủ gia súc không có kỹ năng cần thiết hoặc thiếu sự cẩn trọng khi trông coi đàn gia súc, ví dụ đàn gia súc quá đông mà lại có ít người trông coi.³²⁰

Ngay sau khi một con vật bị giết, các bộ phận của chúng có thể được bán mặc dù động cơ chính để giết con vật đó không phải là để bán. Điều này cho thấy có nhiều loại hành động khác nhau đe dọa đến động vật hoang dã và khiến cho việc nhận diện nguyên nhân cũng như xác định các tác động của chúng trở nên càng khó khăn hơn. Do vậy, cần phải nhận diện và phân tích các yếu tố dẫn đến việc giết hại các loài được bảo vệ. Đặc biệt khi mục đích thương mại không phải là động cơ chính, và cần phải xác định các yếu tố về bối cảnh và các yếu tố khác liên quan đến các hành vi trái phép và để giải quyết các nguyên nhân này một cách đầy đủ nhằm ngăn chặn tội phạm loài hoang dã.³²¹

Công cụ IV.14 Chăn nuôi và canh tác nông nghiệp

- Có sự xung đột giữa các chủ đàn gia súc và động vật hoang dã không?
- Động vật hoang dã có bị giết bởi chủ đàn gia súc để bảo vệ đàn gia súc của mình hoặc để trả thù cho việc bị mất gia súc không?
- Động vật hoang dã có bị giết vì mục đích bảo vệ mùa màng không? Chủ đàn gia súc có đủ vật tư để trông coi đàn gia súc không? (ví dụ, bãi chăn thả, chuồng, nơi trú ẩn, vv)
- Có xảy ra trường hợp mất sinh cảnh hoặc con mồi tự nhiên do bị chia cắt hoặc do chăn thả bừa bãi không?
- Có trường hợp nào đốt rừng để mở rộng khu vực chăn thả không?

Săn bắn và giết hại không chủ ý

Giết hại không chủ ý (ví dụ, dùng bẫy hoặc thuốc độc) là một kỹ thuật săn bắn có thể dẫn đến việc giết hại các loài khác ngoài loài chủ đích. Việc giết hại vô tình này có thể ảnh hưởng đến các loài nguy cấp, ví dụ như trường hợp đối với loài báo tuyết.³²²

Công cụ IV.15 Săn bắn và giết hại không chủ ý

- Kỹ thuật săn bắn thường gặp là gì?
- Kỹ thuật săn bắn được sử dụng trong lĩnh vực quan tâm có dẫn đến việc săn bắn/khai thác không chủ ý không (ví dụ, săn bắn bằng lưới, bẫy, thuốc độc hay lửa)?
- Có săn bắn hợp pháp không (mẫu vật săn bắn, các hiệp hội săn bắn, vv)?
- Việc tiếp cận và sở hữu súng săn có được điều tiết không?
- Có vấn đề săn bắn quá mức không? Nếu có thì ở mức độ nào?

³²⁰ Ibid., tr 23.

³²¹ Ibid., tr 24.

³²² Ibid.

2 Quản lý động vật hoang dã và lâm nghiệp

Để ngăn ngừa tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp thì cần phải quản lý động vật hoang dã và tài nguyên rừng để làm giảm cơ hội cho các hành vi trái phép. Do vậy, việc quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên của khu vực là một thành tố quan trọng đối với việc thực thi luật về loài hoang dã và lâm nghiệp.³²³ Quản lý tài nguyên bền vững giúp đảm bảo sự cân bằng giữa bảo tồn, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và nhu cầu kinh tế và phát triển.³²⁴

Phần IV của *Bộ công cụ* phân tích các cơ chế quản lý và bảo vệ động vật hoang dã và tài nguyên rừng. Phần này nên được sử dụng trước hoặc đồng thời với nội dung phân tích về cơ chế pháp lý, thực thi, tư pháp và truy tố. Phân tích các cơ chế quản lý tài nguyên của quốc gia sẽ giúp thiết kế được một phản ứng đầy đủ và hiệu quả đối với tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp. Phản ứng này có thể tập trung hoặc vào xây dựng các cấu trúc mang tính bảo vệ như quản lý tài nguyên hoặc các chương trình phát triển nông thôn hoặc dựa trên cơ sở tăng cường thực thi pháp luật và các biện pháp tư pháp hình sự.

Tuy nhiên, phần này không thể đưa ra các khuyến nghị cụ thể mà có thể áp dụng được đối với mọi trường hợp trong một quốc gia nhất định. Tuy nhiên, nó sẽ giúp nhấn mạnh vai trò quan trọng của việc phòng ngừa tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp cũng như các biện pháp bổ sung trên cơ sở thảo luận về quy định pháp lý và thực thi pháp luật về động vật hoang dã và lâm nghiệp. Để hiểu thêm về các khuyến nghị cụ thể và phân tích sâu về cơ chế quản lý tài nguyên thiên nhiên của quốc gia, xin tham khảo các tài liệu tham khảo kèm theo.

2.1 Động vật hoang dã và hệ thống quản lý lâm nghiệp

Ước tính dưới 4% rừng nhiệt đới trên thế giới được quản lý và bảo vệ bởi hệ thống quản lý rừng, trong đó chỉ 1% trong số đó được cho là mang tính bền vững.³²⁵ Một điều được thừa nhận rộng rãi là các hành vi trái phép liên quan đến động vật hoang dã và lâm nghiệp đã được hỗ trợ bởi các cơ chế quản lý tài nguyên thiên nhiên thiếu hiệu quả và thiếu tổ chức, nghĩa là không tiến hành điều tra, kiểm kê cơ bản, các điều kiện làm việc không an toàn và thiếu các quy trình thực hành chuẩn mực. Ngược lại, các cơ chế quản lý tài nguyên thiên nhiên mà có các mục tiêu rõ ràng, có các cơ chế được xã hội chấp nhận, có sự tham gia của cộng đồng và chia sẻ lợi ích với các nhóm người phụ thuộc vào tài nguyên tự nhiên thì lại có thể giúp ngăn ngừa tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp.³²⁶

Mục dưới đây giúp phân tích hiện trạng và tính hiệu quả của các hệ thống quản lý tài nguyên thiên nhiên trong một quốc gia nhất định và nhấn mạnh sự gắn kết giữa quy hoạch quản lý tài nguyên thiên nhiên và phòng ngừa tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp.

Pháp luật quốc gia về động vật hoang dã và tài nguyên rừng đóng vai trò nền tảng đối với việc quản lý tài nguyên thiên nhiên hiệu quả. Theo đó, luật về động vật hoang dã và lâm nghiệp tối thiểu phải có quy định về các nguyên tắc sở hữu, quản lý, điều hành, phạm vi khu vực săn bắn, hệ thống cấp giấy phép, vv.³²⁷ Đồng thời, ngoài các yếu tố trên, Quỹ Bảo vệ Động vật Hoang dã Thế giới và Liên minh Rừng Toàn cầu của Ngân hàng Thế giới khuyến nghị rằng các tiêu chuẩn dưới đây cần được coi là một thành tố của một hệ thống quản lý động vật hoang dã và tài nguyên rừng hiệu quả và bền vững.³²⁸

- Tuân thủ với tất cả các luật liên quan đến động vật hoang dã và tài nguyên rừng

³²³ William B. Magrath và cộng sự, *Phòng ngừa Trộm Gỗ*, trang 1.

³²⁴ Tham khảo thêm mục 1, phần I.

³²⁵ William B. Magrath và cộng sự, *Phòng ngừa Trộm Gỗ*, trang 7.

³²⁶ *Ibid.*, tr 13.

³²⁷ Tham khảo mục 2.1 và 2.2, phần I.

³²⁸ WWF và Liên minh Rừng Toàn cầu của Ngân hàng Thế giới, *Hướng dẫn Đánh giá cấp chứng chỉ rừng*, trang 1.

- Tôn trọng quyền sử dụng đất đai
- Tôn trọng quyền của người dân bản địa
- Tôn trọng mối quan hệ với cộng đồng
- Tôn trọng quyền của người lao động
- Mang lại nhiều lợi ích từ rừng
- Đánh giá và giảm thiểu tác động môi trường
- Duy trì các vùng rừng xung yếu
- Có các quy định cụ thể đối với rừng trồng
- Thực hiện kế hoạch quản lý
- Giám sát và đánh giá hiệu quả.

*Khung Đánh giá và Giám sát Quản trị Rừng*³²⁹ đã được Chương trình về Rừng của Ngân hàng Thế giới xây dựng trên cơ sở phối hợp với Tổ chức Nông Lương Thế giới của Liên hợp quốc (FAO). Khung Đánh giá này đã giúp cung cấp cho các bên liên quan một khung toàn diện để sử dụng khi phân tích hiện trạng về quản trị rừng của một quốc gia nhất định và khi lập kế hoạch cải cách. Khung này có ba trụ cột: (a) khung chính sách, pháp lý, thể chế và điều tiết; (b) quá trình lập kế hoạch và ra quyết định; và (c) thực thi, thừa hành và tuân thủ. Mỗi trụ cột lại gồm hai đến năm phần. Khung này được thiết kế để phục vụ cho các hoạt động đánh giá hiệu quả quản trị rừng ở cấp địa phương.

Công cụ IV.16 Quản lý động vật hoang dã và tài nguyên rừng

- Thực tế quản lý động vật hoang dã và tài nguyên rừng có tuân thủ theo quy định pháp luật về động vật hoang dã và tài nguyên rừng của quốc gia không?
- Thực tế quản lý có tôn trọng quyền sử dụng đất và tài nguyên rừng liên quan của cộng đồng?
- Thực tế quản lý có tôn trọng quyền của người dân bản địa không?
- Thực tế quản lý có tôn trọng mối quan hệ của cộng đồng không?
- Thực tế quản lý có tôn trọng quyền của người lao động không?
- Thực tế quản lý có đem lại nhiều lợi ích từ rừng không?
- Có đánh giá và giảm thiểu các tác động đến môi trường không?
- Có duy trì diện tích khu rừng bảo tồn hiện có không?
- Có các quy định cụ thể đối với rừng trồng không?
- Kế hoạch quản lý có được thực thi không?
- Có tiến hành các hoạt động giám sát và đánh giá không? Nếu có, thì các hoạt động giám sát đánh giá này có hiệu quả không?
- Đã có đánh giá nào được thực hiện một cách toàn diện về hiệu quả quản trị tài nguyên thiên nhiên ở cấp quốc gia hay khu vực chưa (ví dụ, đánh giá dựa theo khung giám sát đánh giá theo Chương trình về Rừng và FAO xây dựng)

³²⁹ Chương trình về Rừng và FAO, *Khung Đánh giá và Giám sát Quản trị Rừng* (Rome, FAO, 2011).

Thế chế và trách nhiệm

Động vật hoang dã và tài nguyên rừng có giá trị đối với người dân địa phương, phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng hàng ngày cũng như tạo ra nguồn thu nhập từ việc thu hút được các đối tượng thợ săn mồi, vật săn bắn hay khách du lịch. Động vật hoang dã và tài nguyên rừng còn giúp cung cấp nhiều loại hình dịch vụ công hữu ích như đa dạng sinh học, hấp thụ các-bon và bảo vệ rừng đầu nguồn. Do vậy, các lợi ích khác nhau và nhiều khi xung đột với nhau cần phải được quản lý ở cấp cao hơn. Các cơ quan quản lý này cần phải có thẩm quyền để xác định, thực thi và kiểm soát việc sử dụng động vật hoang dã và tài nguyên rừng cũng như việc phân phối lợi ích thu được từ rừng. Ở cấp thế chế, việc quản lý động vật hoang dã và tài nguyên rừng phải đi kèm với các quy chế và chế tài kiểm soát các quyền về đất đai và tài sản, các lợi ích kinh tế từ tài nguyên thiên nhiên cũng như các vấn đề thực thi pháp luật. Ở cấp ngành, các tổ chức quản lý động vật hoang dã cần phải có thẩm quyền để quản lý sinh cảnh, ranh giới các khu sinh sống của động vật hoang dã cũng như quản lý các quần thể tự nhiên (loài, cấu trúc quần thể và khuynh hướng quần thể) và các tác động của con người (tác động của các bên liên quan, sự tác động đến sinh cảnh và quần thể).³³⁰

Công cụ IV.17 Thế chế và trách nhiệm

- Cơ quan nào chịu trách nhiệm quản lý động vật hoang dã và rừng?
- Có cơ quan chuyên môn quản lý lâm nghiệp, động vật hoang dã hoặc môi trường không?
- Cơ chế và cấu trúc quản lý hiện giờ có bao gồm toàn bộ khu bảo tồn không?
- Cơ cấu quản lý và thẩm quyền phân cấp như thế nào? Cơ chế quản lý giữa các cơ quan này là như thế nào?
- Người dân địa phương và cộng đồng có tham gia vào các cơ chế và cấu trúc này không?
- Cộng đồng địa phương có thẩm quyền quản lý tài nguyên thiên nhiên của họ không? Họ có được trao quyền để bảo vệ động vật hoang dã và rừng không?
- Các tổ chức xã hội dân sự hoặc phi chính phủ có tham gia vào quá trình quản lý không?

2.2 Kế hoạch quản lý động vật hoang dã và rừng

Việc quản lý tài nguyên thiên nhiên có hiệu quả và bền vững hay không thì phải dựa vào hệ thống pháp luật và cơ chế chính sách. Trong thực tế, hiệu quả quản lý cũng phụ thuộc nhiều vào nội dung của kế hoạch quản lý mà đã được xây dựng và nhận được sự đồng thuận của tất cả các bên liên quan then chốt. Các kế hoạch này phải bao gồm những khía cạnh sau:³³¹

- Kiểm kê tài nguyên và giá trị của chúng để xác định các khu vực quan tâm và phân loại mục đích sử dụng đất và phân vùng tương ứng (ví dụ, phân chia thành khu bảo tồn, khu hạn chế tiếp cận, khu cho phép cộng đồng bản địa tiếp cận và khu cho phép tiếp cận vì mục đích thương mại);

³³⁰ Andrew Zakharenka và William B. Magrath, *Quản trị và chống Tham nhũng*, trang 18.

³³¹ William B. Magrath và cộng sự, *Phòng ngừa Trộm Gỗ*, trang 16-28.

- Có các thể chế rõ ràng và phù hợp với yếu tố xã hội đối với việc cho thuê và sở hữu đất, trong đó bavo gồm quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan chính như cộng đồng địa phương và cộng đồng bản địa;
- Xác định và lập quy chế về năng suất và sản lượng sản xuất; thiết kế các kế hoạch săn bắn và khai thác để xác định giới hạn về số lượng các loài có thể được khai thác hoặc săn bắn một cách hợp pháp trong một khoảng thời gian nhất định;
- Tham vấn với các bên liên quan, bao gồm cộng đồng địa phương và các cơ quan quản lý liên quan đến động vật hoang dã và lâm nghiệp;
- Có các mục tiêu quản lý rõ ràng và bền vững dựa trên thoả thuận và sự đồng thuận giữa các nhóm bên liên quan then chốt;
- Có phương thức thực hiện rõ ràng để lồng ghép các mục tiêu quản lý vào trong các kế hoạch thực hiện cụ thể;
- Lập kế hoạch và có quy định về sự tiếp cận bằng cách bố trí việc xây dựng đường xá, rào chắn, cổng và các điểm kiểm soát một cách phù hợp để tránh các khu vực nhạy cảm; hỗ trợ công tác theo dõi, giám sát và kiểm soát; và
- Tham vấn với cộng đồng (ví dụ chủ đất và các nhóm cộng đồng) và coi họ như “tai mắt” để giúp giám sát và báo cáo về các hành vi trái phép luật và tạo điều kiện cho họ tham gia vào các chương trình giáo dục, nâng cao nhận thức và hỗ trợ để giúp họ thay đổi hành vi và thái độ.

Công cụ IV.18 Lập kế hoạch quản lý động vật hoang dã và rừng

- Đã thực hiện điều tra và kiểm kê tài nguyên chưa? Nếu rồi thì các hoạt động này có được tiến hành theo định kỳ không?
- Ranh giới các phân khu khác nhau có được đánh dấu rõ ràng trên bản đồ và trên thực địa bằng các cột mốc an toàn hoặc các đặc điểm dễ nhận diện như đường hoặc suối không?
- Các mục tiêu quản lý có được xác định cụ thể không?
- Vai trò, quyền và trách nhiệm của tất cả các bên liên quan có được xác định rõ ràng không? Các bên liên quan quan trọng như cộng đồng địa phương và các cơ quan trong lĩnh vực động vật hoang dã và lâm nghiệp có được tham vấn không?
- Có quy chế thực hiện không? Nếu có, thì các quy chế này lồng ghép các mục tiêu quản lý vào các kế hoạch và chuẩn mực thực hiện như thế nào?
- Việc tiếp cận đến các khu vực nhạy cảm có được quản lý, giám sát và kiểm soát không? (ví dụ, vị trí đường xá, cổng vào và các điểm kiểm soát)
- Các bên liên quan then chốt có tham gia và được khuyến khích làm “giám sát viên” không?
- Có các chương trình giáo dục và tập huấn cho các bên liên quan để nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi và thái độ của họ không?
- Cộng đồng địa phương có biết về việc phân khu của khu vực này không? Họ có biết về sự tồn tại của của quy định và giới hạn này không?

Khung pháp lý và chính sách

Các quy định pháp lý và chính sách về quản lý động vật hoang dã và tài nguyên rừng cần phải xác định rõ ràng các điều kiện về cho thuê, sở hữu và sử dụng đất để loại bỏ yếu tố mập mờ hoặc nghi ngờ về tính pháp lý của các hoạt động. Điều này bao gồm quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan như các nhà quản lý trong lĩnh vực động vật hoang dã và tài nguyên rừng, người lao động và cộng đồng địa phương. Luật pháp và chính sách liên quan đến quản lý động vật hoang dã và tài nguyên rừng đã được thảo luận chi tiết ở phần I của *Bộ công cụ* này. Các yếu tố then chốt của một khung pháp lý hiệu quả và khả thi nhằm đấu tranh chống lại tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp được tóm tắt tại các công cụ được trình bày dưới đây.

Công cụ IV.19 Khung pháp lý và chính sách

- Khu vực quan tâm có được xác định rõ ràng về vấn đề thuê, sở hữu và sử dụng đất không?
- Ranh giới giữa các phân khu có được xác định rõ ràng và dễ nhận diện không?
- Khung pháp lý có làm rõ quyền hạn của các bên liên quan, bao gồm cộng đồng địa phương và người dân bản địa không?
- Khung pháp lý có nêu rõ phạm vi mục tiêu của các hoạt động quản lý rừng không?
- Có các quy chế thực hiện không?
- Tất cả các quy định pháp lý liên quan đến động vật hoang dã và rừng có được xem xét không (ví dụ, các quy định pháp lý liên quan đến các vấn đề về bảo tồn, đa dạng sinh học và quản lý nước)?^a

a. William B. Magrath và cộng sự, *Phòng ngừa Trộm Gỗ*, trang 16.

Điều tra tài nguyên thiên nhiên

Thực hiện kiểm kê tài nguyên về động vật hoang dã và tài nguyên rừng để cho thấy phạm vi phân bố của các loài động vật hoang dã được bảo vệ của một quốc gia là yếu tố then chốt để có được các phản ứng hiệu quả đối với tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp. Kết quả kiểm kê đóng vai trò là cơ sở nền để xác định các hoạt động đang diễn ra và đồng thời để đo lường tác động và tính bền vững của các biện pháp can thiệp.

Công cụ IV.20 Kiểm kê tài nguyên thiên nhiên

- Khu vực này có các loại động vật hoang dã và tài nguyên rừng nào?
- Khu vực này có các hệ sinh thái nào (ví dụ rừng mưa hay sa mạc)?
- Có các khu bảo tồn (vườn quốc gia) không? Luật quốc gia phân loại rừng như thế nào?
- Các khu này được quản lý như thế nào theo kế hoạch quản lý tài nguyên hiện có?

- Các loài động vật hoang dã chính ở khu vực này?
- Khu vực này có được phân chia thành các khu khác nhau không (ví dụ, có cho phép khai thác vì mục đích thương mại, làm du lịch, nghiên cứu hay dành riêng cho người dân bản địa)?
- Các loài nào là loài cần quan tâm?
- Các loài cần quan tâm có đang bị đe dọa không?
- Các loài cần quan tâm có thuộc danh mục CITES hoặc các danh mục loài nguy cấp khác có liên quan hay không?
- Có danh mục cấp quốc gia hoặc cấp vùng về các loài nguy cấp không?

Khu bảo tồn

Các khu bảo tồn đóng vai trò rất quan trọng đối với việc bảo tồn đa dạng sinh học và là thành tố quan trọng trong chiến lược bảo tồn quốc gia và quốc tế.³³² Ủy ban Thế giới về khu bảo tồn đã đưa ra khung phát triển và phân tích các khu bảo tồn. Khung này bao gồm các yếu tố sau: hiểu biết về bối cảnh của các giá trị và các mối đe dọa hiện có; lập kế hoạch và phân bổ nguồn lực; quản lý các hoạt động; phát triển sản phẩm và dịch vụ; và đánh giá tác động. Công cụ IV.21 liệt kê các yếu tố quan trọng liên quan đến việc quản lý các khu bảo tồn. Để có danh sách chi tiết và đầy đủ hơn về các câu hỏi đánh giá, xin hãy tham khảo Công cụ Theo dõi Hiệu quả Quản lý do Quỹ Động vật Hoang dã Thế giới và Ngân hàng Thế giới xây dựng.³³³

Công cụ IV.21 Khu bảo tồn

- Các nguy cơ tiềm ẩn đối với khu bảo tồn> (ví dụ: phát triển vì mục đích thương mại, hoạt động canh tác nông nghiệp, khai khoáng, giao thông, du lịch, chiến tranh, ô nhiễm, hiện tượng thời tiết cực đoan và các đe dọa từ yếu tố văn hoá)
- Khu bảo tồn có tư cách pháp nhân không hay tồn tại theo luật tục?
- Có kế hoạch quản lý với đầy đủ mục tiêu và biện pháp thực thi không? Cán bộ có thực hiện tốt quy chế của khu bảo tồn không?
- Khu bảo tồn có diện tích và cấu trúc phù hợp để bảo vệ tất cả các loài quan tâm không?
- Có cột mốc ranh giới không? Nếu có, nêu cụ thể.
- Có cơ sở dành cho khách du lịch không? Nếu có thì có đủ không?
- Các đơn vị khai thác du lịch sinh thái có tôn trọng và tham gia bảo vệ khu bảo tồn không?

Hệ thống và cơ chế cấp chứng chỉ

³³² Nigel Dudley, ed., *Hướng dẫn Áp dụng Phân loại Khu Bảo tồn* (Gland, Switzerland, Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế, 2008), trang 2.

³³³ WWF và Ngân hàng Thế giới, *Công cụ Theo dõi Hiệu quả Quản lý: Báo cáo Tiến độ về các Khu Bảo tồn, ấn phẩm lần 2* (Gland, Thụy Sĩ, WWF quốc tế, 2007), tr 3.

Hệ thống cấp chứng chỉ giúp xác định, lập hồ sơ và chứng minh tính bền vững của sản phẩm rừng đã được cấp chứng chỉ.³³⁴ Rừng được cấp chứng chỉ được coi là có giá trị cao về mặt môi trường, xã hội và kinh tế và giúp đảm bảo việc duy trì sinh cảnh sống cho động vật hoang dã và bảo vệ được chất lượng của nguồn nước. Theo Quỹ Động vật Hoang dã Thế giới và Liên minh Rừng Toàn cầu của Ngân hàng Thế giới, hệ thống cấp chứng chỉ và chứng nhận sẽ phải tuân thủ theo các khung pháp lý quốc tế và tương thích với các nguyên tắc về cân bằng giữa phát triển kinh tế và duy trì sinh thái. Ngoài ra, các bên liên quan chính cần tham gia trong công tác quản trị và thiết lập các tiêu chuẩn trên cơ sở mục tiêu sẵn có và điều chỉnh các tiêu chuẩn thực thi cho phù hợp với điều kiện địa phương.

Để đảm bảo có được sự hỗ trợ của cộng đồng địa phương và các bên liên quan, các quy trình cấp chứng chỉ và chứng nhận cần phải được thực hiện một cách minh bạch và công khai.³³⁵

Công cụ IV.22 Hệ thống và cơ chế cấp chứng chỉ

- Có hệ thống cấp chứng chỉ không? Nếu có thì các hệ thống này có tuân thủ với khung quốc tế về cấp chứng chỉ, xác nhận và thiết lập tiêu chuẩn không?
- Các bên liên quan then chốt có tham gia quản lý và thiết lập tiêu chuẩn không?
- Hệ thống cấp chứng chỉ có tạo ra các rào cản không cần thiết đối với hoạt động thương mại không?
- Các tiêu chuẩn có được điều chỉnh để thích ứng với điều kiện trong nước không? Có dựa theo mục tiêu và kết quả có thể đo lường được không?
- Thủ tục và quy trình ra quyết định có minh bạch và công khai không?
- Có cơ chế khiếu nại và tố cáo không?

Quyền sở hữu đất đai và các quyền về tài sản khác

Thông thường, các chương trình quản lý rừng không phản ánh đầy đủ quyền tiếp cận và sử dụng động vật hoang dã và tài nguyên rừng của các cộng đồng sống phụ thuộc vào tài nguyên rừng.³³⁶ Kết quả là, cộng đồng sống phụ thuộc vào tài nguyên rừng thường gặp nhiều khó khăn để có được quyền sở hữu đất đai và các quyền về tài sản khác.

Công cụ IV.23 Quyền sở hữu đất và các tài sản khác

- Các loại tài nguyên tự nhiên thuộc quyền sở hữu của ai?
- Người dân sở hữu đất như thế nào? Người dân được trao quyền sở hữu và sử dụng đất như thế nào?
- Việc thừa kế đất đai và chuyển nhượng quyền sở hữu được tiến hành như thế nào?

Tiếp cận đến khu vực quan tâm

³³⁴ Hệ thống cấp chứng chỉ của Hội đồng Quản lý Rừng là một ví dụ. Tham khảo: www.fscus.org

³³⁵ WWF và Liên minh Rừng Toàn cầu của Ngân hàng Thế giới, Hướng dẫn Đánh giá Cấp chứng chỉ rừng, trang iii.

³³⁶ Tham khảo thêm mục 1, phần IV.

Chương trình quản lý rừng phải được thiết kế cẩn thận để phản ánh đầy đủ về hiện trạng sinh kế và các quyền của cộng đồng phụ thuộc vào tài nguyên rừng để có thể đảm bảo quyền tiếp cận đầy đủ và sử dụng động vật hoang dã và tài nguyên rừng cho các nhóm đối tượng này.

Công cụ IV.24 Tiếp cận tài nguyên thiên nhiên

- Đối tượng nào được tiếp cận với tài nguyên thiên nhiên ví dụ như động vật hoang dã, tài nguyên rừng và đất? Việc tiếp cận được quy định như thế nào?
- Các chính sách quốc gia và quy định pháp lý về việc sử dụng tài nguyên rừng và các loại tài nguyên khác vì mục đích sử dụng cá nhân và mục đích thương mại là gì?
- Chính phủ trao quyền tiếp cận vì mục đích sử dụng thương mại đối với tài nguyên rừng và các loại tài nguyên thiên nhiên khác cho các công ty trong và ngoài nước ở mức độ nào?

Các biện pháp an ninh

Kế hoạch quản lý tài nguyên thiên nhiên cần phải đưa ra các biện pháp an ninh để bảo vệ cán bộ quản lý khỏi các mối đe dọa có thể phát sinh từ công việc thường nhật của họ.

Công cụ IV.25 Biện pháp an ninh

- Các rủi ro và nguy cơ mà các cán bộ bảo vệ và quản lý gặp phải do tính chất công việc của mình là gì?
- Những cán bộ nào được trang bị với công cụ và thiết bị?
- Cán bộ có nhận được các dịch vụ bảo đảm an toàn và bảo hiểm không?
- Cán bộ có được thưởng tiền hay dưới hình thức khác?

3 Nâng cao năng lực xã hội

Như đã trình bày ở trên, nhiều nhóm người bản địa và cộng đồng nghèo phải phụ thuộc vào động vật hoang dã và tài nguyên rừng để có sinh kế. Trong nhiều trường hợp, tài nguyên rừng đóng vai trò là các lưới an toàn cho cộng đồng nghèo và bị yếu thế. Cộng đồng dễ bị tổn thương nhất và sống trong rừng thường phải phụ thuộc toàn toàn vào rừng để đảm bảo sinh kế và an ninh lương thực. Ngoài ra, ở nhiều quốc gia, luật về rừng và động vật hoang dã cũng hạn chế quyền và sinh kế của các cộng đồng dễ bị tổn thương. Họ thường gặp nhiều khó khăn để có được quyền sở hữu đất và các chương trình quản lý rừng thường không bao gồm việc tiếp cận đối với động vật hoang dã và tài nguyên rừng của các nhóm đối tượng này.³³⁷ Hơn thế nữa, hoạt động săn bắn vì mục đích tự cung tự cấp theo truyền thống của các nhóm này có thể được quy định trong luật quốc gia bảo vệ động vật hoang dã và rừng và do vậy đến việc hình sự hoá các hoạt động này.

³³⁷ Ngân hàng Thế giới, Chiến lược Lâm nghiệp Vùng Tây Á, trang 43.

Tuy vậy, để ngăn chặn tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp thì cần phải xem xét điều kiện và nhu cầu của cộng đồng nông thôn và cộng đồng nghèo phụ thuộc vào động vật hoang dã và tài nguyên rừng để đảm bảo cuộc sống của mình. Các công cụ dưới đây sẽ giúp người đọc có thể phân tích sự tồn tại và sức mạnh của các biện pháp phòng ngừa nhằm mục đích phát triển vùng nông thôn và nâng cao năng lực trong lĩnh vực về động vật hoang dã và bảo vệ rừng.

Trong nhiều trường hợp, các biện pháp can thiệp nhằm giảm thiểu và ngăn ngừa tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp đã phải xem xét cả các tổ và các lĩnh vực khác nằm ngoài phạm vi lĩnh vực động vật hoang dã và rừng. Các biện pháp can thiệp và chương trình như vậy có thể giúp giải quyết các vấn đề như là thúc đẩy việc sử dụng các nguồn năng lực thay thế, cụ thể là giới thiệu các loại hình năng lượng mới như năng lực mặt trời và năng lực gió cho các vùng nông thôn, khí đốt hoặc điện để tăng cường sự cân bằng giữa cung và cầu đối với nhiên liệu.³³⁸

3.1 Xóa đói giảm nghèo

Ước tính 90% trong tổng dân số 1,2 tỉ người đang ở trong tình trạng nghèo cùng cực và đối với họ, tài nguyên rừng đã đóng góp trực tiếp vào việc đảm bảo sinh kế. Ở nhiều quốc gia đang phát triển, rừng đóng vai trò trung tâm đối với sự phát triển và tăng trưởng kinh tế thông qua việc phát triển công nghiệp và thương mại.³³⁹

Các biện pháp can thiệp và các chương trình dài hạn nhằm mục đích xóa đói giảm nghèo và thúc đẩy phát triển ở nông thôn có thể giúp giải quyết các động cơ gây ra tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp liên quan đến đói nghèo. Theo nghĩa này, các biện pháp xóa đói giảm nghèo hướng tới các cộng đồng phụ thuộc vào động vật hoang dã và tài nguyên rừng mà có tham gia thực hiện các hành vi trái pháp luật có thể là một cách tiếp cận hiệu quả và bền vững để ngăn ngừa tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp về lâu dài. Các biện pháp này phải xem xét các luật và quy định pháp lý liên quan mà có thành kiến với các cộng đồng nghèo phụ thuộc rừng. Ngoài ra, các biện pháp này cũng cần phải lồng ghép với các vấn đề liên quan đến cơ chế cho thuê đất, quyền tiếp cận đất đai, tính minh bạch và sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình ra các quyết định có tác động trực tiếp đến sinh kế của các cộng đồng này.³⁴⁰

Công cụ IV. 26 Xóa đói giảm nghèo

- Có các chương trình về xóa đói giảm nghèo và phát triển nông thôn không?
- Các chương trình này có gắn kết vấn đề xóa đói giảm nghèo với việc sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên hoặc động vật hoang dã và các sản phẩm từ rừng không?

3.2 Phương pháp tiếp cận có sự tham gia

Sự tham gia của các tổ chức xã hội dân sự, khu vực tư nhân và các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước có vai trò quan trọng để thiết lập và duy trì các cơ chế quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ động vật hoang dã và rừng. Sự tham gia của các đối tượng này trong các hoạt động phòng ngừa tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp như tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cộng đồng về quy mô và tác động của các hoạt động trái pháp luật, tiến hành nghiên cứu, phân tích để

³³⁸ Savcor Indufor Oy, “Đảm bảo tính bền vững của rừng”, trang 33-34.

³³⁹ Ngân hàng Thế giới, *Duy trì ổn định*, trang 1.

³⁴⁰ Ngân hàng Thế giới, “*Tăng cường năng lực thực thi và quản trị lâm luật*”, trang xi.

cung cấp thông tin về phạm vi và nguyên nhân dẫn đến tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp, đề xuất các giải pháp để đấu tranh chống lại tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp.³⁴¹

Tầm quan trọng của sự tham gia của các bên liên quan chính trong quá trình ra quyết định và hoạch định chính sách được trình bày trong phần lập kế hoạch quản lý tài nguyên thiên nhiên và phần về luật quốc gia về động vật hoang dã và rừng trong *Bộ công cụ* này.³⁴²

Công cụ IV.27 Sự tham gia của cộng đồng địa phương

- Cộng đồng địa phương giải thích như thế nào về các hành động có liên quan đến việc sử dụng động vật hoang dã và tài nguyên rừng của họ?
- Có ai đại diện cho cộng đồng địa phương không? Họ được tổ chức như thế nào?
- Cộng đồng có các quyền tiếp cận tài sản bình đẳng không?
- Cộng đồng địa phương có tham gia vào quá trình hoạch định chính sách không?
- Cộng đồng địa phương có các sáng kiến về lập kế hoạch, quản lý và bảo vệ tài nguyên của họ không?
- Cộng đồng địa phương tham gia giám sát và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên của họ ở mức độ như thế nào?
- Có các chương trình nâng cao nhận thức và phòng ngừa dựa trên cộng đồng không?

4 Buôn bán và thị trường hợp pháp

Lợi nhuận béo bở từ việc buôn bán trái phép động vật hoang dã và lâm sản chính là sức hút của hoạt động này. Giá cao do sự không tương xứng giữa nguồn cung hợp pháp và nhu cầu vì mục đích thương mại đối với gỗ và các sản phẩm phi gỗ, hơn nữa gỗ nhập khẩu thì lại rất đắt đỏ. Một giải pháp dựa trên thị trường có thể là phù hợp để giải quyết các vấn đề trái phép luật (tăng nguồn cung hợp pháp) thì còn tốt hơn là tăng cường năng lực thực thi pháp luật. Ngoài ra, hạn thuế nhập khẩu cũng là một giải pháp hiệu quả để tăng nguồn cung gỗ và từ đó có thể giảm cầu đối với gỗ khai thác trái phép trong nước.³⁴³ Các quốc gia tiêu thụ và các ngành công nghiệp cần phải tận dụng các khả năng này để giảm động cơ khai thác gỗ trái phép. Họ cũng có thể thực hiện các hoạt động cải cách thị trường và các chính sách mua sắm công mà “phân biệt đối xử” với các nguyên liệu “ăn cắp” này.³⁴⁴

Cách tiếp cận dựa theo thị trường cũng có thể giải quyết cả cung và cầu đối với các sản phẩm động vật hoang dã. Các cách tiếp cận này có thể đánh vào thị trường, giá của các sản phẩm động vật hoang dã cũng như các sản phẩm thay thế và tài nguyên được khai thác bền vững. Tuy nhiên, việc ứng dụng các công cụ về tài chính và kinh tế đối với vấn đề về buôn bán động vật hoang dã vẫn còn tương đối mới và chưa được thực hiện rộng rãi. Ngoài ra, các công cụ này thường phụ thuộc vào các quyền lợi kinh tế và thường là thị trường cạnh tranh tự do- mà điều này thì không tồn tại ở phần lớn các quốc gia có các hoạt động buôn bán động vật hoang dã.³⁴⁵

Các chiến lược dựa trên thị trường thông thường nhằm ngăn ngừa buôn bán trái phép sản phẩm động vật hoang dã thường sử dụng các chiến thuật sau:

³⁴¹ Ibid., tr 25.

³⁴² Tham khảo mục 2, phần I.

³⁴³ Savcor Indufor Oy, “Đảm bảo tính bền vững của rừng”, trang 34.

³⁴⁴ Ngân hàng Thế giới, “Tăng cường quản trị rừng và thực thi lâm luật”, trang xiii.

³⁴⁵ TRAFFIC, “Động cơ buôn bán động vật hoang dã?”, trang 63.

- Áp đặt thuế hoặc các loại phí để nâng giá tiêu thụ hoặc giảm lợi nhuận của người sản xuất;
- Hạ thấp thuế suất đối với các sản phẩm thay thế (bền vững); và
- Tăng lợi nhuận đối với việc sản xuất bền vững thông qua các cơ chế như trợ giá, tạo ra giá trị gia tăng, cấp chứng nhận và dán nhãn.³⁴⁶

Công cụ IV.28 Buôn bán và thị trường hợp pháp

- Có thị trường gỗ không?
- Đây là thị trường cung cấp và tiêu thụ?
- Hoạt động sản xuất gỗ hợp pháp có được kiểm soát không?
- Chính sách về giá có tạo ra hay thúc đẩy thị trường bất hợp pháp không?

5 Nâng cao nhận thức

Cần phải làm rõ các điểm khác biệt giữa các hoạt động “hợp pháp” và “bất hợp pháp”, đặc biệt là các bên liên quan như người lao động, nhà quản lý trong lĩnh vực liên quan đến động vật hoang dã và lâm nghiệp, cộng đồng địa phương cũng như hệ thống tư pháp. Các khung pháp lý và chính sách không thể thực hiện hiệu quả được nếu các nhà quản lý không hiểu rõ nội dung và quy trình thực hiện. Do vậy, cần phải nâng cao nhận thức cho các bên liên quan và các nhóm quan tâm về các vấn đề liên quan đến lĩnh vực về động vật hoang dã và lâm nghiệp, đồng thời cần tập huấn cho họ để có được sự hiểu biết phù hợp.³⁴⁷ Họ phải hiểu rõ các yêu cầu của pháp luật và các hình phạt đối với trường hợp không tuân thủ cũng như hiểu rõ các tác động tiêu cực của tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp đối với thiên nhiên và xã hội.

Công cụ IV.29 Nâng cao nhận thức

- Các bên liên quan có nhận thức về mức độ, hậu quả và tác động của hoạt động đang xem xét không?
- Các bên liên quan có hiểu rõ hệ thống pháp luật hiện hành, các cơ chế giải quyết và chế tài xử phạt không?
- Mức độ hiểu biết của các cơ quan quản lý địa phương và người dân nói chung về pháp luật và thủ tục tố tụng đối với tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp?
- Các hoạt động đang xem xét có được cập nhật và báo cáo định kỳ không?

6 Kết luận

Tính chất phức tạp về mặt sinh thái, kinh tế và đạo đức của tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp đòi hỏi chúng ta phải giải quyết theo nhiều hướng, từ việc trực tiếp bảo vệ động vật hoang dã và rừng thông qua các biện pháp quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và công bằng, đến các giải pháp tập trung tăng cường hệ thống pháp lý về động vật hoang dã và rừng, tập trung đẩy mạnh các

³⁴⁶ Ibid., tr 21.

³⁴⁷ William B. Magrath và cộng sự, *Phòng ngừa Trộm Gỗ*, trang 17.

biện pháp và quy trình thực thi pháp luật hay các giải pháp nằm ngoài lĩnh vực lâm nghiệp và rừng như giải quyết vấn đề xoá đói giảm nghèo, thúc đẩy nguồn thu nhập thay thế, nâng cao nhận thức và thay đổi các kỹ thuật và tập quán không phù hợp. Ngân hàng Thế giới đã xây dựng khung đánh giá động cơ gây ra và phản ứng ứng phó với tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp, bao gồm khai thác gỗ trái phép, săn bắt trái phép động vật hoang dã, gây cháy rừng, xâm lấn và các hoạt động trái phép khác.³⁴⁸

Mục đích chủ yếu của phần này là phân tích các mắt xích khác nhau trong chuỗi tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp và chỉ ra các động cơ chính của các hoạt động trái phép này. Liên quan đến tính phức tạp của vấn đề và trong khuôn khổ phạm vi hạn chế của *Bộ công cụ* này, chúng tôi xin phép không đưa ra danh sách các công cụ phân tích cũng như các khuyến nghị cụ thể mà phụ thuộc vào tình hình cụ thể của từng quốc gia, các khía cạnh liên quan đến tội phạm loài hoang dã và lâm nghiệp sẽ được phân tích và giải quyết cụ thể. Do vậy, người đọc *Bộ công cụ* cần tham vấn thêm với các cơ quan, tổ chức đầu mối về các vấn đề cụ thể cũng như các tổ chức và chuyên gia trong những lĩnh vực cụ thể.

³⁴⁸ Ngân hàng Thế giới, “Tăng cường thực thi và quản trị lâm luật”, trang 69.

Phần năm.

Dữ liệu và phân tích dữ liệu

Dữ liệu và phân tích dữ liệu	181
1. Thu thập số liệu	182
1.1 Thống kê tội phạm.....	183
1.2 Báo cáo CITES.....	186
1.3 Nguồn phân tích và giám sát	187
1.4 Dữ liệu kinh tế.....	187
1.5 Quản lý công nghệ và thông tin.....	188
2. Cơ sở dữ liệu	189
2.1 Cơ sở dữ liệu bắt giữ của Mạng lưới hải quan	189
2.3 Cảnh báo CITES.....	190
3. Các chỉ số hoạt động	191
4. Nghiên cứu phân tích.....	193
4.1 Nghiên cứu độc lập và học thuật	194
4.2 Các khảo sát chẩn đoán	194
4.3 Phổ biến.....	195

Dữ liệu và phân tích dữ liệu

Hiện tại có rất ít phương pháp nhận biết tội phạm lâm nghiệp và động vật hoang dã được thực hiện ở cấp độ quốc gia, khu vực và quốc tế. Quy mô, khối lượng, các vấn đề buôn bán trái phép và số người tham gia là rất lớn, khó nhận biết và không thể tính toán được. Che đậy, thực thi yếu, thiếu nghiên cứu tổng thể là các nguyên nhân khiến chúng ta không nhận biết biết rõ được mức độ của hiện tượng tội phạm này. Thực tế, rất nhiều số liệu có được từ các báo cáo, bài báo chủ yếu do dựa trên các phỏng đoán hơn là phân tích một cách có hệ thống.

Thông tin và phân tích về các mức độ và tỷ lệ tội phạm lâm nghiệp và động vật hoang dã là cần thiết cho việc lập kế hoạch chính xác nhằm cải cách tư pháp và tăng cường năng lực cũng như là nhằm hỗ trợ nguồn lực ban đầu. Để xây dựng chiến lược tăng cường thực thi luật hiệu quả trong lĩnh vực quản lý động vật hoang dã và lâm nghiệp phụ thuộc vào các kiến thức cơ bản về tài nguyên rừng, động, thực vật hoang dã và việc sử dụng kiến thức, công việc này ít được chính quyền, các tổ chức ở nhiều quốc gia quan tâm. Nhiều nơi, hầu hết dữ liệu và kiến thức về phạm vi, nội dung và bản chất của các hoạt động hợp pháp, trái phép trong lĩnh vực lâm nghiệp và động vật hoang dã thiếu và không tập trung. Tuy nhiên, thông tin là cần thiết nhằm phục vụ công tác phát hiện, chống, giám sát, báo cáo, điều tra hoạt động trái phép.

Phân tích hệ thống tư pháp về tội phạm rất khó khăn, đặc biệt khi chúng ta có ít thông tin có chất lượng về bản thân hệ thống đó và về các vấn đề liên quan đến loại hình tội phạm bị truy cứu hoặc nguồn gốc tài nguyên khi nó bị tiêu hủy. Phần 5 của *Bộ công cụ* xác định một loạt các phương pháp, cơ sở dữ liệu và các nghiên cứu lý thuyết đã có về vấn đề tội phạm lâm nghiệp và động vật, thực vật hoang dã. Phần 5 cung cấp các công cụ giúp người sử dụng tạo ra hoặc tăng cường kiến thức cơ sở qua đó hình thành hệ thống chính sách, luật và các biện pháp thực thi pháp luật được thông tin nhằm chống lại và ngăn chặn hiệu quả tội phạm lâm nghiệp, động, thực vật hoang dã.

Trong quá trình tiếp cận hệ thống thực thi luật lâm nghiệp, động, thực vật hoang dã, thông tin chung về hai vấn đề đóng vai trò quan trọng. Vấn đề thứ nhất liên quan đến các nỗ lực thực thi luật được xác định bởi, ví dụ như (bắt giữ, xét xử, xử phạt hình sự, hành chính và các dạng đền bù khác, sẽ được thảo luận dưới đây). Vấn đề quan tâm thứ hai là phạm vi tội phạm, ví dụ như số lượng động vật bị khai thác trái phép, khối lượng bị gỗ bị trộm, diện tích rừng bị phá và vị trí địa lý của tội phạm “điểm nóng”. Dữ liệu điển hình có thể có thường bị hạn chế và bị giới hạn bởi nội dung và thiếu chính xác, nhưng khi được sắp xếp và phân tích hợp lý chúng có thể giúp ta hiểu rõ bản chất bên trong của sự việc và hướng ích cho việc ra khuyến nghị xây dựng chính sách.

Thông tin về mức độ của tội phạm tài nguyên thiên nhiên trong nhiều trường hợp cũng hạn chế như dữ liệu về bị hại nói chung. Điều này có thể do việc không khai báo đầy đủ cũng như thiếu ghi chép dữ liệu tại các cơ quan liên quan. Bao gồm, trong trường hợp tội phạm tài nguyên thiên nhiên, sự hạn chế là do các nguyên nhân sau: Không rõ ai là bị hại; các cơ quan quản lý và nhân viên có thể có những lợi ích chính trị chiến lược và động lực kinh tế để im các báo cáo; và nhiều tội phạm đơn giản là không được chú ý. Nhìn chung, việc phát hiện dữ liệu về tội phạm tài nguyên thiên nhiên bắt nguồn từ công việc quản lý tài nguyên thiên nhiên hàng ngày. Nguồn quan trọng để phân tích tội phạm tài nguyên thiên nhiên bao gồm nguồn điều tra, lập bản đồ, tính số lượng quần thể và khảo sát, ghi chép về thu hoạch, doanh số, lợi nhuận... Kế hoạch hoạt động cho những lĩnh vực xác định như là các Vườn quốc gia, các khu rừng hay các quần thể động vật cũng chứa các thông tin có thể được sử dụng để đánh giá các mối đe dọa và khả năng dễ bị tổn thương do tội phạm.

Trong quản lý tài nguyên thiên nhiên và rừng, phát hiện tội phạm nói chung là xung quanh các phương pháp sau: Trực tiếp quan sát, nhận biết sự mất mát (cũng liên quan đến mất mát, hao hụt) và quan sát sự thiếu nhất quán trong ghi chép, thống kê và giải quyết công việc. Thường thì các chỉ thị liên quan đến một hoặc nhiều phương pháp có thể thấy được cùng thời điểm bởi cá nhân khác trong hệ thống thực thi luật. Một yếu tố quan trọng trong phân tích thông tin tình báo tội phạm là việc tổ chức, sắp xếp, sử lý thông tin. Như thế nào – và như thế nào là tốt – hoạt động của hệ thống

phát hiện tội phạm là các câu hỏi quan trọng cho việc phân tích sự phản hồi ở mức độ quốc gia đối với các vi phạm về lâm nghiệp và động vật hoang dã. Tuần tra của người quản lý trong các khu bảo tồn động vật hoang dã và các điểm kiểm soát trong rừng là một trong những phương pháp quan sát trực tiếp được sử dụng ở nhiều quốc gia. Tuy nhiên, khi sinh cảnh rừng và động vật hoang dã lớn, nằm sâu, xa và không có đường giao thông, công chức chịu trách nhiệm quản lý rừng khó có khả năng giám sát tất cả các khu vực họ phụ trách. Một số cơ quan thực thi luật mở rộng khả năng giám sát nguồn tài nguyên và phát hiện tội phạm bằng việc sử dụng thông tin từ nguồn công chúng hoặc các nhóm tuần tra đặc biệt. Ở một số quốc gia, các nhóm tuần tra rừng từ cộng đồng thôn bản được tổ chức trên cơ sở tự nguyện hoặc nhà nước trợ cấp ở mức tối thiểu. Một biện pháp khác để phát hiện tội phạm là sử dụng các công cụ mà Luật cho phép để chống lại hoạt động rửa tiền.³⁴⁹

Việc nhận biết các mất mát là một phương pháp phát hiện tội phạm được sử dụng trong quản lý rừng và động vật hoang dã. Sự suy giảm diện tích rừng, quần thể hoặc số động vật hoang dã có thể là cơ sở ước tính sự mất mát do tội phạm gây ra. Tuy nhiên, điều tra và thống kê động vật hoang dã thường kéo dài, không chính xác hoặc mơ hồ và bởi vậy không có giá trị thực tiễn trong việc ước lượng các mất mát do tội phạm. Ở một số quốc gia họ phát triển kế hoạch sử dụng đất rõ ràng cho mục đích bảo tồn và cho các mục đích khác. Các tiến bộ của công nghệ trong lĩnh vực viễn thám đóng góp vào hoạt động phát hiện tội phạm lâm nghiệp. Thêm vào đó, việc phát hiện sự thay đổi độ che phủ rừng nhờ sử dụng ảnh vệ tinh trong 25 năm qua đã thuận tiện hơn và ít tốn kém hơn nhiều so với trước đây. Nhầm ước tính phạm vi chặt gỗ trái phép, xác định một điểm gốc so sánh là một điểm bắt đầu quan trọng, người phân tích tìm kiếm nhằm xác định quy mô tội phạm lâm nghiệp có thể so sánh với một số các chỉ số và thống kê buôn bán thường được sử dụng cho mục đích này.

1. Thu thập số liệu

Các nỗ lực nhằm chống lại và ngăn chặn tội phạm lâm nghiệp và động vật, thực vật hoang dã đôi khi bị hạn chế do dữ liệu tổng thể không được thu thập đầy đủ. Bất chấp khuynh hướng phổ biến nhằm cố gắng ước đoán quy mô của thị trường buôn bán trái phép động vật, thực vật hoang dã thì vẫn có một số thông kê đáng tin cậy.

Việc thiếu các dữ liệu tổng thể về mức độ, phạm vi các vi phạm luật động vật hoang dã, lâm nghiệp tạo ra các tác động trực tiếp lên khả năng khởi tố tội phạm theo quy định pháp luật hiện hành. Nếu không xác định được phạm vi và bản chất của các vấn đề, chúng ta khó có thể đưa ra các biện pháp và huy động nguồn lực để ngăn chặn và chống lại tội phạm. Thiếu thông tin chính thức về các vi phạm tội phạm lâm nghiệp và động vật, thực vật hoang dã, sẽ không xác định được các chiến lược phòng và chống tội phạm; các hoạt động ngăn chặn đưa ra là không hữu ích do thiếu thông tin vì vậy dẫn đến việc khởi tố người vi phạm không hiệu quả.

Thu thập dữ liệu về phạm vi và mức độ các vi phạm pháp luật bảo vệ động vật hoang dã và lâm nghiệp rất quan trọng nhằm đánh giá hiệu quả của chính sách, pháp luật trong các chương trình thực thi pháp luật và cung cấp các thông tin phản hồi cho các nhà lập pháp, xây dựng chính sách. Thiếu dữ liệu cơ bản thực tế, chính xác, các đòi hỏi liên quan đến hoạt động và tác động các chiến lược chống vi phạm về động vật hoang dã và lâm nghiệp không thể được xác định, do vậy sự tin cậy và cam kết của các chương trình chính phủ vẫn là một câu hỏi.³⁵⁰ Thông tin lượm lặt từ các biện pháp phát hiện có thể được sử dụng hiệu quả trong chống các hoạt động trái phép.³⁵¹ Từ năm 1994, nhóm công tác tội phạm động vật hoang dã của INTERPOL đã nhấn mạnh sự cần thiết cần thu thập dữ liệu chính xác và tổng thể và trọng tâm làm cơ sở xây dựng hệ thống dữ liệu toàn cầu hỗ trợ các quốc gia trong nỗ lực chống tội phạm lâm nghiệp và động vật hoang dã.

Ở một số quốc gia các cơ quan chính phủ và các cá nhân thu thập hoặc công bố thông tin về các vi phạm về động vật hoang dã, lâm nghiệp một cách miễn cưỡng vì lo ngại rằng các báo cáo này có

³⁴⁹ Xem phần 1, mục 5 của Bộ công cụ.

³⁵⁰ Ibid., tr 55.

³⁵¹ Esa Puustjärvi, Đề xuất Loại hình học khai thác gỗ trái phép, tr 28.

thể là chỉ số đánh giá sự yếu kém của quản lý nhà nước, luật pháp, trách nhiệm trong quản lý động vật hoang dã và rừng. Một số nơi, các công chức tham nhũng và không trung thực dường như tìm các dữ liệu và các hệ thống phát hiện không được giám sát là một bình phong thuận tiện nhất.³⁵² Tuy nhiên, chỉ bằng nhận thức về sự tồn tại của các vi phạm về động vật hoang dã và lâm nghiệp để cố gắng xác định quy mô và hiện tượng, liệu có thể giải quyết được các vấn đề không?³⁵³

Phần sau đây xác định các công cụ phân tích liên quan đến thu thập dữ liệu, thống kê và báo cáo

1.1 Thống kê tội phạm

Đáng chú ý, một số chính phủ có hệ thống thống kê các hoạt động vi phạm luật bảo vệ động vật hoang dã và lâm nghiệp. Trong khi đó nhiều quốc gia không có hệ thống thu thập, thống kê các hoạt động này, thậm trí nếu có các số liệu thống kê thường dựa trên các tiêu chí quá rộng và không thể phân tách và phân biệt. Một số ít quốc gia đếm số vụ điều tra, xét xử, truy tố trong lĩnh vực động vật hoang dã và lâm nghiệp theo các vi phạm cá nhân. Thậm trí một vài quốc gia phân tách số lượng các vi phạm ví dụ như theo vùng địa lý một cách tuyệt đối.³⁵⁴ Thậm trí nếu có các thống kê đó, thì số liệu cũng không được công khai, công bố, dẫn đến cản trở nỗ lực phân tích và hiểu các mức độ các vi phạm để thiết kế các chiến lược đầy đủ chống lại chúng.

Một trong những khó khăn trong thu thập thống kê là trên thực tế các vi phạm động vật hoang dã và lâm nghiệp thường ít được linh hội do những người thua kiện chỉ báo tiếp xúc với các cơ quan thẩm quyền để tố cáo tội phạm trong một số trường hợp hiếm và ngoài lệ, thường là khi cá nhân họ bị mất mát hoặc bị hại. Có chăng đi nữa, thống kê tội phạm đơn lẻ không cần thiết xem như là chỉ số tốt phổ biến chỉ mức độ tội phạm và nạn nhân ở một quốc gia cụ thể do họ bị ảnh hưởng lớn bởi mức độ sẵn sàng hợp tác của các nạn nhân khi tố cáo tội phạm với cảnh sát. Các nạn nhân và người làm chứng thường không muốn tố cáo đến cơ quan chức năng khi họ không tin tưởng vào các cơ quan này hoặc họ không thể mong đợi sự hỗ trợ từ các cơ quan chức năng.³⁵⁵

Hầu hết các hành vi vi phạm được phát hiện bởi các cơ quan thực thi luật khi họ chạm chán với ai đó liên quan đến vi phạm, điều tra hiện trường chặt gỗ lậu, săn trộm hoặc chế biến trái phép hoặc nếu họ ngăn chặn buôn lậu. Trong nhiều trường hợp, các tổ chức phi chính phủ (NGOs) đóng vai trò quan trọng trong xác định các hoạt động trái phép và giúp các cơ quan chức năng xem xét các hành vi vi phạm này. Nhiều cơ quan chính phủ có khuynh hướng sử dụng các thông tin từ các vụ bắt giữ, tịch thu lâm các chỉ số về vi phạm luật bảo vệ động vật hoang dã và rừng, nhưng sai số sẽ rất nghiêm trọng nếu sử dụng để đánh giá mức độ tội phạm bởi vì nó chỉ phản ánh các nỗ lực thực thi luật và các tình huống ngẫu nhiên đã được giải quyết thành công hơn là con số chính xác của tất cả các vụ việc vi phạm.

Vụ vi phạm rừng và các loài hoang dã

Các bước đầu tiên để kiểm tra sự tồn tại và khả năng sẵn có của dữ liệu phân tích liên quan đến các vi phạm về rừng và động vật hoang dã là xác định các thông kê tội phạm liên quan nhằm bộc lộ ra các dữ liệu phải ánh tảo xuất và mức độ vi phạm về môi trường. Ở một số trường hợp xét xử, các thống kê được thu thập cho từng vi phạm cá nhân, trong khi trường hợp khác, dữ liệu được nhóm dựa trên các tiêu chí rất rộng như là vi phạm luật lâm nghiệp, tội phạm môi trường và vi phạm xuất, nhập khẩu.³⁵⁶

³⁵² Ngân hàng Thế giới, “Tăng cường thực thi pháp luật và quản trị lâm nghiệp”, tr 55.

³⁵³ Liên Hợp Quốc, Ủy ban Kinh tế và Xã hội, “Buôn bán bất hợp pháp các loài động thực vật được bảo vệ và tiếp cận bất hợp pháp các nguồn gen”, báo cáo của Tổng thư ký, 4/3/2003 2003 (E/CN.15/2003/8), đoạn 54.

³⁵⁴ Cf. Ngân hàng Thế giới, “Tăng cường thực thi pháp luật và quản trị lâm nghiệp”, tr 54

³⁵⁵ UNODC, “Thông tin về luật hình sự”, Bộ công cụ Đánh giá Luật Hình sự.

³⁵⁶ UNODC, “Điều tra tội phạm”, Bộ công cụ Đánh giá Luật Hình sự.

Trong hầu hết các vụ xét xử, các thống kê tách biệt được thu thập cho các vi phạm, kết quả điều tra, truy tố và kết án được báo cáo. Nếu được thu thập và báo cáo phù hợp, các thông tin đó có thể được sử dụng để xem xét lại các quá trình điều tra và xét xử và dùng để xác định các điểm yếu có thể trong hệ thống tư pháp tội phạm mà đôi khi là nguyên nhân gây thất bại trong điều tra, xét xử. Nhiều cơ quan hành pháp cũng có các thống kê tội phạm bao gồm thông tin về người vi phạm, nạn nhân (nếu có) thiệt hại hoặc hư hỏng và xác định hành vi vi phạm, nhờ đó giúp cho quá trình xác định khuynh hướng và mức độ các hoạt động tội phạm.

Công cụ V.1 Thống kê tội phạm

- Thống kê tội phạm có được thu thập không? Nếu có cơ quan nào thực hiện
- Họ có phân tách các vi phạm về động vật hoang dã và lâm nghiệp với các vi phạm khác về môi trường không? Các vi phạm cá nhân về động vật hoang dã và lâm nghiệp có được thống kê? Ai chịu trách nhiệm thống kê?
- Có bao nhiêu vi phạm về động vật hoang dã và lâm nghiệp được tố cáo? Bao nhiêu vụ việc được điều tra?
- Có bao nhiêu vụ việc điều tra được đưa ra truy cứu và xét xử?
- Các thống kê này chứa các thông tin về thủ phạm, vị trí xảy ra vi phạm và mức độ thiệt hại hoặc hư hại?
- Tần suất thông kê tội phạm được thống kê? Định kỳ công bố và nơi công bố?

Tội phạm không được tố cáo

Thống kê tội phạm thường được đếm chỉ dựa trên số các vụ vi phạm hình sự từ nguồn cảnh sát hoặc các cơ quan thực thi pháp luật khác. Tuy nhiên với nhiều lý do, nhân chứng và nạn nhân của các vụ vi phạm hình sự, kể cả trong lĩnh vực quản lý rừng, động vật hoang dã không tố cáo với các cơ quan thẩm quyền. Tần suất tố cáo ít thường liên quan đến, có thể chịu ảnh hưởng của các yếu tố bao gồm việc tiếp cận các cơ quan thực thi và mức độ tin tưởng (hoặc thiếu) đối với cảnh sát. Sự khác biệt giữa các vi phạm hình sự trên thực tế và số vụ phát hiện được bởi cơ quan chức năng được gọi là “số liệu tối về tội phạm” Thống kê tội phạm hình sự bởi vậy là một phương pháp không hoàn chỉnh về số các vi phạm luật bảo vệ rừng và động vật hoang dã được công bố chính thức.

Công cụ V.2 Tội phạm không được báo cáo

- Thống kê về tội phạm hình sự liên quan chỉ với tội phạm được tố cáo hay chỉ có ước lượng mức độ tội phạm chung chung?
- Có ước tính chính thức và không chính thức về các con số vi phạm hình sự không được báo cáo liên quan đến động vật hoang dã và rừng?

Công cụ V.3 Dữ liệu cảnh sát và kết quả thực thi

- Con số nào và loại vi phạm nào liên quan đến động vật hoang dã và rừng được báo cáo?
- Con số và loại vi phạm nào liên quan đến động vật hoang dã và rừng được điều tra?
- Có bao nhiêu trường hợp nghi ngờ được điều tra? Bao nhiêu trường hợp bị đình chỉ?
- Có bao nhiêu trường hợp điều tra được chuyển truy cứu trách nhiệm hình sự hay bị hủy? Bao nhiêu người bị truy cứu?
- Tỷ lệ vi phạm về động vật hoang dã và rừng được báo cáo và phát hiện mà các cơ quan chức năng yêu cầu được giải quyết (tỷ lệ giải quyết sạch án)?
- Có bao nhiêu và loại tài sản, sở hữu được tịch thu liên quan đến các vi phạm động vật hoang dã rừng hàng năm?

Dữ liệu hải quan

Dữ liệu liên quan của Hải quan chứa các thông tin về buôn bán qua biên giới, bao không khối lượng buôn bán và giá trị khai báo. Dữ liệu xuất, nhập được thu thập bởi cơ quan Hải quan trên thế giới thường được tổ chức theo loại hàng hóa, thường sử dụng hệ thống mô tả và mã hàng hóa chung, hài hòa.³⁵⁷

Công cụ V.4 Dữ liệu hải quan

- Dữ liệu hải quan nào về xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến động vật, thực vật hoang dã có thể có?
- Thường các báo cáo hải quan có chứa thông tin về loài, khối lượng và giá trị động vật, thực vật hoang dã xuất khẩu, nhập khẩu?

Dữ liệu về khởi tố và kết quả

Công cụ V.5 Dữ liệu về điều tra và kết quả

- Có bao nhiêu vụ khởi tố liên quan đến các vi phạm về động vật hoang dã và rừng tiến hành?
- Có bao nhiêu vụ khởi tố dẫn đến truy cứu bị hủy?
- Có bao nhiêu người bị khởi tố? Bao nhiêu người đã bị truy cứu? Bao nhiêu người chịu án phạt?
- Có bao nhiêu trường hợp kháng án liên quan đến các vi phạm về bảo vệ động vật hoang dã và rừng được cơ quan khởi tố thụ lý?

³⁵⁷ Steven Broad, Teresa Mulliken và Dilys Roe, “Bản chất và phạm vi vấn đề thương mại bất hợp pháp đối với các loài hoang dã”, tr 3-7.

Dữ liệu tòa án và các kết quả

Công cụ V.6 Dữ liệu của tòa án và các kết quả

- Có bao nhiêu phiên tòa xử lý các vụ kiện liên quan đến các vi phạm luật bảo vệ rừng và động vật hoang dã đã được tiến hành? Bao nhiêu trường hợp truy cứu? Bao nhiêu trường hợp kháng án?
- Bao nhiêu trường hợp dẫn đến án phạt? Bao nhiêu trường hợp trắng án?
- Bao nhiêu án về vi phạm luật bảo vệ rừng và động vật hoang dã đã được kháng án? Lý do chính để kháng án?
- Các phiên tòa thường diễn ra trong bao lâu hay mất bao lâu thì xét xử xong một vụ việc?

1.3 Báo cáo CITES

Tại điều VIII, khoản 6 của CITES, các nước thành viên được yêu cầu duy trì các dữ liệu về buôn bán các loài thuộc Phụ lục CITES. Cơ chế này là một đặc tính quan trọng trong kiểm soát và thực thi luật hiệu quả và được mô tả như là “xương sống trong kiểm soát buôn bán”.³⁵⁸ Thông tin có được theo phương thức này có thể được dùng để xác định các tuyến đường buôn bán trái phép và vạch ra nguồn gốc chủ yếu, các điểm trung chuyển và điểm đến cuối cùng của hàng hóa. Ban thư ký CITES cũng thiết lập một cơ chế thu thập các thông tin về buôn bán từ các quốc gia thành viên Công ước và các thông tin khác về việc tuân thủ và thực thi CITES.³⁵⁹ Các báo cáo hàng năm được gửi đến Ban thư ký. CITES cũng đòi hỏi các quốc gia phải gửi báo cáo hai năm về luật pháp, các quy định và các biện pháp hành chính nhằm đảm bảo thực thi các điều khoản của Công ước.

Hơn thế nữa, Ban thư ký CITES có gắng có được cái nhìn tổng thể về các loại hình vi phạm động vật, thực vật hoang dã cụ thể. Ví dụ, trong những năm gần đây, chương trình giám sát giết voi bất hợp pháp (MIKE) và hệ thống thông tin về buôn bán voi (ETIS) đã tổng hợp các dữ liệu liên quan đến săn và buôn bán trái phép voi.

Công cụ V.7 Báo cáo CITES

- Cơ quan quản lý CITES (hay cơ quan khác) duy trì các dữ liệu về buôn bán các loài thuộc phụ lục CITES? Nếu vậy thì các dữ liệu này có được công bố không? Dữ liệu có được gửi cho Ban thư ký CITES thường niên không? Nếu có, các dữ liệu này có hoàn chỉnh không?
- Quốc gia có trình báo cáo hai năm về khung pháp lý, các quy định và các biện pháp hành chính được áp dụng để thực thi các điều khoản của CITES không?
- Nếu các dữ liệu và báo cáo không được gửi cho Ban thư ký CITES thì lý do tại sao?

³⁵⁸ David S. Favre, *Thương mại quốc tế các loài nguy cấp*, tr 215.

³⁵⁹ Công ước về Thương mại quốc tế các loài động thực vật nguy cấp, Điều VIII, khoản 7 và Điều XII.

1.3 Nguồn phân tích và giám sát

Nếu có được dữ liệu về các vấn đề liên quan đến môi trường như nguồn dữ liệu trong lĩnh vực lâm nghiệp và động, thực vật hoang dã là hữu ích nhằm xác định các hoạt động của con người trong lĩnh vực này và tác động của các hoạt động ấy lên tài nguyên thiên nhiên. Trong một số trường hợp, chúng hỗ trợ công tác phát hiện các hành vi vi phạm và mức độ tổn hại đối với sinh cảnh tự nhiên.

Phân tích và giám sát tài nguyên rừng có thể cung cấp các thông tin có giá trị cho xây dựng chính sách và pháp luật lâm nghiệp đầy đủ và hỗ trợ việc định hình các biện pháp thực thi luật phù hợp. Một số đơn vị hành pháp áp đã thiết lập hệ thống theo dõi giám sát tổng thể về rừng và động, thực vật hoang dã với các thủ tục báo cáo tiêu chuẩn qua đó hỗ trợ việc kiểm soát buôn bán hợp pháp và trái phép động, thực vật hoang dã. Các hệ thống này được thiết kế để theo dõi thực vật hoặc động vật (kể cả nguyên liệu động, thực vật) từ nguồn đến người bán hàng và sau đó. Nhìn chung, các hệ thống này dựa trên việc điều tra nguồn gốc, đánh dấu và tài liệu hóa chúng. Mỗi bước của quá trình buôn bán đòi hỏi bằng chứng rằng động vật, thực vật hoặc nguyên liệu có được từ chúng từ nguồn hợp pháp và đi kèm với giấy tờ, nhãn mác, hóa đơn liên quan chỉ ra rằng thuế, lệ phí đã được đóng.³⁶⁰

Ngày các nhiều quốc gia sử dụng những đơn vị giám sát động vật hoang dã, rừng độc lập chịu trách nhiệm hỗ trợ cơ quan chính phủ thực hiện một phân tích độc lập và được thông báo về các nỗ lực và thành quả của các cơ quan liên quan trong điều tra và ngăn chặn các hành vi vi phạm lâm luật và luật bảo vệ động, thực vật hoang dã. Các đơn vị giám sát này đưa ra các khuyến nghị nhằm cải thiện hệ thống hiện hành. Giám sát độc lập do vậy có khả năng tăng cường kêu gọi thực thi cải cách và chống tham nhũng, các khuyến nghị được chào đón bởi các công chức quan tâm thực sự đến bốn phần việc công của họ. Các khuyến nghị cũng giúp làm bộc lộ ra các mối quan tâm chính trị và các mối quan hệ chống lưng cho nhiều hoạt động trái phép trong lĩnh vực động vật, thực vật hoang dã.³⁶¹ Tổ chức nông, lương liên hợp quốc (FAO) và Tổ chức gỗ nhiệt đới quốc tế (ITTO), nằm trong nhiều tổ chức và các chuyên gia được đánh giá là những đơn vị độc lập lớn đã cho thấy rất hiệu quả sự tăng mức độ thông tin về lĩnh vực lâm nghiệp và động, thực vật hoang dã và việc mở rộng của sự tuân thủ pháp luật trong chúng.³⁶²

Công cụ V.8 Giám sát và đánh giá nguồn gốc

- Có dữ liệu, ghi chép hoặc thông tin về sự thay đổi độ che phủ rừng hoặc nguồn gốc động, thực vật hoang dã hoặc các dữ liệu môi trường khác liên quan?
- Quốc gia hoặc các vùng trong quốc gia sử dụng hệ thống giám sát rừng và động, thực vật hoang dã? Nếu có thì hệ thống đó hoạt động thế nào, ai thực hiện?
- Các hệ thống giám sát có sự tham gia của các đơn vị giám sát độc lập không? Nếu có, họ là ai và họ hoạt động thế nào?

1.4 Dữ liệu kinh tế

Dữ liệu kinh tế và thống kê buôn bán có thể được sử dụng để xác định mức độ và quy mô của buôn bán trái phép động, thực vật hoang dã. Ví dụ, dữ liệu về lợi nhuận giảm trong ngắn hạn và năng lực

³⁶⁰ Esa Puustjärvi, Đề xuất về loại hình học hành vi khai thác gỗ lậu, tr 31.

³⁶¹ Xem thêm tại Quan sát toàn cầu, Một hướng dẫn về Giám sát rừng độc lập (London, 2005).

³⁶² FAO và ITO, Ví dụ tốt nhất về cải thiện việc tuân thủ luật pháp, tr 62-64.

công nghiệp hoặc hiệu quả sử dụng tài nguyên cần thiết cho phân tích phạm vi khai thác trái phép động vật, thực vật hoang dã.

“Mức hao hụt” là một thuật ngữ được áp dụng cho các thay đổi không lý giải được thông qua một cuộc điều tra. Thiếu các nguyên nhân cụ thể (như là việc hư hao và hỏng) mức hao hụt thường bị gán cho mất trộm hoặc các hoạt động trái phép khác. Tương tự trong quản lý rừng và động vật hoang dã, việc suy giảm diện tích rừng, kích thước quần thể và số động vật hoang dã có thể được sử dụng để ước tính mức độ mất mát do tội phạm gây ra. Tiếc là trong nhiều trường hợp số liệu đánh giá, điều tra, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và điều tra động, thực vật hoang dã cũ, lạc hậu hoặc không chính xác, mơ hồ, không có giá trị thực tiễn trong việc tính toán mức độ thiệt hại do tội phạm gây ra. Một phương pháp khác là xác định các hoạt động trái phép bằng việc sử dụng so sánh dữ liệu về sản xuất, tiêu thụ và buôn bán các sản phẩm động vật, thực vật hoang dã. Ví dụ so sánh việc chuyển gỗ tròn và các sản phẩm gỗ hoặc số liệu xuất khẩu của quốc gia xuất khẩu và số liệu nhập khẩu của quốc gia nhập có thể làm sáng tỏ sự chênh lệch. Sự khác biệt có thể chỉ ra mức độ mất trộm, buôn lậu và mức chuyển giá. Tương tự kiểm tra hàng số giữa lợi nhuận lâm nghiệp và khai thác được báo cáo có thể hữu ích.³⁶³

Công cụ V.9 Dữ liệu kinh tế

- Các dữ liệu kinh tế nào liên quan đến buôn bán động, thực vật hoang dã có?
- Trong công tác điều tra việc không tính toán được sự thay đổi có làm sáng tỏ các hoạt động trái phép?
- Có sự không nhất quán giữa số liệu đầu vào-đầu ra và xuất-nhập qua đó chỉ ra sự tồn tại của các hoạt động trái phép không?

1.5 Quản lý công nghệ và thông tin

Việc tiếp cận các dịch vụ thông tin, như là điện thoại di động và internet đang tăng lên nhanh chóng từ những năm 2000. Đến năm 2009, việc tiếp cận với công nghệ di động tại các quốc gia đang phát triển đã lần đầu tiên vượt quá 50% và đến 57% dân số. Công nghệ thay đổi đồng thời với sự cải cách thể chế khi các công ty độc quyền nhà nước được thương mại hóa hoặc tư nhân hóa và hoạt động cạnh tranh cung cấp dịch vụ đã diễn ra. Việc tăng cường tiếp cận thông tin và công nghệ liên lạc (ICTs) dẫn đến việc ra đời chính phủ điện tử mà việc áp dụng công nghệ thông tin giúp tăng cường tương tác giữa chính phủ và công dân. Tăng cường sử dụng công nghệ giúp cải thiện việc tiếp cận thông tin công khai. Mặc dù sự mở rộng dịch vụ mạng, tuy nhiên giá dịch vụ còn đắt so với thu nhập trung bình của người dùng ở nhiều quốc gia đang phát triển. Tuy nhiên, xu hướng giá dịch vụ công nghệ thông tin đang giảm. Nhiều điểm yếu trong công tác quản lý tài nguyên thiên nhiên có thể được giải quyết nhờ công nghệ thông tin. Các hệ thống thực thi luật hiệu quả trong lĩnh vực lâm nghiệp gồm có việc chống, phát hiện và ngăn chặn. Công nghệ đóng một vai trò quan trọng trong mỗi một bước, trong nỗ lực ngăn chặn phá rừng trái phép, ngăn chặn vận chuyển, chế biến gỗ và buôn bán động vật, thực vật hoang dã. Đa dạng trong ứng dụng công nghệ thông tin có thể được sử dụng để tăng cường phản ứng và ngăn chặn, bao gồm những điểm sau:

- Ngăn chặn: sơ đồ hóa tội phạm và các đường dây nóng chống tham nhũng;
- Phát hiện: hệ thống theo dõi gỗ, chuỗi hành trình, các điểm kiểm soát, hình ảnh vệ tinh hệ thống giám sát định vị toàn cầu; và
- Xử lý: các hệ thống cơ sở dữ liệu tội phạm và quản lý sự việc.

³⁶³ Ngân hàng Thế giới, “Tăng cường thực thi pháp luật và quản trị lâm nghiệp”, tr 54.

ICTs có thể thường được áp dụng để xác định sự không nhất quán hoặc các dấu hiệu phi pháp sớm (“cờ đỏ”) trong một khối lượng lớn dữ liệu quan sát. Các dữ liệu này có thể được thu thập qua hệ thống viễn thám, nguồn dữ liệu hành chính, nguồn tư liệu gốc hoặc các phương thức khác. Hiệu quả áp dụng công nghệ giúp giảm chi phí hoạt động hiệu quả mà trước đây không thể thực hiện được bằng biện pháp thông thường.³⁶⁴

2. Cơ sở dữ liệu

Hoạt động chia sẻ thông tin giữa các cơ quan trong nước và quốc tế là sống còn đối với công tác chống tội phạm về rừng và động, thực vật hoang dã. Nhiều công cụ khác nhau được thiết kế để khởi tạo và thúc đẩy hợp tác giữa các quốc gia đã được nêu ra tại các phần trước của Bộ công cụ. Thêm vào đó, việc xây dựng và quản lý dữ liệu quốc gia và quốc tế có thể là nền móng để báo cáo lưu giữ thông tin gắn liền với các vi phạm về rừng và động vật hoang dã theo các cách tiêu chuẩn hóa. Một số quốc gia, dù vậy một số lượng nhỏ, duy trì một bộ cơ sở dữ liệu ghi chép đầy đủ các trường hợp vi phạm trong lĩnh vực này, cũng như là các chi tiết về các hoạt động truy cứu thành công và không thành công.

Công cụ V.10 Cơ sở dữ liệu quốc gia về tội phạm vi phạm luật bảo vệ rừng và động, thực vật hoang dã

- Quốc gia có duy trì một hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia trong đó có lưu các thông tin về các vi phạm trong bảo vệ rừng và động, thực vật hoang dã?
- Cơ quan nào có thể tiếp cận cơ sở dữ liệu?
- Thông tin nào được ghi chép? Thông tin được ghi chép và phổ biến thế nào? Pháp luật có hạn chế việc sử dụng dữ liệu pháp y trong cơ sở dữ liệu không?
- Các cơ quan chức năng liên quan có đầy đủ hạ tầng thông tin không? Sự sẵn sàng của các cơ quan đó?

2.1 Cơ sở dữ liệu bắt giữ của Mạng lưới hải quan

Tổ chức hải quan thế giới (WCO) duy trì một cơ sở dữ liệu về các vụ bắt giữ trên nền tảng internet trong Mạng lưới thực thi luật Hải quan (CEN), trong đó dữ liệu bắt giữ động, thực vật hoang dã là một trong 13 hợp phần từ năm 2002. Cơ sở dữ liệu còn chứa các thông tin bắt giữ về thời gian, vị trí, loài, số lượng, điểm đi, điểm đến, vận chuyển, hoạt động đầu hàng và các tài liệu CITES. Cơ quan hải quan trên toàn thế giới báo cáo các vụ bắt giữ trên cơ sở tự nguyện. Văn phòng liên lạc tình báo vùng phân tích dữ liệu và công bố báo cáo phân tích theo định kỳ. Dữ liệu cũng có thể tiếp cận bởi tất cả các thành viên quản lý WCO cho mục đích phân tích.

Công cụ V.11 Cơ sở dữ liệu bắt giữ của mạng lưới thực

³⁶⁴ Tukka Castrén và Madhavi Pillai. Quản trị rừng 2.0: Một đặc quyền về ICT và quản trị (Washington, DC, Chương trình rừng, 2011).

thi Hải quan WCO

- Các vụ bắt giữ động, thực vật hoang dã trái phép có thường được báo cáo cho CEN?
- Thông tin bắt giữ có được phân tích không? Ai thực hiện?

2.2 Buôn bán trong trao đổi thông tin về động vật hoang dã

Hệ thống trao đổi thông tin động, thực vật hoang dã của Hiệp hội thương mại Châu Âu (EU-TWIX) là một công cụ được xây dựng nhằm thúc đẩy việc trao đổi thông tin và hợp tác quốc tế giữa các công chức thực thi luật trong Liên hiệp châu Âu. Hệ thống này bắt đầu hoạt động từ tháng 10 năm 2005. Cơ sở dữ liệu tập trung EU-TWIX về bắt hoạt động buôn bán động, thực vật hoang dã được trình cho các cơ quan thực thi pháp luật của liên hiệp châu châu (cảnh sát, hải quan, cơ quan điều tra môi trường và Cơ quan quản lý CITES) bằng 6 thứ tiếng. WCO cũng định kỳ cung cấp số liệu bắt giữ Hải quan từ hệ thống cơ sở dữ liệu CEN, được quản lý bởi cơ quan hành chính Hải quan liên hiệp Châu Âu.

Tiếp cận dữ liệu EU-TWIX trên nền tảng internet và thiết kế đặc biệt sử dụng cho các công chức thực thi luật, những người này có mã số để tiếp cận hệ thống.³⁶⁵ Cơ sở dữ liệu cũng chứa các thông tin về các viện giám định pháp y, cán bộ trung tâm cứu hộ và chuyên gia loài hoang dã cũng như giá của mẫu vật động vật hoang dã được buôn bán. Danh sách thư điện tử EU-TWIX cho phép các công chức thực thi luật được phân công chia sẻ thông tin nhanh và hiệu quả, và nhằm trao đổi kinh nghiệm và chuyên gia về vấn đề buôn bán trái phép động vật hoang dã.

Trong khi cơ chế EU-TWIX về chia sẻ thông tin gần đây được mở cho các thành viên Châu Âu, họ cung cấp các mô hình hữu dụng cho việc tạo ra cơ sở dữ liệu tương tự ở các quốc gia khác. Ngoài ra còn được sử dụng như là mẫu chuẩn cho các vùng khác trên thế giới về cơ sở dữ liệu vi phạm động vật, thực vật hoang dã.

Công cụ V.12 EU-TWIX

- Quốc gia mình có được tiếp cận dữ liệu EU-TWIX?
- Cơ quan nào có thể tiếp cận dữ liệu? Thông tin được ghi chép và công bố như thế nào?

2.3 Cảnh báo CITES

Thông tin và thông tin tình báo thu nhận từ các nguồn khác nhau, Ban thư ký CITES chuẩn bị các cảnh báo chứa thông tin tình báo liên quan đến xu hướng vi phạm luật bảo vệ động vật hoang dã hiện tại hoặc phương thức hoạt động mới liên quan đến buôn bán trái phép. Cảnh báo của CITES công bố hạn chế đăng nhập trên diễn đàn thực thi pháp luật của trang mạng CITES. Các tài liệu tập huấn bằng các thứ tiếng và các bản tin thực thi luật liên quan khác cũng có thể được tiếp cận thông qua diễn đàn, phương thức này có thể được sử dụng như một kênh liên lạc an toàn dùng cho các công chức thực thi luật trên toàn cầu.

³⁶⁵ Xem www.eutwix.org.

Công cụ V.13 Cảnh báo CITES

- Cơ quan quản lý CITES quốc gia có ban hành cảnh báo của riêng mình và sử dụng cảnh báo CITES không? Nếu không, tại sao?
- Các nhân viên liên quan có được tập huấn trong việc chuẩn bị ban hành cảnh báo không?
- Cảnh báo CITES hoạt động thế nào? Chờ ngại gì phát sinh khi sử dụng cảnh báo CITES

3. Các chỉ số hoạt động

Một số ít quốc gia có loại dữ liệu tập hợp, xử lý cần thiết cho thu thập dữ liệu ở các phương diện khác nhau của hệ thống tư pháp hình sự của chúng và xây dựng các chỉ số nhằm giám sát hoạt động của họ. Mỗi cơ quan tư pháp, bao gồm những hoạt động trong lĩnh vực động vật, thực vật hoang dã và rừng, cần được khuyến khích để xác định các mục tiêu hoạt động cho từng chức năng, nhiệm vụ, thông qua các chỉ số hoạt động và định ra các cơ chế thu thập dữ liệu cần thiết nhằm giám sát các hoạt động. Một hệ thống hoạt động tốt, có trách nhiệm cần tập trung vào kết quả, được đại diện bởi một số chỉ số lựa chọn nhằm đo khả năng hoạt động, dữ liệu được tạo ra ổn định theo thời gian, qua đó cung cấp thông tin cho cả các quyết định về chính sách và quản lý và kết quả được báo cáo định kỳ, công khai.³⁶⁶

Chỉ số hoạt động của cảnh sát

Trong thực thi luật, chỉ số thường được sử dụng thường xuyên nhất có lẽ là tỷ lệ tội phạm được giải quyết bởi cảnh sát so với tổng số các vụ vi phạm hình sự mà họ tiếp nhận (tố cáo, báo cáo). Tổng số vụ giao thực hiện, được định nghĩa là “số các vụ vi phạm hình sự (không kể giao thông) phù hợp với năng lực cảnh sát được ủy giao. Nó cũng được sử dụng như là một phương pháp chung xác định tải trọng và tỷ lệ phần trăm tội phạm được giải quyết (bằng phân loại tội phạm) như là một chỉ số hoạt động.³⁶⁷

Chỉ số này không thường dựa trên các dữ liệu thô bởi vì (a) thay đổi hành vi báo cáo tội phạm (b) cách mà cảnh sát định nghĩa một “tội phạm được giải quyết” (ví dụ, truy cứu đã được xử, người vi phạm được xác định, có đủ chứng cứ được thu thập để kết án hoặc người gây án đã thú tội) hoặc (c) tất cả các loại tội phạm có thể bao gồm hoặc một số loại nhất định (ví dụ chỉ tội phạm bạo lực). Chỉ số khác có thể được sử dụng là tỷ lệ phần trăm tội phạm bị truy cứu bị xử lý.³⁶⁸

Liên quan đến tuân tra, chỉ số hoạt động được sử dụng phổ biến nhất là số cuộc gọi nhận được và số phản hồi (theo ưu tiên), thời gian phản hồi đối với các kiểu gọi khác nhau và thời gian công chức sử dụng. Đôi khi “mất tín hiệu” là chỉ số được sử dụng. Điều này liên quan đến số lần mà ở đó không có công chức trả lời một cuộc gọi. Mỗi liên lạc là đơn lẻ và các so sánh từ đó có rất ít giá trị nếu thiếu các đánh giá sâu hơn về loại hình tội phạm, đơn vị báo cáo từ thực tiễn, phản hồi và điều tra của cảnh sát và các nhân tố có thể giải quyết được.³⁶⁹

Chỉ số hoạt động của hải quan

³⁶⁶ UNODC, “Thông tin về luật hình sự”, Bộ công cụ Đánh giá Luật Hình sự.

³⁶⁷ Ibid

³⁶⁸ Ibid

³⁶⁹ Ibid

Rất ít cơ quan hải quan thông qua bộ chỉ số một cách hệ thống để giải quyết vấn đề đánh giá hoạt động Hải quan trong thực thi luật. Trong *SAFE khung tiêu chuẩn bảo đảm an toàn và thúc đẩy thương mại toàn cầu*, WCO thiết lập một số tiêu chuẩn đo khả năng hoạt động Hải quan. Một số chỉ số hoạt động quan trọng đối với hải quan trong thực thi luật bảo vệ rừng, động vật, thực vật hoang dã bao gồm nhưng không giới hạn các chỉ số dưới đây:

- Động, thực vật hoang dã là một bộ phận trong chiến lược Hải quan quốc gia
- Thời gian trung bình cho thông quan buôn bán hợp pháp;
- Tập huấn cho công chức Hải quan;
- Số lượng và chất lượng thông tin và tin tình báo;
- Quản lý rủi ro và đánh giá rủi ro, kể cả áp dụng các chỉ số rủi ro trong hoạt động hàng ngày;
- Số các đơn vị hoặc công chức chuyên trách thực thi luật bảo vệ động, thực vật hoang dã;
- Số lượng kiểm soát vận chuyển dựa trên đánh giá rủi ro và phân trăm ngăn chặn sau hoạt động kiểm soát đó
- Số vụ bắt giữ;
- Tỷ lệ theo đuổi các cuộc điều tra buôn bán trái phép;
- Hợp tác với các cơ quan khác (ví dụ, biên bản ghi nhớ, trao đổi thông tin, hỗ trợ từ Cơ quan quản lý CITES, chuyển giao mẫu vật);
- Hợp tác ở cấp quốc gia và quốc tế;
- Hợp tác với các bên liên quan khác và hỗ trợ trong công tác nâng cao nhận thức công chúng;
- Kiểm soát hiệu quả khu vực biên giới nơi không có các chốt kiểm soát cố định.

Các chỉ số về hoạt động khởi tố

Một số ít cơ quan hành pháp ban hành các chỉ số hệ thống đánh giá hoạt động của các cơ quan. Các chỉ số rõ nhất liên quan gồm:

- Số vụ trung bình trên một công tố viên;
- Số vụ kháng cáo trung bình trên một công tố viên;
- Số vụ hoàn tất một năm trên một công tố viên
- Số vụ đã được tiến hành khởi tố sau đó bị hoãn hoặc không được theo đuổi;
- Tỷ lệ số vụ trên một năm ở đó người vi phạm được bào chữa;
- Tỷ lệ số vụ thành án trong một năm;
- Tỷ lệ số vụ trên một năm dẫn đến kết án;
- Tỷ lệ số vụ bị kéo dài mà người vi phạm cuối cùng trắng án;
- Số vụ kết án sai trong một năm;
- Tỷ lệ số vụ bị chuyển hướng khác với quá trình khởi tố hình sự ban đầu;

- Chi phí trung bình một vụ bị khởi tố tính trên đơn vị thời gian nhất định, thường là một năm.³⁷⁰

Các chỉ số hoạt động tòa án

Đối với tòa án hình sự, các chỉ số đánh giá hoạt động gồm:

- Số vụ trung bình trên một thẩm phán;
- Thời gian kéo dài trung bình để kết thúc một án hình sự;
- Số vụ trung bình thành án trong một năm;
- Số vụ trung bình thành án trên một thẩm phán;
- Thời gian trung bình của một vụ án và chi phí trung bình.³⁷¹

Công cụ V.14 Các chỉ số hoạt động

- Các mục tiêu hoạt động, nếu có thì các mục tiêu này có được xác định trong hành động của các cơ quan chính phủ trong lĩnh vực lâm nghiệp và động vật hoang dã. Mục tiêu cụ thể đối với cơ quan hành pháp, tư pháp và xét xử?
- Các chỉ số hoạt động nào được sử dụng để đo các hoạt động của các cơ quan liên quan?
- Ai thực hiện đánh giá mức độ hoạt động dựa trên các chỉ số đó? Các kết quả có được thông báo lại cho từng đơn vị không?
- Các chỉ số hoạt động có được thường xuyên xem xét, cập nhật không?

5. Nghiên cứu phân tích

Một trong các chướng ngại chính trong chống tội phạm lâm nghiệp và động, thực vật hoang dã là do thiếu các nghiên cứu sâu, có hệ thống về nguyên nhân, khái niệm, bản chất và đặc điểm của hiện tượng này. Ngày nay, các báo cáo của các cơ quan chính phủ, các tổ chức quốc tế và tổ chức phi chính phủ vẫn chứa nhiều thông tin về chủ đề nghiên cứu, nhưng rất ít phân tích dựa trên cơ sở khoa học.³⁷²

Nghiên cứu phân tích là công việc cơ bản để hiểu được các vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp và động, thực vật hoang dã nhằm chỉ ra chức năng của thị trường trái phép nội địa, khu vực và toàn cầu về động, thực vật hoang dã để xác định các biện pháp quản lý nó. Chỉ có dựa trên kiến thức đúng các cơ quan chính phủ mới có thể được khuyến khích và có trách nhiệm triển khai hoạt động dựa trên bằng chứng mà dẫn đến cảnh báo các biến động mạnh mẽ đối với các vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp và động vật, thực vật hoang dã.

³⁷⁰ Ibid

³⁷¹ Ibid

³⁷² Cf. Jacqueline L. Schneider, “Giảm thương mại bất hợp pháp về các loài hoang dã nguy cấp”, tr 274-281.

4.1 Nghiên cứu độc lập và học thuật

Nghiên cứu học thuật độc lập là một bước sống còn để hiểu được bản chất các vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp và động, thực vật hoang dã. Việc này có thể hỗ trợ trong phân tích các chính sách, pháp luật, hành chính và các biện pháp thực thi pháp luật của chính quyền đã có và đã được đề xuất và xây dựng các khuyến nghị về cải cách luật và thay đổi chính sách. Một xu hướng là ngày càng nhiều viện, trường, cá nhân và các chuyên gia nghiên cứu quan tâm đến việc nghiên cứu nhiều mặt và khía cạnh của các vi phạm trong lĩnh vực này và cung cấp các kết quả cho các đối tượng quan tâm cũng như công chúng. Nghiên cứu cũng có thể cung cấp tính pháp lý cao cho các cơ quan liên quan của chính quyền. Trong khi một số chính phủ hỗ trợ tích cực cho các nghiên cứu phân biện và độc lập trong lĩnh vực này, các chính phủ khác ít mở hơn và không hợp tác với các nhà nghiên cứu học thuật do lo ngại hệ thống chính sách, pháp luật và hành chính của họ có thể bị chỉ trích. Thái độ này trực tiếp và gián tiếp có lợi cho những người vướng vào các vi phạm về lâm nghiệp và động, thực vật hoang dã và ngăn cản các nỗ lực quốc tế và trong nước để ngăn chặn buôn bán trái phép động, thực vật hoang dã.

Công cụ V.15 Nghiên cứu độc lập và học thuật

- Các nghiên cứu độc lập nào về phương diện các vi phạm về lâm nghiệp và động vật, thực vật hoang dã đã được triển khai. Các phương diện nào đã được nghiên cứu và ai tiến hành.
- Các phát hiện chủ yếu và các kết quả nghiên cứu từ các phân tích liên quan?
- Các phản hồi của các cơ quan chính phủ liên quan đối với các nghiên cứu học thuật độc lập về các vi phạm về rừng và động, thực vật hoang dã?
- Các hệ thống có được đặt ra để đánh giá và sử dụng thông tin từ các nghiên cứu các viện và từ các NGO nhằm xây dựng chính sách, xây dựng luật và thực thi luật?

4.2 Các khảo sát chẩn đoán

Các khảo sát chẩn đoán về các hoạt động trái phép có thể là một công cụ hiệu quả để ước tính mức độ và các thủ tục tuyển dụng nhằm cam kết và chống các vi phạm và sự thúc đẩy của người vi phạm và cán bộ thực thi. Các khảo sát này có thể được nhằm vào cộng đồng, công chức chính quyền, hoạt động thương mại và các nhân tố chính trong lĩnh vực này. Thêm vào đó, họ có thể cung cấp một cơ sở hữu dụng để thiết kế các hoạt động sửa chữa. Các khảo sát này là rất hữu ích nếu chúng tập trung vào một số các nhân tố khác nhau nhằm kiểm tra chéo các thông tin có được. Ngược với giả thiết ban đầu, kinh nghiệm chỉ ra rằng các đối tượng khảo sát có thể khá trung thực và cung cấp nhiều thông tin. Khảo sát chẩn đoán đã cho lên hữu ích trong nhận thông tin về các hoạt động bí mật nhất, như “rửa” gỗ và động vật hoang dã, tiền dút lót và các thủ tục cụ thể được dùng để lách luật. Các khảo sát có thể tập trung vào các biện pháp và nội dung của hoạt động bất hợp pháp (kể cả chính sách thất bại) mà thúc đẩy chúng hoặc các hoạt động điều tra cụ thể hoặc các nhân tố.³⁷³

Khảo sát chẩn đoán đòi hỏi được thiết kế cẩn thận để đảm bảo mục tiêu và giá trị thống kê chính xác, từ đó có độ tin cậy cao trong kết quả phân tích cuối cùng. Các khảo sát cũng cần phải được tiến hành theo cách đối tượng khảo sát được đảm bảo sự tin tưởng trong các phản hồi. Đối tượng mời tham gia là các nhà khảo sát độc lập có uy tín là một trong các điều kiện quan trọng đảm bảo

³⁷³ FAO và ITO, Ví dụ tốt nhất về cải thiện việc tuân thủ luật pháp, tr 78.

mục tiêu và mức độ tin cậy.³⁷⁴Các khảo sát chẩn đoán cần được thực hiện mở hơn, nhưng sau đó bản chất là khác biệt. Ví dụ, khung công việc được Ngân hàng thế giới xây dựng trong chương trình lâm nghiệp và Tổ chức nông lương liên hợp quốc dựa vào một quá trình minh bạch của nhiều bên tham gia.³⁷⁵

Công cụ V.16 Khảo sát chẩn đoán

- Có các khảo sát chẩn đoán liên quan đến các vi phạm về lâm nghiệp và động, thực vật hoang dã được thực hiện không?
- Ai được ủy quyền và ai thực hiện các khảo sát này?
- Kết quả phát hiện chính của các khảo sát là gì? Các cơ quan liên quan phản hồi thế nào với các kết quả này?

4.3 Phổ biến

Một điểm liên quan đến phổ biến và công bố dữ liệu liên quan, nghiên cứu và các thông tin khác, ở nhiều quốc gia và các cơ quan đơn lẻ, một lượng lớn “kho lưu giữ” hoặc thông tin về sự tồn tại các vi phạm liên quan đến lâm nghiệp và động, thực vật hoang dã, nhưng các thông tin không được thường xuyên công bố rộng rãi. Về khía cạnh nào đó, các cơ quan có thể không có đủ năng lực, nguồn lực để thường xuyên công bố thông tin rộng rãi, trong khi nhiều nơi có văn hóa giữ bí mật, im lặng và chôn các nghi ngờ trong chia sẻ thông tin và chuyên gia. Tuy nhiên việc minh bạch hơn và công tác truyền thông là các công cụ quan trọng chống và ngăn chặn các vi phạm trong lĩnh vực hiệu quả hơn. Điều quan trọng là tất cả các bên liên qua cần phải có đối thoại mở và công khai thông tin, việc này hỗ trợ các cơ quan khác nỗ lực hơn trong ngăn chặn hiện tượng vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp.

Công cụ V.17 Phổ biến thông tin

- Các cơ quan chính phủ liên quan công bố, phổ biến và đưa thông tin, cơ sở dữ liệu liên quan đến các vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp như thế nào?
- Loại thông tin được công bố? loại thông tin nào được phân loại và chỉ công bố trong các cơ quan thực thi luật trong nước hoặc quốc tế?
- Các thông tin liên quan có được công bố trên mạng trực tuyến, hoặc có được đưa vào báo cáo hàng năm, báo cáo định kỳ?

³⁷⁴ Ibid

³⁷⁵ Xem mô tả về khung này tại phần 4, mục 2.1.

Danh mục. Danh sách các công cụ

Phần 1. Luật pháp

1. CITES
2. Điều kiện giới hạn trong CITES
- 3 Công ước chống Tội phạm Có tổ chức xuyên Quốc gia của Liên Hợp quốc
4. Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng
5. Công ước về Đa dạng sinh học
6. Công ước về bảo vệ Di sản văn hóa và di sản
7. Các hiệp định song phương
8. Pháp luật trong nước về loài hoang dã
9. Luật lâm nghiệp trong nước
10. Thực thi CITES trong nước
11. Cơ quan quản lý CITES
12. Hợp tác giữa Cơ quan Quản lý và Cơ quan Hải quan
13. Bảo vệ các loài nằm ngoài của Công ước CITES
14. Bằng chứng về các yếu tố phạm lỗi chủ quan
15. Mở rộng trách nhiệm hình sự
16. Trách nhiệm của pháp nhân
17. Chặt và khai thác gỗ bất hợp pháp
18. Sản xuất bất hợp pháp (sản xuất)
19. Chế biến bất hợp pháp các nguyên liệu động và thực vật
20. Buôn lậu, thương mại, bán hàng và cung cấp
21. Các vi phạm trong xuất nhập khẩu
22. Tội phạm liên quan
23. Các hình phạt áp dụng cho vi phạm về rừng và các loài hoang dã
24. Gian lận giấy tờ và các vi phạm liên quan
25. Tội rửa tiền
26. 40 khuyến nghị FATF
27. Báo cáo các giao dịch đáng ngờ
28. Tội tham nhũng và hối lộ
29. Trốn thuế và không nộp phí, lệ phí khác
30. Tham gia vào tổ chức tội phạm
31. Các tiến trình FLEG khu vực
32. Hệ thống thực thi pháp luật về loài hoang dã trong khu vực
33. Hệ thống và các chương trình chứng nhận, tiêu chuẩn riêng và tự nguyện

Phần 2. Thực thi

1. Cơ cấu thực thi pháp luật
2. Thẩm quyền thực thi
3. Cơ sở pháp lý quy định thẩm quyền thực thi
4. Quản lý hoạt động điều tra
5. Cơ quan Quản lý CITES
6. Giám sát của cộng đồng
7. Đối tác
8. Nhân sự
9. Chế độ lương, thưởng
10. Tuyển dụng
11. Tập huấn: cách thức tổ chức
12. Tập huấn: nội dung
13. Thu thập thông tin tình báo
14. Kỹ thuật điều tra bí mật
15. Điều tra theo dấu vết
16. Người cung cấp thông tin
17. Các trạm tuần tra và kiểm soát
18. Chủ động điều tra
19. Cơ sở quy định thẩm quyền thực thi
20. Các loại hình thẩm quyền thực thi
21. Thực hiện thẩm quyền thực thi
22. Cơ sở và thiết bị thực thi
23. Báo cáo tội phạm
24. Thu thập thông tin và bằng chứng
25. Hiện trường tội phạm động vật hoang dã và tài nguyên rừng
26. Nhận diện loài
27. Phỏng vấn
28. Bảo vệ nhân chứng và nạn nhân
29. Giám định pháp y và điều tra hiện trường
30. Điều tra tài chính
31. Kiểm soát tại biên giới và kiểm soát hải quan
32. Hợp tác giữa Hải quan và Cơ quan Quản lý CITES
33. ENVIRONET
34. Mạng lưới Thực thi Hải quan-WCO

35. Khung Hợp tác quốc tế
36. INTERPOL
37. Thư sinh thái (eco-message)
38. Thủ tục về hợp tác quốc tế
39. Hỗ trợ quốc tế và hỗ trợ vùng
40. Các nhà tài trợ song phương và đa phương
41. Điều phối nhà tài trợ
42. Trách nhiệm giải trình và tính liêm khiết
43. Tham nhũng và hối lộ

Phần ba. Tư pháp và Truy tố

1. Tư pháp: khung pháp lý
2. Hệ thống toà án hình sự
3. Tính độc lập của tư pháp
4. Tư pháp: nhân sự và chế độ lương, thưởng
5. Tuyển dụng và đào tạo thẩm phán
6. Tư pháp: cơ sở và thiết bị làm việc
7. Hồ sơ và biên bản toà án
8. Trách nhiệm giải trình và tính liêm khiết của toà án
9. Cơ sở pháp lý quy định thẩm quyền truy tố
10. Truy tố: cơ cấu tổ chức và phân cấp thẩm quyền
11. Đối tác giữa cơ quan thực thi pháp luật và cơ quan truy tố
12. Vai trò của công tố viên
13. Hoạt động và khối lượng công việc của công tố viên
14. Công tố: nhân sự và chế độ lương, thưởng
15. Tuyển dụng và đào tạo công tố viên
16. Công tố: cơ sở vật chất và thiết bị làm việc
17. Trách nhiệm giải trình và tính liêm khiết của công tố viên
18. Dẫn độ
19. Tương trợ tư pháp
20. Thư thẩm tra
21. Mô hình hợp tác quốc tế
22. Tịch thu tài sản
23. Chuyển giao thủ tục hình sự
24. Chuyển giao đối tượng bị kết án

25. Kết án
26. Trừng phạt
27. Đền bù
28. Đền bù và các biện pháp phục hồi hậu quả

Chương bốn. Động cơ và Phòng ngừa

1. Các bên tham gia chuỗi cung ứng
2. Cộng đồng địa phương và người dân bản địa
3. Các nhóm mới nổi
4. Cảnh sát và quân đội
5. Kiểm lâm và cảnh sát giao thông
6. Đối tượng sử dụng vì mục đích thương mại
7. Tự cung tự cấp
8. Tạo thu nhập
9. Thương mại, buôn bán và thị trường
10. Giải trí và du lịch
11. Văn hoá và truyền thống
12. Xung đột về sử dụng đất đai của cộng đồng
13. Thay đổi độ che phủ của đất
14. Chăn nuôi và canh tác nông nghiệp
15. Săn bắn và giết hại không chủ ý
16. Quản lý động vật hoang dã và tài nguyên rừng
17. Thể chế và trách nhiệm
18. Lập kế hoạch quản lý động vật hoang dã và tài nguyên rừng
19. Khung pháp lý và chính sách
20. Kiểm kê tài nguyên thiên nhiên
21. Khu bảo tồn
22. Hệ thống và cơ chế cấp chứng chỉ
23. Quyền cho thuê đất và các quyền liên quan đến tài sản
24. Tiếp cận
25. An ninh
26. Xoá đói giảm nghèo
27. Sự tham gia của cộng đồng địa phương
28. Thương mại và thị trường hợp pháp
29. Nâng cao nhận thức

Chương năm. Dữ liệu và Phân tích Dữ liệu

1. Dữ liệu tội phạm
2. Tội phạm chưa thống kê
3. Dữ liệu kết quả thực thi pháp luật của cảnh sát
4. Dữ liệu của hải quan
5. Dữ liệu và kết quả truy tố
6. Dữ liệu và kết quả xét xử của toà án
7. Báo cáo CITES
8. Đánh giá và giám sát tài nguyên
9. Dữ liệu về kinh tế
10. Dữ liệu cơ sở về động vật hoang dã và tài nguyên rừng
11. Dữ liệu tịch thu theo Mạng lưới Thực thi Hải quan- WCO
12. EU-TWIX
13. Cảnh báo của CITES
14. Chỉ số hoạt động
15. Nghiên cứu độc lập và học thuật
16. Điều tra phân tích
17. Công bố thông tin

Danh mục tài liệu

Abt Associates. Khai thác gỗ trái phép: phân tích dựa trên thị trường về các hoạt động buôn lậu gỗ khai thác trái phép, báo cáo cuối cùng nộp lên Viên Tư pháp Quốc gia. Washington, DC, 2006.

Alacs, Erika và Arthur Georges. Động vật hoang dã xuyên biên giới: đánh giá buôn bán trái phép loài hoang dã ở Australia. *Tạp chí Khoa học Giám định Pháp y Australia*. Tập 40, Số 2 (Tháng 12/2008).

Bahuchert, Serge. Lịch sử dân cư ở vùng rừng mưa Trung Phi: quan điểm từ ngôn ngữ học so sánh. Tại: *Rừng Nhiệt đới: Con người và Lương thực: Giao thoa giữa Sinh học và Văn hoá và Ứng dụng đối với sự phát triển*, Claude M. Hladik và những người khác, bản sửa Pearl River, New York: Nhà xuất bản Parthenon, 1993.

Bartel, Robyn L. Khi ánh mắt trên thiên đường bị tội phạm hóa: giám sát vệ tinh, quy định giải phóng mặt bằng và mối quan hệ giữa con người và tự nhiên. *Các vấn đề hiện nay về Luật Hình sự*, Tập 16, Số 3 (tháng 3 năm 2005), tr322-339.

Bates, Gerry. *Luật Môi trường ở Australia*, bản sửa thứ 6, Sydney: Lexis Nexis, 2006.

Bennett, Elizabeth L. Is Có mối liên hệ nào giữa thị thú rừng và an ninh lương thực?? *Sinh học Bảo tồn*, Tập 16, Số 3 (6/2002), tr 590-592.

Birnie, Patricia W. và Alan E. Boyle. *Luật quốc tế và môi trường*, bản sửa thứ 2, New York: Oxford University Press, 2002.

Blakesley, Christopher L. hệ thống tư pháp hình sự phải đối mặt với thách thức trong vấn đề tội phạm có tổ chức. *Tạp chí Luật Hình sự*, Tập 69 (1999), tr 69-100.

Blundell, Arthur G. Các dòng tài chính tiếp liệu cho chiến tranh. Trong *Rừng, mong manh và xung đột: Tổng quan và nghiên cứu trường hợp*, Chương trình rừng. Washington, DC: Ngân hàng Thế giới, 2010.

Boer, Ben, Ross Ramsay và Donald Rothwell. *Luật Môi trường quốc tế khu vực Châu Á Thái Bình Dương*. London: Kluwer Law International, 1998.

Bowen-Jones, Evan, D. Brown và E.J.Z. Robinson. Hàng hóa kinh tế hay khủng hoảng môi trường? Một cách tiếp cận đa ngành nhằm phân tích buôn bán thịt thú rừng khu vực Trung và Tây Phi, Tập 35, Số 4 (12/2003), tr 390-402.

Brack, Duncan. Khai thác gỗ trái phép và kinh doanh trái phép sản phẩm rừng và gỗ. *Tạp chí Lâm nghiệp Quốc tế*, Tập 5, Số 3 (2003), tr 195-198.

Brack, Duncan, Kevin Gray và Gavin Hayman. Kiểm soát thương mại quốc tế sản phẩm gỗ xẻ và gỗ khai thác bất hợp pháp, nghiên cứu chuẩn bị cho Bộ Phát triển Quốc tế, Vương quốc Anh, Viện Các vấn đề quốc tế Hoàng gia, 2/2002.

Broad, Steven, Teresa Mulliken và Dilys Roe. Bản chất và phạm vi thương mại trái phép các loài hoang dã. Trong *Thương mại các loài hoang dã: Quy định bảo tồn*, Sara Oldfield, bản sửa, London: Earthscan Publications, 2003.

Callister, Debra J. Tham nhũng và các hoạt động bất hợp pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp: Hiểu biết hiện tại và những ý nghĩa đối với Ngân hàng Thế giới, Tài liệu nền cho Chiến lược Rừng 2002. Washington, DC, 5/1999.

Castrén, Tuukka và Madhavi Pillai. *Quản trị rừng 2.0: Một đặc quyền về ICT và Quản trị*. Washington, DC: Chương trình rừng (PROFOR), 2011.

Chantler, Nicholas và Colin Thorne. Lập chính sách dựa trên việc điều tra: trong *Lập chính sách trong bối cảnh cụ thể*, Roderic Broadhurst và Sara E. Davies, bản sửa Melbourne: Oxford University Press, 2008.

Choo, Kim-Kwang Raymond. Các thách thức trong đối phó với những người tiếp xúc chính trị. *Xu hướng và các vấn đề trong tội phạm và luật hình sự*, Số 386. Canberra: Viện Hình sự Australia, 2010. Có tại

www.aic.gov.au/documents/D/3/6/%7BD36F2729-AFC4-48CC-8A3C-2C81FCDCE5A3%7Dtandi386.pdf (truy cập ngày 20 May 2010).

Clark, Roger S. Công ước Liên Hợp quốc chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia. *Tạp chí Luật Wayne* Tập 50 (2004), tr 161-184.

Colchester, Markus và những người khác. *Luật pháp trong lâm nghiệp: Sinh kế nông thôn và Thực thi luật lâm nghiệp*. Bogor, Indonesia: Trung tâm Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR), 2006.

Contreras-Hermosilla, Arnoldo. Tuân thủ luật trong lĩnh vực lâm nghiệp: một tổng quan. Tài liệu làm việc của Viện Ngân hàng Thế giới, Washington, DC: Ngân hàng Thế giới, 2002. Có tại <http://siteresources.worldbank.org/WBI/Resources/wbi37205.pdf>.

Ban Thư ký Công ước về Thương mại quốc tế các loài động thực vật hoang dã nguy cấp. Interactive training course for enforcement officers và information module for prosecutors và the judiciary, CD-ROM, Geneva, 2008.

Ban Thư ký Công ước về Thương mại quốc tế các loài động thực vật hoang dã nguy cấp. *Mô hình Luật về Thương mại quốc tế các loài động thực vật hoang dã*, Geneva (n.d.).

Ban Thư ký Công ước về Thương mại quốc tế các loài động thực vật hoang dã nguy cấp. Luật pháp quốc gia thực hiện công ước, cuộc họp lần thứ 15 của Hội nghị các bên, Doha, 3/2010.

Ban Thư ký Công ước về Thương mại quốc tế các loài động thực vật hoang dã nguy cấp. Thông báo cho các bên tham gia: Đội đặc nhiệm Thực thi CITES Hồ, Số 2001/047, 9/7/2001.

Cooper, John E., Margaret E. Cooper và Paul Budgen. Điều tra hiện trường tội phạm các loài hoang dã: kỹ thuật, công cụ và công nghệ. *Nghiên cứu các loài nguy cấp*, 2009.

de Klemm, Cyrille. Hướng dẫn lập pháp thực hiện CITES, Tạp chí Luật và Chính sách Môi trường IUCN, Số 26. Gland, Switzerland và Cambridge, Vương quốc Anh: Hiệp hội quốc tế bảo tồn thiên nhiên (IUCN), 1993.

Drew, Jacqueline M. và Lorraine Mazerolle. Các kỹ nguyên lập chính sách. Trong *Lập chính sách trong bối cảnh cụ thể*, Roderic Broadhurst và Sara E. Davies, bản sửa Melbourne: Oxford University Press, 2008.

Dudley, Nigel, bản sửa, *Hướng dẫn Áp dụng các Hạng mục Quản lý Vùng bảo vệ*. Gland, Thụy Sĩ: Hiệp hội quốc tế bảo tồn thiên nhiên (IUCN), 2008.

Dykstra, Dennis P. và những người khác. Công nghệ theo dõi gỗ: xác minh và giám sát chuỗi hành trình sản phẩm và tuân thủ pháp luật trong ngành công nghiệp gỗ, Bộ Môi trường và Phát triển Xã hội, khu vực Đông Nam Á và Thái Bình Dương, Tài liệu trao đổi, Washington, DC, 2003.

Đông Phi. Nhiên liệu cho các nhóm quân đội săn bắn trộm tại Đông Phi. 14/10/2010. Có tại www.theeastafrican.co.ke/news/-/2558/1033020/-/onjxouz/-/index.html.

Cơ quan điều tra môi trường. *Đấu tranh chống buôn lậu ngà voi*, DVD, 7/2008.

Ủy ban Châu Âu. Thực thi Luật Lâm nghiệp, Quản trị và thương mại: Hiệp định Đối tác tự nguyện, Ghi chú tóm tắt FLEGT, Số 6, 2007. Có tại http://ec.europa.eu/development/icenter/repository/B2_Flegt_Br6_2007_en.pdf.

Viện Lâm nghiệp Châu Âu, Đội FLEGT. *Thực thi Luật Lâm nghiệp, Quản trị và Thương mại: Cách tiếp cận của Liên minh châu Âu*, Giới thiệu tóm tắt chính sách EFI, Số 2. Helsinki: Viện Lâm nghiệp Châu Âu, 2008. Có tại www.efi.int/files/attachments/publications/efi_policy_brief_2_eng_net.pdf.

Viện Lâm nghiệp Châu Âu, Quỹ FLEGT EU. *Hiệp định Đối tác tự nguyện là gì? Cách tiếp cận của Liên minh châu Âu*, Tóm tắt chính sách EFI, Số 3. Helsinki: Viện Lâm nghiệp Châu Âu, 2009. Có tại www.efi.int/files/attachments/publications/efi_policy_brief_3_eng_net.pdf và www.euflegt.efi.int/portal/home/vpa_countries/.

Đạo đức môi trường. Thịt thú rừng và đa dạng sinh học, 3/2010. Có tại www.environmentalethics.posterous.com/wild-meat-and-biodiversity.

Favre, David S. *Buôn bán quốc tế các loài nguy cấp: Hướng dẫn của Công ước CITES*. Dordrecht, Hà Lan: Martinus Nijhoff Publishers, 1989.

Nhóm đặc nhiệm Tài chính (FATF). *AML/CTF Cẩm nang dành cho các nước và Hội thẩm viên*. Paris: Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế, 2009. Có tại www.fatf-gafi.org/dataoecd/7/42/38896285.pdf (truy cập ngày 30/3/2010).

Nhóm đặc nhiệm Tài chính (FATF). *Báo cáo hàng năm của Nhóm đặc nhiệm Tài chính 2008-2009*, 2009.

Nhóm đặc nhiệm Tài chính (FATF). *Tiêu chuẩn FATF: khuyến nghị đặc biệt FATF IX*. Paris, 2001. Có tại www.fatf-gafi.org/dataoecd/8/17/34849466.pdf (truy cập ngày 20/3/2010).

Nhóm đặc nhiệm Tài chính (FATF). *Tiêu chuẩn FATF: 40 khuyến nghị FATF*. Paris, 2003. Có tại <http://www.fatf-gafi.org/dataoecd/7/40/34849567.PDF> (truy cập ngày 30/3/2010).

Findlay, Mark. *Giới thiệu lập chính sách: Những thách thức đối với cảnh sát và cộng đồng Australia*. Melbourne: Oxford University Press, 2004.

Tổ chức Nông lương Liên Hợp quốc (FAO) và Tổ chức Gỗ Nhiệt đới Quốc tế (ITTO). *Ví dụ tốt nhất về cải thiện tuân thủ pháp luật trong ngành Lâm nghiệp*, Văn kiện Lâm nghiệp FAO, Số 145. Rome: FAO, 2005.

Global Witness. *Một hướng dẫn Giám sát Rừng Độc lập*. London, 2005. Có tại www.globalwitness.org/pages/en/ifm.html (truy cập ngày 28/4/2010).

Harwell, Emily, Douglas Farah và Arthur G. Blundell. *Rừng, mong manh và xung đột: Tổng quan và nghiên cứu trường hợp*. Washington DC: Chương trình Rừng (PROFOR), 2011.

Hill, Peter B.E. *Mafia Nhật: Yakuza, Luật và Nhà nước*. Oxford: Oxford University Press, 2003.

Hiệp hội công tố viên quốc tế: Tiêu chuẩn trách nhiệm chuyên môn và báo cáo của các nhiệm vụ và quyền lợi cần thiết của các công tố viên. 4/1999, có tại www.iap-association.org/ressources/Standards_English.pdf (truy cập ngày 4/3/2010).

Tổ chức cảnh sát hình sự quốc tế (INTERPOL). *Chương trình tội phạm môi trường: Kế hoạch Chiến lược 2009-2010*. Lyon, Pháp, 2009.

INTERPOL và ban thư ký CITES. *Tài liệu kết quả đầu ra có kiểm soát: Một kỹ thuật điều tra tội phạm các loài hoang dã*. Lyon, Pháp và Geneva, 2007.

INTERPOL và ban thư ký CITES, Tổ công tác tội phạm các loài hoang dã. *Hướng dẫn thực hiện sử dụng thẩm quyền quản lý CITES trong việc hợp tác với Tổ chức cảnh sát hình sự quốc tế (INTERPOL)*. Lyon, Pháp và Geneva: INTERPOL và ban thư ký CITES, 2005. (Cung cấp theo yêu cầu tại email environmentalcrime@interpol.int)

Kazmar, Jonathan P. Buôn bán động vật và thực vật bất hợp pháp: diệt chủng sinh học? *Đại học California Davis Tạp chí Luật và Chính sách quốc tế* (Winter 2000) tr105-129.

Kishor, Nalin và Richard Damania. Tội ác và công lý trong Vườn Eden: Cải thiện việc quản trị và giảm tham nhũng trong lĩnh vực lâm nghiệp. Trong *Tham nhũng có nhiều bộ mặt: Theo dõi các lỗ hổng ở cấp độ ngành*, J. Edgardo Campos và Sanjay Pradhan, bản sửa, Washington, DC: Ngân hàng Thế giới, 2007.

Kwasniak, Arlene. Thực thi pháp luật về các loài hoang dã. Dự án Luật các loài hoang dã Canada, Bài viết số 2. Calgary, Canada: Viện Luật Nguồn Canada, 2006.

Linacre, Adrian. Bản chất tội phạm các loài hoang dã, Quá trình điều tra và khoa học. Trong *Khoa học pháp y trong Điều tra các loài hoang dã*, Adrian Linacre, bản sửa, Boca Raton, Florida: CRC Press, 2009.

Magrath, William B., Richard L. Grandalski, Gerald L. Stuckey, Garry B. Vikanes và Graham R. Wilkinson. *Phòng chống trộm gỗ—Giới thiệu về bảo mật đối với các nhà quản lý rừng*. Tài liệu làm việc về phát triển bền vững Châu Á Thái Bình Dương. Washington, DC: Ngân hàng Thế giới, 2007.

McClellan, David. *Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia: Một bình luận về Công ước và các Nghị định thư của Liên Hợp quốc*. Oxford: Oxford University Press, 2007.

Michalowski, Raymond và Kevin Bitten. Tội phạm môi trường xuyên quốc gia. Trong *Sổ tay Tội phạm xuyên biên giới và công lý*, Philip Reichel, bản sửa, Thousand Oaks, California: Sage Publications, 2005.

Moyle, Brendan. Thị trường đen các sản phẩm hổ Châu Á. *Tội phạm toàn cầu*, Tập 10, Số 1 và 2 (Tháng 3 năm 2009), tr 124-143.

Mushkat, Roda. Luật Môi trường quốc tế khu vực Châu Á-Thái Bình Dương: những diễn biến gần đây. *Tạp chí Luật quốc tế Tây California*, Tập 20(1989), tr 21-40.

Oldfield, Sara, bản sửa, *Thương mại các loài hoang dã: Quy định về Bảo tồn*. London: Earthscan Publications, 2003.

Pearce, Freds., Khoảng trống protein. *Bảo tồn trong thực tiễn*, Tập 6, Số 3 (Tháng 7 2005), tr 117-123.

Chương trình rừng. *Rừng, Mong manh và Xung đột: Tổng quan và Nghiên cứu tình huống*. Washington, DC: Ngân hàng Thế giới, 2010.

Chương trình về Rừng và Tổ chức Nông Lương của Liên Hợp quốc. *Khung đánh giá và Giám sát Quản trị Rừng*. Rome: FAO, 2011.

Puustjärvi, Esa. *Đề xuất Loại hình học khai thác gỗ bất hợp pháp*. Helsinki: Savcor Indufor Oy, 2008. Có tại <http://siteresources.worldbank.org/EXTFORESTS/Resources/985784-1217874560960/ProposalTypology.pdf> (truy cập ngày 6 April 2010).

Rainforest Alliance. Xác minh tính hợp pháp của gỗ. Có tại www.rainforest-alliance.org/forestry/verification/legal.

Reeve, Rosalind. *Lập chính sách về Thương mại Quốc tế đối với các loài nguy cấp: Công ước CITES và sự tuân thủ*. London: Viện các vấn đề quốc tế Hoàng gia, 2002.

Savcor Indufor Oy. Bảo đảm tính bền vững rừng và sinh kế thông qua cải thiện quản trị và kiểm soát khai thác gỗ bất hợp pháp đối với các nền kinh tế đang chuyển đổi, Tài liệu làm việc: Serbia, trình Ngân hàng Thế giới. Helsinki: Ngân hàng Thế giới, 2005.

Scherr, Sara J., Andy White và David Kaimowitz. *Một chương trình nghị sự mới cho Bảo tồn rừng và Giảm nghèo: Giúp các thị trường rừng cho các nhà sản xuất có thu nhập thấp*. Washington, DC: Xu hướng rừng, 2003.

Schloenhardt, Andreas. *Palermo ở Thái Bình Dương: Tội phạm có tổ chức trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương*. Leiden, Boston: Martinus Nijhoff, 2010

Schloenhardt, Andreas. Buôn bán trái phép gỗ và sản phẩm gỗ trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương, Loạt Nghiên cứu và Chính sách công, Số 89, Canberra: Viện Tội phạm học Australia, 2008.

Schneider, Jacqueline L. Giảm buôn lậu các loài hoang dã nguy cấp: Cách tiếp cận giảm thị trường. *Tạp chí Công lý Tội phạm thời đại mới*, Tập 24, Số 3 (2008), tr 274-295.

Sellar, John M. Thương mại bất hợp pháp và Công ước về Buôn bán quốc tế đối với các loài động vật và thực vật hoang dã (CITES). Trong *Khoa học pháp y trong Điều tra các loài hoang dã*, Adrian Linacre, bản sửa, Boca Raton, Florida: CRC Press, 2009.

Setiono, Bambang và Yunus Husein. Chống tội phạm rừng và thúc đẩy giao dịch ngân hàng thận trọng trong quản lý rừng bền vững: cách tiếp cận chống rửa tiền, Văn kiện đặc biệt CIFOR, Số 44. Bogor, Indonesia: Trung tâm Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế. Có tại www.cifor.cgiar.org/Knowledge/Publications/Detail?pid=1881 (truy cập ngày 22 April 2010).

Stewart, Gwyneth G. Vấn đề thực thi luật trong công ước các loài nguy cấp: Các hạn chế trong điều luật hạn chế. *Tạp chí Luật Quốc tế Cornell*, Tập 14, Số 3 (1981), tr 429-455.

Stobbs, Nigel. Quyền lực và nhiệm vụ của cảnh sát. Trong *Lập chính sách trong Bối cảnh cụ thể*, Roderic Broadhurst và Sara E. Davies, bản sửa Melbourne: Oxford University Press, 2008.

Theile, Stephanie. *Dấu chân đã mờ: Việc bắn giết và thương mại Báo tuyết*. Cambridge, Vương quốc Anh: TRAFFIC International, 2003.

Tomkins, Kevin. Thực thi luật cảnh sát và môi trường. *Vấn đề hiện nay của luật Công lý tội phạm*, Tập 16, Số 3 (tháng 3 năm 2005), tr 294-306.

TRAFFIC. Động lực nào thúc đẩy thương mại các loài hoang dã? Một đánh giá ý kiến chuyên gia về động lực kinh tế và xã hội buôn bán các loài hoang dã và nỗ lực kiểm soát thương mại tại Cambodia, Indonesia, Lào và Việt Nam, Tài liệu Trao đổi về Phát triển bền vững Khu vực Châu Á Thái Bình Dương. Washington DC: Ngân hàng Thế giới, 2008.

Liên Hợp quốc. *Các công ước*, Tập 1037, Số 15511.

Liên Hợp quốc. *Các công ước*, Tập 1760, Số 30619.

Liên Hợp quốc. *Các công ước*, Tập 2225, Số 39574.

Liên Hợp quốc. *Các công ước*, Tập 2349, Số 42146.

Liên Hợp quốc, Hội đồng Kinh tế Xã hội. Kết quả cuộc họp thứ hai của Nhóm chuyên gia liên chính phủ nhằm chuẩn bị một nghiên cứu về gian lận và lạm dụng hình sự và sai lệch các nhận dạng, Báo cáo của Tổng thư ký. 2 tháng 4 năm 2007. E/CN.15/2007/8 và Bổ sung 1-3.

Liên Hợp quốc, Hội đồng Kinh tế Xã hội. Buôn bán bất hợp pháp các loài động và thực vật được bảo vệ và tiếp cận bất hợp pháp tới nguồn gen, báo cáo của Tổng thư ký. 4 tháng 3 năm 2003. E/CN.15/2003/8.

Chương trình Môi trường Liên Hợp quốc. *Sổ tay tuân thủ và thực thi các thỏa thuận môi trường đa phương*. 2006.

Văn phòng Ma túy và Tội phạm Liên Hợp quốc. *Bộ công cụ Đánh giá Luật Hình sự*. New York: Liên Hợp quốc, 2006. Có tại www.unodc.org/documents/justice-and-prison-reform/cjat_eng/CJAT_Toolkit_full_version.pdf (truy cập ngày 4 January 2010).

Văn phòng Ma túy và Tội phạm Liên Hợp quốc. *Chương trình chống tham nhũng: Bộ công cụ chống tham nhũng của Liên Hợp quốc*, bản sửa thứ 3, Vienna, 2004. Có tại www.unodc.org/corruption (được đánh giá vào ngày 4 tháng 9 năm 2009).

Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, Bộ Ngoại Giao, Lập thư thẩm tra. Có tại http://travel.state.gov/law/info/judicial/judicial_683.html (đã truy cập ngày 13 tháng 1 năm 2010).

Van Dam, Jinke và Herman Savenije. *Tăng cường thương mại gỗ hợp pháp: Hướng dẫn các sáng kiến*. Wageningen, Hà Lan: Tropenbos International, 2011.

Vasquez, Juan C. Compliance và các cơ chế thực thi công ước CITES. Trong *Thương mại các loài hoang dã: Quy chế bảo tồn*, Sara Oldfield, bản sửa, London: Earthscan Publications, 2003.

Watson, Alison. Cách tiếp cận đề xuất của New Zealand nhằm giải quyết khai thác gỗ bất hợp pháp và các hoạt động thương mại liên quan, MAF Tài liệu trao đổi, Số 2006/01. Wellington: Bộ Nông Lâm nghiệp, 2006.

White, Robert Douglas và Santina Perrone. *Tội phạm, Hình sự và Luật hình sự*. Melbourne: Oxford University Press, 2010.

Wit, Marieke và những người khác. Nhà máy gỗ xẻ: Hỗ trợ các thị trường địa phương – một phân tích. *Bản tin EFRN*, Số 52 (tháng 12 năm 2010).

Ngân hàng Thế giới. *Chiến lược Lâm nghiệp vùng Đông Á: Dự thảo để góp ý*. Washington, DC, 2006.

Ngân hàng Thế giới. *Tăng cường thực thi lâm luật và quản trị: giải quyết một trở ngại mang tính hệ thống để phát triển bền vững*, Báo cáo Số 36638-GLB. Washington, DC, 2006.

Ngân hàng Thế giới. *Lâm nghiệp bền vững: Một chiến lược phát triển*. Washington, DC, 2004.

Ngân hàng Thế giới. *Chống rửa tiền và tài trợ cho khủng bố: Một hướng dẫn đào tạo toàn diện*. Sổ tay công việc Phần 4: Xây dựng một Đơn vị tình báo tài chính hiệu quả. Washington, DC, 2009.

Tổ chức Hải quan thế giới.CEN: *Chia sẻ thông tin cho một mạng lưới hiệu quả hơn*. 2009. Có tại http://www.wcoomd.org/learning_customshome_valelearningoncustomsvaluation_epcustomsintelligence.htm (truy cập bị giới hạn)

Tổ chức Hải quan thế giới.*Khung tiêu chuẩn SAFE để bảo vệ và tạo thuận lợi cho thương mại toàn cầu*. 2007.

Quỹ Động vật Hoang dã Thế giới (WWF) và Ngân hàng Thế giới. *Công cụ Kiểm tra Hiệu quả quản lý: báo cáo tiến độ tại các khu vực được bảo vệ*, bản sửa lần 2, Gland, Switzerland: WWF International, 2007. Có tại assets.panda.org/downloads/mett2_final_version_july_2007.pdf (đã truy cập ngày 12 tháng 10 năm 2010).

Quỹ Động vật Hoang dã Thế giới và Liên minh Rừng Toàn cầu Ngân hàng Thế giới. *Hướng dẫn Đánh giá Chứng chỉ rừng (FCAG): Một khuôn khổ đánh giá Hệ thống/chương trình rừng đáng tin cậy*. 2006.

Zakharenka, Andrew và William B. Magrath. *Quản trị và chống tham nhũng các loại các loài hoang dã khu vực Đông Á và Thái Bình Dương*. Ngân hàng Thế giới (sắp xuất bản).

Zimmerman, Mara E. Thị trường chợ đen các loài hoang dã: Chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia trong thương mại các loài hoang dã bất hợp pháp. *Tạp chí Luật xuyên quốc gia*, Tập 36, Số 5 (2003), tr 1657-1689.